

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

SỞ VĂN HÓA TT& DL HƯNG YÊN
THƯ VIỆN TỈNH

BÁO CÁO KHOA HỌC KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Tên đề tài:

“NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT BỔ SUNG
DANH NHÂN TỈNH HUNG YÊN”

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI

(Ký, đóng dấu)

Đào Văn Quyến

Nguyễn Ngọc Long

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HƯNG YÊN

Hưng Yên, 2023

**UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**SỞ VĂN HÓA TT& DU LỊCH HƯNG YÊN
THƯ VIỆN TỈNH**

BÁO CÁO KHOA HỌC KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Tên đề tài:

**“NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT BỔ SUNG
DANH NHÂN TỈNH HƯNG YÊN”**

Cơ quan quản lý : Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên

Cơ quan chủ trì : Thư viện tỉnh Hưng Yên

Chủ nhiệm đề tài : Cử nhân Đào Văn Quyến

Thời gian thực hiện : 2022-2023

Hưng Yên, 2023

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| PHẦN MỞ ĐẦU..... | 4 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài..... | 4 |
| 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài..... | 5 |
| 3. Mục tiêu của đề tài:..... | 6 |
| 4. Nội dung nghiên cứu của đề tài:..... | 7 |
| 5. Phương pháp nghiên cứu..... | 7 |
| 6. Kết cấu của đề tài..... | 8 |
| PHẦN NỘI DUNG..... | 9 |
| CHƯƠNG I: XÂY DỰNG TIÊU CHÍ DANH NHÂN HUNG YÊN..... | 9 |
| I. Xây dựng tiêu chí và phân loại danh nhân..... | 9 |
| 1. Khái niệm danh nhân..... | 9 |
| 2. Tiêu chí danh nhân..... | 10 |
| 3. Phân loại danh nhân..... | 12 |
| II. Tiêu chí lựa chọn danh nhân và phân loại danh nhân Hưng Yên..... | 13 |
| 1. Tiêu chí lựa chọn danh nhân Hưng Yên..... | 13 |
| 2. Phân loại danh nhân Hưng Yên..... | 14 |
| 3. Yêu cầu về hình thức, bố cục biên soạn một danh nhân Hưng Yên..... | 20 |
| CHƯƠNG II: NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ TIÊU BIỂU ĐỀ XUẤT DANH NHÂN TỈNH HUNG YÊN..... | 21 |
| I. Công tác khảo sát thu thập tài liệu, thông tin hình ảnh nhân vật nghiên cứu, đánh giá nguồn tài liệu..... | 21 |
| 1. Thu thập tài liệu từ các cơ quan lưu trữ..... | 21 |
| 2. Thu thập tài liệu từ các gia đình, dòng họ..... | 21 |
| 3. Thu thập tài liệu tại các di tích..... | 22 |
| 4. Thu thập từ các nguồn khác..... | 23 |
| II. CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ TIÊU BIỂU ĐỀ XUẤT DANH NHÂN HUNG YÊN..... | 31 |
| 1. Danh nhân lĩnh vực chính trị - quân sự..... | 31 |
| 1.2.1..... | 35 |
| 2. Danh nhân lĩnh vực Giáo dục - khoa bảng..... | 126 |
| 3. Danh nhân lĩnh vực Văn hóa - nghệ thuật..... | 194 |
| 4. Danh nhân lĩnh vực Khoa học - kỹ thuật..... | 238 |
| 4.2.1..... | 239 |
| PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ..... | 248 |
| PHỤ LỤC..... | 251 |
| Phụ lục 1..... | 251 |
| Phụ lục 2..... | 254 |
| Phụ lục 3..... | 256 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 306 |

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

| | Họ và tên, học hàm học vị | Chức danh thực hiện đề tài | Đơn vị công tác |
|----|--------------------------------------|---------------------------------------|--|
| 1 | CN. Đào Văn Quyến | Chủ nhiệm đề tài | Giám đốc Thư viện tỉnh |
| 2 | TS. Lê Quang Chấn | Thành viên chính | Phó Viện trưởng Viện Sử học |
| 3 | TS. Vương Thị Hương | Thành viên chính | Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm |
| 4 | CN. Tăng Bá Hoàn | Thành viên chính | Chủ tịch Hội Sử học tỉnh Hải Dương, nguyên Giám đốc Bảo tàng Hải Dương |
| 5 | CN. Nguyễn Ngọc Long | Thành viên | Phó Giám đốc Thư viện tỉnh |
| 6 | CN. Hoàng Thanh Tú | Thư ký đề tài | Thư viện tỉnh |
| 7 | CN. Trần Thị Hà | Thành viên | Thư viện tỉnh |
| 8 | CN. Lê Xuân Tê | Thành viên | Thị xã Mỹ Hào |
| 9 | CN. Nguyễn Mạnh | Thành viên | Cử nhân Hán Nôm, Viên chức Bảo tàng tỉnh |
| 10 | Ths. Vũ Thị Hậu | Thành viên | Viên chức Thư viện tỉnh |
| 11 | CN. Cáp Thị Châm | Kế toán | Viên chức Thư viện tỉnh |

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | TỪ ĐẦY ĐỦ | TỪ VIẾT TẮT |
|-----|-----------------------------|-------------|
| 1. | Anh hùng lực lượng vũ trang | AHLLVT |
| 2. | Ban Chấp hành | BCH |
| 3. | Chủ nghĩa xã hội | CNXH |
| 4. | Công nghiệp hóa | CNH |
| 5. | Hiện đại hóa | HĐH |
| 6. | Ngân sách nhà nước | NSNN |
| 7. | Ủy ban nhân dân | UBND |

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nước Việt Nam trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước đã xuất hiện rất nhiều nhân vật kiệt xuất, có đóng góp quan trọng đối với đất nước trên mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, lịch sử, văn hóa, kinh tế, khoa học... Có nhiều nhân vật mang tầm ảnh hưởng không chỉ đối với Việt Nam mà cả thế giới. Tất cả họ đều thể hiện khí chất và truyền thống đoàn kết, yêu nước, thương nòi, hiếu học của dân tộc Việt Nam. Hòa cùng dòng chảy đó, ở thời đại nào, lĩnh vực nào Hưng Yên cũng đóng góp cho đất nước những người con ưu tú. Tên tuổi và công lao của họ đã và đang làm vẻ vang truyền thống yêu nước và hiếu học của dân tộc, làm phong phú nền văn hóa nước nhà, làm rạng danh quê hương xứ Nhãn.

Hiện nay, nhằm tôn vinh, tri ân danh nhân - những tâm gương sáng có nhiều đóng góp cho công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước, với mục tiêu bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, không chỉ ở cấp Quốc gia mà rất nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đã tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn và xuất bản các công trình về các danh nhân trên nhiều lĩnh vực. Tiêu biểu như các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình... Tại tỉnh Hưng Yên, từ năm 1996 đã có công trình nghiên cứu ***Danh nhân Hải Hưng***.

Năm 1998, cuốn sách “**Danh nhân Hưng Yên**” được xuất bản trên cơ sở công trình nghiên cứu, biên soạn của nhóm nghiên cứu đề tài khoa học “**Danh nhân Hải Hưng**” năm 1996, và được bổ sung thêm tư liệu, danh nhân của tỉnh Hưng Yên. Cuốn sách “**Danh nhân Hưng Yên**” được tái bản các năm 2006 và 2019. Sách giới thiệu 56 danh nhân của tỉnh Hưng Yên trên nhiều lĩnh vực khác nhau, được giới nghiên cứu, học giả và nhân dân Hưng Yên quan tâm, chào đón. Trong lần đầu nghiên cứu và công bố, do chưa tiếp cận được thông tin, tài liệu, cũng như việc tiếp cận thành tựu khoa học mới,... nên cuốn sách chưa hệ thống được một cách đầy đủ các danh nhân của tỉnh trong suốt chiều dài lịch sử.

Để tiếp tục giới thiệu đầy đủ hơn về danh nhân Hưng Yên tiêu biểu trong suốt quá trình lịch sử, từ thời đại Hùng Vương đến thời đại Hồ Chí Minh thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nhất là các chiến sĩ cách mạng tiền bối, các đồng chí giữ cương vị lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, tướng lĩnh Quân đội, Công an, các nhà hoạt động văn hoá, khoa học... rất cần thiết phải có một công trình khoa học tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX, với mục tiêu bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, ngày 22 tháng 10 năm 2020, Văn phòng Tỉnh ủy Hưng Yên có Công văn số 1037-CV/VPTU thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy Hưng Yên về việc nghiên cứu bổ sung danh sách danh nhân Hưng Yên. Công văn nêu rõ: “*Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng, xin ý kiến của các nhà khoa học về việc bổ sung danh sách danh nhân Hưng Yên, xác định rõ tiêu chí, đánh giá chính xác, toàn diện về từng cá nhân để đảm bảo chất lượng cuốn sách Danh nhân Hưng Yên*”.

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu đề xuất bổ sung danh nhân tỉnh Hưng Yên có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Công trình có ý nghĩa quan trọng nhằm làm nổi bật thành tích, công trạng của những người con ưu tú của quê hương đối với dân tộc, Tổ quốc và nhân dân; đồng thời giáo dục truyền thống yêu quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ, tri ân những đóng góp của thế hệ đi trước. Công trình cung cấp nguồn tư liệu phong phú, có độ tin cậy cao trong việc tìm hiểu, phổ biến kiến thức lịch sử, văn hóa khi tìm hiểu về mảnh đất và con người Hưng Yên. Công trình là cơ sở khoa học góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống của vùng đất Hưng Yên, qua đó có phương hướng và giải pháp bảo vệ, phát huy, làm cơ sở để đẩy mạnh xây dựng văn hóa, con người Hưng Yên, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, vùng đất Hưng Yên thời nào lĩnh vực nào cũng có người lập công xuất sắc, được sử sách ghi nhận, ca ngợi và truyền tụng. Tôn vinh danh nhân là truyền thống quý báu thể hiện sự tri ân với tiền nhân, tri ân công sức, trí tuệ của những nhân vật tiêu biểu. Hiện nay, nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đã nhiều công trình nghiên cứu về các danh nhân trên nhiều lĩnh vực, tiêu biểu như các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Quảng Bình.... Tại tỉnh Hưng Yên, từ năm 1996 đã có công trình nghiên cứu đề tài Danh nhân Hải Hưng và xuất bản thành sách: “Danh nhân Hưng Yên”. Tuy nhiên, chưa hệ thống đầy đủ danh nhân trên các lĩnh vực. Vì vậy, cần phải có một công trình nghiên cứu bổ sung để hệ thống được một cách đầy đủ các danh nhân của tỉnh trong suốt chiều dài lịch sử từ thời đại Hùng Vương đến thời đại Hồ Chí Minh thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Một số công trình nghiên cứu về danh nhân nói chung:
 - + *Danh nhân đất Việt*/ Văn Lang, Quỳnh Cư, Nguyễn Anh, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1993, 3 tập.
 - + *Danh nhân quân sự Việt Nam*/ Lê Minh Quốc, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, 316 trang.
 - + *Danh nhân Việt Nam*/ Nguyễn Phương Bảo An, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016, 204 trang.
 - + *Danh nhân quân sự Việt Nam - Những anh hùng áo vải*/ Dương Thị Bích Thảo, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2019, 188 trang.
 - + *Danh nhân Thái Bình*/ Sở Văn hóa Thông tin Thái Bình xuất bản, 1986, 264 trang.
 - + *Danh nhân Thăng Long - Hà Nội*/ Vũ Khiêu chủ trì, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 2010. – 1008 trang.
 - + *Danh nhân văn hóa Quảng Bình*/ Vinh Nguyên, Nguyễn Tú biên soạn, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1994, 136 trang.
- Một số công trình nghiên cứu có liên quan đến danh nhân Hưng Yên
 - + *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021, 287 trang
 - + *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075 – 1919)*, Thư viện tỉnh xb, Hưng Yên, 1999 .- 152 trang.
 - + *Danh nhân Hải Hưng*/ Nguyễn Phúc Lai, Nguyễn Đình Nhã, Tăng Bá Hoành...., Hội Văn học nghệ thuật - Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường Hải Hưng xb, Hải Hưng, 1996, 228 trang.
 - + *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hòa*/ Đào Quang Minh, Nguyễn Xuân Vũ, Nguyễn Quốc Khánh...., Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2022. – 320 trang.
 - + *Từ điển văn hóa Hưng Yên*/ Vũ Tiến Kỳ chủ biên, Dương Thị Cẩm, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2018. – 1331 trang

Khi thực hiện nghiên cứu, đề nghị bổ sung danh nhân tỉnh Hưng Yên, Ban Chủ nhiệm và nhóm nghiên cứu đã tham khảo, bổ sung tư liệu mới về các nhân vật.

3. Mục tiêu của đề tài:

- Nghiên cứu, rà soát, lập danh sách; điền dã, điều tra, khảo sát, nghiên cứu, sưu tầm tư liệu, hình ảnh nhằm cung cấp nguồn tài liệu chính thống về các nhân vật lịch sử tiêu biểu đề xuất bổ sung danh nhân tỉnh Hưng Yên.
- Xây dựng được bản thảo khoa học hoàn chỉnh cuốn sách “Danh nhân

Hung Yên” (có sửa đổi, bổ sung). Là cơ sở quan trọng để trình cấp có thẩm quyền quyết định, bổ sung danh sách danh nhân Hung Yên và cho tái bản, có bổ sung cuốn sách “**Danh nhân Hung Yên**”.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu*: Là những nhân vật lịch sử tiêu biểu quê Hưng Yên, xuất thân ở tỉnh Hưng Yên hoặc có quê quán nơi khác nhưng sự nghiệp có gắn bó mật thiết với Hưng Yên.

- *Phạm vi nghiên cứu*: Từ thời phong kiến cho đến thời hiện đại.

4. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

Theo nội dung Hợp đồng nghiên cứu khoa học số 79/HĐ-KHCN ngày 20/4/2022 giữa Sở Khoa học và Công nghệ và Thư viện tỉnh Hưng Yên.

- Nghiên cứu cách tiếp cận

Xây dựng chi tiết thuyết minh được duyệt; tổ chức Hội nghị triển khai; xây dựng dự thảo tiêu chí danh nhân Hưng Yên; phân loại danh nhân Hưng Yên; tổ chức Hội thảo khoa học về dự thảo tiêu chí danh nhân Hưng Yên; phân loại danh nhân Hưng Yên.

- Điều tra, khảo sát, sưu tầm tài liệu

Tổ chức sưu tầm, thu thập tài liệu, hình ảnh; dịch thuật một số tài liệu; tổng hợp phân tích, đánh giá, đối chiếu, so sánh các nguồn tài liệu; tổ chức học tập kinh nghiệm một số tỉnh bạn.

- Tổ chức nghiên cứu, biên soạn

Xây dựng các chuyên đề: Danh nhân lĩnh vực Chính trị - Quân sự; danh nhân lĩnh vực Giáo dục; danh nhân lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật; danh nhân lĩnh vực Khoa học - Kỹ thuật; nghiên cứu biên soạn về tiểu sử, sự nghiệp công trạng của các nhân vật; xây dựng bản thảo cuốn sách “Danh nhân tỉnh Hưng Yên”.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lịch sử và lô-gíc: Phương pháp nghiên cứu lịch sử nhằm làm rõ những vấn đề theo lịch đại và đồng đại, đối chiếu những sự kiện lịch sử theo tiến trình lịch sử Việt Nam và thế giới, nhằm đảm bảo tính khách quan, chân thực lịch sử. Phương pháp lô-gíc nhằm đảm bảo sự lô gic về thời gian, nội dung cũng như những vấn đề trong từng nội dung cụ thể. Hai phương pháp này bổ trợ cho nhau, nhằm đảm bảo sự khách quan, tin cậy, khoa học của vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp sử liệu học: Gồm thu thập những nguồn sử liệu thành văn, sử liệu truyền miệng, tranh ảnh, ghi âm, ghi hình... tại các cơ quan, đơn vị nhân vật đã từng công tác; các cơ quan lưu trữ, các cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương và địa phương; gia đình, dòng họ, cá nhân... qua đó, xử lý thông tin, xác minh độ tin cậy sử liệu.

- Phương pháp điều tra, xác minh, so sánh, đối chiếu tổng hợp tư liệu.
- Ngoài ra đề tài còn sử dụng phương pháp chuyên gia: Thuê các dịch giả biên dịch các văn bản tài liệu thành văn từ văn bia, tiếng nước ngoài sang tiếng Việt; hợp tác, trao đổi với một số chuyên gia của Trung ương và địa phương để đảm bảo tính lôgic, tính khoa học và thực tiễn của vấn đề được nghiên cứu.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, phục lục và tài liệu tham khảo, đề tài gồm 2 chương:

Chương 1: Xác định tiêu chí danh nhân Hưng Yên

- 1. Xây dựng tiêu chí và phân loại danh nhân*
- 2. Tiêu chí lựa chọn danh nhân và phân loại danh nhân Hưng Yên*

Chương 2: Nghiên cứu các nhân vật lịch sử tiêu biểu đề xuất danh nhân tỉnh Hưng Yên

- 1. Công tác khảo sát thu thập tài liệu, thông tin hình ảnh nhân vật nghiên cứu, đánh giá nguồn tài liệu*
- 2. Cuộc đời và sự nghiệp của các nhân vật tiêu biểu đề xuất danh nhân Hưng Yên.*

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I: XÂY DỰNG TIÊU CHÍ DANH NHÂN HUNG YÊN

I. Xây dựng tiêu chí và phân loại loại danh nhân

1. Khái niệm danh nhân

Có nhiều quan điểm và khái niệm về danh nhân nói chung:

Theo cuốn Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên, xuất bản năm 2010), thì *danh nhân là người có danh tiếng*.

Theo cuốn Từ điển Tiếng Việt dành cho học sinh (Hà Quang Năng chủ biên, xuất bản năm 2018), *danh nhân là người có danh tiếng và được xã hội công nhận*.

Theo sách Danh nhân Hà Nội (Giáo sư Vũ Khiêu) thì *danh nhân là những người trong lúc sinh thời có nhiều đóng góp cho đất nước, cho quê hương. Khi qua đời họ vẫn tiếp tục được mọi người quý trọng và noi gương. Có thể nói họ trở thành những vị thần để mọi người thờ cúng*.

Theo quan điểm của nhà nghiên cứu Lê Minh Lý: *Danh nhân là những anh hùng dân tộc, là những nhân vật tài giỏi xuất chúng của đất nước đã có những cống hiến quan trọng đối với dân tộc, được lịch sử và nhân dân ghi nhận, được lưu danh ở thời đại đó và các thời đại sau*. Từ khái niệm này, tác giả đặt ra một vấn đề: danh nhân và danh nhân cách mạng là một hay là hai. Theo ông, danh nhân cách mạng cũng là danh nhân nhưng phạm vi của khái niệm này được giới hạn bởi hai yếu tố: Danh nhân cách mạng là những nhà hoạt động chính trị và phải gắn liền với mỗi thời đại.

Theo Đào Duy Anh thì *Danh nhân là người có tiếng được nhiều người biết*. Tiếng ở đây là tiếng tốt, tiếng thơm, là tài giỏi; cũng như danh tướng là tướng giỏi, danh gia là gia đình có tiếng tốt. Như vậy, *danh nhân là những người có danh tiếng, tức là người có phẩm chất cao quý cả về tài năng và đức độ, được đa số các thành viên trong cộng đồng ngưỡng mộ*.

Theo nghiên cứu của Nguyễn Tiến Thư, theo nghĩa thông thường, *danh nhân là người có danh tiếng, được nhiều người biết đến*. Danh tiếng ở đây được hiểu là người có phẩm chất cao quý cả về tài năng và đức độ, được mọi người công nhận. Đó là những con người mà hoạt động cá nhân của họ luôn phù hợp với lợi ích của cộng đồng, để lại dấu ấn sáng tạo không phai mờ trong ký ức xã hội.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Huy Hoàn có quan điểm, *danh nhân là một từ Hán Việt chỉ người có danh tiếng, được nhiều người biết*. Song phải là tiếng thơm mới gọi là danh nhân. Chữ danh với ý nghĩa đó xuất hiện trong các từ ngữ danh nho (nhà nho nổi tiếng); danh họa (bức họa nổi tiếng, họa sĩ nổi tiếng); danh sĩ (người trí thức nổi tiếng); danh lam thắng cảnh (cảnh đẹp nổi tiếng).

Từ những định nghĩa trên cho thấy, danh nhân là người nổi tiếng, nhưng không phải mọi người nổi tiếng đều được gọi là danh nhân.

Trong lịch sử của bất kì quốc gia, dân tộc nào cũng có hai loại nhân vật: chính diện và phản diện. Chính diện là những người yêu nước, thương dân, suốt đời chiến đấu, hi sinh, mưu cầu hạnh phúc, phồn thịnh cho dân tộc, cho nhân loại. Phản diện là những kẻ bán nước, hại dân, luôn vì quyền lợi ích kỷ của cá nhân. Cả hai loại người trên đều có những gương tiêu biểu, nổi tiếng, nhưng lịch sử chỉ ghi nhận và tôn vinh những tấm gương hi sinh cao cả, vì lợi ích của quê hương, đất nước, của cộng đồng. Trong xã hội hiện nay cũng vậy, có một bộ phận người muốn hiển danh bằng bất cứ giá nào, kể cả vi phạm pháp luật. Đây là những người “nổi danh” có động cơ bất chính, không thể xếp vào danh nhân. Bởi vậy, danh nhân khác người nổi tiếng ở chất lượng của sự cống hiến cho xã hội.

Danh nhân cũng không phải là từ ngữ để phân hạng tầng lớp, giai tầng mà để chỉ những con người tài giỏi đã để lại cho xã hội những công tích, sự nghiệp và những di sản văn hóa không phai mờ trong lịch sử như: Trần Hưng Đạo là danh nhân với sự nghiệp quân sự; Nguyễn Du là danh nhân với sự nghiệp văn chương... Trong các danh nhân, có người chỉ nổi tiếng trên một lĩnh vực, có người là thiên tài, nổi tiếng trên nhiều lĩnh vực như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Về phạm vi ảnh hưởng của danh nhân cũng không giống nhau: tầm vóc quốc tế, quốc gia hoặc một vùng của đất nước.

Như vậy, **danh nhân được hiểu là nhân vật nổi tiếng (hay người nổi tiếng), có đóng góp to lớn, đặc biệt, thiết thực trên một hoặc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển của dân tộc, xã hội, cộng đồng, nhân loại trong từng giai đoạn lịch sử, có đạo đức trong sáng, được ghi danh trong sử sách và được nhân dân suy tôn là tấm gương sáng cho hậu thế noi theo.**

2. Tiêu chí danh nhân

Trong “Bình Ngô đại cáo” Nguyễn Trãi có viết rằng: “Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, nhưng hào kiệt thời nào cũng có”. Trong suốt hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, trải qua bao thăng trầm của lịch sử, dân tộc Việt Nam vẫn trường tồn và phát triển. Có được sự vĩ đại đó, chúng ta phải ghi nhận công lao của các anh hùng dân tộc, của các danh nhân ở mỗi thời đại. Do đó, danh nhân như là một hằng số của lịch sử phát triển của mỗi dân tộc.

Để đánh giá công trạng, hay nói khác cần “phân loại” danh nhân, chúng ta cần có tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể. Một cách chung nhất, danh nhân là danh xưng chỉ các nhân vật nổi tiếng, có những đóng góp to lớn, xuất sắc trên mọi phương diện đời sống xã hội, góp phần phát triển thúc đẩy xã hội, trong từng giai đoạn lịch sử, có đạo đức trong sáng, được Nhà nước tôn vinh và được nhân dân kính ngưỡng, thờ tự, trở thành tấm gương cho mọi thế hệ noi theo. Do vậy, một danh nhân cần hội tụ các tiêu chí sau:

Một là, có công lao to lớn đối với quê hương, đất nước, cộng đồng; được nhân dân và lịch sử ghi nhận, vinh danh, thưởng công trạng, xã hội tôn vinh như một biểu tượng đáng tự hào.

Có thể khẳng định, đây là nền tảng của việc đánh giá, bởi vì không một nhân vật lịch sử nào khi được coi là danh nhân lại không có những đóng góp đặc biệt xuất sắc, gắn tên tuổi của mình với giai đoạn lịch sử mà nhân vật đó sống, cống hiến cho dân tộc và nhân dân, dù họ có xuất thân, gia thế, sự nghiệp hay công trạng khác nhau, song họ đều có sứ mệnh chung tạo ra sự chuyển biến và phát triển của xã hội, họ là những anh hùng, hào kiệt trong tâm thức mỗi người dân Việt Nam. Công lao được nhân dân, Tổ quốc ghi ơn và lưu vào sử sách, truyền lại tiếng thơm cho muôn đời.

Hai là, có đạo đức cao cả, là tấm gương đạo đức trong sáng được nhân dân mến mộ, ca ngợi (biểu hiện thông qua sự đánh giá của nhân dân, của tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể và bạn bè, đồng chí; thông qua phong cách ứng xử, lối sống, hành vi giao tiếp để lại những ấn tượng sâu sắc, những bài học đạo đức cho thế hệ sau học tập, noi theo).

Ba là, các nhà hoạt động cách mạng, lãnh tụ của phong trào cách mạng; các bậc tiền bối tiêu biểu hoạt động cách mạng trước năm 1945 được lưu trong lịch sử Đảng bộ từ cấp cơ sở trở lên có những đóng góp to lớn cho phong trào cách mạng và được quần chúng, đảng viên coi như biểu tượng của ý chí, khát vọng độc lập, tự do...

*** Một số vấn đề cần lưu ý về tiêu chí danh nhân**

Đối với danh nhân thời tiền sử, sơ sử và phong kiến phải có căn cứ trong sử sách quốc gia hay địa phương chí, kể cả bia ký, sắc phong, thần tích, di tích khảo cổ học. Riêng những danh nhân sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 phải có thêm tiêu chí: không vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước mà còn góp phần tích cực cho đất nước trong từng thời kỳ cách mạng. Đó là quan điểm khác biệt của những nhà khoa học xã hội Việt Nam hiện nay và các nhà khoa học thế giới nói chung.

3. Phân loại danh nhân

3.1. Phân loại theo lĩnh vực

Xã hội phát triển đến một trình độ nhất định sẽ nảy sinh sự phân công lao động xã hội, công việc sản xuất ngày càng được chuyên môn hóa từ đơn giản đến phức hợp. Khi xã hội đạt đến sự phân tầng sâu sắc, thì đồng thời xuất hiện sự phân công giữa lao động chân tay và lao động trí óc; nền sản xuất xã hội cũng được phân chia ra sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần. Để phù hợp với sự phân hóa trên, lao động xã hội được chuyên môn hóa sâu sắc, tạo nên các ngành nghề cụ thể trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội. Trong điều kiện xã hội ấy, dựa vào đóng góp của họ, danh nhân được phân chia ra các dạng, tương ứng với các hoạt động chính yếu của xã hội như: chính trị, quân sự, kinh tế, giáo dục, khoa học, y dược học, đạo đức, tôn giáo, văn nghệ, giải trí, thể thao..., trong đó:

Danh nhân huyền thoại là những danh nhân gắn với huyền thoại thời lập quốc, như: Lạc Long Quân, Âu Cơ, Chử Đồng Tử - Tiên Dung, ...

Danh nhân chính trị là những danh nhân có đóng góp trên lĩnh vực chính trị, gồm các vị minh quân, minh chúa, các quan thanh liêm, chính trực thời trung đại, các nhà cải cách xã hội, các chính khách, các nhà hoạt động cách mạng thời cận, hiện đại; các nhà hoạt động ngoại giao giữ nghiêm quốc thể và có công quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam ra thế giới ...

Danh nhân quân sự là những danh nhân có đóng góp trên lĩnh vực quân sự, bao gồm các vị tướng tài lập nên những chiến công vang dội trong lịch sử; các sĩ quan và chiến sĩ đã chiến đấu dũng cảm, nêu gương bất khuất, tiêu biểu trước quân thù, hy sinh oanh liệt góp phần tạo nên chiến thắng quyết định trong công cuộc giải phóng đất nước.

Danh nhân kinh tế là những danh nhân có đóng góp trong hoạt động kinh tế như các nhân vật có tư tưởng cải cách và đề xuất phát triển nông nghiệp, thương nghiệp; các nhà hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội; các nhà hoạt động tài chính - ngân hàng; kinh doanh chứng khoán mang lại sự giàu có cho đất nước.

Danh nhân giáo dục là những danh nhân có đóng góp trên lĩnh vực giáo dục và khoa cử Nho học thời trung đại (các vị đỗ đại khoa trở lên hoặc đỗ trung khoa, tiểu khoa nhưng có cống hiến to lớn đối với xã hội đương thời), các nhà nghiên cứu cải cách giáo dục thời cận, hiện đại; các nhà giáo được trao tặng danh hiệu cao quý và giải thưởng Nhà nước.

Danh nhân khoa học kỹ thuật là những danh nhân có đóng góp cho nền khoa học kỹ thuật nước nhà, đó là những nhân vật có phát minh, sáng kiến và ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn, được trao tặng các giải thưởng cao quý.

Danh nhân y dược là những danh nhân có sự nghiệp gắn bó mật thiết với sự phát triển của nền y dược học cổ truyền cũng như thầy thuốc, bác sĩ tài đức vẹn toàn; các nhà dược học có phát minh lớn, được trao tặng danh nghĩa cao quý và các giải thưởng danh dự.

Danh nhân tôn giáo gồm các vị tu hành có tấm lòng cao cả, tham gia tổ chức các hoạt động từ thiện, cứu giúp đồng loại.

Danh nhân trong lĩnh vực văn hóa - thể thao, văn học - nghệ thuật là những danh nhân có đóng góp to lớn đối với sự nghiệp văn hóa, văn nghệ như các nhân vật là những nhà văn hóa lớn thời trung đại, các văn nghệ sĩ được trao tặng danh hiệu cao quý và các giải thưởng lớn; các danh kỳ, kiện tướng thể dục thể thao, võ thuật được giải thưởng lớn.

3.2. *Phân loại theo cấp độ (tức là dựa theo phạm vi ảnh hưởng của danh nhân) gồm có:*

Danh nhân thế giới, danh nhân quốc gia và danh nhân địa phương.

Dù phân loại theo lĩnh vực hay theo cấp độ thì sự phân chia như trên chỉ mang tính chất tương đối, vì một danh nhân có thể vừa là danh nhân chính trị, vừa là danh nhân quân sự, vừa là danh nhân quốc gia, vừa là danh nhân thế giới.

II. Tiêu chí lựa chọn danh nhân và phân loại danh nhân Hưng Yên

Xuất phát từ khái niệm chung nhất về danh nhân như đã đưa ra ở trên, chúng ta có thể đưa ra khái niệm chung nhất về danh nhân Hưng Yên như sau:

Danh nhân Hưng Yên là người nổi tiếng có quê quán ở Hưng Yên hoặc có quê quán nơi khác nhưng sự nghiệp có gắn bó mật thiết với Hưng Yên, có những đóng góp to lớn, thiết thực trên một hay nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội trong từng giai đoạn lịch sử, được sử sách ghi nhận, nhân dân truyền tụng, ngợi ca, là biểu tượng, tấm gương sáng cho hậu thế noi theo.

Với cách hiểu trên, khi nghiên cứu về danh nhân Hưng Yên trong đề tài nghiên cứu khoa học “**Nghiên cứu đề xuất bổ sung danh nhân tỉnh Hưng Yên**” chỉ đề cập đến các nhân vật lịch sử có danh tiếng, có những đóng góp to lớn, xuất sắc trên một hay nhiều lĩnh vực, góp phần thúc đẩy sự phát triển của tỉnh Hưng Yên và của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử, có đạo đức trong sáng, được nhà nước tôn vinh công trạng, được nhân dân suy tôn thành biểu tượng, là tấm gương cho hậu thế noi theo.

1. Tiêu chí lựa chọn danh nhân Hưng Yên

Từ tiêu chí về danh nhân nói chung và định nghĩa về danh nhân Hưng Yên nói riêng, những nhân vật được lựa chọn là danh nhân Hưng Yên phải đảm bảo các tiêu chí sau đây:

- Về quê quán: Là những người có nguyên quán thuộc tỉnh Hưng Yên (theo địa giới hành chính hiện nay) hoặc những người có quê quán ở nơi khác nhưng có sự nghiệp nổi bật gắn bó với mảnh đất Hưng Yên.

- Về công lao, sự trạng:

Thứ nhất, xét về mặt công hiến, nhân vật đó phải có những đóng góp to lớn, quan trọng và tiêu biểu trên một hay nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, để lại những dấu ấn đậm nét trong lịch sử phát triển của đất nước cũng như của vùng đất Hưng Yên.

Thứ hai, xét về mặt đạo đức, họ là tấm gương đạo đức trong sáng, lối sống giản dị, chân thực, thanh liêm, mẫn cán và chính trực, gắn bó mật thiết với nhân dân, được người đương thời ghi nhận, đánh giá cao.

Thứ ba, công lao, sự trạng của họ có tác động và ảnh hưởng to lớn đối với xã hội đương thời cũng như về sau, được sử sách và hậu thế ghi nhận, kính ngưỡng và tôn vinh.

Nếu nhân vật nào (kể cả nhân vật truyền thuyết hay nhân vật lịch sử) đảm bảo, đáp ứng các tiêu chí nêu trên đều được xem xét, lựa chọn là danh nhân Hưng Yên để kế thừa và tục biên, bổ sung đầy đủ cho công trình về danh nhân Hưng Yên từ xưa đến nay.

2. Phân loại danh nhân Hưng Yên

Từ tiêu chí chung như phân tích ở trên, chúng tôi phân loại danh nhân Hưng Yên theo các lĩnh vực đề phù hợp khi triển khai nghiên cứu của Đề tài khoa học: **“Nghiên cứu, đề xuất bổ sung danh nhân tỉnh Hưng Yên”**, bao gồm:

2.1. Danh nhân chính trị - quân sự.

Quân sự: Là “Lĩnh vực hoạt động xã hội bao gồm những vấn đề liên quan đến lực lượng vũ trang, đấu tranh vũ trang và xây dựng quốc phòng”¹.

Chính trị: Là “Toàn bộ những hoạt động có liên quan đến các mối quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội, mà cốt lõi của nó là vấn đề giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước, sự tham gia vào công việc của nhà nước, sự xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của nhà nước”².

Trong Luận văn “*Danh nhân và những hình thức tôn vinh danh nhân lịch sử xã hội truyền thống Việt Nam*”, tác giả Nguyễn Tiến Thu đã đưa ra định nghĩa về danh nhân quân sự và danh nhân chính trị như sau:

Danh nhân quân sự là: “*Các vị tướng tài từng lập nên những chiến công vang dội trong lịch sử, các sĩ quan và chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, nêu gương bất khuất trước quân thù, hy sinh oanh liệt, góp phần tạo nên chiến thắng quyết định trong cuộc giải phóng đất nước, quê hương*”.

¹ Theo cuốn: *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 3, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.599.

² Theo cuốn: *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 3, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.603.

Danh nhân chính trị: “Gồm các vị minh quân, minh chúa, các quan thanh liêm chính trực thời cổ - trung đại, các nhà cải cách xã hội các chính khách, các nhà hoạt động cách mạng thời cận - hiện đại, các nhà hoạt động cận - hiện đại, các nhà ngoại giao giữ nghiêm quốc thể và có công quảng bá thương hiệu đất nước...”.

Theo định nghĩa trên, bên cạnh vị minh quân, minh chúa, các vị quan thanh liêm, chính trực; các vị tướng tài từng lập nên những chiến công vang dội trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời trung đại; thì các nhà hoạt động cách mạng thời cận, hiện đại bao gồm cả những nhà yêu nước không theo khuynh hướng cách mạng vô sản như: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... những người đã nêu cao tinh thần yêu nước, hi sinh chiến đấu vì nền độc lập của dân tộc. Cùng với đó, các vị lãnh tụ và lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta cũng là một bộ phận của danh nhân thời kì hiện đại. “Lãnh đạo cao cấp” dùng để chỉ những nhân vật giữ cương vị lãnh đạo của tổ chức Đảng cao nhất và tổ chức Nhà nước, quản lý nhà nước cao nhất. Thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám, những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng là các đồng chí Tổng Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Từ sau Cách mạng tháng Tám là các đồng chí Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị; các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng cũng giữ các cương vị cao trong bộ máy Nhà nước: Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, có những người giữ vai trò chủ chốt nhưng không hoàn thành nhiệm vụ được giao, hoặc vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì không thể là danh nhân.

Tiêu chí danh nhân chính trị - quân sự Hưng Yên là những nhân vật có đóng góp to lớn trên hai lĩnh vực:

+ Chính trị: Đó là những vua chúa, vị quan tài giỏi, hết lòng vì nước vì dân; nhà lãnh đạo, cách mạng tài ba, nhà ngoại giao đa tài. Đó là các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước có những cống hiến đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH.

+ Quân sự: Là các vị tướng tài từng lập nên những chiến công vang dội trong lịch sử, các sĩ quan và chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, nêu gương bất khuất trước quân thù là biểu tượng cho các thế hệ noi gương học tập, góp phần tạo nên chiến thắng quyết định trong cuộc giải phóng quê hương, đất nước;... được Đảng và Nhà nước trao tặng, truy tặng những phần thưởng cao quý.

Các tướng lĩnh, sĩ quan, cá nhân được phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân: Dũng cảm, mưu trí, hy sinh quên mình, đạt hiệu suất chiến đấu, huấn luyện, công tác, nghiên cứu cao nhất đơn vị, nhất binh chủng, quân chủng; có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đơn vị, địa phương hoặc toàn quân; say mê nghiên cứu, có sáng kiến, cải tiến, hoặc giải pháp có giá trị. Có công trình nghiên cứu có giá trị đặc biệt, được ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quân sự, an ninh hoặc kinh tế, xã hội đem lại hiệu quả thiết thực; có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, chuyên môn nghiệp vụ thông thạo. Không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và chính trị, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; có công lớn trong việc bồi dưỡng về kỹ thuật, chiến thuật, về chuyên môn nghiệp vụ cho đồng đội; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường trước mọi hy sinh, thử thách.

2.2. Danh nhân giáo dục - khoa bảng

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, nền giáo dục và khoa cử Nho học Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nhân tài. Sự hùng mạnh của một triều đại cũng tùy thuộc vào chính sách dùng người của triều đại đó. Nhà sử học Phan Huy Chú đã nhận xét: *“Con đường tìm người tài giỏi trước hết là khoa mục. Phàm muốn thu hút người tài năng tuấn kiệt vào trong phạm vi của mình thì người làm vua một nước không thể nào không có khoa cử”*. Do vậy, trong các triều đại phong kiến của Việt Nam rất quan tâm đến việc giáo dục để đào tạo nhân tài, xây dựng đất nước.

Hệ thống giáo dục và khoa cử Nho học thời quân chủ bao gồm thi Hương, thi Hội và thi Đình. Thi Hương là kỳ thi của một trấn/tỉnh hay nhiều tỉnh chung một trường thi. Cứ 3 năm thì tổ chức một kỳ thi Hương. Trong khoa thi Hương, những người thi đỗ được chia làm hai loại: loại 1 là Hương cống (sau đổi thành Cử nhân); loại 2 gọi là Sinh đồ (sau đổi thành Tú tài), người đỗ đầu kì thi Hương gọi Giải nguyên (hoặc Hưng nguyên).

Những người đỗ kỳ thi Hương sẽ được tham dự kỳ thi Hội, thi Đình. Đây là các kỳ thi để đánh giá tài năng cao nhất nhằm chọn nhân tài cho đất nước (nên thường gọi là kỳ thi Đại khoa). Khoa thi Hội gồm 4 kỳ thi (mỗi kỳ thi gọi là một trường). Thí sinh đủ điểm môn thứ nhất (gọi là Nhất trường), được thi tiếp môn thứ hai. Thí sinh đủ điểm môn thứ hai (gọi là Nhị trường), được thi tiếp môn thứ ba. Thí sinh đủ điểm môn thứ ba (gọi là Tam trường), được thi tiếp môn thứ tư. Thí sinh đủ điểm môn thứ tư (gọi là Tứ trường), được coi là Trúng cách, tương đương với đỗ khoa thi Hội. Người đỗ cao nhất trong một khoa thi Hội được gọi là Hội nguyên. Tiếp sau đó, những người đỗ khoa thi Hội được vào dự thi Đình (vì thi trong sân chính điện nên còn được gọi là thi Điện) để phân định thứ bậc cao thấp. Thi tại sân triều đình, do vua trực tiếp ra đề thi và tự tay phê lấy người đỗ. Người đỗ đầu kỳ thi Đình được gọi là Đình nguyên. Sau khi thi Đình, những người thi đỗ được phân chia thành các bậc từ cao xuống thấp, gồm:

+ Đệ Nhất giáp (chia làm 3 hạng là Tiến sĩ cập đệ Đệ Nhất danh, tức Trạng nguyên; Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Nhị danh, tức Bảng nhãn; Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Tam danh, tức Thám hoa).

+ Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (tức Hoàng giáp).

+ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (gọi chung là Tiến sĩ).

Ngoài ra, thời Trần - Hồ có khoa thi Thái học sinh, những người thi đỗ được gọi là Thái học sinh, tương đương với Tiến sĩ Nho học. Triều Nguyễn, ngoài các danh vị trên, còn lấy Phó bảng (những người này học vị thấp hơn Tiến sĩ Nho học).

Chế độ vinh danh những người đỗ Đại khoa: Ngày tuyên bố kết quả thi, các quan tân khoa được tiếp đãi lễ đại triều tại điện Thái Hòa, được ban mũ áo, đãi yến tiệc ở vườn Quỳnh Lâm, cho cưỡi ngựa đi xem kinh thành, phố xá. Sau đó, cho về vinh quy bái tổ. Làng nào có người đỗ Đại khoa phải đón rước linh đình. Theo phong tục, đỗ Tú tài một làng đi rước, đỗ Cử nhân một tổng đi rước, đỗ Đại khoa một huyện đi rước, dân hàng tổng phải làm dinh nghè cho quan ở và người đỗ đạt cũng phải làm lễ tạ ơn dân làng và thầy dạy. Triều đình cho quan Truyền lô xướng danh và yết bảng ba ngày tại lầu Phú Văn, cho khắc tên vào bia đá, chép sách lưu danh Tiến sĩ để nêu gương muôn thuở.

Những nhà khoa bảng được lựa chọn nghiên cứu trong đề tài này là những người đỗ đại khoa trong các kỳ thi Nho học. Cụ thể, là những người đã vượt qua kỳ thi Hội và thi Đình để nhận được học vị từ Tiến sĩ trở lên (hoặc Thái học sinh thời Trần - Hồ, Phó bảng thời Nguyễn). Ngoài ra, những nhân vật khoa bảng được lựa chọn còn đảm bảo một trong các tiêu chí sau:

- Được ghi danh sử sách: Tiểu sử và công trạng của nhân vật được ghi chép trong chính sử hoặc các nguồn tư liệu chính thống.

- Ghi danh bia đá: Là hình thức tôn vinh dành cho những nhân vật có công trạng hiển hách được nhân dân tôn thờ; những người hiếu học đỗ đạt cao, được thể hiện qua các hình thức: lập văn chỉ ghi danh người đỗ đạt; khắc văn bia (tại văn miếu)...

- Được vua ban quốc tính: Là hình thức ban thưởng cho những người có công lao lớn trong việc phò vua giúp nước. Việc ban họ vua cho người có công lao lớn được khởi đầu từ thời Lý.

- Được vua phong tước vị hoặc ban mỹ tự: Tước vị là chỉ danh vị phong cho quý tộc hoặc công thần thời quân chủ. Thời xưa có 5 tước vị là: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam cùng với tước Vương (là tước vị cao nhất). Tước vị là tôn hiệu của vua ban cho người trong hoàng tộc hay những người có công với đất nước, với triều đình. Tước vị có 2 loại: tước có phong địa (tức kèm theo ban tặng đất đai) và không phong địa. Trường hợp không phong địa thì đặt một mỹ tự được phong (từ có nghĩa đẹp) trước tên tước.

- Được phong thần và lập đền thờ: Là hình thức tôn vinh dành cho những người có công lớn, được vua phong tước, cấp ruộng hậu và dân lập thờ cúng. Đây là hình thức tôn vinh vĩnh cửu, lâu bền và phổ cập nhất, do sự gắn bó của cơ sở thờ tự với một cộng đồng làng xã nhất định, công lao của nhân vật được khắc sâu trong tâm thức người dân qua nghi thức cúng tế, lễ hội định kỳ hàng năm.

Tiêu chí danh nhân giáo dục - khoa bảng Hưng Yên: Đó là người đỗ đại khoa, giữ chức vụ lớn trong triều đình cũng như ngoài trấn/tỉnh, được vua ban tước vị, được nhân dân tôn thờ, ghi danh bia đá và lập đền thờ. Trong hệ thống giáo dục và khoa cử Nho học thời quân chủ, từ khoa thi đầu tiên được tổ chức (năm 1075 cho tới khoa thi cuối cùng của triều Nguyễn (năm 1919) nước ta có 2.898 người đỗ Đại khoa. Tỉnh Hưng Yên (theo địa giới hiện nay) có 228 người đỗ, trong đó có 8 Trạng nguyên, 4 Bảng nhãn, 6 Thám hoa, và 47 Hoàng giáp, đứng thứ tư trong cả nước³. Người khai khoa của Hưng Yên là Đỗ Thế Diên (còn gọi là Đỗ Thế Bình) người làng Cổ Liêu, huyện Đường Hào (nay là xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ), tại khoa thi năm Ất Tỵ (1185) đời Lý Cao Tông.

Chẳng hạn như Trạng nguyên Dương Phúc Tư (1505 - 1563), quê ở xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm. Ông vốn tư chất thông minh, hiếu học. Khoa thi năm Đinh Mùi, đời Mạc Phúc Nguyên, ông đỗ Trạng nguyên. Ông làm quan nhà Mạc đến chức Tham chính, sau quy thuận nhà Lê, vẫn giữ chức cũ. Sau khi ông mất, địa phương đã xây dựng nhà thờ Trạng nguyên, khu lăng mộ và nhà bia tưởng niệm. Nơi đây đã trở thành không gian tâm linh, khơi dậy trong tâm tưởng con cháu họ Dương và nhân dân địa phương về truyền thống của đạo học và sự thành đạt⁴.

2.3. Danh nhân văn hóa - nghệ thuật

³ Theo cuốn “*Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075 - 1919)*”, Hưng Yên, 1999.

⁴ Theo cuốn *Sông Lam, Làng khoa bảng và danh nhân làng khoa bảng Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2016, tr.75-77.

Danh nhân trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ bao gồm: Các nhân vật lịch sử có nhiều công hiến cho lĩnh vực văn hóa thời trung đại; các văn nghệ sĩ được trao tặng danh hiệu cao quý và giải thưởng lớn, các danh kỳ, kiện tướng thể dục, thể thao, võ thuật được giải thưởng lớn. Tài năng và lao động sáng tạo của các văn nghệ sĩ tuy không trực tiếp mang lại lợi ích vật chất cho xã hội nhưng đem đến cho con người kiến thức và cảm xúc để có thể nhận biết và phân biệt giữa cái đẹp, cái cao cả và sự tử tế đáng trân trọng với sự xấu xa, tầm thường và thấp hèn đáng khinh bỉ.

Tiêu chí danh nhân văn hóa - nghệ thuật Hưng Yên: Trong lịch sử, tỉnh Hưng Yên có nhiều nhân vật công hiến cho lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, cụ thể: về văn thơ, trước tác (Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Công Trứ, Đoàn Thị Điểm, Đoàn Lệnh Khương, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng), nghệ thuật (Nguyễn Đình Nghi, Tô Ngọc Vân, Dương Bích Liên, Mai Văn Chung, Vũ Thị Định)... Đó là những nhân vật có những đóng góp to lớn trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, có công trình văn học, nghệ thuật đặc biệt xuất sắc, về nội dung tư tưởng, có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền văn học, nghệ thuật của đất nước. Đạt được các danh hiệu hay những giải thưởng lớn như: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước vì sự đóng góp cho sự nghiệp văn hóa của đất nước nói chung, của tỉnh Hưng Yên nói riêng.

2.4. Danh nhân khoa học - kỹ thuật:

Lĩnh vực khoa học - kỹ thuật là các ngành khoa học liên quan tới việc phát triển kỹ thuật và thiết kế các sản phẩm trong đó ứng dụng các kiến thức khoa học tự nhiên. Bao gồm các ngành khoa học về toán học, y dược học, kỹ thuật xây dựng, khoa học kỹ thuật chế tạo máy, khoa học kỹ thuật điện tử,....

Danh nhân trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật: Gồm các nhà khoa học tự nhiên và xã hội, các nhà kỹ thuật học có những công trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật xuất sắc, có tác dụng nâng cao năng suất lao động và hiệu suất sử dụng thiết bị, vật tư đem lại nhiều hiệu quả kinh tế, góp phần đáng kể vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, của khoa học, kỹ thuật và tiến bộ xã hội. Đó có thể là những phát minh, sáng kiến được trao tặng các giải thưởng cao quý như: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học, kỹ thuật.

Tiêu chí danh nhân khoa học - kỹ thuật Hưng Yên: Là nhà khoa học tự nhiên và xã hội, các nhà kỹ thuật học có những phát minh, sáng kiến lớn được trao tặng các giải thưởng cao quý như: Giải thưởng Hồ Chí Minh; huân chương, huy chương..., là người có đức, có tài, được đa số cộng đồng ngưỡng mộ và công lao của họ được ghi nhận và tôn vinh bằng một trong các hình thức như: Được ghi danh trong sử sách và các nguồn tư liệu chính thống; tên của nhân vật được lĩnh vực ngành ghi nhận.

Căn cứ vào các nguồn tài liệu lưu trữ, các sách đã xuất bản và điền dã thực tế tại địa phương, chúng tôi xây dựng dự thảo bộ tiêu chí chung nhất của danh nhân tỉnh Hưng Yên nhằm phục vụ trực tiếp cho thực hiện đề tài khoa học: **“Nghiên cứu đề xuất bổ sung danh nhân tỉnh Hưng Yên”**. Trên cơ sở đó, sau khi đã lựa chọn được những danh nhân Hưng Yên đảm bảo đầy đủ các tiêu chí đề ra, chúng tôi sẽ sưu tầm, tổng hợp và biên soạn về cuộc đời, hành trạng của danh nhân, nêu bật những đóng góp tiêu biểu nhất của danh nhân đó với quê hương, đất nước. Kết quả của việc làm này sẽ góp phần quan trọng trong việc trao truyền, kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử - văn hóa (thông qua từng danh nhân cụ thể) trong công cuộc đổi mới đất nước, mà trực tiếp là xây dựng văn hóa con người Hưng Yên xứng tầm với thời đại mới.

3. Yêu cầu về hình thức, bố cục biên soạn một danh nhân Hưng Yên

Tiêu chí nghiên cứu, biên soạn một danh nhân gồm những hạng mục sau:

- Tên thường gọi, tên thật, tên hiệu, tên húy, tên thụy, biệt danh, ...
- Ngày tháng năm sinh, năm mất, nếu không xác định được cụ thể thì ít nhất phải là thời đại hoặc khoảng thế kỷ nào.
- Chức danh, danh hiệu, pháp danh, học hàm, học vị, quân hàm.
- Sinh quán, nguyên quán, trú quán.
- Quan hệ gia đình, dòng họ có ảnh hưởng đến nhân cách, cuộc đời và sự nghiệp.
- Quá trình trưởng thành và làm nên sự nghiệp, di ảnh, di tích, di vật có liên quan.
- Những nhận xét, đánh giá của học giả, danh nhân xưa và nay.
- Những hình thức tôn vinh xưa và nay: đặt tên cho các công trình, đường, phố, phường, nhà tưởng niệm, được thờ ở đình miếu, tôn vinh bằng sắc phong, thần tích, gia phả, bia ký, huân huy chương, giải thưởng ...
- Mỗi danh nhân viết từ 500 - 2000 từ và nên có ít nhất một hình ảnh có liên quan.

CHƯƠNG II: NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ TIÊU BIỂU ĐỀ XUẤT DANH NHÂN TỈNH HUNG YÊN

I. Công tác khảo sát thu thập tài liệu, thông tin hình ảnh nhân vật nghiên cứu, đánh giá nguồn tài liệu

Công tác điền dã, sưu tầm tư liệu có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đối chiếu, đánh giá những công trạng của từng nhân vật được phản ánh qua các nguồn sử liệu. Ngoài nguồn sử liệu được sưu tầm từ các thư viện, cơ quan lưu trữ Trung ương và địa phương, Ban Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện Đề tài còn tiến hành điền dã tại các gia đình, dòng họ, các điểm di tích trong và ngoài tỉnh có liên quan đến các nhân vật được nghiên cứu trong Đề tài.

1. Thu thập tài liệu từ các cơ quan lưu trữ

Đây là nguồn tài liệu phong phú, cung cấp nhiều thông tin phục vụ việc nghiên cứu, viết bài. Do vậy, Ban Chủ nhiệm đề tài cùng với nhóm nghiên cứu đã rà soát, thu thập được những tài liệu liên quan đến các nhân vật được đề xuất bổ sung danh nhân Hưng Yên tại một số cơ quan lưu trữ, viện nghiên cứu như: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Trung tâm lưu trữ tỉnh Hưng Yên, Trung tâm lưu trữ tỉnh Hải Dương, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Sử học, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện các tỉnh, thành phố; Văn miếu Bắc Ninh, Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội... Tài liệu thu thập được là: sắc phong, thần phả, gia phả, văn bia.... Ban Chủ nhiệm đã tổ chức dịch thuật tài liệu từ Hán Nôm sang tiếng Việt để phục vụ cho việc khảo cứu, biên tập.

2. Thu thập tài liệu từ các gia đình, dòng họ

Nguồn tài liệu của các gia đình, dòng họ là nguồn tài liệu quý hiếm, có giá trị. Qua quá trình khảo sát tại các gia đình, dòng họ, nhà thờ, Ban Chủ nhiệm đề tài cùng nhóm nghiên cứu đã tiếp cận và sao chụp được nhiều tài liệu như: gia phả, tộc phả, thần tích - thần sắc, sắc phong, hình ảnh... tiêu biểu như: Gia phả dòng họ Tô, dòng họ Nguyễn làng Xuân Cầu, ở xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang; gia phả dòng họ Trần, họ Dương ở thôn Ngọc, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm; tư liệu tại gia đình Thượng tướng, Giáo sư Hoàng Minh Thảo tại Hà Nội; gia đình Kiến trúc sư Tạ Mỹ Duật tại thành phố Hồ Chí Minh; gia đình Họa sĩ Lê Quốc Lộc tại Hà Nội... Đây là nguồn tài liệu, hình ảnh, hiện vật có giá trị, độ tin cậy cao, phản ánh một cách đầy đủ và chân thực về thân thế và sự nghiệp của các nhân vật lịch sử tiêu biểu. Ngoài sưu tầm về tư liệu, tại các gia đình, dòng họ, nhóm nghiên cứu còn sưu tầm, sao chụp được các hình ảnh, hiện vật về các nhân vật như: ảnh chân dung, các giấy chứng nhận Anh hùng lao động, Giấy chứng nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân... Đồng thời, qua trao đổi với các gia đình, thân nhân, Ban Chủ nhiệm và các thành viên nghiên cứu cũng nắm bắt thêm được nhiều thông tin, làm sáng rõ hơn về thân thế, sự nghiệp của các nhân vật.

3. Thu thập tài liệu tại các di tích

Nhóm nghiên cứu đã đi khảo sát, điền dã tại một số di tích Nho học, di tích thờ các nhà khoa bảng Hưng Yên tại các địa phương trong và ngoài tỉnh. Tại các di tích nhóm nghiên cứu chủ yếu sưu tầm các tài liệu về các nhân vật khoa bảng được tôn thờ, phối thờ tại các đình, đền, lăng như: Nhà thờ Tiến sĩ Dương Công Thụ (xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm); Đình Thổ Hoàng (huyện Ân Thi) nơi thờ Bùi Công Hộ, Hoàng Công Chí, Hoàng Bình Chính; hay đình Đặng Xá (xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ) thờ Bùi Lệnh Tá; Đình Nhạn Tháp (ở Mễ Sở, huyện Văn Giang) nơi thờ nhân vật Trần Ngô Lang, đền Cổ Lê (ở Hà Nội) nơi thờ Nguyễn Huy Trạc,...

Trong tỉnh: Có 8/10 huyện thành phố, thị xã có nhân vật nghiên cứu được thờ tại một số di tích.

Huyện Ân Thi: Đình Thổ Hoàng, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi nơi thờ các nhân vật Bùi Công Hộ, Hoàng Công Chí, Hoàng Bình Chính; di tích Phù Ủng, xã Phù Ủng, huyện Ân Thi nơi thờ Vũ Vinh Tiến/Vũ Hồng Lượng...

Huyện Tiên Lữ: Đình Đặng Xá, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ nơi thờ nhân vật Bùi Lệnh Tá; Bia tưởng niệm nhân vật Lê Hữu Dưỡng, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ...

Huyện Khoái Châu: Đình An Lạc, xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu nơi thờ nhân vật Đỗ Anh Vũ; đình Đại Tập, xã Đại Tập, huyện Khoái Châu nơi thờ nhân vật Dương Văn Diễn; đình làng Ông Đình, xã Ông Đình, huyện Khoái Châu nơi thờ nhân vật Quách Đại Dong; di tích bà Hoàng Thị Loan, xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu; đình, đền Đại Hưng, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu nơi thờ nhân vật Nguyễn Tuấn;....

Huyện Văn Giang: Đình Lại Ốc, xã Long Hưng, huyện Văn Giang nơi thờ nhân vật Đỗ Tông, Đỗ Tấn; đình Bến, xã Phụng Công, huyện Văn Giang nơi thờ Lã Đường/Lữ Đường...

Huyện Yên Mỹ: Đền chùa Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ nơi thờ nhân vật Đỗ Thế Diên; nhà thờ Lê Hữu, xã Liêu Xá (nhân vật Lê Hữu Danh).

Huyện Kim Động: Đền, Lăng Vũ Đình Trác, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động nơi thờ nhân vật Vũ Đình Trác.

Huyện Văn Lâm: Nhà thờ họ Dương, nhà thờ Tiến sĩ Dương Công Thụ, nhà thờ họ Trần tại xã Lạc Đạo.

Huyện Phù Cừ: Đền thờ Bùi Đăng Châu tại xã Đoàn Đào.

Tỉnh ngoài có:

- Đền Cổ Lê tại ngõ 124 phố Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, nơi thờ nhân vật Nguyễn Huy Trạc.

- Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội có 23 nhân vật nghiên cứu là vị Tiến sĩ có văn bia hiện đang ghi danh tại Văn miếu đó là: Đặng Thuần Nhân; Đỗ Khắc Kính; Dương Công Thụ; Dương Hoàng; Dương Thuần; Hoàng Bình Chính; Hoàng Công Chí; Lê Thực; Ngô Triệt; Nguyễn Chấn Chi; Nguyễn Trí Trung; Nguyễn Đình Bá; Nguyễn Đình Tố; Nguyễn Đức Ký; Nguyễn Hành; Nguyễn Nho Tông; Phạm Công Phương; Quán Danh Dương; Trần Nghi,...

- Văn miếu tỉnh Bắc Ninh có một số nhân vật được ghi danh tại Văn bia như: Đỗ Tấn; Nguyễn Hằng; Nguyễn Minh Dương; Nguyễn Thị Ung; Trần Chu Hinh; Trần Chu Phổ,....

- Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh: Nghiên cứu nhân vật Ngô Huy Tăng.

- Tại Thành phố Hồ Chí Minh: Nghĩa trang Liệt sỹ tại Quận Thủ Đức tìm hiểu về Nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Bảo; gia đình Kiến trúc sư Tạ Mỹ Duật tại Quận 7.

4. Thu thập từ các nguồn khác

Ngoài các cơ quan lưu trữ, gia đình, dòng họ, đình, đền nguồn tài liệu trên mạng internet là một kênh thông tin để đối chiếu so sánh: Đối với tư liệu khai thác trên các trang mạng internet, nhóm nghiên cứu chú ý chọn các website chính thống của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị; các cơ quan, viện nghiên cứu...

Có thể nói với nguồn tài liệu thu thập từ các nguồn khác nhau, song mỗi trang tư liệu cung cấp cho người đọc biết được công trạng của các nhân vật nghiên cứu cụ thể hơn, rõ hơn đặc biệt trong việc so sánh đối chiếu tư liệu của mỗi nhân vật nghiên cứu; là cơ sở để biên soạn, ghi danh công lao đóng góp của nhân vật cho quê hương đất nước. Mặc dù trong thời gian ngắn, song Ban Chủ nhiệm cùng các thành viên đã nỗ lực sưu tầm được tài liệu từ các nguồn khác nhau, gắn với mỗi nhân vật nghiên cứu. Qua phân tích các nguồn tài liệu Ban Chủ nhiệm cùng nhóm nghiên cứu xây dựng lên chia theo bốn lĩnh vực thông qua số liệu 04 bảng⁵ phân tích như sau:

⁵ Các bảng 1,2,3, 4 sắp xếp theo vần chữ cái tên nhân vật và nội dung của từng bảng

| Bảng 1: Về giáo dục - khoa bảng có 45/125 nhân vật sau | | |
|---|---------------------|---------------------------|
| STT | TÊN NHÂN VẬT | NĂM ĐỖ TIẾN SĨ |
| 1. | Nguyễn Đình Bá | Bảo Thái thứ 8 (1727) |
| 2. | Nguyễn Chấn Chi | Quang Thiệu thứ 3 (1518) |
| 3. | Hoàng Công Chí | Cảnh Trị thứ 8 (1670) |
| 4. | Hoàng Bình Chính | Cảnh Hưng thứ 36 (1775) |
| 5. | Lê Hữu Danh | Cảnh Trị thứ 8 (1670), |
| 6. | Đỗ Thế Diên | Trình Phù thứ 10 (1185) |
| 7. | Trần Tú Dĩnh | Minh Mệnh thứ 6 (1825) |
| 8. | Ngô Mậu Đôn | Thống Nguyên thứ 2 (1523) |
| 9. | Nguyễn Minh Dương | Cảnh Lịch thứ 3 (1550) |
| 10. | Quản Danh Dương | Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710) |
| 11. | Nguyễn Hằng | Đoan Thái thứ 1 (1586) |
| 12. | Nguyễn Hành | Chính Hòa thứ 9 (1688) |
| 13. | Trần Chu Hình | Nguyên Phong thứ 6 (1256) |
| 14. | Trần Đình Hoan | Tiến sĩ kinh tế năm 1980 |
| 15. | Dương Hoàng | Dương Hòa thứ 3 (1637) |
| 16. | Đặng Văn Khải | Minh Mệnh thứ 7 (1826) |
| 17. | Đỗ Khắc Kính | Hoảng Định thứ 5 (1604) |
| 18. | Nguyễn Đức Ký | Minh Đức thứ 3 (1529) |
| 19. | Trần Nghi | Hoảng Định thứ 17 (1616) |
| 20. | Trần Ngọc Nguyên | Dương Hòa thứ 6 (1640) |
| 21. | Đặng Thuần Nhân | Dương Hòa thứ 6 (1640) |
| 22. | Trần Chu Phổ | Kiến Trung thứ 8 (1232) |
| 23. | Bùi Công Phụ | Vĩnh Trị thứ 1 (1676) |
| 24. | Phạm Công Phương | Vĩnh Trị thứ 5 (1680) |
| 25. | Lương Quý | Đại Chính 3 (1532) |
| 26. | Trình Chí Sâm | Hồng Đức thứ 18 (1487) |

| | | |
|-----|------------------|--------------------------|
| 27. | Bùi Lệnh Tá | Cảnh Thống thứ 2 (1499) |
| 28. | Đỗ Tấn | Đại Chính thứ 6 (1535) |
| 29. | Nguyễn Kinh Tế | Hoàng Định thứ 13 (1613) |
| 30. | Dương Công Thụ | Vĩnh Khánh thứ 3 (1731) |
| 31. | Dương Thuần | Vĩnh Tộ thứ 10 (1628) |
| 32. | Đoàn Nguyễn Thục | Cảnh Hưng thứ 13 (1752) |
| 33. | Lê Thục | Minh Đức thứ 3 (1529) |
| 34. | Vũ Vinh Tiến | Dương Hòa thứ 6 (1640) |
| 35. | Nguyễn Tính | Dương Hòa thứ 6 (1640) |
| 36. | Nguyễn Đình Tố | Cảnh Hưng thứ 30 (1769) |
| 37. | Đỗ Tông | Minh Đức thứ 3 (1529) |
| 38. | Nguyễn Nho Tông | Hồng Đức thứ 18 (1487) |
| 39. | Nguyễn Huy Trạc | Cảnh Hưng thứ 30 (1769) |
| 40. | Tô Trân | Minh Mệnh thứ 7 (1826) |
| 41. | Ngô Triệt | Dương Hòa thứ 3 (1637) |
| 42. | Nguyễn Trí Trung | Cảnh Trị thứ 8 (1670) |
| 43. | Nguyễn Tuấn | Hồng Đức thứ 6 (1475) |
| 44. | Nguyễn Thị Ung | Hồng Đức thứ 24 (1493) |
| 45. | Nguyễn Như Uyên | Dương Hòa thứ 6 (1640) |

Bảng 2: Về danh hiệu vinh dự nhà nước, giải thưởng nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Huân chương... được phong tặng có 34/125 nhân vật

| STT | TÊN NHÂN VẬT | DANH HIỆU |
|-----|--------------------|---|
| 1. | Nguyễn Quốc Ân | Liệt sỹ |
| 2. | Nguyễn Văn Át | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 3. | Nguyễn Vĩnh Bảo | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 4. | Bùi Xuân Bính | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 5. | Vương Đình Cung | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 6. | Nguyễn Chí Cương | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 7. | Lê Hữu Dưỡng | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 8. | Xuân Giao | Giải thưởng Nhà nước |
| 9. | Quách Thị Hồ | Giải thưởng Nhà nước. (Nghệ nhân hát Ca trù) |
| 10. | Đỗ Sỹ Họa | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 11. | Vũ Thị Kính | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 12. | Nguyễn Văn Liệu | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 13. | Lê Quốc Lộc | Giải thưởng Hồ Chí Minh |
| 14. | Dương Hữu Miên | Liệt sỹ |
| 15. | Đoàn Văn Minh | Giải thưởng Nhà nước |
| 16. | Dương Hương Minh | Giải thưởng Nhà nước |
| 17. | Nguyễn Hòa Mục | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 18. | Nguyễn Công Mỹ | Liệt sỹ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 19. | Nguyễn Văn Ngũ | Anh hùng Lao động |
| 20. | Nguyễn Văn Ngũ | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 21. | Lương Xuân Nhị | Giải thưởng Nhà nước |
| 22. | Học Phi | Giải thưởng Hồ Chí Minh |
| 23. | Dương Thị Xuân Quý | Giải thưởng Nhà nước |
| 24. | Tô Quyền | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |

| | | |
|-----|-----------------|---|
| 25. | Nguyễn Ngọc Sâm | Liệt sỹ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 26. | Nguyễn Tài | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 27. | Ngô Huy Tăng | Liệt sỹ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 28. | Hoàng Minh Thảo | Giải thưởng Nhà nước |
| 29. | Trương Văn Tôn | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 30. | Lê Văn Tý | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 31. | Trần Thị Tý | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 32. | Đỗ Đình Vân | Liệt sỹ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |
| 33. | Đào Vũ | Giải thưởng Hồ Chí Minh |
| 34. | Phan Ngọc Yêng | Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân |

Bảng 3: Về các tướng lĩnh, phong tước vị có 23/125 nhân vật

| STT | TÊN NHÂN VẬT | DANH HIỆU |
|-----|--------------------|--|
| 1. | Hoàng Nghĩa Bá | Danh tướng được vua ban tước vị |
| 2. | Dương Trọng Bái | Anh hùng Lao động, Nhà giáo Nhân dân, nhà Vật lý học |
| 3. | Phạm Văn Ban | Danh tướng khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 4. | Bùi Đăng Châu | Danh thần dưới triều vua Lê Hiến Tông |
| 5. | Nguyễn Đình Cốc | Danh tướng khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 6. | Dương Văn Diển | Danh tướng khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 7. | Quách Đại Dong | Danh tướng được vua ban tước vị |
| 8. | Nguyễn Hữu Đức | Danh tướng khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 9. | Nguyễn Thiện Dương | Danh tướng khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 10. | Lã Đường | Danh tướng được vua ban tước vị |
| 11. | Đặng Vũ Hiệp | Thượng tướng, Huân chương Độc lập hạng Nhất |
| 12. | Bùi Công Hộ | Danh tướng được vua ban tước vị |
| 13. | Lê Quang Hòa | Thượng tướng |
| 14. | Nguyễn Hòa | Trung tướng |
| 15. | Nguyễn Bá Khanh | Danh thần triều Lê Hiến Tông |
| 16. | Nguyễn Khoái | Danh tướng thời nhà Trần |
| 17. | Hoàng Nghĩa Kiêu | Danh tướng triều nhà Lê |
| 18. | Trần Ngô Lang | Danh tướng được vua ban tước vị |
| 19. | Nguyễn Văn Sung | Danh tướng khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 20. | Nguyễn Đình Tính | Danh tướng khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 21. | Vũ Đình Trác | Danh tướng được vua ban tước vị |
| 22. | Tuần Vân | Danh tướng khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 23. | Nguyễn Trọng Xuyên | Thượng tướng |

Bảng 4: Các danh hiệu khác 23/125 nhân vật

| STT | TÊN NHÂN VẬT | LĨNH VỰC |
|------------|---------------------|---|
| 1. | Sái Át | Tổ nghề hát chèo |
| 2. | Vương Sư Bá | Danh sĩ |
| 3. | Vũ Văn Cận | Nhà hoạt động chính trị, Bộ trưởng Bộ Y tế, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân |
| 4. | Nguyễn Thạc Chi | Nhà chí sĩ yêu nước thời kỳ chống Pháp |
| 5. | Phan Mạnh Danh | Nhà thơ, nhà giáo, dịch giả |
| 6. | Tạ Mỹ Duật | Kiến trúc sư |
| 7. | Lê Giản | Nhà hoạt động chính trị, nguyên Tổng Giám đốc Nha Công an đầu tiên của Chính phủ Việt Nam |
| 8. | Đoàn Như Khuê | Nhà báo, nhà thơ nửa đầu thế kỷ 20 |
| 9. | Nguyễn Lân | Nhà văn, nhà giáo Nhân dân |
| 10. | Nguyễn Tuấn Liên | Tướng lĩnh khởi nghĩa Bãi Sậy |
| 11. | Đoàn Doãn Luân | Nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Hậu Lê |
| 12. | Tương Phó | Nữ thi sĩ của thế kỷ 20 |
| 13. | Dương Thị Xuân Quý | Nhà văn, nhà báo, liệt sĩ |
| 14. | Lê Quý Quỳnh | Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên, Hải Hưng |

| | | |
|-----|------------------|--|
| 15. | Ngô Huy Quỳnh | Kiến trúc sư, Giáo sư |
| 16. | Đào Văn Sớ | Tổ nghề hát chèo |
| 17. | Trần Đình Thọ | Hoạ sĩ, Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân |
| 18. | Phạm Văn Thụ | Nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Nguyễn |
| 19. | Dương Bá Trạc | Nhà cách mạng, nhà báo, nhà văn Việt Nam thời Pháp thuộc |
| 20. | Trần Huyền Trân | Nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động sân khấu |
| 21. | Thích Thanh Tứ | Nhà lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Đại biểu Quốc hội qua nhiều khóa. |
| 22. | Trần Vỹ | Là một chính khách Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 23. | Nguyễn Ngọc Xuân | Là chính khách Việt Nam, Ủy viên Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Cục trưởng Cục Cơ khí, Bộ trưởng Không bộ trong Chính phủ liên hiệp lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hòa. |

II. CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ TIÊU BIỂU ĐỀ XUẤT DANH NHÂN HUNG YÊN

1. Danh nhân lĩnh vực chính trị - quân sự

1.1. Khái quát về danh nhân lĩnh vực chính trị - quân sự

Mỗi nhân vật đều có những đóng góp khác nhau, song xét thấy lĩnh vực mà nhân vật đó đóng góp với thành tích nổi bật được thể hiện qua hai bảng số liệu về hai lĩnh vực sau:

Về lĩnh vực chính trị có 18/125 nhân vật:

| STT | TÊN NHÂN VẬT | QUÊ QUÁN |
|-----|---|---|
| 1. | Nguyễn Quốc Ân (1931 - 1951) | Thành phố Hưng Yên. |
| 2. | Bùi Đăng Châu (Bùi Sán) | Phù Cừ (xã Đoàn Đào) |
| 3. | Nguyễn Thạc Chi (? - 1918) | Mỹ Hào (phường Xuân Dục) |
| 4. | Lê Giản/ Tô Dĩ (1913 - 2003) | Văn Giang (thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ) |
| 5. | Trần Đình Hoan (20/10/1939 - 25/3/2010) | Kim Động (xã Ngọc Thanh) |
| 6. | Đặng Văn Khải (1794 - 1831) | Văn Lâm (thôn Cự Đình, xã Việt Hưng) |
| 7. | Nguyễn Bá Khanh (? - 1775) | Khoái Châu (thôn Hạ, xã An Vỹ) |
| 8. | Nguyễn Công Mỹ (1909 - 1949) | Văn Giang (làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ) |
| 9. | Tô Quyền (1929 - 1996) | Văn Giang (làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ) |
| 10. | Lê Quý Quỳnh/ Vương Văn Thành (1923 - 2012) | Mỹ Hào (phường Phan Đình Phùng) |
| 11. | Đặng Duy Thiều (1733—1812) | Văn Lâm (xã Việt Hưng) |
| 12. | Phạm Văn Thụ (1866 - 1930) | Mỹ Hào (phường Bạch Sam) |
| 13. | Nguyễn Đình Tính/ (? - 1891) | Khoái Châu (xã An Vĩ) |
| 14. | Vũ Đình Trác/Vũ Tiên Công (? - 1786) | Kim Động (thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường) |

| | | |
|-----|---|--|
| 15. | Dương Bá Trạc (1884 - 1944) | Văn Giang (Xã Mễ Sở) |
| 16. | HT.Thích Thanh Tú (1927 - 2011) | Kim Động (xã Song Mai) |
| 17. | Trần Vỹ; Nguyễn Văn Tích (1921-1995) | Yên Mỹ (thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp) |
| 18. | Nguyễn Ngọc Xuân (1902 - 1981) | Thị xã Mỹ Hào (phường Phùng Chí Kiên) |

Về lĩnh vực Quân sự có 40/125 nhân vật:

| STT | TÊN NHÂN VẬT | QUÊ QUÁN |
|-----|--|--|
| 1. | Nguyễn Văn Át (1933 - 1954) | Yên Mỹ (xã Minh Châu) |
| 2. | Hoàng Nghĩa Bá | Khoái Châu (xã Hồng Tiến) |
| 3. | Phạm Văn Ban/Đề Ban (?-1891) | Ân Thi (xã Bãi Sậy) |
| 4. | Bùi Xuân Bính (1936 - 1966) | Văn Lâm (xã Lạc Đạo) |
| 5. | Vương Đình Cung (1943 - 1970) | Thị xã Mỹ Hào (phường Phan Đình Phùng) |
| 6. | Nguyễn Chí Cương (1950-1979) | Tiên Lữ (xã Hải triều) |
| 7. | Dương Văn Điển/(1836 - 1891) | Khoái Châu |
| 8. | Quách Đại Dong (? - ?) | Khoái Châu |
| 9. | Nguyễn Hữu Đức (? - 1903) | Ân Thi (thôn Mễ Xá, xã Nguyễn Trãi) |
| 10. | Lã Đường/(Lữ Đường) (? - ?) | Văn Giang |
| 11. | Lãnh Giang/ Nguyễn Thiện Dương (? - 1888) | Thị xã Mỹ Hào (thôn Xuân Đào, xã Xuân Dục) |
| 12. | Đặng Vũ Hiệp/ Đặng Hưng (bí danh) (09/02/1928 - 11/4/2008) | Văn Lâm (xã Việt Hưng) |
| 13. | Bùi Công Hộ (? - ?) | Ân Thi (xã Thổ Hoàng, thị trấn Ân Thi) |
| 14. | Lê Quang Hòa (1914-1993) | Thị xã Mỹ Hào (phường Xuân Dục) |
| 15. | Nguyễn Hòa/Trần Doanh (1927-2014) | Văn Lâm (thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc) |
| 16. | Đỗ Sỹ Họa (1946 - 1979) | Ân Thi (xã Hồng Vân) |
| 17. | Lê Hữu Dưỡng (1927 - 1950) | Tiên Lữ (thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo) |
| 18. | Trần Thị Khang (Vũ Thị Kính) | Mỹ Hào (phường Xuân Dục) |

| | | |
|--|------------|--|
| | (1929 - ?) | |
|--|------------|--|

| | | |
|-----|---|--|
| 19. | Nguyễn Khoái (?-?) | Thị xã Mỹ Hào (đất Hồng Châu xưa) |
| 20. | Hoàng Nghĩa Kiều | Khoái Châu (xã Hồng Tiến, |
| 21. | Trần Ngô Lang | Văn Giang (thôn Nhạn Tháp, xã Mễ Sở) |
| 22. | Nguyễn Văn Liệu (1919 - 1950) | Khoái Châu (thôn Đại Quan, xã Đại Hưng) |
| 23. | Dương Hữu Miên (1912 - 1954) | Thành phố Hưng Yên (làng Bảo Châu, xã Quảng Châu) |
| 24. | Nguyễn Hòa Mục | Tiên Lữ (xã Hưng Đạo) |
| 25. | Tổng Mỹ/Nguyễn Tuấn Liên (1859 - ?) | Văn Lâm (thôn Đông Mai, xã Chỉ Đạo) |
| 26. | Lãnh Nghiêm/Nguyễn Đình Cồ | Thị xã Mỹ Hào (xã Ngọc Lâm) |
| 27. | Nguyễn Văn Ngũ (1927 - 1979) | Thành phố Hưng Yên (phường Lam Sơn). |
| 28. | Nguyễn Văn Ngũ (1935 - 1968) | Tiên Lữ (xã An Viên) |
| 29. | Nguyễn Ngọc Sâm (1947 - 1968) | Văn Giang (xã Mễ Sở) |
| 30. | Độc Sung/Nguyễn Văn Sung (1843 - 1891) | Yên Mỹ (thôn Dịch Trì, xã Ngọc Long) |
| 31. | Nguyễn Tài/ Nguyễn Tài Đông, Bí danh Tư Trọng (1926 - 2016) | Văn Giang (làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ) |
| 32. | Ngô Huy Tăng (1912 - 1933) | Thị xã Mỹ Hào (thôn Ngọc Lập, phường Phùng Chí Kiên) |
| 33. | Hoàng Minh Thảo/ Tạ Thái An (1921 - 2008) | Thành phố Hưng Yên (xã Bảo Khê) |
| 34. | Trương Văn Tôn (1939 - 1951) | Kim Động (thôn Trung Hòa, xã Phú Thịnh) |
| 35. | Lê Văn Tý/Lê Sỹ Khá (1925 - ?) | Kim Động (thôn Vĩnh Hậu, xã Vĩnh Xá) |
| 36. | Trần Thị Tý (1934 - 1954) | Tiên Lữ (xã Thiện Phiến) |

| | | |
|-----|------------------------------|-------------------------------------|
| 37. | Đỗ Đình Vân (1953 - 1979) | Thị xã Mỹ Hào (phường Bàn Yên Nhân) |
| 38. | Tuần Vân (1841 - ?) | Văn Giang (xã Xuân Quan) |
| 39. | Nguyễn Trọng Xuyên | Kim Động (xã Chính Nghĩa) |
| 40. | Phan Ngọc Yêng (1953 - 1979) | Khoái Châu (xã Việt Hòa) |

Với mỗi nhân vật đều có những đóng góp công trạng khác nhau tại mỗi thời kỳ lịch sử, giai đoạn lịch sử khác nhau, song 58 nhân vật: Người được xây lăng, lập đình, miếu để thờ và người trở thành thành hoàng làng như nhân vật Vũ Đình Trác, Bùi Công Hộ, Dương Văn Điện...; có người là liệt sỹ được phong tặng và truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân như Nguyễn Văn Ngữ, Trần Thị Tý, Vương Đình Cung, Lê Hữu Dưỡng, Ngô Huy Tăng,...; có người được các giải thưởng lớn, tôn vinh, tặng thưởng, truy tặng những phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao; nhiều người được các công trình công cộng đặt tên đường, trường học như: Tô Quyền, Đỗ Tông, Dương Bá Trạc, Hoàng Minh Thảo, Lê Quý Quỳnh,...; có Thượng tướng là những nhà quân sự giỏi trong lãnh đạo, chỉ đạo trên các chiến trường, lĩnh vực Quân sự là các vị tướng tài từng lập nên những chiến công vang dội trong lịch sử, các sĩ quan và chiến sỹ chiến đấu dũng cảm, nêu gương bất khuất trước quân thù là biểu tượng cho các thế hệ noi gương học tập, góp phần tạo nên chiến thắng quyết định trong cuộc giải phóng quê hương, đất nước.

1.2. Cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân lĩnh vực chính trị - quân sự

*** VỀ LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ CÓ 18/125 NHÂN VẬT**

1.2.1. NGUYỄN QUỐC ÂN

- Ngày, tháng, năm sinh: Nguyễn quốc Ân sinh ngày 01 tháng 5 năm 1932⁶, ngày 15 tháng 3 năm 1951.

- Quê quán: tại Phố Hiến nay là thành phố Hưng Yên.

- Cuộc đời, sự nghiệp:

Nguyễn Quốc Ân, trong một gia đình có truyền thống hiếu học, yêu nước, làm nghề trồng trọt và buôn bán nhỏ, bố là Nguyễn Văn Hồng, mẹ là Nguyễn Thị Thu, anh là con trai thứ hai trong gia đình.

Thời niên thiếu, Nguyễn Quốc Ân sống với gia đình ở phố Khách (gần hồ Bán Nguyệt), thị xã Hưng Yên. Lên 7 tuổi, Nguyễn Quốc Ân học Trường Tiểu học thị xã Hưng Yên. Nguyễn Quốc Ân học khá, chữ viết đẹp, trình bày

⁶ Sinh năm 1931 (Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000, trang 829).

bài vở cẩn thận, sáng sủa, rõ ràng. Nguyễn Quốc Ân vẽ nhanh và đẹp, nhất là minh họa, khi lên 14 tuổi thi đỗ vào Trường Trung học Nguyễn Thiện Thuật ở thị xã Hưng Yên. Trong thời gian học ở trường, được tiếp thu tư tưởng Mác - Lênin, tinh thần cách mạng dân tộc, Tổ chức thanh niên yêu nước thu hút nhiều học sinh tham gia, trong đó có Nguyễn Quốc Ân. Đoàn thanh niên học sinh kháng chiến này hoạt động bí mật, tuyên truyền nhân dân và thanh niên học sinh không làm tay sai cho Pháp, ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Mặt trận Việt Minh, ủng hộ chính phủ cách mạng, ủng hộ và ca ngợi cụ Hồ Chí Minh... Trong các nhiệm vụ, Nguyễn Quốc Ân là người hoạt động thường xuyên, chu đáo khản trương nhất. Không những hoạt động bí mật mạnh mẽ mà Nguyễn Quốc Ân còn hăng hái công khai, cùng hiệu đoàn thanh niên lãnh đạo học sinh toàn trường mít tinh phản đối thủ hiến Bắc Việt về thăm Hưng Yên, phản đối chủ trương, công việc, hành động của Chu Duy Khánh - Hiệu trưởng Trường Trung học Nguyễn Thiện Thuật, là tên việt gian, ủng hộ Pháp và chính phủ bù nhìn.

Với hoạt động đó Nguyễn Quốc Ân bị địch theo dõi ráo riết. Nhiều lần Công an Bắc Việt gọi lên tra hỏi. Dù bị dụ dỗ, đe dọa, tra khảo thế nào, Nguyễn Quốc Ân vẫn kiên quyết giữ bí mật, vẫn lên án và phản đối Chính phủ Pháp, chính phủ bù nhìn và tay sai. Lần nào anh cũng công khai ca ngợi Chính phủ Hồ Chí Minh. Trước thái độ cương trực và lý lẽ sắt đá của Nguyễn Quốc Ân, chúng buộc phải thả ra.

Thực hiện âm mưu tìm hiểu tư tưởng học sinh, tên tay sai Chu Duy Khánh ra một đề văn cho học sinh làm, câu chữ của đề là: “Anh hãy so sánh hai chính phủ: Chính phủ Bảo Đại và Chính phủ Hồ Chí Minh. Chính phủ nào là chính phủ vì dân và được lòng dân hơn?”. Đề văn vừa đọc lên, Nguyễn Quốc Ân đã đứng lên phản đối công khai trước cả lớp. Trong bài viết của mình, anh đã hết lời ca ngợi chính phủ cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo và thẳng thắn lên án, tố cáo âm mưu, hành động của thực dân Pháp, Chính phủ Bảo Đại và tay sai.

Bài làm văn của Nguyễn Quốc Ân như cái tát vào mặt bọn tôi tớ cho Pháp. Chúng không lôi kéo được Nguyễn Quốc Ân và nhiều học sinh mà còn bị anh vạch mặt chỉ tên lên án. Lúc 7 giờ, tối ngày 15 tháng 3 năm 1951, Công an Bắc Việt theo lệnh của quan thầy, chúng ập vào huýt còi và trói ngay Nguyễn Quốc Ân. Vừa bắt về, chúng đã tra tấn, xét hỏi liên tục, Nguyễn Quốc Ân không khai có hoạt động Việt Minh trong trường, không khai ai cầm đầu lãnh đạo, không khai những học sinh tham gia phong trào kháng chiến. Chúng thay nhau tra tấn, hỏi cung từ lúc bắt Nguyễn Quốc Ân đến đêm hôm đó. Càng tra tấn, càng bắt lực, chúng càng đánh đập Nguyễn Quốc Ân dã man hơn. Trước khi chết, Nguyễn Quốc Ân đã dồn hết sức hô to: “*Hồ Chí Minh muôn năm!*”, “*Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm!*” hô liên tục đến hơi thở cuối cùng.

Để che đậy tội ác cho hành động bắt Nguyễn Quốc Ân khi không có tang chứng, chưa thành án đã đánh chết, chúng lén mang thi thể ra sông Hồng, chôn đầu và buộc đá vào cơ thể Nguyễn Quốc Ân thả xuống sông để xóa dấu vết.

Sau cái chết của Nguyễn Quốc Ân, phong trào bãi công, bãi thị, bãi khóa ở thị xã Hưng Yên và các vùng xung quanh lên rất cao. Trường Trung học Nguyễn Thiện Thuật không còn học sinh học. Phong trào noi gương Nguyễn Quốc Ân, trả thù diễn ra ở khắp các nơi, các tổ chức, nhất là học sinh, sinh viên, thanh niên, lực lượng vũ trang rất rầm rộ. Cơ sở Đảng, Mặt trận Việt Minh phát triển rộng ở thị xã và toàn tỉnh. Phong trào cách mạng ở thị xã và ngoài thị xã trở thành cao trào tiến lên giành chính quyền giải phóng thị xã. Thực dân Pháp thất bại, đội ngũ tay sai bị tan rã, tên Chu Duy Khánh phải chạy trốn.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Ngày 09 tháng 01 năm 1952, trên báo “Cứu quốc”, Bác Hồ (ký bút danh Đ.X) đã viết bài *Thanh niên oanh liệt*, trong đó có đoạn: “Sử xanh dài để tiếng thơm những người trung nghĩa thà chết chứ không chịu khuất giặc (các cụ ta thường nhắc chuyện ông Văn Thiên Tường, người Trung Quốc). Em Ân chỉ là một học sinh tuổi trẻ mà chí không kém ông Văn Thiên Tường. Một dân tộc có con cháu như vậy là một dân tộc chắc chắn thắng lợi.

+ Năm 1955, Nhà nước đã truy tặng Nguyễn Quốc Ân danh hiệu liệt sĩ, ghi tên vào danh sách những người có công với nước, hy sinh vì độc lập tự do cho dân tộc.

+ Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hưng Yên có ngôi trường cấp II (xây dựng năm 1968) và một tuyến đường mang tên Nguyễn Quốc Ân.

+ *Các sách, báo khác viết về nhân vật:*

- Tiến Hòa (1992), “*Sống mãi Nguyễn Quốc Ân, người học sinh yêu nước*”, Tạp chí Văn hóa thể thao, Số đặc biệt: Hội thảo khoa học Phó Hiến.- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Lê Văn Ba, *Nguyễn Quốc Ân và bài văn mang độ chín làm người*, <https://tienphong.vn/nguyen-quoc-an-va-bai-van-mang-do-chin-lam-nguoi-post107725.tpo>

- Phạm Thị Tuyên, *Lịch sử Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Hưng Yên (1925 - 2002)*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2006.

- Thu Thủy, *Tiếp bước Anh hùng Nguyễn Quốc Ân*, <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/chinh-sach/tiep-buoc-anh-hung-nguyen-quoc-an-473451>

- Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Quốc Ân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.2. BÙI ĐĂNG CHÂU

- Bùi Đăng Châu còn có tên Bùi Xán là quan đại thần triều Lê Hiển Tông được phong tước hầu, tước công - là phẩm tước cao hạng nhất nhì của Ngũ đẳng *Công-Hầu-Bá-Tử-Nam*.

- *Quê quán*: Thôn Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp nhân vật*: Ngay từ khi còn nhỏ Bùi Đăng Châu đã có chí lớn, ham đọc sách thánh hiền, am hiểu binh pháp Tôn Tử. Ông thi đỗ Tào sĩ dưới triều vua Lê Hiển Tông (1740 - 1786). Sau đó, Bùi Đăng Châu ra làm quan và được giao các chức vụ quan trọng trong triều như: Chánh thư hiệu Cung Thị Nam, Thị nội giám, Tư Lễ giám Tổng Thái giám, Đô đốc phủ Tả Đô đốc, tước Xán Trung hầu, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân; sau được phong làm Nam quân Đô đốc phủ, Thái tử, Đại tư không. Khi về trí sĩ, ông được ban tước Xán Trung công.

Trong chặng đường quan nghiệp với những cống hiến to lớn trong việc phò vua giúp nước, ông đã được triều đình phong tước hầu, tước công - là phẩm tước cao hạng nhất nhì của Ngũ đẳng *Công-Hầu-Bá-Tử-Nam* và còn được cấp thái ấp, lộc điền, vàng bạc,... Đặc biệt, ông được vua Lê ban đặc ân xây dinh thự, lăng mộ tại quê nhà và ban tặng những kỷ vật bằng đá (Bát bộ kim cương) theo kiến trúc thời Lê dành cho vua chúa và bậc đại thần. Sau khi mất, ông được vua Lê ban hai sắc phong làm Thái tử Đại vương và Xán Trung Quận công - đệ nhị hậu thân (Đệ nhất hậu thân là Bùi Đăng Sỹ - thân phụ của Bùi Đăng Châu).

Đối với quê hương, ông có những đóng góp to lớn: Gặp lúc nước nhà đang bị giặc cướp hoành hành, tàn phá thôn làng, người dân lưu lạc, ông đã dồn tài lực kêu gọi mọi người trở về tập trung khai khẩn đất hoang, tái thiết thôn làng, chỉnh đốn lại thuần phong mỹ tục, sửa sang chùa chiền, hưng khởi Phật đạo, lưu lại hơn một nghìn mẫu ruộng đất các loại cho dân.

- *Đánh giá công trạng, sự nghiệp* của Bùi Đăng Châu qua sách báo tài liệu:

+ Từ cuối thời Hậu Lê (thế kỷ XVIII) khi ông vẫn còn sống đã cho xây dựng lăng tại quê nhà để sau này, là nơi lưu giữ thi hài của ông và thờ cúng tổ tiên họ Bùi. Hiện nay, lăng mộ và đền thờ Bùi Đăng Châu còn gìn giữ nguyên vẹn nhiều đồ thờ tự, tế khí và tư liệu có giá trị về lịch sử, mỹ thuật, văn hóa như: sắc phong, đại tự, câu đối, các hiện vật bằng đá theo kiến trúc thời Lê như: ngai đá, nhang án đá, 3 án thư đá, voi đá, ngựa đá, bia trụ đá và đặc biệt là bộ bát tượng thần tướng đá,... Đó là những cổ vật vô giá còn bảo tồn và lưu giữ được đến ngày nay.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Nguyễn Quang Ngọc, *Vương triều Lê (1428 - 1527)*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 2022.

+ Thanh Thúy, *Độc đáo kiến trúc nghệ thuật bằng đá cổ: Đền thờ Bùi Đăng Châu*, <http://doisongtieudung.vn/doc-dao-kien-truc-nghe-thuat-bang-da-co-den-tho-bui-dang-chau-516748.html>

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Hiện nay tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ dân làng Đoàn Đào dựng bia xung tụng công lao, tôn làm thành hoàng của làng. Phần mộ của ông được an táng tại lăng trong dinh "Liên Hoa kết nhụy". Triều đình nhà Nguyễn cũng ban tặng sắc phong cho ông là *Dực bảo Trung hưng*, gia phong là *Đoan túc Linh phù tôn thần*.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Bùi Đăng Châu vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.3. NGUYỄN THẠCH CHI

- Nguyễn Thạch Chi có tên khác là Nguyễn Quỳnh Chi, Nguyễn Trọng Thường, Nguyễn Trọng Thạch.

- *Ngày tháng năm sinh*: Không rõ năm sinh, biết mất năm 1918

- *Quê quán*: Tại làng Xuân Dục, huyện Đường Hào (nay thuộc làng Xuân Đào, xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Khi còn nhỏ, cha hoạt động ở Trung Quốc, anh trai bị đày ra Côn Đảo, nên ông phải theo người nhà đi bôn ba khắp nơi. Ở tuổi thiếu niên, Nguyễn Thạch Chi đã cùng chú là Nguyễn Thiện Kế sang Trung Quốc hoạt động cách mạng.

Năm 1911, ông cùng Nguyễn Thiện Kế vượt biên sang tỉnh Quảng Đông - Trung Quốc để gặp Phan Bội Châu. Năm 1912, Nguyễn Thạch Chi dự hội nghị cùng với Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Lương Ngọc Quyến, Mai Lão Bạng, Hoàng Trọng Mậu... thành lập "Việt Nam Quang Phục Hội". Ông được phân công nhiệm vụ vận động cách mạng trong nước. Cụ thể là phát triển các hội viên trung kiên, thành lập các chi hội Việt Nam Quang Phục Hội, xây dựng căn cứ kháng chiến, vận động thanh niên gia nhập Quang Phục quân.

Tháng 11 năm 1912, ông cùng Nguyễn Hải Thần đem 6 quả tạc đạn, 300 đồng theo đường Lạng Sơn đánh vào Bắc Kỳ với nhiệm vụ giết tên toàn quyền

Abbert Sarraut, phá khoa thi Hương ở trường thi Nam Định. Kế hoạch không thành, ông phải trở lại Trung Quốc tiếp tục hoạt động.

Năm 1916, ông cùng Nguyễn Thượng Hiền sang Thái Lan liên lạc với công sứ Đức - Áo giúp đỡ vũ khí, tiền bạc cho Việt Nam đánh Pháp. Việc chưa có kết quả, hai ông trở về Trung Quốc. Sau đó ít lâu Nguyễn Thạc Chi nhận nhiệm vụ về nước tập hợp những người cùng chí hướng chống Pháp. Ông bị thực dân Pháp bắt khi đang dự Đại hội ở nhà ông Lý trưởng xã Đồng Chung (còn gọi là làng Chuông, nay thuộc xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên). Ông bị kết án chung thân và bị lưu đày ở Banh II, nhà tù Côn Đảo.

Ngày 14 tháng 12 năm 1918, Nguyễn Thạc Chi cùng Phạm Cao Chằm lãnh đạo 89 tù nhân Banh II, nhà tù Côn Đảo giết chết tên giám ngục Simon và hai tên lính mã tà, cướp súng của lính gác. Sau đó tên quản đốc Andouard dẫn lính đến chi viện và cho lính xả súng bắn chết Nguyễn Thạc Chi, Phạm Cao Chằm và 89 tù nhân.

Nguyễn Thạc Chi không chỉ là nhà cách mạng kiên cường, mà còn được biết đến với cương vị nhà một nhà giáo dục, một nhà thơ. Đến nay, trong gia phả còn chép lại một số bài thơ của ông như: "Thơ từ Côn Đảo gửi về:", "Bài ca chúc cha thượng thọ", "Năm bài ca luân lý".

Nguyễn Thạc Chi không chỉ là nhà cách mạng kiên cường, mà còn được biết đến với cương vị nhà một nhà giáo dục, một nhà thơ.

Trong gia phả còn chép lại một số bài thơ của ông như: "Thơ từ Côn Đảo gửi về:", "Bài ca chúc cha thượng thọ", "Năm bài ca luân lý".

- Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Vũ Thanh Sơn, *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* (quyển 15), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2013.

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Thạc Chi vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.4. LÊ GIẢN/TÔ DĨ

- Lê Giản có tên khai sinh là Tô Dĩ/Gĩ

- *Ngày tháng năm sinh*: Ông sinh ngày 02 tháng 8 năm 1913. Mất ngày 20 tháng 10 năm 2003

- *Quê quán*: Tại làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Thời thơ ấu ông được gia đình cho đi học cùng Tô Hiệu. Sau vì mẹ mất sớm, ông phải ra Hà Nội nhờ một người bà con buôn bán tơ lụa nuôi cho ăn học và giúp đỡ công việc vặt trong nhà.

Những năm 1926-1929, ông tham gia phong trào đấu tranh yêu nước của “học sinh đoàn”, một tổ chức của Việt Nam Cách mạng thanh niên. Năm 1930, ông được kết nạp Đảng.

Năm 1930, ông được Tô Chân bố trí vào Nam Kỳ hoạt động trong phong trào yêu nước cùng với Tô Hiệu và Tô Quang Đầu là những anh em họ, cùng là hậu duệ đời thứ 4 của cụ Đốc Nam Tô Ngọc Nữ. Năm 1931, ông từ Nam Kỳ trở lại miền Bắc, sau đó cùng gia đình chuyển xuống sinh sống ở Hải Phòng và tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1940, ông bị đế quốc Pháp bắt đày lên nhà tù Sơn La. Ở đây, ông cùng với anh em đấu tranh chống lại chế độ hà khắc của nhà tù. Cuộc đấu tranh tuy không đạt kết quả như mong đợi, nhưng qua đó ông trưởng thành, cứng rắn thêm, tích lũy được nhiều kinh nghiệm đấu tranh, hiểu rõ bản chất kẻ thù.

Tháng 6 năm 1941, ông bị Pháp đày đi Madagascar (châu Phi). Tháng 7 năm 1944 ông được trả về nước và tiếp tục hoạt động cách mạng ở Chiến khu Việt Bắc.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, tháng 10 năm 1945, ông được Chính phủ lâm thời điều động về hoạt động ở Hà Nội và giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an Bắc Bộ, rồi Tổng Giám đốc Nha công an Trung ương.

Tháng 5 năm 1958, ông được phân công sang công tác tại Tòa án nhân dân tối cao với chức danh Thẩm phán, Ủy viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao. Tháng 9 năm 1960, ông được bổ nhiệm Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Năm 1978, ông nghỉ hưu.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Lê Giản*:

+ Lê Giản đã cống hiến cả cuộc đời cho cách mạng, cho dân tộc. Từ khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho việc thành lập ngành Công an, rồi Tổng Giám đốc Nha công an Trung ương (từ năm 1946 cho đến năm 1953) công lao lớn nhất của ông là chỉ đạo ngành Công an bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, đặc biệt chỉ đạo phá vụ án Ôn Như Hầu nổi tiếng năm 1946 góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân củng cố chính quyền cách mạng, giúp cho đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Đến khi nghỉ hưu, ông vẫn tiếp tục cống hiến cho đất nước ông có nhiều bài báo và tham luận góp ý kiến với lãnh đạo về nhiều vấn đề của đất nước.

+ Năm 2011, Nhà nước đã truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Lê Giản.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ <http://kinhtetapdoan.vn/dong-chi-le-gian--giam-doc-nha-cong-an-trung-uong-ngay-ay-luon-nho-loi-bac-dan-thiet-dien-vo-tu-d9013.html#>.

+ Lê Giản, *Những ngày sóng gió - Hồi ký*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 2003.

+ Trần Minh Giang, “*Nguyên Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Lê Giản một con người đầy nhiệt huyết cách mạng*”, Báo Công lý, Ngày 13 tháng 4 năm 2012.

+ Nguyễn Đức Huệ (Chủ biên), *Di tích Lịch sử - Văn hóa Căng Bắc Mê (xã Yên Cường, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang)*, Nxb Hồng Đức, 2022.

+ Nguyễn Văn Ngọc, *Diệp viên nhảy dù thành Giám đốc công an Trung bộ*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1988.

+ Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1977

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Lê Giản vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.5. TRẦN ĐÌNH HOAN

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Trần Đình Hoan sinh ngày 20 tháng 10 năm 1939, mất ngày 25 tháng 3 năm 2010.

- *Quê quán:* Tại thôn Duyên Yên, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp nhân vật:* Tuổi thiếu niên và thanh niên ông học tập tại quê nhà.

Từ tháng 8 năm 1965, đến năm 1975, ông công tác và làm Bí thư Đoàn tại Vụ Quản lý Nhân công Bộ Lao động, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan Bộ Lao động.

Từ năm 1976 đến năm 1980, Trần Đình Hoan được cử đi tu nghiệp nước ngoài. Trần Đình Hoan bảo vệ luận án Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế - Lao động tại Viện Khoa học Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp Hungari với đề tài: “Sử dụng hiệu quả nguồn lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp Hungari” (năm 1980).

Năm 1981, Trần Đình Hoan về nước và được giao đảm trách các nhiệm vụ: Cục phó Cục Di dân – Bộ Lao động; Vụ trưởng Vụ Tổng hợp – Bộ Lao động (1982); Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (1989); Chánh Văn phòng Trung ương Đảng (1997); Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương kiêm Giám đốc, Bí thư Ban cán sự

đảng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương (2001-2006).

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Trần Đình Hoan*

+ Với nhiều công hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Nguyễn Công Hoan đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương Lao động hạng nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng và nhiều phần thưởng cao quý khác; được Đảng và Nhà nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào tặng thưởng Huân chương Tự do Itsala hạng Nhất; được Nhà vua Nhật Bản tặng thưởng Huân chương Mặt trời.

+ Năm 1996, ông được phong học hàm Phó Giáo sư. Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, Tiến sĩ Trần Đình Hoan làm Chủ nhiệm Chương trình khoa học cấp Nhà nước: *Phân bố và sử dụng nguồn lực lao động ở Việt Nam; Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở Việt Nam giai đoạn 2002-2006.*

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Báo Báo điện tử Đảng Cộng sản VN: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Động, *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Động (1930-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 2 (từ năm 1945 đến năm 2015)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ *Nhà hoạt động chính trị Trần Đình Hoan (Cựu sinh viên khoa Toán - Tin)*, <http://alumni.hnue.edu.vn/70-n%C4%83m/Ch%C3%A2n-dung-C%E1%BB%B1u-ng%C6%B0%E1%BB%9Di-h%E1%BB%8Dc/p/nha-hoat-dong-chinh-tri-tran-dinh-hoan-cuu-sinh-vien-khoa-toan---tin-8877>.

+ *Tiến sĩ người Hưng Yên, tập 1*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009

+ *Trần Đình Hoan*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/ban-bi-thu/khoa-ix/tran-dinh-hoan-456>

+ Vũ Tiên Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trần Đình Hoan vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.6. ĐẶNG VĂN KHẢI

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Đặng Văn Khải sinh năm 1974, mất năm 18931

- *Quê quán*: Tại làng Cự Đà, xã Lộng Đình, huyện Văn Giang (nay là thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời và sự nghiệp của nhân vật*:

Đặng Văn Khải đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm Bính Tuất, niên hiệu Minh Mệnh thứ 7 (1826). Tháng 11 năm Mậu Tý (1828), ông được cử làm Phó sứ sang nhà Thanh (Trung Quốc) nộp hai lễ cống năm Đinh Hợi (1827) và năm Kỷ Sửu (1829). Với năng khiếu thơ ca, ông dâng thơ chúc thọ vua Thanh và được ban thưởng tơ, đoạn, bút nghiên. Khi đoàn đến Yên Kinh, nói với bộ Lễ lại nói là: Vì sự hiếu dưỡng cần phải dùng nhân sâm, làm hại quốc thể, còn những đồ ngọc mua về đều là đồ pha lê cả, mà khi về lại chậm không kịp việc. Vì vậy, Đặng Văn Khải cùng với những người trong đoàn sứ bộ đi Trung Quốc là Nguyễn Trọng Vũ, Nguyễn Đình Tân đều bị cách chức. Sau đó, ông được cử đi Lữ Tống (Philippin) để chuộc tội, nhưng do thời tiết không thuận lợi nên nhà vua đổi phái đi Giang Lưu Ba (Indonesia).

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Đặng Văn Khải*

+ Đặng Văn Khải là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học, quan chức thời Nguyễn.

+ Theo ghi chép của Quốc sử quán trong sách *Đại Nam thực lục*: Với tài năng của mình Đặng Văn Khải dâng thơ chúc thọ vua Thanh và được ban thưởng tơ, đoạn, bút nghiên.

+ Trong thời gian thực hành công vụ ở Indonesia, Đặng Văn Khải đã tạo dựng được mối quan hệ hữu hảo giữa hai nước.

+ Sau khi mất, Đặng Văn Khải được vua truy phong chức Viên ngoại lang bộ Lễ.

+ Hiện nay tại thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên có nhà thờ họ Đặng.

- *Các tài liệu sách báo viết về Đặng Văn Khải*:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Quản lý Di tích tỉnh Hưng Yên, *Lý lịch Di tích Nhà thờ Tổ họ Đặng và Phái Đình hầu Đặng Duy Thiệu*.

+ Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

+ Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

+ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế nhị kỷ, quyển LV.

+ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế nhị kỷ, quyển LXIV.

+ Trần Hồng Đức, *Các vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2018

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đặng Văn Khải vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.7. NGUYỄN BÁ KHANH

- *Ngày tháng năm sinh*: Sinh năm 1711, mất năm 1775

- *Quê quán*: Tại xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Nguyễn Bá Khanh làm quan Tư đồ dưới triều vua Lê Hiển Tông. Đương thời, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình như: Cận thị nội giám, Tư lễ giám, Tổng Thái giám Đô đốc phủ, Tả tướng quân, Thái tử Đại tư đồ, Tước Trục Trung hầu Xưa kia vùng đất An Vĩ thường bị thảo khấu quấy rầy, nạn cướp bóc nổi lên khắp nơi, nhân dân không được yên ổn làm ăn phải rời bỏ quê hương ly tán khắp nơi. Trước tình hình đó, Nguyễn Bá Khanh đã phụng mệnh triều đình về dẹp loạn, khi nạn giặc được trừ xong ngài đã chiêu mộ những người dân lưu tán 10 năm ở tứ phương quay trở lại làm ăn. Chính bởi vậy, nhân dân trong xã tôn ngài làm Hậu thần. Ông đã có công lao với triều đình Hậu Lê nên khi tuổi cao, ông được nhà vua ban thưởng nhiều bổng lộc, cho về quê hương an nghỉ. Ngay từ khi còn sống, ông đã chuẩn bị xây dựng lăng cho mình vào lúc cuối đời.

Khu lăng Đại Tư đồ Nguyễn Bá Khanh tọa lạc ở cánh đồng phía Đông Nam thôn Hạ, xã An Vĩ, huyện Khoái Châu. Đây là công trình kiến trúc lăng tẩm được xây vào năm Canh Dần (1770), trên diện tích 280m². Trong khuôn viên lăng mộ có tấm văn bia ghi chép về Nguyễn Bá Khanh. Bia được tạo tác vào thời Lê Cảnh Hưng.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Nguyễn Bá Khanh*:

+ Nguyễn Bá Khanh làm quan Tư đồ dưới triều vua Lê Hiển Tông. Đương thời, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình như: Cận thị nội giám, Tư lễ giám, Tổng Thái giám Đô đốc phủ, Tả tướng quân, Thái tử Đại tư đồ, Tước Trục Trung hầu.

+ Có bia đá ghi chép về Đại Tư đồ Nguyễn Bá Khanh tại khu lăng mộ.

+ Lăng mộ Đại Tư đồ Nguyễn Bá Khanh được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là Di tích “*Kiến trúc nghệ thuật*” cấp quốc gia theo Quyết định số 267 tháng 01 năm 1998.

+ Nhân dân trong xã tôn Nguyễn Bá Khanh làm Hậu thần.

- Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Bảo tàng tỉnh Hưng Yên, *Di tích lịch sử - văn hóa Hưng Yên*, Hưng Yên, 2008.

+ *Hồ sơ di tích lăng Nguyễn Bá Khanh*, năm 1988.

+ *Văn Khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1992.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Bá Khanh vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.8. NGUYỄN CÔNG MỸ

- *Ngày tháng năm sinh*: Sinh năm 1909, mất năm 1949

- *Quê quán*: Tại làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Nguyễn Công Mỹ là em trai nhà văn Nguyễn Công Hoan, là anh của Nguyễn Công Miều (tức Lê Văn Lương) - Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương và Nguyễn Công Bằng - nguyên Phó Tổng Giám đốc Nha Công an.

Năm 1925, Nguyễn Công Mỹ tham gia biểu tình đòi thực dân Pháp thả nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu. Năm 1930, đang học năm thứ tư Trường Sư phạm Hà Nội, Nguyễn Công Mỹ bị buộc thôi học vì tham gia hoạt động cách mạng. Sau đó ông về Hải Phòng dạy học, tiếp tục hoạt động cách mạng và làm Trưởng Chi nhánh Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ.

Từ năm 1936 đến năm 1939, Nguyễn Công Mỹ được Đảng phân công hoạt động công khai, ông cùng các thầy giáo: Nguyễn Hữu Tảo, Lê Xuân Phùng cộng tác với Vũ Quý phát triển tổ chức “Hương đạo sinh” tại Hải Phòng, trực tiếp dẫn dắt phong trào theo con đường hoạt động yêu nước.

Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Công Mỹ giữ chức Ủy viên Tư pháp trong Ủy ban cách mạng lâm thời thành phố Hải Phòng, Trưởng ban Chống nạn thất học. Ngày 08 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ, Nguyễn Công Mỹ được Chính phủ bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Nha Bình dân học vụ đầu tiên của Việt Nam. Ngay sau khi nhận nhiệm vụ, ông đã bắt tay xây dựng tổ chức bộ máy, soạn chương trình, nội dung, sách giáo khoa, tìm nguồn giáo viên, học viên và tổ chức tốt phong trào bình dân học vụ.

Ngày 17 tháng 9 năm 1945, Nguyễn Công Mỹ chủ trì Hội nghị cán bộ toàn Nha để bàn và thông qua kế hoạch hành động. Tiếp sau đó ông cùng với Chính phủ liên tiếp tổ chức nhiều khóa huấn luyện ở Hà Nội và khu vực. Lớp đầu tiên mang tên “Khóa Hồ Chí Minh”, huấn luyện sư phạm Bình dân học vụ cho 70 giáo viên nòng cốt của 20 tỉnh thành khu vực Bắc Bộ. Trong buổi lễ

khai giảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự và nêu rõ ba nhiệm vụ cấp bách trước mắt là “chống nạn đói, nạn thất học, nạn ngoại xâm” và khẳng định “chống nạn thất học cũng như chống ngoại xâm”. Nguyễn Công Mỹ đã đứng lên đại diện đội ngũ Bình dân học vụ hứa sẽ thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao.

Kế thừa những thành quả và kinh nghiệm khi tham gia Hội Truyền bá Quốc ngữ, Nguyễn Công Mỹ đã triển khai và nhân rộng các lớp học Bình dân học vụ rộng khắp cả nước, trải từ Lạng Sơn đến Cà Mau, từ những nơi còn yên bình đến những địa phương đang kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau một năm hoạt động, Nha Bình dân học vụ đã thu được những kết quả to lớn: Số lớp học đã mở: 75.805 lớp; số giáo viên: 97.664 người; số học trò: 2.583.589 người; số sách đã phát hành: 865.254 cuốn sách giáo khoa và 263.266 cuốn sách cổ động.

Tính đến tháng 6 năm 1950, cả nước có hơn 10 triệu người thoát nạn mù chữ, 10 tỉnh, 80 huyện, 1.424 xã, 7.248 thôn được công nhận thanh toán nạn mù chữ. Thành tích đó có phần đóng góp không nhỏ của Tổng Giám đốc Nha Bình dân học vụ, nhà giáo cách mạng Nguyễn Công Mỹ.

Ngày 06 tháng 01 năm 1949, tại bến phà Yên Lệnh, thành phố Hưng Yên, trong lúc qua đò để đi kiểm tra các lớp Bình dân học vụ, máy bay Pháp ập đến, Nguyễn Công Mỹ bị trúng đạn, hy sinh.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Nguyễn Công Mỹ:*

+ Nguyễn Công Mỹ là một nhà hoạt động xã hội, có đóng góp rất lớn trong công cuộc xóa mù chữ tại Việt Nam đầu thế kỷ XX.

+ Theo tài liệu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia 2: Trong bài của Vũ Đình Hòe, *Tạp chí xưa và nay*, năm 2012, số 418 (tháng 12), tr.16. Sau một năm hoạt động Nha Bình dân học vụ đã thu được những kết quả số lớp học đã mở: 75.805 lớp; số giáo viên: 97.664 người; số học trò: 2.583.589 người; số sách đã phát hành: 865.254 cuốn sách giáo khoa và 263.266 cuốn sách cổ động.

+ Năm 1995, Nguyễn Công Mỹ được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, truy nhận là liệt sĩ.

+ Hiện nay tên của Nguyễn Công Mỹ được đặt cho tuyến đường thuộc địa phận quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ngô Văn Cát, *Việt Nam chống nạn thất học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1980.

+ Nguyễn Công Mỹ, <http://www.thuvienhaiphong.org.vn/tin-tuc/nguyen-cong-my>

+ Vũ Đình Hòe (2012), “Nguyễn Công Mỹ - Tư lệnh chiến dịch diệt giặc dốt”, Tạp chí Xưa và Nay, Số 418, Tr.16-18.

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Công Mỹ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.9. TÔ QUYỀN

- Tô Quyền có bí danh là Tô Lâm

- *Ngày tháng năm sinh*: Tô Quyền sinh năm 1929; mất năm 1996

- *Quê quán*: Tại làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Tháng 5 năm 1945, ông được tổ chức giao nhiệm vụ thành lập và phụ trách Đội Thiếu nhi cứu quốc làng Xuân Cầu. Dưới sự dẫn dắt tận tình của ông, những đội viên thiếu nhi hăng hái tham gia kháng chiến cứu quốc với những hoạt động như: làm liên lạc đưa thư cho cán bộ cách mạng, trinh sát, rải truyền đơn, tiếp tế cho bộ đội, tham gia biểu tình phản đối thực dân Pháp và bè lũ tay sai... Cuối năm 1946, ông được tổ chức cử lên nhận công tác tại tỉnh Bắc Ninh. Năm 1947, ông được kết nạp Đảng. Suốt trong những năm kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động và gắn bó với nhân dân vùng Kinh Bắc, Bắc Ninh. Mặc dù, hoạt động trong vùng địch hậu, đối diện với bao hiểm nguy, khó khăn, gian khổ nhưng người chiến sĩ công an ấy vẫn kiên cường, mưu trí cùng nhân dân anh dũng kháng chiến đến thắng lợi.

Năm 1969, ông được giao chức vụ Tỉnh ủy viên, phụ trách địa bàn Gò Dầu (Tây Ninh) - vùng trọng điểm đánh phá ác liệt của Mỹ, quân đội Sài Gòn. Bao bom đạn của chúng đã trút xuống mảnh đất này. Những năm tháng ấy, sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc, nhưng ông và đồng đội vẫn bám trụ kiên cường, cùng nhân dân Tây Ninh đập tan bao nhiêu cuộc hành quân, càn quét của địch, triệt phá những ổ biệt kích, gián điệp, Việt gian, góp phần cùng nhân dân miền Nam và cả dân tộc "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Tiêu biểu phải kể đến một số chiến công: Trận càn Junction City⁷ trong suốt 53 ngày đêm ròng rã, chúng dùng chất độc hóa học hủy diệt rừng, dùng phi pháo và máy bay đánh phá ác liệt vùng căn cứ, nhằm uy hiếp tinh thần lực lượng ta. Ông đã chỉ đạo lực lượng an ninh tỉnh Tây Ninh tập trung đánh xe tăng, phá hoại giao thông, bắn pháo vào sân bay Trảng Lớn,... làm hàng ngũ địch mất ổn định,

⁷ Đây là trận càn lớn nhất trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam. Để chuẩn bị cho trận càn này, Mỹ và quân đội Sài Gòn đã huy động 45 nghìn quân tinh nhuệ, với 1.200 xe tăng, 20 khẩu pháo, 162 máy bay chiến đấu, 322 trực thăng

buộc chúng phải phân tán lực lượng, tạo điều kiện cho quân chủ lực ta tiến đánh Sư đoàn 9 nguy. Sau đó, ông chỉ đạo lực lượng an ninh phối hợp mở đợt tiến công đầu tiên vào thị xã – sào huyệt của địch, làm cho địch núng thối, phải chuyển dần về thế phòng ngự và kết thúc trận càn với gần 4.000 tên địch thương vong, 90 máy bay, 352 xe tăng, 33 khẩu pháo bị phá hủy. Chiến công của lực lượng an ninh Tây Ninh đã góp phần bảo vệ an toàn căn cứ Trung ương Cục và căn cứ Tỉnh ủy.

Tháng 7 năm 1973, ông chỉ đạo Đội trinh sát vũ trang và an ninh huyện chiến đấu với 93 xe tăng của bọn thám sát vùng 3 tại xóm Đồng, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu. Trận đánh diễn ra ác liệt, sau 1 ngày chiến đấu địch phải rút lui với 73 tên bỏ xác tại trận. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ông tham gia Ban Chỉ huy của Tỉnh ủy Tây Ninh và chỉ đạo lực lượng an ninh phối hợp các lực lượng vũ trang tỉnh đánh địch trên các địa bàn trọng điểm, triển khai địa hình chốt chặn các hướng địch thoát thân, không cho chúng rút về tăng viện cho Sài Gòn. Ngày 29 tháng 4 năm 1975, Tây Ninh tổng công kích trên tất cả các hướng, đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì Tây Ninh hoàn toàn giải phóng. Khi đất nước thống nhất, vẫn tiếp tục cùng đồng đội và nhân dân truy quét tàn quân đội Sài Gòn và các cơ sở địch cài cắm lại, củng cố và xây dựng lực lượng công an ở vùng mới giải phóng.

Đến tháng 02 năm 1977, sau gần 12 năm xa gia đình, Tô Quyền trở lại quê hương, nhận nhiệm vụ mới là Trưởng ty Công an Hải Hưng và sống cùng gia đình trong một căn nhà giản dị tại “Khu gia binh” của Ty Công an Hải Hưng. Trong thời gian công tác tại đây, ông rất quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Công an nhân dân. Nhiều cán bộ chiến sĩ trẻ được cử đi ôn luyện, nâng cao kiến thức văn hóa tại Trường Bổ túc Văn hóa Trung ương (Chí Linh, Hải Hưng). Những ngày cuối tuần, ông tranh thủ vào thăm và động viên cán bộ chiến sĩ quyết tâm ôn luyện thật tốt để dự thi và đỗ vào các trường đại học của ngành. Nhiều người sau này đã trưởng thành, trở thành cán bộ nòng cốt, giữ những chức vụ quan trọng.

Sau đó, ông lần lượt được điều động giữ các chức vụ Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Quản lý trại giam (V26) (nay là Tổng Cục VIII – Bộ Công an) khi đã ở tuổi 62.

Trải suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, cương vị công tác nào, ông luôn vượt lên, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó, ông gắn bó và liên hệ mật thiết với quê hương, sống hòa đồng với đồng chí, đồng đội, đồng cam cộng khổ

sâu sắc với khó khăn, vất vả của quần chúng nhân dân. Ông là tấm gương sáng của một người cha mẫu mực, người cán bộ lãnh đạo chỉ huy kiên định, sáng tạo, một nhân cách ứng xử đầy tính nhân văn với công việc, với nhân dân, với gia đình, đồng chí, đồng nghiệp... Ông mất ngày 27 tháng 02 năm 1996.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Tô Quyền:*

+ Ngày 13 tháng 7 năm 2015, Tô Quyền được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Mỹ, cứu nước

+ Hiện nay, tại tỉnh Bắc Ninh, tên của Tô Quyền đã được đặt cho một con đường tại huyện Thuận Thành. Tại tỉnh Hưng Yên tên của ông được đặt cho một tuyến đường và một trường Mầm non của xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021.

+ Báo điện tử Công an nhân dân: <https://cand.com.vn/>

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Giang, *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Giang (1975-2020)*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2010.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Đỗ Văn Phú, *Người chỉ huy của 6 tập thể anh hùng*, <https://cand.com.vn/guong-sang/Nguoi-chi-huy-cua-6-tap-the-anh-hung-i379352/>

+ Lê Văn Ba, *Miền quê Văn Giang*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004.

+ Nguyễn Thị Trang, *Người Anh hùng sống mãi trong lòng dân*, <https://cand.com.vn/Nhan-vat-Su-kien-noi-bat/Nguoi-anh-hung-song-mai-trong-long-dan-i362878/>

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Tô Quyền vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.10. LÊ QUÝ QUỲNH

Lê Quý Quỳnh tên thật là Vương Văn Thành

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Lê Quý Quỳnh sinh ngày 27 tháng 6 năm 1923, mất ngày 04 tháng 7 năm 2012

- *Quê quán:* Tại xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào (nay là phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời và sự nghiệp:* Năm 16 tuổi (1939), ông ra Hà Nội học nghề, làm y tá tại Bệnh viện Phủ Doãn. Thời gian ở đây, dưới ảnh hưởng của các

nhân sĩ, trí thức tiến bộ yêu nước, nhiều lần ông dám tranh luận, chống đối không nghe lời chủ Tây, nên bị đuổi việc. Những năm sau đó, ông hành nghề tự do ở Hà Nội, được tiếp xúc với một số đảng viên cộng sản của Xứ ủy Bắc Kỳ như Nguyễn Chương, Hoàng Thế Cư. Năm 1944, với bí danh Lê Quý Quỳnh, ông về hoạt động tại Mỹ Hào. Tháng 1 năm 1945, ông được kết nạp Đảng. Tháng 8 năm 1945, ông tham gia lãnh đạo giành chính quyền ở Mỹ Hào, được cử làm Chính trị viên Huyện đội; Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Việt Minh huyện Mỹ Hào. Năm 1947, ông là Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách vùng tạm chiếm, Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh; Chính trị viên Tỉnh đội Hưng Yên.

Sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Lê Quý Quỳnh được điều về làm Trưởng phòng Tổ chức trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương (nay là trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc). Năm 1957, ông làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Hưng Yên. Từ 1959 đến 1968, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên.

Năm 1959, tại Đại hội Đảng bộ Hưng Yên lần thứ IV, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Ngay sau khi được bầu, ông đã ban hành Nghị quyết thực hiện “Tứ hóa” (thủy lợi hóa, hợp tác hóa, bổ túc văn hoá và quân sự hóa) trên toàn tỉnh Hưng Yên. Việc trước tiên phải thực hiện là thủy lợi hóa. Vào thời điểm đó, các tỉnh đều có phong trào, nhưng “Tứ hóa” chỉ riêng Hưng Yên có và được thực hiện sôi động. Phong trào “Tứ hóa” của Hưng Yên là một điển hình của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc lúc ấy. Dấu ấn đậm nét, làm thay đổi bộ mặt nông thôn vùng Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nội thời bấy giờ là việc ông đề xuất với lãnh đạo Nhà nước về xây dựng công trình Đại thủy nông Bắc Hưng Hải, công trình này còn nguyên giá trị đến ngày nay. Với quyết tâm cao và những thành tích to lớn trên mặt trận thủy lợi, Đảng bộ, nhân dân Hưng Yên đã vinh dự được Bác Hồ tặng cờ luân lưu “Làm thủy lợi khá nhất” miền Bắc 4 lần. Trong thời gian 9 năm (1959 - 1968) ông làm Bí thư Tỉnh ủy, Hưng Yên được Bác Hồ khen là tỉnh tiên tiến và vinh dự được đón Bác về thăm, động viên, biểu dương Đảng bộ, nhân dân nhiều lần.

Từ 1968 đến 1972, khi Hưng Yên, Hải Dương hợp nhất, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Hải Hưng. Từ tháng 4 năm 1972, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Hải Hưng. Sau giải phóng miền Nam, ông được Trung ương điều vào thành phố Hồ Chí Minh với cương vị Thành ủy viên, Phụ trách nông nghiệp, Giám đốc Sở nông nghiệp thành phố. Năm 1978, ông ra Hà Nội giữ chức Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp, kiêm Tổng Cục trưởng Tổng Cục khai hoang và xây dựng kinh tế mới. Tháng 2 năm 1979, ông giữ chức Phó Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng. Năm 1964, ông được bầu vào Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa III, sau đó ông tiếp tục được tái cử đại biểu Quốc hội các khóa IV, V. Trong cuộc sống thường ngày, ông sống giản dị, tiết kiệm, làm việc hết sức mình, luôn bám sát cơ sở, gần dân, luôn trăn trở, trách nhiệm với cộng đồng

nên được nhân dân thương yêu, đùm bọc. Đến nay, nhiều người dân Hưng Yên vẫn nhớ mãi hình ảnh ông Bí thư thường ngày đi xuống với dân và giải quyết công việc tại chỗ. Đây chính là bài học lớn của người cộng sản.

Năm 1997, tuy tuổi đã cao, ông là người đầu tiên kiên trì đề xuất, kiến nghị với Đảng, Chính phủ có chính sách quan tâm tới các nạn nhân bị nhiễm chất độc hóa học trong chiến tranh ở Việt Nam và là người đầu tiên đã quyên góp tặng quà cho các đối tượng da cam. Gần 67 năm liên tục hoạt động cách mạng, ông đã có nhiều công lao to lớn với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Lê Quý Quỳnh:*

+ Lê Quý Quỳnh, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Hải Hưng và Hưng Yên, trong công tác ông Lê Quý Quỳnh luôn có những “đề xuất sắc sảo”, chủ yếu xoay quanh khẩu hiệu: “Hưng Yên mở hội làm giàu”, sáng kiến này đã góp phần cải thiện rất nhiều đời sống cho người dân.

+ Lê Quý Quỳnh là một Bí thư có tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm.

+ Ghi nhận những thành tích, cống hiến của ông, Đảng, Nhà nước đã tặng thưởng ông Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương lao động hạng Ba, Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng và nhiều phần thưởng cao quý khác.

+ Hiện nay, tên của ông được đặt cho một tuyến đường thuộc phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên tại số 206/2019/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2019.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Ban Thường vụ tỉnh ủy Hưng Yên, *Bác Hồ với Hưng Yên - Hưng Yên với Bác Hồ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mỹ Hào, *Lịch sử Đảng bộ huyện Mỹ Hào tập 1 (1930 - 1954)*, Hưng Yên, 2004.

+ Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hào, *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hào*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2012.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Lê Quý Quỳnh vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.11. ĐẶNG DUY THIỀU

- Đặng Duy Thiều có tên chữ là Tuệ Châu, tên thụy Tran Ý

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Đặng Duy Thiều sinh ngày 12 tháng 12 năm 1733, mất ngày 26 tháng 9 năm 1812.

- *Quê quán*: Tại làng Cự Đà (làng Già, xã Lộng Đình), nay là thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Ngay từ nhỏ, ông tỏ ra là một người thông minh, trí tuệ hơn người, vừa thông kinh sử lại giỏi tính toán, được cha mẹ cho theo học thầy giỏi nhất vùng. Năm Tân Dậu (1741), giặc dã nổi lên khắp nơi, người dân trong vùng ốm đau, bệnh tật, chết đói rất nhiều, khi ấy ông 9 tuổi phải dừng việc học đi lánh nạn. Sau nhiều năm phiêu tán, ông trở về quê hương.

Năm Quý Dậu (1753), quan trấn thủ xứ Kinh Bắc là Điều Trung hầu phụng sự tra xét ruộng đất, đình điền để khôi phục việc canh tác. Đặng Duy Thiều khi ấy 21 tuổi, được bổ chức Thiểu khanh. Năm Giáp Tuất (1754), khi chúa Trịnh Sâm đến Đông Doanh, Đặng Duy Thiều được phong Phụng hầu Thái tử. Năm Bính Tý (1756), được sự tín nhiệm của nhân dân 7 thôn trong xã, ông được bầu làm Xã trưởng. Với sự cương trực, thông minh, Đặng Duy Thiều thay mặt nhân dân, đối chất với quan trên để được giảm tiền thu trong các khoản thu thuế vượt lệ.

Năm Tân Tỵ (1761), Đặng Duy Thiều sung quân đi đánh giặc, thắng lợi trở về được phong Đồng tri phủ phủ Trường Khánh, Hoảng tín Đại phu, tước Phái Trung tử, được ban ăn lộc dân tại xã Mại Đình, huyện Thanh Ba.

Năm Giáp Thân (1764) được ban chức Câu kê Hộ phiên và được ban thêm tước Tử. Cùng năm này, ông tham dự kỳ thi Hương, đỗ Tam trường. Kể từ đây, bằng tài năng, đức độ và những công lao đóng góp với triều đình, Đặng Duy Thiều được giao giữ các chức Thông chính sứ (1769), Tả trung doãn (1771), Tả thứ tử, tước Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu (1772),... Ngoài ra, ông từng phụng mệnh vua lập nhiều chiến công được thăng Anh liệt Tướng quân, Chỉ huy sứ (1784), phong tước Phái Đình hầu (1786), Câu kê Hộ phiên (1788),...

Theo gia phả của họ Đặng tại thôn Cự Đình và *Tục lệ thôn Cự Đình*, Đặng Duy Thiều là bậc hiền giả, từng thi đỗ Tam trường nên được bầu làm Hội trưởng Hội Tư văn của cả vùng, “cốt để làm rạng đạo thánh hiền, chấn khởi văn

phong” (1766). Ông còn được phong làm Phúc thần (Trung đẳng thần) của làng Cự Đà từ năm 1771 và được vua cấp 10 mẫu ruộng để thờ cúng sau này.

Năm 1774, quan viên chức dịch, hương lão trên dưới thôn Cự Đình đã họp bàn và suy tôn ông làm Phúc thần của đình làng. Năm 1775, quan viên trên dưới thôn Thượng Bá ở bản xã và Tri huyện Phùng Danh Thiên, Huấn đạo Phùng Dương Tuấn, Phùng Danh Trạc họp ban 5 giáp suy tôn ông làm Phúc thần được thờ ở đình làng. Cũng trong năm này, chức dịch trên dưới thôn Lộng Thượng và Đình Tô ở bản xã cùng các hương lão cũng họp bàn suy tôn ông làm Phúc thần và được thờ ở đình hai thôn.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Đặng Duy Thiều:*

+ *Bia Phúc thần bi ký* dựng năm Bính Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47 (1786) (bia được lưu giữ ở làng Cự Đình). Văn bia do các quan chức, học giả cùng nhân dân địa phương soạn khắc bằng chữ Hán để ca tụng công đức Đặng Duy Thiều.

+ Theo gia phả của họ Đặng tại thôn Cự Đình và *Tục lệ thôn Cự Đình*, Đặng Duy Thiều là bậc hiền giả, từng thi đỗ Tam trường nên được bầu làm Hội trưởng Hội Tư văn của cả vùng, “cốt để làm rạng đạo thánh hiền, chấn khởi văn phong” (1766). Ông còn được phong làm Phúc thần (Trung đẳng thần) của làng Cự Đà từ năm 1771 và được vua cấp 10 mẫu ruộng để thờ cúng sau này.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ *Cụm di tích nhà thờ Tổ họ Đặng đón Bằng công nhận Di tích lịch sử*, <https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/cum-di-tich-nha-tho-to-ho-dang-don-bang-cong-nhan-di-tich-lich-su-501762>

+ Ban Quản lý Di tích tỉnh Hưng Yên, *Lý lịch Di tích Nhà thờ Tổ họ Đặng và Phái Đình hầu Đặng Duy Thiều*.

+ Nguyễn Quang Ngọc, *Vương triều Lê (1428 - 1527)*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 2022.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đặng Duy Thiều vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.12. PHẠM VĂN THỤ

- Phạm Văn Thụ tự là Đan Viên, hiệu Đông Bạch Phái

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Phạm Văn Thụ sinh ngày 30 tháng 06 năm 1866, mất ngày 12 tháng 6 năm 1930.

- *Quê quán:* Tại làng Bến, tổng Bạch Sam, huyện Đường Hào (nay là phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên)

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Thừa nhỏ, ông nổi tiếng là người thông minh, ham học, từng thụ giáo các danh nho như Đặng Xuân Bảng ở Nam Định, Phó bảng Tô Huân ở xã Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Năm 20 tuổi, ông thi đỗ Tú tài, đến năm Tân Mão (1891) dưới triều vua Thành Thái, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Hương Nam Định, khi ấy ông 25 tuổi. Năm Nhâm Thìn (1892), ông vào Huế thi Đình và đỗ Phó bảng, cùng khoa với Nguyễn Thượng Hiền (đỗ Hoàng giáp).

Sau khi thi đậu, ông được bổ làm Tri huyện Thần Khê, Diên Hà, Phụ Dực tỉnh Thái Bình. Năm Đinh Dậu (1897), ông được thăng làm Tri phủ phủ Kiến Xương. Do mẫn cán trong công việc, ông được thăng vượt cấp làm Án sát sứ tỉnh Thái Bình. Khi thực dân Pháp đặt ách thống trị Bắc Kỳ, từ năm 1908 đến năm 1910, Phạm Văn Thụ làm Liêm phóng sứ trong Sở Liêm phóng (tức Sở mật thám) của người Pháp ở Bắc Bộ. Từ năm 1913 đến năm 1923, ông làm Tổng đốc Bắc Ninh, Nam Định. Năm 1925 ông nhận lệnh vào làm việc tại triều đình Huế, ông lần lượt giữ chức Thượng thư bộ Hộ, Thượng thư bộ Binh và được sung làm Cơ mật viện đại thần. Trong những năm cuối đời, ông được phong hàm Thái tử Thiếu bảo, Đông các Học sĩ và được ban tước nam.

Phạm Văn Thụ từng viết sách *Thái Bình tỉnh thông chí*, *An Nam sơ học sử lược dịch* và đề tựa, viết lời bạt một số sách như *Trung học Việt sử toát yếu*, *Việt sử tam tự tân ước toàn biên*, *Quốc triều luật học giản yếu...* Năm 1925, ông cáo quan về nghỉ tại quê nhà, dành nhiều thời gian để viết bản thảo *Đàn Viên ký ức lục*. Tập bản thảo không chỉ viết về tiểu sử cá nhân, gia đình, quê hương tác giả, mà điều quan trọng là nhiều sự kiện chính trị - xã hội của địa phương nơi ông làm quan được kể lại với tình cảm cởi mở, chân thành, làm rõ nhiều vấn đề lâu nay còn nghi hoặc.

Phạm Văn Thụ về hưu được hơn bốn năm, ngày 12 tháng 6 năm Canh Ngọ (tức ngày 07 tháng 7 năm 1930) ông bị bệnh đột ngột rồi mất tại quê nhà.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Phạm Văn Thụ*:

+ Phạm Văn Thụ là nhà khoa bảng, làm quan đại thần triều Nguyễn.

+ Trong quãng đời làm quan, Phạm Văn Thụ là một người yêu nước, thương dân. Phạm Văn Thụ đã chú ý đến việc canh nông, việc đê điều, mở trường học, mở chợ, khai sông... Ông đã có dịp gặp gỡ các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Đinh Chương Dương, Nghiêm Xuân Quảng...; và đã đem tiền lương ủng hộ phong trào Đông Du. Đặc biệt, Phạm Văn Thụ quan tâm nhiều đến việc bảo tồn, gìn giữ di tích lịch sử đất nước, ông gọi đó là “linh khí giang sơn”. Phạm Văn Thụ can thiệp không cho người Pháp dùng Văn miếu Quốc Tử Giám (Hà Nội) làm nhà thương, cứu đền Sóc Sơn khỏi bị đốt. Phạm Văn Thụ từng viết sách *Thái Bình tỉnh thông chí*, *An Nam sơ học sử lược dịch* và đề tựa, viết lời bạt một số sách như *Trung học Việt sử toát yếu*, *Việt sử tam tự tân ước toàn biên*, *Quốc triều luật học giản yếu...*

+ Hiện tại Khu mộ của Phạm Văn Thụ tại phường Bạch Sam, thị xã Mỹ

Hào được xếp hạng "Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh" theo Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2006.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật Phạm Văn Thụ:*

+ *Phạm Văn Thụ (1866 - 1930),*

<https://myhao.hungyen.gov.vn/portal/Pages/2023-5-17/PHAM-VAN-THU-1866--1930-4libr4.aspx>

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Quản lý Di tích tỉnh Hưng Yên, *Di tích lăng đá tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên, 2017.

+ Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hào, *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hào*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2022.

+ Hoàng Thị Ngọc, *Phạm Văn Thụ - Một tác gia Hán Nôm cuối TK XIX-đầu TK XX*, Thông báo Hán Nôm học 2006, tr.513-520.

+ Thư viện tỉnh Hưng Yên (1999), *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075 - 1919)*, Hưng Yên.

+ Vũ Ngọc Khánh, tiêu mục “Phạm Văn Thụ” in trong *Gương mặt văn hóa Việt Nam qua nhiều thế kỷ*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2012, tr. 296.

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Phạm Văn Thụ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.13. NGUYỄN ĐÌNH TÍNH

- Nguyễn Đình Tính còn có tên gọi khác là Chánh Tính

- *Ngày tháng năm sinh:* Không rõ năm sinh mất năm 1891

- *Quê quán:* Tại xã An Vĩ, tổng Yên Cảnh, phủ Khoái Châu (nay là xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên)

- *Cuộc đời và sự nghiệp:* Khi Pháp chiếm thành Hưng Yên, ông cùng anh trai là Nguyễn Đình Đề và Ba Sành làm lễ cáo yết thành hoàng, phất cờ đánh Pháp. Tháng 4 năm 1883, Nguyễn Đình Tính cùng 50 trai đình thuộc đội chống cướp của xã An Vĩ đến Thọ Bình (nay thuộc xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên) gia nhập nghĩa quân do Đinh Gia Quế lãnh đạo. Nguyễn Đình Tính được cử làm Chánh Đề đốc. Sau chiến thắng Ngọc Nha, Chánh Tính cùng vợ chồng Lãnh binh Nguyễn Túc, Nguyễn Thị Biên trú quân tại chùa Khê Ôn (làng Tiểu Quan, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu) bị quân Hoàng Cao Khải vây kín. Ông sai Hương Bình trèo lên gác chuông dùng loa gọi ra ngoài “Các quan Cần Vương chỉ đánh quân Pháp cướp nước mình, tàn sát đồng bào mình

giữ yên xã tắc, đèn miếu của tổ tông: Tất cả quân lính người Việt hãy dẹp đường cho quan quân đi”. Nghe tiếng loa truyền đồng dục, bọn lính Nam nhìn nhau kinh ngạc, chưa biết xử trí thế nào thì từ trong chùa một đoàn quân trên 100 người, quần áo nâu gọn gàng, súng gươm, giáo mác trên vai xếp ba hàng rầm rập tiến ra ngoài. Trước thái độ đường hoàng, ung dung của các tướng lĩnh và nghĩa quân, tất cả lính khố xanh, khố đỏ, dân binh bao vây trước cửa chùa vội vàng dẫn ra nhường đường cho nghĩa quân rút khỏi chùa.

Tháng 7 năm 1891, cánh quân của Chánh Tính bị một đạo quân lớn của Hoàng Cao Khải truy kích gắt gao nên ông và các Lãnh binh Nguyễn Đình Xuyên, Nguyễn Đình Đề, Ba Sành vượt qua sông Hồng sang Hà Đông. Chánh Tính chỉ huy 200 quân tấn công huyện Phú Xuyên, giết chết viên Tri huyện.

Tháng 8 năm 1891, quân Pháp truy kích Chánh Đề đốc Nguyễn Đình Tính mãi không được, chúng phải nhờ tên Lãnh binh Lê Văn Vãn phản bội, chỉ đường bao vây bắt được Chánh Tính. Sau khi bắt được Chánh Tính, chúng tiếp tục truy kích bắt được Lãnh Xuyên, Lãnh Đề. Chúng đưa ba ông về giam ở thành Hưng Yên. Ngày 21 tháng 8 năm 1891 (ngày 17 tháng 7 năm Tân Mão) chúng xử chém ba ông tại thị xã Hưng Yên.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Nguyễn Đình Tính:*

+ Nguyễn Đình Tính còn gọi là Chánh Tính, tướng lĩnh trong cuộc Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892).

+ Chánh Tính chỉ huy nhiều trận đánh táo bạo, gây tiếng vang như các trận: Trung Châu, Ngọc Nha, Kim Quan (huyện Khoái Châu), huyện Phú Xuyên... Trong trận Ngọc Nha, ông cho quân mai phục dưới cống, khi tiểu đội lính Pháp đi tới, anh em xông lên diệt gọn. Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1891, quân Chánh Tính hoạt động mạnh, diệt nhiều lính Âu Phi, lính Nam, trong đó có Giám binh hạng Nhất De Porto Carrero và Giám binh hạng Nhì La Sage.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam cận đại, những sử liệu mới*, tập 1, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

+ Phạm Hồng Tung, *Người anh hùng Nguyễn Thiện Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy trong hành trình lịch sử dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (490)/2017, tr. 47-52.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 5: Lịch sử Việt Nam từ năm 1802 đến năm 1858*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Vũ Thanh Sơn, *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2009.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Đình Tính vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.14. VŨ ĐÌNH TRÁC

- Vũ Đình Trác còn có tên gọi khác là Vũ Ngọc Trác, hiệu Tiên Công

- *Ngày tháng năm sinh*: Vũ Đình Trác không rõ năm sinh, mất năm 1786

- *Quê quán*: Tại thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Cuộc đời và sự nghiệp: Từ nhỏ Vũ Đình Trác đã phải lưu lạc đến tá túc ở ngôi chùa gần kinh đô. Vốn tư chất thông minh, tài trí hơn người, lại biết tự tu dưỡng học tập nên ông dần trở thành người giỏi về binh cơ và tài thao lược, văn, võ song toàn, được nhân dân trong vùng kính nể. Ông được triều đình phong làm quan, lập nhiều công tích đối với triều Lê Trung hưng. Ông từng trải qua các chức quan như Hữu nạp ngôn, Cai cơ, Phó tri Hộ phiên lĩnh Trấn thủ Tuyên Quang. Với những chiến công trong việc bảo vệ đất nước, ông trở thành quan đại thần dưới triều đình Hậu Lê, được phong đến chức Phụ quốc Thượng Tướng quân kiêm Nam quân Đô Đốc phủ Hữu Đô đốc, Thái phó, Đại tư đồ, chỉ đạo cả kỵ mã và chiến thuyền. Năm 1769, triều đình ra sắc phong Đại Tư đồ, Liâu Quận Công Vũ Đình Trác làm Liâu Trung công.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Vũ Đình Trác*:

+ Vũ Đình Trác là quan đại thần triều Lê Hiển Tông. Được ban sắc, các triều đại về sau cũng nhiều lần ban sắc phong cho Vũ Đình Trác: Sắc phong niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1859) gia phong “*Ôn hòa trung hậu, Dực vận phù tộ linh dân, Trang kính đại vương*”; Sắc phong niên hiệu Thành Thái thứ 9 (1897) gia phong “*Dực bảo trung hưng, Linh phù tôn thần*”; Sắc phong niên hiệu Khải Định gia phong thêm “*Đoan túc tôn thần*”.

+ Vũ Đình Trác được triều đình ban sắc chỉ, cấp ruộng đất, vàng bạc và cho xây dựng Xây dựng lăng và đền thờ tại quê hương. Đây là trường hợp đặc biệt, lăng và đền thờ được xây dựng trong thời gian Vũ Đình Trác vẫn đang sống và làm việc trong triều.

+ Hai làng Tiên Cầu, xã Hiệp Cường và thôn Duyên Yên, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động thờ Vũ Đình Trác làm Thành hoàng làng.

+ Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp khu đền lăng Vũ Tiên Công là nơi chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử hào hùng của địa phương. Đây

được chọn là nơi diễn ra các cuộc họp bàn các kế hoạch tác chiến, đồng thời là nơi mai phục, trú ẩn của du kích và bộ đội địa phương.

+ Đền thờ Vũ Tiên Công được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa nghệ thuật cấp quốc gia từ năm 1992.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2008), *Di tích lịch sử - văn hóa Hưng Yên*, Hưng Yên.

+ Ban Quản lý Di tích tỉnh Hưng Yên (2017), *Di tích lăng đá tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên.

+ *Thăm lăng và đền thờ Vũ Tiên Công - Di tích lịch sử văn hóa nghệ thuật Quốc gia*, <https://baohungyen.vn/tham-lang-va-den-tho-vu-tien-cong-di-tich-lich-su-van-hoa-nghe-thuat-quoc-gia-18352.html>

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

+ Xuân Thiêm và Đào Quang Lâm, *Kim Động vùng văn hóa dân gian đặc sắc*, Hội Văn học - Nghệ thuật Hưng Yên xb., Hưng Yên, 2008.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Vũ Đình Trác vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.15. DƯƠNG BÁ TRẠC

- Dương Bá Trạc biệt hiệu là Tuyết Huy

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Dương Bá Trạc sinh ngày 22 tháng 4 năm 1884, mất năm 1944.

- *Quê quán:* Tại làng Phú Thị, tổng Mễ Sở, huyện Khoái Châu (nay là xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời và sự nghiệp:* Năm 16 tuổi Dương Bá Trạc thi đỗ Cử nhân Hán học khoa Canh Tý (1900). Năm Giáp Thìn (1904), ông cùng Phan Chu Trinh vào mật khu Yên Thế bàn việc nước với thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám. Năm 1906, ông cùng bạn bè là Nguyễn Quyền, Lê Đại, Lương Văn Can... lập trường Đông Kinh Nghĩa Thực - một trường tư, giảng dạy với tư tưởng mới khác với lối học, từ chương trình, khoa cử trước đây. Dương Bá Trạc vừa trực tiếp giảng dạy vừa ở trong Ban Tu thư, viết giáo án, soạn sách đọc... Ảnh hưởng của trường Đông Kinh Nghĩa Thực lan rộng, trở thành phong trào học tập có tính yêu nước khiến thực dân Pháp lo sợ. Vì thế Thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa trường Đông Kinh Nghĩa Thực vào tháng 12 năm 1907. Vì có tư tưởng yêu nước, tiến bộ ông bị thực dân Pháp bắt giam vào Hỏa Lò rồi đưa vào biệt xứ ở Nam Kỳ và đày ra Côn Đảo. Sau 20 tháng bị tù, thực dân Pháp đưa Dương Bá Trạc về quản thúc tại Long Xuyên (An Giang). Năm 1917, ông được trả tự do,

sau đó ông viết sách, làm báo, cộng tác với các tờ *Nam phong, Trung Bắc tân văn, Văn học*... Sinh thời ông viết khá nhiều sách hiện còn lưu giữ tại các thư viện lớn ở Trung ương một số tác phẩm như: *Gia lễ giản yếu, Vịnh Hai Bà Trưng, Khấp Ngư Hải*....

Năm 1944, khi quân Nhật vào Đông Dương, thấy Dương Bá Trạc là nhà trí thức có uy tín, chúng tìm cách tranh thủ mua chuộc, song âm mưu đó bị thất bại. Dương Bá Trạc bị quân Nhật đưa sang an trí tại Singapore và mất ở đó.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Dương Bá Trạc:*

+ Dương Bá Trạc là chí sĩ yêu nước nhà báo, nhà văn Việt Nam thời Pháp thuộc.

+ Hiện nay tên của ông được đặt cho một ngôi trường thuộc Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là trường THCS Dương Bá Trạc. Ngoài ra, tên của ông còn được đặt tên cho đường phố tại thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Chương Thâu, *Dương Bá Trạc - con người và thơ văn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2004.

+ *Dương Bá Trạc tiểu sử và thơ văn*, Nxb Đông Tây, 1945

+ Dương Tự Quán, *Dương Bá Trạc - con người và thơ văn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2004

+ Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, 1992.

+ Ninh Thị Sinh, Dương Bá Trạc (1884-1944), một trí thức tiên bộ trong phong trào chấn hưng phật giáo ở Bắc Kỳ (1934-1945), <https://chuaxaloi.vn/thong-tin/duong-ba-trac-18841944-mot-tri-thuc-tien-bo-trong-phong-trao-chan-hung-phat-giao-o-bac-ky-19341945/1684.html>.

+ Phạm Kim Thanh, *Dương Bá Trạc (1884-1944), lòng son trả nợ giang sơn*, <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/68489/duong-ba-trac-1884-1944-long-son-tra-no-giang-son.html>

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Dương Bá Trạc vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.16. HÒA THƯỢNG THÍCH THANH TỨ

- Hòa thượng Thích Thanh Tứ thế danh là Trần Văn Long

- *Ngày, tháng, năm sinh*: sinh năm 1927, viên tịch ngày 2 tháng 11 năm 2011.

- *Quê quán*: Tại thôn Miêu Nha, xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Năm lên 6 tuổi, Hòa thượng Thích Thanh Tứ được Ni trưởng Thích Đàm Ân trụ trì chùa Nho Lâm, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nhận về nuôi và cho đi học tại trường trong vùng.

Năm 12 tuổi, Ni trưởng Thích Đàm Ân cho đến thụ giáo Hòa thượng Thích Thanh Hồ, trụ trì chùa Đổng Long (xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên). Với đạo hạnh và trí tuệ thông minh, ông được thụ giới Sadi năm 1939. Năm 1947, Hòa thượng Thích Thanh Tứ được thụ Đại giới Tỷ kheo tại chùa Đổng Long do Tổ đình chùa Pháp Quang (thôn Thọ Ngãi, xã Minh Tân, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây, nay là thành phố Hà Nội) tổ chức.

Tháng 3 năm 1945, được sự chỉ đạo của tổ chức cách mạng, Hòa thượng Thích Thanh Tứ đã lên kế hoạch cùng nhân dân địa phương tổ chức phá kho thóc Nhật đặt tại chùa Đổng Long nơi mình đang tu hành và tập hợp quần chúng nhân dân, Phật tử trong vùng đấu tranh, giành chính quyền năm 1945 tại quê hương.

Cách mạng tháng Tám thành công, Hòa thượng Thích Thanh Tứ lại tiếp tục tham gia các phong trào phụng đạo yêu nước của giới tăng ni, Phật tử tỉnh Hưng Yên. Từ năm 1947 đến năm 1949, Hòa thượng Thích Thanh Tứ được suy cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Hưng Yên, tổ chức thành viên của Hội Liên Việt (nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Từ năm 1950 đến tháng 10 năm 1953, Hòa thượng Thích Thanh Tứ trực tiếp tham gia lực lượng vũ trang bí mật tỉnh Hưng Yên, làm công tác dân vận, thúc đẩy tăng ni, Phật tử tích cực tham gia các phong trào lao động sản xuất ủng hộ kháng chiến. Vì thế Hòa thượng Thích Thanh Tứ đã nhiều lần bị thực dân Pháp bắt giam và tra tấn. Hòa thượng Thích Thanh Tứ trải qua nhiều trại giam như: Bốt La Tiên, bốt Lực Điền, nhà thờ Kẽ Sắt, nhà giam ở tỉnh Hải Dương, nhà tù Hỏa Lò, nhà giam Thanh Liệt (Hà Đông).

Từ năm 1953 đến năm 1973, Hòa thượng Thích Thanh Tứ dành tâm huyết khôi phục các hoạt động Phật giáo tại các chùa Đổng Long, Nho Lâm, Phó Nham, tham gia thành lập Tùng Lâm Phật giáo tỉnh Hưng Yên, được suy cử làm Chánh Thư ký. Khi hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên hợp nhất thành tỉnh Hải Hưng (1968), ông được suy tôn làm Chánh Thư ký Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam tỉnh Hải Hưng. Những năm chiến tranh ác liệt, đời sống kinh tế - xã hội rất khó khăn, việc thực thi chính sách tôn giáo ở các cơ sở địa phương có nhiều bất cập. Trong tình thế đó, bằng uy tín của mình, tranh thủ sự hỗ trợ của chính quyền các cấp, Hòa thượng Thích Thanh Tứ đã cùng chư tôn đức trong tỉnh quan tâm, kiện toàn hệ thống tổ chức Phật giáo, hướng dẫn tăng

gia sản xuất tự túc, giúp đỡ tăng ni các tu viện vượt qua khó khăn về đời sống vật chất, duy trì việc tu hành có nề nếp.

Từ năm 1973 đến năm 2011, Hòa thượng Thích Thanh Tứ tham gia Ủy viên Ban Trị sự Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng I Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Đại biểu quốc hội khóa XI, khóa XII...

Dù ở vị trí, cương vị nào, Hòa thượng Thích Thanh Tứ luôn nhận được tình cảm kính trọng đặc biệt của tăng ni, phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như cộng đồng xã hội. Đảng, Nhà nước, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trao tặng Hòa thượng Thích Thanh Tứ nhiều phần thưởng cao quý như: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Đại đoàn kết toàn dân tộc...

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Hòa thượng Thích Thanh Tứ:*

+ Hòa thượng Thích Thanh Tứ là nhà lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

+ Đảng, Nhà nước, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trao tặng ông nhiều phần thưởng cao quý như: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Đại đoàn kết toàn dân tộc...

+ Hòa thượng Thích Thanh Tứ đã lên kế hoạch cùng nhân dân địa phương tổ chức phá kho thóc Nhật đặt tại chùa Đống Long nơi mình đang tu hành và tập hợp quần chúng nhân dân, phật tử trong vùng đấu tranh, giành chính quyền năm 1945 tại quê hương.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật Hòa thượng Thích Thanh Tứ:*

+ *Hòa thượng Thích Thanh Tứ (1927 - 2011)*, <https://chuaxaloi.vn/thong-tin/hoa-thuong-thich-thanh-tu-19272011/2537>.

+ Lê Văn Ba, *Nhà văn Việt Nam trong nhà tù quân xâm lược*, Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2015

+ *Tiểu sử Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Tứ*

+ Xuân Thiêm và Đào Quang Lâm, *Kim Động vùng văn hóa dân gian đặc sắc*, Hội Văn học - Nghệ thuật Hưng Yên xb., Hưng Yên, 2008

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật *Hòa thượng Thích Thanh Tứ* vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.17. TRẦN VỸ

- Trần Vỹ tên khai sinh là Nguyễn Văn Tích

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Trần Vỹ sinh năm 1921, mất năm 1995.

- *Quê quán:* Tại làng Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, tổng Yên Nhân, huyện Mỹ Hào (nay là thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên)

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Trần Vũ tham gia Hội Thanh niên cứu quốc, phụ trách Trung đội tự vệ của trường. Tháng 9 năm 1944, ông tham gia tổ chức cơ sở bí mật, phụ trách Trung đội tự vệ và tham gia giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám tại Hà Nội năm 1945.

Tháng 10 năm 1945, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cử làm Bí thư Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cứu quốc Liên khu 2, Hà Nội.

Năm 1946 ông làm Bí thư Ban Chấp hành Khu bộ Việt Minh Liên khu 2. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ kiêm Ủy viên quân sự Liên khu 2, rồi làm Bí thư Đảng ủy Liên khu 2.

Tháng 2 năm 1947, ông được cử làm Trưởng phòng Dân quân Liên khu 3. Tháng 9 năm 1949 ông được điều động làm Quyền Cục trưởng Cục Dân quân, thuộc Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ tháng 7 năm 1950, ông là Cục trưởng Cục Dân quân, Bộ Tổng tham mưu, Chỉ huy trưởng Mặt trận Hà Nội, Ủy viên quân sự Ủy ban kháng chiến hành chính Hà Nội. Năm 1951, ông được bầu làm Ủy viên ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội và được cử làm Chỉ huy trưởng Mặt trận Hà Nội.

Từ năm 1954, ông là Trưởng đoàn Đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam tại Ủy ban Liên hợp Bắc Bộ. Những năm 1955 - 1956 ông làm Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội. Tháng 4 năm 1956, ông được cử làm Giám đốc Sở Công an Hà Nội. Tháng 7 năm 1957, ông được bầu làm Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội. Năm 1962, ông là Phó Bí thư Thành ủy, Trưởng ban Công nghiệp. Tháng 4 năm 1964, ông là Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Hà Nội.

Từ năm 1965 đến năm 1969, ông được phong cấp hàm Đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam và được giao nhiệm vụ Chính ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô, kiêm Chủ nhiệm Hội đồng Phòng không nhân dân Thành phố Hà Nội cho đến khi kết thúc cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc Việt Nam năm 1972.

Tháng 12 năm 1976, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV ông được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Từ năm 1976, ông là Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Năm 1977, ông được bầu thay thế ông Trần Duy Hưng giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3 năm 1982), ông được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đại biểu Quốc Hội khóa VII. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Tháng 5 năm 1990, ông được nghỉ hưu theo chế độ thường trú tại nhà số 03, Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ông từ trần ngày 05 tháng 7 năm 2003.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Trần Vỹ:*

+ Trần Vỹ tên khai sinh là Nguyễn Văn Tích là nhà hoạt động chính trị, nguyên Giám đốc Công an Thành phố Hà Nội (từ năm 1956 - 1957), Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (từ năm 1977 - 1987).

+Trần Vỹ được Đảng và Nhà nước trao tặng: Huân chương Độc lập hạng Nhất (1958), Huân chương Chiến thắng hạng Nhất (1958), Huân chương Kháng chiến hạng Nhất (1984), truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh (2013) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

+ Trần Vỹ được Đảng và Nhà nước trao tặng: Huân chương Độc lập hạng Nhất (1958), Huân chương Chiến thắng hạng Nhất (1958), Huân chương Kháng chiến hạng Nhất (1984), truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh (2013) và nhiều phần thưởng cao quý khác. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định lấy tên ông đặt cho một tuyến phố tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

+ Hiện nay tên ông đặt cho một tuyến phố tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên - Ban chỉ huy quân sự Huyện Yên Mỹ, *Lịch sử quân sự huyện Yên Mỹ (1945 - 2015)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015.

+ *Chân dung 10 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội qua các thời kỳ*, <https://laodong.vn/thoi-su/chan-dung-10-chu-tich-ubnd-tp-ha-noi-qua-cac-thoi-ky-1071312.ldo>

+ *Có Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Trần Vỹ được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh*, <https://dangcongsan.vn/phap-luat/co-chu-tich-ubnd-thanh-pho-ha-noi-tran-vi-duoc-tang-thuong-huan-chuong-ho-chi-minh-118517.html>

+ *Trao huân chương cho các đồng chí nguyên là lãnh đạo thành phố Hà Nội*, <https://hanoimoi.vn/trao-huan-chuong-cho-cac-dong-chi-nguyen-la-lanh-dao-thanh-pho-ha-noi-301657.html>

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trần Vỹ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.18. NGUYỄN NGỌC XUÂN

- Nguyễn Ngọc Xuân còn có tên gọi khác là Nguyễn Văn Xuân

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Nguyễn Ngọc Xuân sinh năm 1902, mất năm 1981.

- *Quê quán*: Tại làng Ngọc Lập, tổng Chương Xá, huyện Mỹ Hào, nay là tổ dân phố Ngọc Lập, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Cuộc đời và sự nghiệp: Năm 1924 - 1925, Nguyễn Ngọc Xuân học Trường Kỹ nghệ Hà Nội. Sau đó, ông làm thợ ở các xưởng Trường Thi, La Phù và phòng thí nghiệm khoáng chất - hóa học ở Hà Nội. Năm 1929, Nguyễn Ngọc Xuân tham gia Việt Nam Quốc dân Đảng, được giao nhiệm vụ phụ trách việc in báo “*Đường cách mạng*”, đảm nhiệm việc liên lạc, vận chuyển vũ khí mua ở Hải Phòng.

Nguyễn Ngọc Xuân đã từng bị thực dân Pháp bắt, xử tù chung thân và bị đày đi nhiều nhà tù khét tiếng như: Côn Đảo, Hỏa Lò, cǎng Vụ Bản (Hòa Bình). Thời gian ở trong tù, ông nhận thấy Quốc dân Đảng đã dần xa rời quần chúng nhân dân, xa rời lý tưởng ban đầu. Thêm vào đó, thời gian ở Côn Đảo được gần gũi với những người cộng sản, ông đã giác ngộ lý tưởng cộng sản.

Năm 1936, Nguyễn Ngọc Xuân được thả, nhưng vẫn bị quản thúc, theo dõi ở quê. Tìm mọi cách để bắt liên lạc với Đảng. Năm 1944, cách mạng đã thành lập căn cứ ở Cao-Bắc-Lạng. Lực lượng vũ trang tập trung hình thành và phát triển, nhu cầu về vũ khí có những đòi hỏi mới. Ngoài chiến lợi phẩm thu được trong chiến đấu, cần phải tổ chức sản xuất để phục vụ chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ - Lê Liêm khẩn trương chỉ đạo xây dựng xưởng sản xuất vũ khí bí mật ở làng Chè (Tiên Sơn, Bắc Ninh) và giao nhiệm vụ cho ông cùng ông Ngô Gia Khảm thành lập xưởng.

Do có kiến thức về công nghiệp và hóa chất, ông cùng Nguyễn Ngọc Vân mày mò chế tạo một số vũ khí và lựu đạn. Ngoài vốn kiến thức đã được học, ông không ngừng tự học về thuốc nổ và chế thử thành công thuốc đen và phuy-mi-nát thủy ngân - một loại thuốc gợi nổ rất cần trong sản xuất vũ khí.

Ngày 20 tháng 8 năm 1945, Nguyễn Ngọc Xuân mang vũ khí do mình chế tạo tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh Bắc Ninh. Ngay sau đó, ông nhận được lệnh yêu cầu bàn giao xưởng vũ khí để về Hà Nội nhận công tác mới của Trung ương.

Về Hà Nội, gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp, ông mới biết mình được bầu vào Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, giữ chức Bộ trưởng không bộ. Ông giữ chức vụ này cho đến khi Chính phủ Liên hiệp chính thức ra mắt ngày 02 tháng 3 năm 1946.

Ngày 15 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Phòng Quân giới trực thuộc Bộ Quốc phòng (tiền thân của ngành Công nghiệp quốc phòng) với hai nhiệm vụ: Thu thập, mua sắm vũ khí và tổ chức cơ sở sản xuất vũ khí. Ông Vũ Anh được giao nhiệm vụ phụ trách chung, Nguyễn Ngọc Xuân làm Chánh phòng Quân giới. Trong những ngày đầu, Phòng Quân giới gồm các bộ phận: sưu tầm, mua sắm, phân phối vũ khí; lập các bản vẽ kỹ thuật vũ khí; văn phòng.

Ngày 25 tháng 3 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh tổ chức lại cơ quan Bộ Quốc phòng, trong đó Phòng Quân giới chuyển thành Cục Quân giới do Nguyễn Ngọc Xuân làm Phó Cục trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy.

Kháng chiến toàn quốc nổ ra, chấp hành chỉ thị của Chủ tịch nước, ông cùng cán bộ và công nhân của ngành vận chuyển máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu ra khu căn cứ. Vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, ông cùng đồng đội vừa di chuyển, vừa ổn định tổ chức, triển khai sản xuất lại vừa sát cánh chiến đấu cùng chiến sĩ ngoài mặt trận.

Tháng 9 năm 1954, Cục Quân giới chuyển từ Việt Bắc về Hà Nội, được tổ chức thành 4 phòng (Quản lý sản xuất, vật tư, chính trị, tài vụ) và 2 ban (quân y, hành chính) do Nguyễn Ngọc Xuân làm Cục trưởng (thay Trần Đại Nghĩa được cử làm Thứ trưởng Bộ Công nghiệp).

Năm 1959, ông chuyển ngành làm Phó Ban Chỉ huy công trường gang thép Thái Nguyên, Cục trưởng Cục Cơ khí - Bộ Công nghiệp nặng (1960), Trưởng ban Kiểm tra - Bộ Công nghiệp nặng (1962). Năm 1962, vì lí do sức khỏe, ông được Nhà nước cho nghỉ hưu. Một tháng sau đó ông bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người. Năm 1981, ông qua đời sau gần 20 năm chống chọi với bệnh tật.

- *Đánh giá công trạng và đóng góp của Nguyễn Ngọc Xuân:*

+ Nguyễn Ngọc Xuân là kỹ sư quân khí và chính khách Việt Nam, Ủy viên Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Cục trưởng Cục Cơ khí, Bộ trưởng Không bộ trong Chính phủ liên hiệp lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hòa⁸. Ngoài ra, ông còn được mọi người gọi với tên: “Cha đẻ lựu đạn vỏ gang kiểu đập”.

+ Nguyễn Ngọc Xuân cùng đồng nghiệp chế tạo một số vũ khí và lựu đạn chế thử thành công thuốc đen và phuy-mi-nát thủy ngân - một loại thuốc gọi nỏ rất cần trong sản xuất vũ khí.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Bộ Quốc phòng- Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng - Kinh tế, *Lịch sử quân giới Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1990.

⁸ Chính phủ Liên hiệp lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hòa được thành lập ngày 01/01/1946 trên cơ sở cải tổ từ Chính phủ lâm thời (chỉ gồm các thành viên Việt Minh), có thêm một số thành viên của Việt Quốc, Việt Cách. Chính phủ này tồn tại đến ngày 02/3/1946 thì chuyển sang Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến do Quốc hội khóa I cử ra.

+ Phạm Quang Đầu, Đức Nhuận, Mai Huyền, *Giấu trong hạt lúa: Tập ký, thơ, nhạc kỷ niệm 55 năm Ngành Quân giới Việt Nam (15/9/1945 - 15/9/2000)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.

+ Trần Đỗ Thành (C.b), Vũ Ngọc Linh, *Lịch sử ngành kỹ thuật quân khu 3 trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.

+ Trương Khánh Châu (C.b), *Đặc trưng công nghệ vũ khí trang bị kỹ thuật các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 9: Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Ngọc Xuân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

*** VỀ LĨNH VỰC QUÂN SỰ CÓ 40/125 NHÂN VẬT**

1.2.19. NGUYỄN VĂN ÁT

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Nguyễn Văn Át sinh năm 1933 mất năm 1954

- *Quê quán*: Tại xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Khi 15 tuổi, Nguyễn Văn Át tham gia cách mạng, được giao nhiệm vụ làm liên lạc cho Đại đội Bãi Sậy, tham gia rải truyền đơn, trinh sát, đột nhập bắt địch để nắm tình hình và đưa đón cán bộ...

Năm 1950, ông gia nhập Đội du kích thôn Quảng Uyên, cùng Đại đội du kích Bãi Sậy tham gia nhiều trận đánh. Bằng sự mưu trí, dũng cảm, ông đã cùng Ban Chỉ huy Đại đội Bãi Sậy dẫn đầu vào tiêu diệt bót Nho Lâm và bắt tên đồn trưởng bót Nhân Lý. Đặc biệt, trong trận chiến đấu đêm 6 tháng 6 năm 1954, ông cùng Đại đội du kích xã Minh Châu nhận nhiệm vụ đánh mìn, phá đường, chống cản để cản bước tiến của địch từ bót Bàn, bót Dị Sử, huyện Mỹ Hào về các huyện giáp sông Hồng, tỉnh Hưng Yên. Nguyễn Văn Át có nhiều kinh nghiệm nên được giao nhiệm vụ đánh mìn, trinh sát để đưa đoàn dân công xuống đoạn cống Ròng trên đường 39A phá hoại đường giao thông, cản bước rút lui của địch. Bị phục kích hai bên rìa đường và ở dưới ruộng, ông bị địch bắt đưa về bót Lực Điền. Dù bị địch tra tấn hết sức tàn bạo, nhưng ông vẫn kiên cường chịu đựng, không khai báo quyết bảo vệ cơ sở và tổ chức. Ngày 12 tháng 6 năm 1954, chúng buộc ông lên nóc xe bọc thép chở dọc đường 39A tới địa bàn giáp ranh 2 xã Yên Hòa (huyện Yên Mỹ) và Tân Dân của huyện Khoái Châu, chúng bắn chết rồi ném ông xuống mương.

- *Đánh giá công trạng nhân vật*:

+ Nguyễn Văn Át tham gia nhiều trận đánh cùng đại đội du kích Bãi Sậy. Trong chiến đấu dũng cảm, mưu trí, quyết liệt, khi bị bắt địch tra tấn hết sức tàn bạo, nhưng Nguyễn Văn Át vẫn kiên cường chịu đựng, không khai báo quyết bảo vệ cơ sở và tổ chức.

+ Nguyễn Văn Át được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 25 tháng 4 năm 2013.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 2* (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên - Ban chỉ huy quân sự Huyện Yên Mỹ, *Lịch sử quân sự huyện Yên Mỹ (1945 - 2015)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015.

+ Võ Khắc Sần, *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Mỹ, tập 1 (1930 - 1977)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 2006.

+ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Văn Át vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.20. HOÀNG NGHĨA BÁ

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Hoàng Nghĩa Bá sinh năm 1695 mất năm 1741

- *Quê quán:* Tại làng Hoàng Vân, huyện Kim Động (nay là thôn Vân Nội, xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Tại khoa thi Hương võ năm Quý Mão (1723), ông dự thi trúng cách, vào thi Hội năm Giáp Thìn niên hiệu Bảo Thái thứ 5 (1724) đời vua Lê Dụ Tông, đỗ Đồng Tào sỹ thủ hạng (tương đương Tiến sỹ bên văn). Năm Cảnh Hưng thứ nhất (1740), ông thống lĩnh đạo Hải Dương đánh thắng Nguyễn Tuyển ở thành Pháo Sơn, được Chúa thưởng cho bài vàng để nêu công. Năm Cảnh Hưng thứ hai (1741), Hoàng Nghĩa Bá đã tranh phá được đồn Đại Định, tiến đánh Nguyễn Cừ và Vũ Trác Oánh. Sau quân Nguyễn Cừ và Vũ Trác Oánh chạy sang An Quảng, bị ông sai binh các đạo đem thuyền đến sông Bạch Đằng đánh tan tác. Ông được phong hàm Thái phó, tước Bích Quận công; vinh phong Dương vũ Tuyên lực, hàm Tản quan Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, huân cấp Thượng trụ quốc. Năm Cảnh Hưng thứ nhất (1740), ông thống lĩnh đạo Hải Dương đánh thắng Nguyễn Tuyển ở thành Pháo Sơn, được Chúa thưởng cho bài vàng để nêu công. Năm Cảnh Hưng thứ hai (1741), Hoàng Nghĩa Bá đã tranh phá được đồn Đại Định, tiến đánh Nguyễn Cừ và Vũ Trác Oánh. Sau quân Nguyễn Cừ và Vũ Trác Oánh chạy sang An Quảng, bị ông sai binh các đạo đem thuyền đến sông Bạch Đằng đánh tan tác. Ông được phong hàm Thái phó, tước Bích Quận công; vinh phong Dương vũ Tuyên lực, hàm Tản quan Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, huân cấp Thượng trụ quốc.

- *Đánh giá công trạng nhân vật Hoàng Nghĩa Bá:*

+ Hoàng Nghĩa Bá là danh tướng triều Lê từng tham gia giữ các chức quan như: phong hàm Thái phó, tước Bích Quận công; vinh phong Dương vũ Tuyên lược, hàm Tán quan Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, huân cấp Thượng trụ quốc. Sau khi mất, ông được ban thụy hiệu Dũng lược, truy tặng Thượng đẳng Phúc thần, bao phong Trung cần, Vũ túc, Đoan nghi, Thuần tín Đại vương.

+ Hoàng Nghĩa Bá là người khai khoa võ học của tỉnh Hưng Yên và cũng là người mở đầu cho truyền thống võ cử của dòng họ Hoàng Nghĩa.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ *Đại Việt kí sử toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, T4. Kỷ nhà Lê.

Lịch triều hiến chương loại trí, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

+ Nguyễn Thúy Nga, *Võ cử và người đồ võ khoa ở nước ta*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2019.

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

+ *Từ điển các nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Hoàng Nghĩa Bá vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.21. PHẠM VĂN BAN

Phạm Văn Ban hay còn có tên là Đề Ban

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Không rõ năm sinh mất năm 1891

- *Quê quán:* Tại làng Đông Vây, xã Bối Khê, tổng Huệ Lai (nay thuộc xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời và sự nghiệp:* Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược Bắc Kỳ lần thứ hai, với lòng yêu nước sâu sắc, ý chí căm thù giặc Pháp cướp nước và Việt gian bán nước, Phạm Văn Ban cùng với ông Tú tài Thương Bằng, ông Xã Thâu ở xã Bối Khê, ông Nguyễn Đình Tuyển ở xã La Mát lên kế hoạch khởi nghĩa. Phạm Văn Ban dựng một lá cờ đại ở đình Bối Khê, đánh trống để tuyển mộ quân. Trai tráng các làng xã thuộc ba tổng Huệ Lai, Phù Vệ, Đỗ Xá nô nức xin

gia nhập nghĩa quân. Làng xã nào cũng treo cờ đỏ, nổi trống ngũ liên, các lò rèn đỏ lửa rèn gươm giáo. tập trung tất cả thợ rèn giỏi nghiên cứu cách chế tạo súng theo mẫu súng 1874; súng remington, súng lục của quân Pháp.

Phạm Văn Ban lập đại bản doanh ở xã Bối Khê (quê hương ông) và ở đền Phù Ủng. Đề Ban hoàn toàn làm chủ ba tổng Huệ Lai, Phù Vệ, Đỗ Xá. Hầu hết dân ba tổng Huệ Lai, Đỗ Xá, Phù Vệ đều theo Đề Ban, nghĩa quân có tới hàng nghìn, dân đều theo Đề Ban nên giặc Pháp gọi là “*Tam tổng chi nhân đô thị tặc*” nghĩa là “*cả ba tổng đều làm giặc*”.

Đề Ban đã liên hệ với Đinh Gia Quế ở làng Thọ Bình, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy và với các thủ lĩnh khác ở Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh để cùng đánh Pháp.

Địa bàn hoạt động của ông rất rộng gồm Ân Thi, Mỹ Hào, Phù Cừ, Tiên Lữ (Hưng Yên) Bình Giang, Ninh Giang, Cẩm Giàng, Thanh Miện (Hải Dương). Ông thường đi xe ngựa do một con ngựa đen kéo, có một nghĩa quân đánh xe, hai nghĩa quân trang bị súng bắn nhanh đi hộ vệ. Ông đi theo hành trình từ Bối Khê qua An Khái, Chu Xá, Huệ Lai, Kim Lũ, Phù Ủng, Đào Quạt, Tiên Kiêu, rồi trở lại Bối Khê để nắm tình hình, kiểm tra công việc của nghĩa quân.

Từ giữa năm 1885, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy bị suy yếu có nguy cơ tan rã thì lực lượng nghĩa quân do Đề Ban chỉ huy vẫn hầu như nguyên vẹn. Tháng 7 năm 1885, tại Văn chỉ Bình Dân, Đề Ban đã có mặt chiến đấu dưới ngọn cờ Cần vương do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo.

Cuối năm 1885, quân Pháp tập trung quân đánh Đề Ban, ông phải đưa hơn 1.000 quân rút lên Đông Triều, tỉnh Hải Dương (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh). Nguyễn Thiện Thuật tới bàn với ông, chỉ giữ lại 300 người khỏe mạnh, trung thành, dũng cảm được trang bị tốt, là đội quân tinh nhuệ có tinh thần chiến đấu dũng cảm, nên đánh trận nào cũng thắng.

Tháng 10 năm 1890, khi Nguyễn Thiện Thuật đi Trung Quốc, Nguyễn Thiện Kế giữ quyền tổng chỉ huy nghĩa quân Bãi Sậy, theo tài liệu của Pháp, trong 7 thủ lĩnh chính, Đề Ban đứng thứ hai.

Khi biết tin Đề Ban đóng quân ở làng La Mát, quân Pháp huy động lực lượng lớn đến bao vây nhằm tiêu diệt cánh quân của ông. Ngày 08 tháng 02 năm 1891, quân Pháp tập trung trên 1.400 dân binh và lính lệ do thanh tra Blanchart và Hoàng Cao Khải chỉ huy, 14 tên vệ binh chính cùng lính Nam, có pháo binh, tàu chiến yểm hộ tấn công dữ dội vào căn cứ Bãi Sậy và các căn cứ khác của nghĩa quân. Lực lượng nghĩa quân do Hai Kế, Đề Ban, Đốc Sung, Lãnh Tảo chỉ huy đã chống trả quân Pháp quyết liệt, nhưng sau cũng phải rút sang Tứ Kỳ, Thanh Hà để đến vùng sông Kinh Thầy. Đến cuối tháng 12 năm 1891, trong một trận đánh diễn ra dữ dội kéo dài một tiếng đồng hồ, nghĩa quân núng thê. Đề Ban thấy quân Pháp vây kín xung quanh biết là khó

thoát, ông từ chối không để Nguyễn Văn Bông công mà rút súng lục tự sát, hôm đó là ngày 25 tháng 12 năm 1891 (tức ngày 18 tháng 11 Âm lịch).

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Phạm Văn Ban là tướng lĩnh trong cuộc Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892).

+ Phạm Văn Ban là người dựng cờ đánh trống mộ quân, tập hợp nghĩa quân có tới hàng nghìn, dân đều theo Đề Ban nên giặc Pháp gọi là “*Tam tổng chi nhân đô thị tặc*” nghĩa là “*cả ba tổng đều làm giặc*”. Trích của Vũ Thanh Sơn, *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

+ Phạm Văn Ban mưu trí tổ chức nhiều trận đánh lớn như trận đánh năm 1884 có sự phối hợp của Đổng quân vụ Đinh Gia Quế, Lãnh Tiêm, Lãnh Chủ, Lãnh Diệc tấn công phủ đường Ân Thi, cầm được lá cờ “*Nam đạo Cần vương bình Tây phạt tội*”.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam cận đại, những sử liệu mới*, tập 1, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

+ Phạm Hồng Tung, *Người anh hùng Nguyễn Thiện Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy trong hành trình lịch sử dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (490)/2017, tr. 47-52.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 5: Lịch sử Việt Nam từ năm 1802 đến năm 1858*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Vũ Thanh Sơn, *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2009.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Phạm Văn Ban vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.22. BÙI XUÂN BÌNH

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Bùi Xuân Bình sinh năm 193, mất năm 1966

- *Quê quán:* Tại xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Năm 1960, Bùi Xuân Bình làm Trung đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 207, Trung đoàn 36, Sư đoàn 308. Ngày 08 tháng 02 năm 1965, Tiểu đoàn 207 phục kích đánh địch ở Đèo Nhông (Bình Định). Địch bị ta

chặn đầu, khóa đuôi, Trung đội do Bùi Xuân Bính chặn đánh khúc giữa. Dưới làn đạn của địch, Bùi Xuân Bính bình tĩnh chỉ huy đơn vị bắn mạnh vào xe M.113 để uy hiếp chúng, khiến bọn địch ở bên trong choáng váng, hoang mang phải nhảy ra khỏi xe, tản ra hai bên. Chớp thời cơ, ông dẫn đầu Trung đội xung phong tiêu diệt địch và chiếm xe M.113. Lúc này, một chiếc xe đang nổ máy Trung đội trưởng Bính đã nhảy lên xe, bắn chết tên lái xe, dùng súng trọng liên trên xe tiêu diệt hết bọn địch đang chạy trốn, góp phần quan trọng vào chiến thắng chung của đơn vị. Ngày 06 tháng 7 năm 1966, trong trận đánh với Sư đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ tại ấp Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, với cương vị Đại đội trưởng, Bùi Xuân Bính trực tiếp chỉ huy diệt nhiều địch. Máy bay Mỹ ném bom napan, ông bị bỏng nặng nhưng không rời vị trí, tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu đến hơn thở cuối cùng.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Bùi Xuân Bính, liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân

+ Với những thành tích trong chiến đấu, Bùi Xuân Bính được thưởng 2 Huân chương Chiến công hạng Nhì, hạng Ba; 2 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhì, hạng Ba, 1 Bằng khen; 3 lần được phong danh hiệu Dũng sĩ Quyết thắng hạng Nhất, Nhì, Ba.

+ Ngày 10 tháng 04 năm 2001, Bùi Xuân Bính được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 2* (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (9 tập), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.

+ Cổng thông tin điện tử Ban Tuyên giáo Hưng Yên: <https://tuyengiaohungyen.vn>

+ Tô Quyết Tiến, *Kỷ niệm 48 năm chiến thắng Đèo Nhông (ngày mùng 5 tết Ất Tỵ 1965): nhớ người anh hùng quê Hưng Yên Bùi Xuân Bính*, <http://hungyen.dcs.vn/ky-niem-48-nam-chien-thang-deo-nhong-ngay-mung-5-tet-at-ty-1965-nho-nguoi-anh-hung-que-hung-yen-bui-xuan-binh-c2326.html>

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Bùi Xuân Bính vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.23. VƯƠNG ĐÌNH CUNG

- Ngày, tháng, năm sinh: Vương Đình Cung sinh năm 1943 mất năm 1970.

- Quê quán: Tại thôn Hoàng Lê, xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa (nay là tổ dân phố Hoàng Lê, phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên).

- Cuộc đời sự nghiệp: Vương Đình Cung từ nhỏ đã được mọi người quý mến. Khi lớn lên, Vương Đình Cung học ở Trường THPT Yên Hòa (Hà Nội). Trong những năm học tập, Vương Đình Cung luôn tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, là đội viên xuất sắc, một bí thư chi đoàn năng nổ, đi đầu trong các phong trào thi đua. Năm học lớp 10, Vương Đình Cung đã được học cảm tình Đảng. Là học sinh xuất sắc nên khi tốt nghiệp THPT, Vương Đình Cung được cử đi du học nước ngoài, nhưng đã từ chối và lựa chọn học ngành Cơ khí nông nghiệp tại Trường Đại học Nông nghiệp. Vào đại học, Vương Đình Cung tiếp tục được nhà trường cử đi du học. Một lần nữa anh lại từ chối bởi trong anh luôn nung nấu một ước muốn cháy bỏng đó là được gia nhập quân ngũ.

Đầu năm 1965, khi đó Vương Đình Cung đang là sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Nông nghiệp Vương Đình Cung đã viết đơn xin nhập ngũ và tình nguyện vào miền Nam chiến đấu. Sau một thời gian huấn luyện, tháng 4 năm 1965, Vương Đình Cung được bổ sung vào Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 66, Mặt trận B3 Tây Nguyên. Tháng 10 năm 1965, đơn vị được lệnh lên đường vào Nam. Vì là Tiểu đội phó nên Vương Đình Cung được phân công khiêng cỗ chân súng nặng hơn 50kg cùng ba lô, bao gạo. Đó là phần việc nặng nhọc nhất của đơn vị. Mỗi khi tiểu đội có người ốm, Vương Đình Cung lại giành lấy phần khó khăn, nặng nhọc nhất.

Qua hàng chục trận đánh, lần nào anh cũng thể hiện tấm gương của một chiến sĩ gan dạ, dũng cảm. “Khi đơn vị hành quân vào bảo vệ cầu Hàm Rồng, đồng chí Cung được giao nhiệm vụ chỉ huy một khẩu đội súng máy...Sau nhiều ngày phối hợp với các đơn vị bạn quần đảo với lực lượng không quân của địch, khẩu đội súng máy của anh đã bắn ngang đường bay của quân Mỹ, chúng gượng không nổi, bèn lửa và lao xuống mặt đất...Hai giờ sau cũng ở vị trí đó, cũng vẫn lá cờ đỏ trên tay, Cung lại phát cờ chỉ huy khẩu đội của mình hòa nhịp với cả phân đội bắn tan xác thêm một máy bay F105 khác, góp phần vào chiến công chung của đơn vị, bắn rơi 7 máy bay giặc sau một ngày chiến đấu quyết liệt. Đêm hôm đó, Chi bộ đã làm lễ kết nạp Cung vào Đảng. Anh nắm chặt tay còn vương mùi khói đạn giờ lên thềm: Suốt đời chiến đấu vì lý tưởng của Đảng. Trong một trận đánh với lực lượng quân địch đông gấp bội, Vương Đình Cung và hai chiến sĩ khác chiến đấu ngoan cường và diệt được nhiều tên địch. Khi súng hết đạn, anh đã dùng quả lựu đạn cuối cùng mưu trí tiến công quân địch. Những ngày sau đó, biết bao trận đánh theo kiểu của Vương Đình Cung.

Năm 1970, trong chuyến đi công tác tại tỉnh Kon Tum, địch bất ngờ dùng khoảng 1 đại đội Mỹ, Ngụy với nhiều loại vũ khí hiện đại, đổ bộ bằng đường

không vào khu vực đơn vị. Lúc này, cả đoàn công tác gồm 9 người nhưng chỉ có 1 khẩu trung liên cùng với 3 băng đạn và 2 khẩu súng AK. Lực lượng giữa hai bên có sự chênh lệch lớn, nhưng Vương Đình Cung cùng đồng đội chiến đấu quyết liệt, diệt nhiều tên địch. Hết đạn, anh xông lên đánh giáp lá cà, do địch đông, hỏa lực mạnh, Vương Đình Cung và một số đồng đội khác đã trúng đạn và hy sinh. Trong trận này, Vương Đình Cung còn cất giấu được tài liệu không để lọt vào tay địch. Chiếc ba lô anh đem giấu kỹ trước khi ngã xuống.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Vương Đình Cung, liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Tấm gương chiến đấu của Vương Đình Cung được các báo, đài biểu dương coi là tấm gương điển hình về người thanh niên cộng sản, là mẫu người tuổi trẻ của thời đại Hồ Chí Minh. Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã phát động đợt học tập và làm theo tấm gương liệt sĩ Vương Đình Cung. Tấm gương tình nguyện, sự hy sinh dũng cảm của Vương Đình Cung là động lực mạnh mẽ tạo thành làn sóng thôi thúc tuổi trẻ miền Bắc tình nguyện đứng lên cầm súng đánh giặc, góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Nhiều phong trào thi đua ở đơn vị, trường học được phát động, như: Bộ Tư lệnh Thủ đô quyết tâm rèn luyện tốt, lập công lớn với phong trào hành động cách mạng “Tuổi trẻ Vương Đình Cung”; Đoàn Trường Đại học Nông nghiệp với phong trào “Học tập giỏi, rèn luyện tốt như Vương Đình Cung”, “Học kì Vương Đình Cung”; hay như phong trào “Ngày công, giờ công cao” ở Quân chủng Phòng không - Không quân...

+ Ngày 9 tháng 10 năm 2014, liệt sĩ Vương Đình Cung được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Hiện nay, tên của Vương Đình Cung được đặt cho một tuyến đường thuộc phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên tại số 206/2019/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2019

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 2 (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh*.

+ Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hòa, *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hòa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2022.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Vương Đình Cung vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.24. NGUYỄN CHÍ CƯƠNG

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Nguyễn Chí Cương sinh năm 1950, mất năm 1979

- *Quê quán:* Tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp nhân vật:* Nguyễn Chí Cương nhập ngũ tháng 9 năm 1972. Trong cuộc chiến đấu năm 1979, Nguyễn Chí Cương đã nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm, chỗ nào khó khăn đều có mặt, đi sát đồng đội, động viên mọi người giữ vững quyết tâm, góp phần chỉ huy đơn vị diệt hàng trăm tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Riêng Nguyễn Chí Cương đã diệt được 60 tên địch, bắn cháy 3 xe tăng, bắn đứt xích 1 chiếc khác, thu 2 súng tiểu liên, 2 súng trường.

Ngày 17 và ngày 18 tháng 02 năm 1979, địch dùng lực lượng lớn quân đội, có xe tăng, pháo binh, yểm trợ mở nhiều đợt tiến công ác liệt vào trận địa đơn vị của ta. Nguyễn Chí Cương đã chiến đấu dũng cảm, diệt được 30 tên địch, bắn cháy 3 xe tăng, thu 2 súng trường và 5 quả đạn B-41.

Ngày 22 tháng 02 năm 1979, 2 tiểu đoàn địch đã mở nhiều đợt tiến công đánh chiếm đèo Khâu Chia (tỉnh Cao Bằng), Nguyễn Chí Cương đã cùng đơn vị chiến đấu dũng cảm, nhiều lần dẫn đầu bộ đội xuất kích đánh vào sườn địch, làm quân địch hoang mang, rối loạn. Đến đêm, đồng chí đã trực tiếp chỉ huy một trung đội và 3 dân quân tập kích vào điểm co cụm của địch, lấy lại được khu vực địch chiếm ban ngày. Kết quả trận này, đơn vị Nguyễn Chí Cương đã diệt 150 tên, phá hủy 3 súng cối, riêng đồng chí Nguyễn Chí Cương diệt được 12 tên.

Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, Nguyễn Chí Cương được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng Ba.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Nguyễn Chí Cương, liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Trong chiến đấu Nguyễn Chí Cương đã nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm, chỗ nào khó khăn đều có mặt, đi sát đồng đội, động viên mọi người giữ vững quyết tâm, góp phần chỉ huy đơn vị diệt hàng trăm tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

+ Ngày 20 tháng 12 năm 1979, Nguyễn Chí Cương được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tập 6, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995

+ *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 2 (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ, *Lịch sử đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ (1947-2020)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2020.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Chí Cương vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.1.25. DƯƠNG VĂN ĐIỂN

- Dương Văn Điển còn có tên gọi khác là Lãnh Điền

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Dương Văn Điển sinh năm 1836, mất năm 1891

- *Quê quán*: Tại làng Phù Sa Cự, tổng Đại Quan, huyện Đông Yên (nay là thôn Lãnh Điền, xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Từ nhỏ Dương Văn Điển đã ham học hỏi và là người có võ nghệ cao cường. Ngày 28 tháng 3 năm 1883, quân Pháp hạ thành Hưng Yên lần thứ hai. Dương Văn Điển là người nghĩa khí, không chịu khuất phục kẻ cường hào áp bức, nay thấy quân Pháp cậy có súng to tàu lớn tàn sát dân ta, cướp nước với lòng căm thù giặc ông bàn với anh em thân tín trong chi họ mộ quân đánh Pháp.

Tháng 4 năm 1883, Dương Văn Điển đưa quân về dự lễ tế cờ ở văn chỉ Bình Dân, tụ nghĩa dưới ngọn cờ *Nam đạo Cần Vương - Bình Tây phạt tội*.

Sau lễ tế cờ, Đồng Quân vụ phong chức cho một số tướng lĩnh. Dương Văn Điển được phong là Lãnh binh, giao cho ông về làng Phù Sa xây dựng căn cứ chống Pháp ở ngoài đê sông Hồng. Tại đây, Dương Văn Điển đã xây dựng ba làng Phù Sa (*Phù Sa, Phù Sa Cự, Phù Sa Thượng*) và làng Ninh Tập thành căn cứ chống Pháp. Dương Văn Điển đã tổ chức nhiều trận đánh táo bạo, vào các đồn địch, với lối đánh du kích như: phục kích, hỏa công, độn thổ...; về lương thực ông giải quyết bằng cách cướp kho thóc của quan phủ, quan huyện, của đồn binh Pháp và Nhân dân trong vùng đóng thuế; nghĩa quân tự sản xuất bằng cách khai hoang tự cấy cày và thay nhau về nhà tự cấy cày tự túc cho mình.

Từ năm 1883 đến năm 1884, Lãnh Điền đã chỉ huy nhiều trận đánh như: trận đánh Pháp ở Hoàng Vân, Giếng Ngọc, Bình Phú, Quán Cà... đã gieo nỗi kinh hoàng cho quân Pháp.

Tháng 10 năm 1890, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, giao binh quyền cho Nguyễn Thiện Kế. Lãnh Diễn là một trong bảy tướng chủ yếu dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Thiện Kế. Tháng 8 năm 1891, không thể hoạt động tại Hưng Yên, Hải Dương và Bắc Ninh, ông giải tán nghĩa quân và khuyên mọi người ra nhập đội quân của Đề Thám ở Yên Thế chứ không đầu hàng địch.

Ngày 21 tháng 8 năm 1891, ông bị bắt tại làng Phượng Cách, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Trong danh sách 33 thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy ở tỉnh Hưng Yên bị quân Pháp giết hại có Dương Văn Diễn.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Dương Văn Diễn, là tướng lĩnh trong cuộc Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892).

+ Dương Văn Diễn là một trong 7 Lãnh tướng chỉ huy nhiều trận đánh đã gieo nỗi kinh hoàng cho quân Pháp. Vì thế nhân dân trong vùng đã có câu: *Chánh Tính An Vĩ, Lãnh Diễn Phù Sa, Quyền Tha làng Mìn, Lãnh Túc Đa Hòa.*⁹

+ Dương Văn Diễn hiện được thờ tại đình Phù Sa của xã Đại tập huyện Khoái Châu.

+ Hiện nay tên của ông đặt cho một thôn của xã Đại Tập là thôn Lãnh Diễn.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Phạm Hồng Tung, *Người anh hùng Nguyễn Thiện Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy trong hành trình lịch sử dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (490)/2017, tr. 47-52.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 5: Lịch sử Việt Nam từ năm 1802 đến năm 1858*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Vũ Thanh Sơn, *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Dương Văn Diễn vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.26. QUÁCH ĐẠI DONG

⁹ Làng An Vĩ (xã An Vĩ), Phù Sa (xã Đại Tập), làng Mìn (xã Tân Dân), Đa Hòa đều thuộc huyện Khoái Châu.

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Không rõ năm sinh năm mất

- *Quê quán*: huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng yên

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Là một người nông dân, nhưng không cam chịu nhìn quân giặc hoành hành, Quách Đại Dong đã chiêu tập dân binh, tự trang bị vũ khí, tích trữ lương thảo để chờ dịp đánh đuổi quân xâm lược.

Quách Đại Dong dùng chiến thuật du kích quấy rối, bắn tia, cắm chông để kìm chân, tiêu hao địch, đội quân do ông lãnh đạo đã gây cho quân Tống nhiều phen khốn đốn, chúng không dám vào lòng sục, cướp bóc các làng ven bờ sông. Tuy nhiên, vì thiếu lương thực nên Quách Đại Dong buộc phải cho rút quân khỏi căn cứ. Đúng vào lúc nguy cấp, quân triều đình do Phạm Cự Lượng kéo tới. Vì là người địa phương, lại từng giao chiến nhiều trận, nên ông rất am hiểu sự bố phòng của quân Tống, do đó, Quách Đại Dong đã tham mưu và đề xuất chủ trương đánh địch với chủ tướng Phạm Cự Lượng. Đội hương binh của Quách Đại Dong được thu nạp vào quân chính quy của triều đình, cứ mỗi đội có 50 quân thì bổ sung 5 hương binh dũng cảm, thông thạo địa bàn, phối hợp tác chiến, làm nhiệm vụ dẫn đường. Bản thân ông cùng một số người thạo nghề chài lưới sung vào đội thủy quân do Đô úy Từ Mục chỉ huy. Nhiệm vụ của đội quân của ông là cung cấp lương thảo, dẫn đường, chuẩn bị địa bàn tác chiến, tuyển mộ dân chài giỏi, huy động thuyền bè cung cấp lực lượng thủy quân.

Với thế và lực đó, quân dân Đại Cồ Việt đã tổ chức nhiều trận tập kích vào doanh trại của giặc ở trên bờ cũng như dưới thuyền, khiến chúng ăn không ngon ngủ không yên, buộc chúng phải co cụm lại để phòng thủ. Trong khi đó, cánh quân của Hầu Nhân Bảo bị đánh tan, còn đoàn thủy quân của Lưu Trùng bị đốt cháy gần hết ở Bạch Đằng, càng làm cho cánh quân ở Tây Kết thêm hoang mang, lo sợ. Trước tình hình đó, thủy quân của Từ Mục dùng những chiếc thuyền nhỏ chất đầy rom cỏ, diêm tiêu được phóng hỏa và lao vào thuyền giặc trên sông. Quan quân nháo nhác bỏ chạy lên bờ thì bị Phạm Cự Lượng chỉ huy hương binh các làng Ông Đình, Dạ Trạch, An Vĩ, Bình Dân... đốt cháy rom rạ, dong giềng, cây cỏ (được phơi khô)... tạo thành biển lửa bao vây chúng. Hầu như quân giặc bị gục ngã bởi trăm ngàn mũi tên tẩm thuốc độc, nếu không thì cũng bị ngọn lửa gặp gió nam thiêu cháy (*X.Lửa rom đuổi giặc Tống*). Kết quả, viên tướng chỉ huy Trần Khâm Tô may mắn chạy thoát ra biển, còn Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân cùng nhiều tên khác bị bắt sống đưa về Hoa Lư.

- *Đánh giá công trạng nhân vật*:

+ Quách Đại Dong là nhân vật lịch sử từng tham gia trực tiếp và trợ giúp Lê Hoàn cùng quân dân nhà Tiền Lê đánh tan cuộc xâm lược của quân Tống lần thứ nhất.

+ Quách Đại Dong với chiến thuật du kích quấy rối, bắn tia, cắm chông để kìm chân, tiêu hao địch, đội quân do ông lãnh đạo đã gây cho quân Tống nhiều phen khốn đốn, chúng không dám vào lòng sục, cướp bóc các làng ven

bờ sông. Quách Đại Dong am hiểu sự bố phòng của quân Tống, do đó đã tham mưu và đề xuất chủ trương đánh địch với chủ tướng Phạm Cự Lượng. Thắng trận, vua Lê Đại Hành ban khen cho các tướng sĩ, trong số đó người đầu lĩnh hương binh Quách Đại Dong xếp công đầu và được phong làm Duy Vương.

+ Hiện nay tại làng Ông Đình (nay là xã Ông Đình, huyện Khoái Châu), nhân dân lập đền thờ Quách Đại Dong để tưởng nhớ đến vị tướng dân dã mà tài danh, tôn ông làm Thành hoàng.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Lê Văn Siêu, *Việt Nam văn minh sử cương*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2004.

+ Ngô Thị Sĩ, *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2011.

+ Trần Văn Hiếu, *Sưu tầm và khảo sát Võ Cừ, Võ Tướng Hưng Yên xưa (trước 1919)*, Đề tài khoa học, Ủy ban nhân nhân tỉnh Hưng Yên xb, 2012.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Viện Sử học, *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1987.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Quách Đại Dong vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.27. NGUYỄN HỮU ĐỨC

- Nguyễn Hữu Đức còn gọi là Nguyễn Đức

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Không rõ năm sinh mất năm 1903

- *Quê quán:* Tại làng Mễ Xá, tổng Nhân Vũ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Mễ Xá, xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Năm 1883, Pháp hạ thành Hưng Yên lần thứ hai, Đinh Gia Quế khi đó đang làm Chánh tuần huyện Đông Yên đã từ quan để tham gia Khởi nghĩa Bãi Sậy. Nguyễn Hữu Đức đã vận động con cháu, môn sinh và trai tráng trong vùng gia nhập nghĩa quân.

Năm 1885, Nguyễn Thiện Thuật đang ở Long Châu (Trung Quốc) nhận được chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi đã trở về nước gặp Lê bộ Thượng thư Nguyễn Quang Bích nhận sắc phong là Bắc Kỳ Hiệp thống quân vụ đại thần. Sau đó Nguyễn Thiện Thuật trở về vùng giáp ranh Hải Dương - Hưng Yên - Bắc Ninh mời Nguyễn Hữu Đức và Cử nhân Ngô Quang Huy đến bàn cách khôi phục cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy. Nguyễn Hữu Đức được giao chỉ huy

các huyện phía nam Hưng Yên và làm sứ dăng vua Hàm Nghi phong ông là Tán tương quân vụ. Vì thế, nghĩa quân và nhân dân gọi ông là ông "Tán Nam". Nguyễn Hữu Đức còn cùng các ông Cù Văn Hiên, Trần Văn Biền, Quản Lâu, Quản Nhân cùng chỉ huy nghĩa quân các xã Nhân Vũ, Nhân Lý, ấp Nhân Lý (Ân Thi) củng cố liên làng chiến đấu, giữ vững được phong trào Bãi Sậy dù bị khủng bố dữ dội. Nguyễn Hữu Đức không chỉ tổ chức lực lượng kháng chiến, đột kích, tập kích, phục kích quân giặc, mà còn rất coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục, vì ông hiểu rõ muốn nhanh chóng đánh đuổi giặc Pháp ra khỏi bờ cõi thì cả dân tộc Việt Nam không phân biệt giàu nghèo, sang hèn đều phải đồng tâm nhất trí, vạch trần tội cướp nước của giặc và đả mạt vua quan nhà Nguyễn đầu hàng giặc.

Khi cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy thất bại (tháng 4 năm 1892), Nguyễn Hữu Đức thực dân Pháp bắt bớ giam cầm nhiều người trong gia đình, ép ông phải về hàng, dụ dỗ ông ra làm quan, nhưng trước sau ông ra làm quan, nhưng trước sau Nguyễn Hữu Đức từ chối, ở nhà dạy học.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Nguyễn Hữu Đức là tướng lĩnh trong cuộc Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892). Ông đậu Cử nhân nhưng không ra làm quan mà ở nhà dạy học, nuôi chí đánh Pháp.

+ Nói về các hoạt động của Nguyễn Hữu Đức, A de Miribel từng làm công sứ Hưng Yên đã phải thú nhận trong cuốn: "*Lịch sử cuộc chiếm đóng Hưng Yên*" (La Pronnes de Hưng Yên) về vai trò của cứu nhân Nguyễn Hữu Đức như sau: "Tán thuật và Cử Đức là linh hồn của cuộc nổi dậy. Hai người đi hết làng này đến làng khác họp các kì hào và nhóm lên trong lòng họ ngọn lửa yêu nước nồng nàn. Cả hai đều tỏ ra có tinh thần vô tư tuyệt đối và tinh thần hi sinh lớn lao đều phê phán những sự trả thù tàn bạo và những sự đàn áp đẫm máu. Họ tuyên truyền trong kháng chiến chống người ngoại quốc và hết sức thu phục những người theo họ bằng sự mềm mỏng và lòng tin chứ không phải bằng cacsh làm họ sợ hãi...Đó là bản chất của nhà ái quốc bất khuất, chúng ta phải mất 5 năm trời để chiến đấu với những ảnh hưởng của ông ta"

+ Nguyễn Hữu Đức không chỉ tổ chức lực lượng kháng chiến, đột kích, tập kích, phục kích quân giặc, mà còn rất coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng làng chiến đấu, cùng các chiến sĩ xông pha nơi trận mạc.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam cận đại, những sử liệu mới*, tập 1, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

+ Vũ Thanh Sơn, *284 anh hùng hào kiệt của Việt Nam (bộ 5 tập)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2009

+ Vũ Thanh Sơn, *Anh hùng hào kiệt Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2018

+ Vũ Thanh Sơn, *Các thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2009

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Hữu Đức vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.28. LÃ ĐƯỜNG

Lã Đường còn gọi là Lữ Đường, hiệu Lã Tá Công

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Lã Đường sinh năm 927, mất năm 968

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Lã Đường sinh ra trong một gia đình hào trưởng giàu có. Ông là người cao lớn, thông minh, văn võ toàn tài.

Tê Giang khi đây là vùng đất bùn lầy, nước đọng, địa thế hiểm yếu. Nhà Ngô suy yếu không còn khả năng kiểm soát các địa phương trong nước nên đầu mục các nơi nổi lên cát cứ. Kế nghiệp cha là Lữ Đại Liên, nguyên là bộ tướng của sứ quân Trần Lãm. Lã Đường chiêu mộ quân, xây dựng lực lượng, dựa vào địa thế cố thủ vùng bắc Hưng Yên, nam Bắc Ninh, không thần phục nhà Ngô.

- *Đánh giá công trạng nhân vật*:

+ Lã Đường đứng đầu một trong 12 sứ quân cuối triều Ngô (939 - 965), cát cứ vùng Tê Giang.

+ Trong thời gian làm hào trưởng cai quản ở Tê Giang, Lã Đường có công với dân, được nhân dân lập đền thờ ở đình Bến, gò Nghè (xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

+ Hiện nay tại Đình Bến xã Phụng Công, huyện Văn Giang đang thờ Lã Đường là thành hoàng làng; đình Bến được xếp hạng di tích “Lịch sử văn hóa” cấp tỉnh theo Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2006.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật*:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngoại biên tập, tr.5.

+ Nguyễn Danh Phiệt, *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.37.

+ Trần Văn Hiếu (2012), *Sưu tầm và khảo sát Võ Cừ, Võ Tướng Hưng Yên xưa (trước 1919)*, Đề tài khoa học, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xb.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 1: Từ khởi thủy đến thế kỷ X*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Lã Đường vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.29. NGUYỄN THIỆN DƯƠNG

- Nguyễn Thiện Dương còn có tên là Lãnh Giang

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Không rõ năm sinh, mất năm 1888

- *Quê quán*: Tại làng Xuân Dục, huyện Đường Hào (nay làng Xuân Đào, xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Ngày 9 tháng 8 năm 1883 (10 tháng 7 năm Quý Mùi), quân Pháp hạ thành Hải Dương. Trong thời gian này, Nguyễn Thiện Dương đã góp phần quan trọng trong việc huấn luyện quân sỹ, chiêu tập các anh hùng hào kiệt, đưa họ vào con đường cứu nước cùng anh ở Hưng Yên.

Năm 1885, thành Lạng Sơn thất thủ, Nguyễn Thiện Thuật phải lánh sang Long Châu (Trung Quốc). Nguyễn Thiện Dương cùng anh là Nguyễn Thiện Kế ở lại trong nước hô hào nhân dân các phủ, huyện ở tỉnh Hải Dương không cộng tác với Pháp, lên án bọn vua quan triều Nguyễn đầu hàng giặc. Nhờ đó, phong trào yêu nước chống Pháp do Nguyễn Thiện Dương phát động từ năm 1883 vẫn tiếp tục tồn tại, phát triển. Nguyễn Thiện Dương được phong chức Lãnh binh và được Nguyễn Thiện Thuật giao cho phụ trách vùng Đáp Cầu, thị xã Bắc Ninh, phía thượng lưu, hạ lưu sông Cầu và vùng phụ cận. Nguyễn Thiện Dương chỉ huy nghĩa quân ở các làng là người địa phương không thoát ly sản xuất, tập trung làm nhiệm vụ tác chiến lưu động suốt một dải từ Văn Giang qua Thuận Thành, Từ Sơn, Tiên Du tới thị xã Bắc Ninh, Đáp Cầu. Đội quân thường trực này có nhiệm vụ tấn công các đồn bốt, chi viện cho các làng xã bị địch tấn công, khủng bố. Ngoài nhiệm vụ xây dựng lực lượng và tổ chức tác chiến, ông còn lãnh trách nhiệm bảo vệ con đường bí mật chuyên chở vũ khí từ vùng biển Đông Hưng (Trung Quốc), vùng biên giới Đông Bắc do Lưu Kỳ mua và vận

chuyên về căn cứ Đập Cầu. Từ đây, vũ khí được phân phối về căn cứ Bãi Sậy và các căn cứ ở Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh.

Năm 1887, Lãnh Giang hoạt động mạnh mẽ ở vùng bắc và tây Hải Dương, nam Bắc Ninh, Bắc Hưng Yên gây cho quân Pháp nhiều tổn thất, hoang mang cực độ. Tiêu biểu như tháng 1 năm 1887, Lãnh Giang, Đốc Khoát, Đội Văn, Đề Quý, phối hợp với nghĩa quân Ba Báo thành một đạo quân lớn tấn công các hạm tàu, xà lúp của quân Pháp vận chuyển quân lính, khí tài, lương thực, thư báo trên sông Luộc.

Thực dân Pháp và Hoàng Cao Khải nhiều lần đem quân đánh Lãnh Giang nhưng không có kết quả mà còn bị tiêu hao lực lượng.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Nguyễn Thiện Dương là tướng lĩnh trong cuộc Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892).

+ Nguyễn Thiện Dương đã góp phần quan trọng trong việc huấn luyện quân sỹ, chiêu tập các anh hùng hào kiệt, ở Hưng Yên.

+ Tài thao lược của Nguyễn Thiện Dương: “Tán Thuật có hai tướng giúp việc lại là anh em của ông ta là Lãnh Giang và Hai Kế. Hai người này thực sự là những chỉ huy có tài, đã khiến cho cuộc nổi dậy này phải khó khăn và lâu dài mới đàn áp nổi”¹⁰.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam cận đại, những sử liệu mới*, tập 1, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

+ Phạm Hồng Tung, *Người anh hùng Nguyễn Thiện Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy trong hành trình lịch sử dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (490)/2017, tr. 47-52.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 5: Lịch sử Việt Nam từ năm 1802 đến năm 1858*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Vũ Thanh Sơn, *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2009.

¹⁰ Theo A de Miribel: *La Pronnes de Hưng Yên*, sdd.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Thiện Dương vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.30. ĐẶNG HIỆP

Đặng Vũ Hiệp (bí danh Đặng Hùng),

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Đặng Vũ Hiệp sinh ngày 09 tháng 02 năm 1928 mất tháng 4 năm 2008.

- *Quê quán:* Tại xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Đặng Vũ Hiệp nổi tiếng là thư sinh, giỏi giang và rất hóm hỉnh, khi đất nước lâm nguy, ông đã gác bút nghiên lên đường đánh giặc, cứu nước. năm 1945 ở Phú Thọ, Đặng Vũ Hiệp vào quân đội trực tiếp chiến đấu ở các Trung đoàn 23 (Khu 1), Trung đoàn 88 (Sư đoàn 308), Trung đoàn 86 (Sư đoàn cao xạ 675)... Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, Đặng Vũ Hiệp là một vị chỉ huy vô cùng gan dạ, quyết đoán, dũng cảm nơi trận mạc, tràn đầy tình cảm với đồng đội và nhân dân. Hơn mười năm ròng rã chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên, ông đã tham gia chỉ huy nhiều chiến dịch, trong đó có những chiến dịch để lại dấu ấn đặc biệt, có ý nghĩa chiến lược trong lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam như: Chiến dịch Plei Me (1965), chiến dịch Đắc Tô 1 (1967), chiến dịch Đắc Xiêng (1970), Chiến dịch Đắc Tô - Tân Cảnh (1972)... Đặng Vũ Hiệp kinh qua nhiều chức vụ quan trọng: Chủ nhiệm Chính trị Mặt trận Tây Nguyên, Chính ủy mặt trận Tây Nguyên, Chính ủy chiến dịch Tây Nguyên - Chiến dịch mở đầu mùa Xuân 1975 đại thắng, Chính ủy Quân đoàn 3 chỉ huy Quân đoàn tham gia trên hướng chính của chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tháng 6 năm 1988, ông được phong hàm Thượng tướng.

Sau ngày miền Nam giải phóng, Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp được điều về giữ chức Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng kiêm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Sau khi nghỉ hưu, Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp được bầu làm Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam.

Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác. Tháng 4 năm 2008, ông mất tại Hà Nội.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Đặng Vũ Hiệp, Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

+ Đặng Vũ Hiệp là một tướng lĩnh cao cấp, quân hàm Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, đại biểu

Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội khóa VII, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Trung ương, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam.

+ “Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp không chỉ là một nhà chính trị, một vị tướng trận mạc, mà còn là vị tướng sắc sảo trong vai trò chỉ đạo Công tác Đảng – Công tác chính trị nói riêng ở cấp chiến lược” đăng trong bài “*Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp và nỗi niềm day dứt*” của tác giả Thượng tướng Nguyễn Mạnh Đầu đăng ngày 22 tháng 5 năm 2012 trên trang <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/ky-su/thuong-tuong-dang-vu-hiep-va-noi-niem-day-dut-478089>.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chỉ huy Quân sự huyện Văn Lâm, *Lịch sử quân sự huyện Văn Lâm (1945-2015)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015.

+ Báo Công an nhân dân online/*Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp*, ngày 14 tháng 4 năm 2008

+ Báo Công an nhân dân online/*Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp*, ngày 14 tháng 4 năm 2008

+ *Lê Hải Triều/ Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp: tài năng và đức độ*//Báo Đại đoàn kết online, ngày 21 tháng 6 năm 2015

+ *Tóm tắt tiểu sử đồng chí Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp*, <https://www.sggp.org.vn/tin-buon-post285592.html>

+ *Tướng lĩnh quân đội nhân dân Việt Nam qua những trang hồi ức* (2005), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

+ *Tướng lĩnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh: giai đoạn 1945 - tháng 3/2019* (2019), Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội

+ Vũ Tiến Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đặng Vũ Hiệp vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.31. BÙI CÔNG HỘ

- *Ngày, tháng, năm sinh:*

- *Quê quán:* Tại xã Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi (nay là thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Thời niên thiếu Bùi Công Hộ có sức khỏe hơn người, lại thông kinh sử. Đang lúc Triệu Quang Phục giữ đầm Dạ Trạch (thuộc huyện Khoái Châu ngày nay) cự chiến với quân Lương, Bùi Công Hộ ứng nghĩa phò trợ. Khi Triệu Quang Phục xưng là Triệu Việt Vương đóng đô ở thành Long Biên (thuộc Thành phố Hà Nội ngày nay), Bùi Công Hộ xin lui về

quê ở ẩn, vui thú điền viên, ngày ngày cùng các bậc phụ lão trong thôn du chơi nơi suối đá. Đến ngoài 70 tuổi, ông không bệnh mà mất.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Bùi Công Hộ là người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược thế kỷ VI.

+ Hiện nay Bùi Công Hộ được nhân dân lập đền thờ là thành hoàng làng của xã Thổ Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi tỉnh Hưng Yên.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Lê Trung Hoa, *Họ và tên người Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005

+ Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2019), *Thần tích tỉnh Hưng Yên (bộ 9 tập)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ân Thi (2008), *Lịch sử Đảng bộ huyện Ân Thi*, Hưng Yên.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 1: Từ khởi thủy đến thế kỷ X*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Bùi Công Hộ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.32. LÊ QUANG HÒA

- Lê Quang Hòa có tên thật là Lê Thành Kim.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Lê Quang Hòa sinh ngày 02 tháng 02 năm 1914, mất ngày 15 tháng 12 năm 1993

- *Quê quán:* Tại xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào (nay là thị xã Mỹ Hào), tỉnh Hưng Yên,

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Được giác ngộ cách mạng từ rất sớm năm 1938, ông bắt đầu tham gia hoạt động trong Đoàn Thanh niên Dân chủ Hà Nội. Năm 1939, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Tháng 12 năm 1939, ông bị thực dân Pháp bắt, kết án 5 năm tù và đày đi nhà tù Sơn La. Tháng 3 năm 1945, ông vượt ngục, trở về hoạt động tại Sơn Tây, là thành viên Ban cán sự tỉnh.

Từ năm 1945 - 1949, ông là Chính trị ủy viên¹¹ Chiến khu 3, sau là Chính ủy Liên khu 3, Bí thư Liên khu ủy Quân sự, Ủy viên thường vụ Liên khu ủy¹². Năm 1949, ông là Chính ủy¹³, Bí thư Đảng ủy Mặt trận Trung Du. Là thủ trưởng chính trị của Khu và Liên khu, đại diện Đảng phụ trách quân đội.

Năm 1950-1955, ông là Cục phó rồi Cục trưởng Cục Quân huấn Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ năm 1955-1957, ông là Hiệu trưởng kiêm Chính ủy Trường Văn hóa Quân đội, kiêm Cục trưởng Cục Văn hóa (thuộc Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh).

Năm 1957-1960, ông giữ chức Chính ủy kiêm Bí thư Đảng ủy Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam, năm 1960-1963 là Chính ủy, Bí thư Đảng ủy Binh chủng pháo binh. Từ năm 1963 đến năm 1967, ông là Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng biên tập Báo Quân đội nhân dân.

Năm 1967 - 1973, ông giữ chức Chính ủy kiêm Bí thư Đảng ủy Quân khu 4. Năm 1973, ông là Trưởng đoàn Quân sự miền Bắc trong Ban Liên hiệp Quân sự 4 bên (Four- Party Joint Military Commission) tại trại Davis, cũng trong năm này ông được phong hàm Thiếu tướng, sau đó là Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam kiêm Bí thư Đảng ủy, Chính ủy đầu tiên của Quân đoàn 1¹⁴.

Năm 1974, ông được thăng hàm Trung tướng. Năm 1975, ông là Phái viên của Ban thường vụ Quân ủy Trung ương ở Huế, Phó Chính ủy - Ủy viên thường trực Quân ủy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, Phó Chính ủy Chiến dịch Hồ Chí Minh, trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ huy cánh quân hướng Đông. Năm 1976, ông tiếp tục giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Năm 1977, ông là Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 4. Năm 1980, ông giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, kiêm Tổng thanh tra Quân đội. Năm 1986, ông được thăng hàm Thượng tướng. Ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IV.

Với những đóng góp cho cách mạng, ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, hai huân chương Quân công hạng Nhất và nhiều phần thưởng cao quý khác.

¹¹ Chức vụ cán bộ lãnh đạo, đảm nhiệm công tác đảng - công tác chính trị trong Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Được Ủy ban Quân sự cách mạng đặt ra cho các chiến khu từ tháng 4/1945 theo Nghị quyết Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

¹² Liên khu 3: Liên khu đồng bằng Bắc Bộ, được thành lập theo Sắc lệnh 120-SL ngày 25 tháng 01 năm 1948 của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa trên cơ sở hợp nhất Khu 2, Khu 3 và Khu 11, gồm các tỉnh: Hải Phòng, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nội, Hà Nam, Nam Định...

¹³ Là cách gọi tắt của Chính trị ủy viên từ tháng 10/1948.

¹⁴ Quân khu 4: Quân khu ở Bắc Trung Bộ. Thành lập theo sắc lệnh 107-SL ngày 3 tháng 6 năm 1957 của Chủ tịch nước Việt Nam DCHH trên cơ sở Liên khu 4 từ giới tuyến quân sự tạm thời trở ra Bắc gồm các tỉnh thuộc Khu 4: Vĩnh Linh, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Lê Quang Hòa, tướng lĩnh Quân đội Nhân dân Việt Nam có nhiều đóng góp cho quê hương đất nước.

+ Hiện nay tên của Ông được đặt cho con đường thuộc phường Minh Đức, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hào (2022), *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hào*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

+ Bộ Quốc phòng - Trung tâm từ điển bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 2005, tr.597-598.

+ Thanh Dung, *Lê Quang Hòa (1914-1993)*, Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hào.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Lê Quang Hòa vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.33. NGUYỄN HÒA

Nguyễn Hòa tên thật là Trần Doanh

- *Ngày ,tháng, năm sinh:* Nguyễn Hòa sinh ngày 15 tháng 02 năm 1927,

- *Quê quán:* Tại thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1944, vào Đảng tháng 1 năm 1946. Tháng 8 năm 1945, ông bị Pháp bắt giam ở nhà lao Hưng Yên và Sở Liêm phóng Hà Nội. Khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 09/3/1945), ông vượt ngục về Hưng Yên hoạt động, tham gia tự vệ chiến đấu, giành chính quyền tại huyện Văn Lâm.

Từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 6 năm 1954, Nguyễn Hòa phụ trách phân khu Phúc Yên – Vĩnh Yên; Hiệu trưởng Trường Quân chính; Chánh Văn phòng Khu 11 (Khu quân sự Hà Nội); Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 48, Sư đoàn 320 (1959); tham gia nhiều chiến dịch tại chiến trường Bắc bộ. Tháng 7 năm 1954, ông được cử đi học lớp Trung cao Quân chính Bắc Sơn. Sau khi tốt nghiệp, Nguyễn Hòa được phân công làm Tham mưu trưởng, Ủy viên Đảng ủy Sư đoàn 304. Sau đó, ông làm Sư đoàn phó, kiêm Tham mưu trưởng rồi Sư đoàn trưởng Sư đoàn 320, Thường vụ Đảng ủy Sư đoàn.

Năm 1959, ông được cử đi học tại Học viện Quân sự Vôrôsilốp (Liên Xô). Cuối năm 1963 tốt nghiệp, về nước Nguyễn Hòa vào chiến trường miền Nam công tác. Từ tháng 8 năm 1963 đến 1974, Nguyễn Hòa đảm nhiệm nhiều

chức vụ quan trọng trong quân đội như: Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng chiến dịch Bình Giã (Đông Nam Bộ); Sư đoàn trưởng Sư đoàn 5, Sư đoàn 7 (Đông Nam Bộ). Sau khi được phong hàm Đại tá, ông làm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 320); Phó Tư lệnh Quân khu 4, kiêm Tư lệnh Mặt trận đường 9, Khe Sanh; Phó Tư lệnh Đoàn 559, kiêm Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam tại Lào; Phó Tư lệnh, Đảng ủy viên mặt trận Tây Nguyên; Phó Tư lệnh, Đảng ủy viên Quân khu 5.

Năm 1972, ông được phong Phó Tư lệnh Quân đoàn 1 (1973). Năm 1974, ông được phong quân hàm Thiếu tướng; làm Tư lệnh, Phó Bí thư Đảng ủy Quân đoàn 1. Ngày 01 tháng 4 năm 1975, tướng Nguyễn Hòa nhận lệnh của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp dẫn binh đoàn “hành quân thần tốc, có mặt tại Đồng Xoài trước ngày 15 tháng 4”. Quân đoàn nhanh chóng vượt hơn 700km tập kết tại vị trí quy định trước một ngày (tức ngày 14/01/1975) tiến về Sài Gòn. Trên đường đi, Quân đoàn 1 tiêu diệt Sư đoàn 5 quân đội Sài Gòn ở Lai Khê, đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu Quân đội tại Sài Gòn.

Tháng 01 năm 1980, Thiếu tướng Nguyễn Hòa được phong hàm Trung tướng, biệt phái giữ chức Tổng Cục trưởng, Bí thư Ban Cán sự Đảng Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam. Từ tháng 8 năm 1988 đến tháng 6 năm 1992, ông được bầu làm Ủy viên Ban Kinh tế, quyền Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Kế hoạch và Ngân sách Quốc hội (Khóa VIII). Ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa V, VI. Tháng 7 năm 1999, Trung tướng Nguyễn Hòa nghỉ hưu và từ trần ngày 27 tháng 02 năm 2014.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Nguyễn Hòa, Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Trong suốt cuộc đời cống hiến phục vụ sự nghiệp Cách mạng của Đảng, Trung tướng đã luôn nêu cao tinh thần hết lòng tận tụy và trung thành với Cách mạng, Tổ quốc và Nhân dân. Dù ở bất kỳ nơi nào và trong bất kỳ cương vị công tác nào, đồng chí cũng luôn tích cực hoạt động và thể hiện là một chiến sỹ vững vàng, kiên định lập trường tư tưởng theo con đường Cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

- *Các tài liệu sách, báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chỉ huy Quân sự huyện Văn Lâm, *Lịch sử quân sự huyện Văn Lâm (1945-2015)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015.

+ Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (9 tập), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.

+ Nguyễn Huy Hiệu, *Trung tướng Nguyễn Hòa - tám gương mẫu mực, trung thực và liêm khiết*, <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/ky-su/trung-tuong-nguyen-hoa-tam-guong-mau-muc-trung-thuc-va-liem-khiết-453848>

+ Tô Đức Chiêu, *Mãi mãi là Anh bộ đội Cụ Hồ*, <https://petrovietnam.petrotimes.vn/mai-mai-la-anh-bo-doi-cu-ho-163937.html>

+ Vũ Tiến Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Hòa vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

1.2.34. ĐỖ SỸ HỌA

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Đỗ Sỹ Họa sinh năm 1946, mất năm 1979.

- *Quê quán*: Tại thôn Trà Phương, xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Đỗ Sỹ Họa tham gia chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị, Dù bị thương, sức khỏe giảm sút song Trung úy Đỗ Sỹ Họa vẫn tình nguyện về vùng biên cương của tỉnh Quảng Ninh nhận nhiệm vụ, được giao là Đồn Phó phụ trách quân sự Đồn Công an Vũ trang 209 (nay là Đồn Biên phòng Pò Hèn). Ngày 17 tháng 02 năm 1979, quân xâm lược ồ ạt tấn công, Đồn trưởng đi công tác xa. Đỗ Sỹ Họa đã khẩn trương triển khai đội hình chiến đấu theo phương án, trực tiếp phụ trách hướng chính diện. Đồn và các chốt bị pháo và cối của địch bắn cấp tập. Ở vị trí chỉ huy, Đỗ Sỹ Họa bình tĩnh quan sát địch. Khi địch ngừng bắn pháo để bộ binh xông lên, đã dũng cảm, mưu trí chỉ huy đơn vị bẻ gãy nhiều đợt tấn công của địch, diệt và làm bị thương nhiều tên. Phát hiện hỏa lực lợi hại của ta ở Đồi Quế, địch dùng chiến thuật biến người ào lên. Các chiến sĩ chốt trên Đồi Quế ngoan cường chiến đấu, diệt nhiều tên địch. Nhưng vì lực lượng quá chênh lệch, Đồi Quế đã bị địch chiếm giữ. Quyết giành lại, Đỗ Sỹ Họa đã tổ chức lực lượng tấn công địch, chiếm lại được Đồi Quế.

Đỗ Sỹ Họa động viên chiến sĩ quyết tâm chiến đấu bảo vệ đồn, bảo vệ Tổ quốc. Nhìn người chỉ huy mặt bê bết máu, ánh mắt rực lửa căm thù, các chiến sĩ vô cùng xúc động, tin tưởng. Noi gương người chỉ huy, cả đơn vị ngoan cường chiến đấu, tiêu diệt 227 tên địch, giữ vững trận địa.

Đỗ Sỹ Họa bị thương lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba cho đến lúc anh dừng hy sinh cũng không rời trận địa.

- *Đánh giá công trạng Đỗ Sỹ Họa*:

+ Trung úy Đỗ Sỹ Họa từng tham gia chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị, lập công xuất sắc, được thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba. Dù bị

thương, sức khỏe giảm sút song Trung úy Đỗ Sỹ Họa vẫn tình nguyện về vùng biên cương của Tổ quốc. Trong cuộc chiến tranh biên giới 1979, Đỗ Sỹ Họa một lần nữa là tấm gương sáng cho các chiến sĩ và đơn vị noi theo.

+ Ngày 19 tháng 12 năm 1979, thượng úy Đỗ Sỹ Họa được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Hiện nay tên của liệt sĩ Đỗ Sỹ Họa được đặt cho một tuyến đường ở khu du lịch Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh và tuyến đường thuộc thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- *Các tài liệu sách, báo viết về Đỗ Sỹ Họa:*

+ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tập 6, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.

+ *40 năm cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc ở biên giới phía Bắc - Bài 1: Hiên ngang Pò Hên*, <http://www.baoyenbai.com.vn/11/173188/40-nam-cuoc-chien-dau-bao-ve-to-quooc-o-bien-gioi-phia-Bac---Bai-1-Hien-ngang-Po-Hen.aspx>

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 2 (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Đại Dương, *Những Anh hùng Liệt sĩ trong chiến tranh biên giới 1979 (3)*, <https://kienthuc.net.vn/quan-su/nhung-anh-hung-liet-si-trong-chien-tranh-bien-gioi-1979-3-908820.html>

+ Đảng bộ Quân sự huyện Ân Thi, *Lịch sử Đảng bộ quân sự huyện Ân Thi (1947-2020)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2020.

+ *Guong hy sinh dũng cảm của Anh hùng Đỗ Sĩ Họa*, <https://uogbi.gov.vn/guong-hy-sinh-dung-cam-cua-anh-hung-do-si-hoa-p13n35471.html>

+ *Người Việt Nam không biết quỳ gối, chúng mày tới đây, chúng mày sẽ chết*, <https://tamnhin.trithuccuocsong.vn/nguoi-viet-nam-khong-biet-quy-goi-chung-may-toi-day-chung-may-se-chet-105812.html>.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đỗ Sỹ Họa vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.35. LÊ HỮU DƯỠNG

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Lê Hữu Dưỡng sinh năm 1927, mất năm 1950

- *Quê quán:* Tại thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp Lê Hữu Dưỡng:* Năm 1947, Lê Hữu Dưỡng tham gia đội tự vệ chiến đấu địa phương. Cuối năm 1949, ông xung phong nhập

ngũ vào Đại đội Sông Luộc – đơn vị chủ lực của Huyện đội Tiên Lữ, đã chiến đấu nhiều trận. Sau đó Lê Hữu Dưỡng cùng tiểu đội về làng kháng chiến Tam Nông (làng kháng chiến kiểu mẫu ở đồng bằng Bắc Bộ) là một địa bàn quan trọng của xã Hưng Đạo để chiến đấu. Đêm 11 tháng 06 năm 1950, Lê Hữu Dưỡng được đơn vị phân công cảnh giới ở đầu làng, nơi quân Pháp thường xuyên đến đánh phá, ông đã cài mìn, cắm chông, chôn địa lôi chờ địch. Sáng hôm sau, từ nhiều địa điểm, quân địch ập tới quây càn. Với sự mưu trí, bình tĩnh, khôn khéo, Lê Hữu Dưỡng lừa địch tới gần cụm mìn đã được bố trí, bất ngờ giật nổ tung khiến tên quan ba Pháp cùng nhiều tên khác mất mạng. Quân Pháp hốt hoảng bỏ chạy, vấp phải mìn, chông, nhiều tên bị thương và tử trận. Sáng hôm sau, từ nhiều phía, thực dân Pháp tiến đến càn quét, trong trận chiến ác liệt không cân sức do quân Pháp quá đông, Lê Hữu Dưỡng đã hy sinh trong trận chiến đấu này. Khi hy sinh Lê Hữu Dưỡng là chiến sỹ thuộc Đại đội Sông Luộc (Đại đội 26), Huyện đội Tiên Lữ.

- *Đánh giá công trạng Lê Hữu Dưỡng:*

+ Lê Hữu Dưỡng đã sáng tạo nhiều cách đánh như dùng chông tre, gài mìn, làm địa lôi, cạm bẫy, cùng đơn vị diệt hàng chục tên địch ngay trên quê hương mình.

+ Trong chiến đấu Lê Hữu Dưỡng bình tĩnh và dũng cảm Tỉnh đội trưởng Hưng Yên Võ An Đông, huyện ủy và chỉ huy quân sự huyện Tiên Lữ đánh giá cao, thiếu tướng Hoàng Sâm đánh giá: “Tam Nông là đồng, Lê Hữu Dưỡng là sắt”

+ Năm 1955, Nhân dân đặt tên cho một đoạn sông chảy qua xã Hưng Đạo lấy tên của Lê Hữu Dưỡng.

+ Ngày 28 tháng 04 năm 2000, Lê Hữu Dưỡng được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân..

+ Hiện nay tại xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ có Bia tưởng niệm ghi nhớ công ơn của tên của Lê Hữu Dưỡng với quê hương, đất nước.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Động, *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Động (1930-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ, *Lịch sử đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ (1947-2020)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2020.

+ *Lịch sử bộ đội sông lược huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1947 -1972)* (2009), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Lê Hữu Dưỡng vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.36. TRẦN THỊ KHANG

Vũ Thị Kính tức Trần Thị Khang

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Vũ Thị Kính sinh năm 1929

- *Quê quán:* Tại thôn Xuân Đào, xã Xuân Dục¹⁵, huyện Mỹ Hào (nay là thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Khi thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta lần thứ 2, theo Lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19 tháng 12 năm 1946), Vũ Thị Kính thoát ly gia đình hoạt động cách mạng và đổi tên là Trần Thị Khang. Tháng 2 năm 1947, Trần Thị Khang được kết nạp vào Đảng. Năm 1949, Trần Thị Khang được Tỉnh ủy điều động tham gia Huyện ủy, nhận nhiệm vụ Bí thư Ban Chấp hành Hội Phụ nữ cứu quốc huyện Phù Cừ, đồng thời là người tổ chức, chỉ huy Đội nữ du kích Hoàng Ngân huyện Phù Cừ. Trần Thị Khang với phong trào cách mạng ở địa phương nói chung và Đội nữ du kích Hoàng Ngân nói riêng, nên kẻ thù tra tấn rất dã man hòng khai thác thông tin về hoạt động của Việt Minh và cách mạng, tìm cơ sở của Đảng và lực lượng du kích. Dụ dỗ không được, chúng dùng mọi cực hình tra tấn hòng khuất phục ý chí của chị, như: treo ngược người lên cành cây mà đánh đến khi ngất xỉu, tra tấn bằng điện, dùng kim rút hết móng tay rồi cắm kim vào đó... Đầu tháng 6 năm 1950, Trần Thị Khang về thôn Phạm Xá, xã Tiên Tiến, huyện Phù Cừ họp bàn với chị em chống càn và thu hoạch nhanh vụ lúa chiêm để phòng địch cướp phá.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Trong công tác cách mạng, Trần Thị Khang luôn bám sát cơ sở, vận động từng gia đình cùng đội nữ du kích Hoàng Ngân tiếp tục hăng hái sản xuất và chiến đấu lập công.

+ Năm 2016, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh được giao khởi công xây dựng công trình Nhà lưu niệm Lực lượng nữ du kích Hoàng Ngân và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trần Thị Khang tại quê hương Xuân Dục.

¹⁵ Xuân Dục là mảnh đất có bề dày truyền thống yêu nước và cách mạng, đã sản sinh ra những người con anh hùng, tài năng, đức độ, có những đóng góp quan trọng cho quê hương, đất nước, tiêu biểu trong số đó là Tướng quân Nguyễn Thiện Thuật, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy chống Pháp cuối thế kỷ XIX.

+ Ngày 08 tháng 11 năm 2000, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng Vũ Thị Kính (Trần Thị Khang) danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Pháp.

- *Các tài liệu sách báo viết về Trần Thị Khang:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Hồng Sơn, *Liệt nữ Trần Thị Khang*, <http://sknc.qdnd.vn/nhan-vat/liet-nu-tran-thi-khang-500370>

+ Lê Xuân Tê (2018), *Văn học dân gian Đường Hào*, Tập 1, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.

+ Nguyễn Trọng Văn, *Nữ Anh hùng du kích Trần Thị Khang*, <https://cand.com.vn/tu-lieu-antg/nu-anh-hung-du-kich-tran-thi-khang-i669625/>

Thanh Dung, *Vũ Thị Kính (1929 - 1950)*, Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hào.

+ *Tìm hiểu về những phụ nữ Việt Nam nổi tiếng*, http://phunutinh.thaibinh.gov.vn/Tin-Tuc/goc-thu-gian/1351_Tim-hieu-ve-nhung-phu-nu-Viet-Nam-noi-tieng

+ Vũ Tiên Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trần Thị Kha vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.37. NGUYỄN KHOÁI

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Nguyễn Khoái sinh năm 1240

- *Quê quán:* Nguyễn Khoái, người đất Hồng Châu (nay là các huyện Khoái Châu, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên và huyện Cẩm Giàng

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Nguyễn Khoái thi tuyển vào cấm vệ quân và được tuyển vào tả hữu Thánh Dực, một trong những đội quân chủ lực của triều đình nhà Trần, có nhiệm vụ hộ giá vua Trần Nhân Tông và Thượng hoàng Trần Thánh Tông. Sau đó, ông tiếp tục được tin nhiệm giao trọng trách chỉ huy lực lượng cấm quân tinh nhuệ này.

Năm Ất Dậu (1285), quân Mông - Nguyên xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Nguyên soái Toa Đô đem 50 vạn quân từ Vân Nam (Trung Quốc) tiến theo đường biển vào đánh đất Chiêm Thành, rồi cướp Châu Hoan (Nghệ An, Hà Tĩnh), Châu Ái (Thanh Hoá), tiến đóng ở Tây Kết (Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên ngày nay).

Tháng 4 năm 1285, tướng quân Nguyễn Khoái cùng một số vương hầu nhà Trần là Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, Hoài Văn hầu Trần Quốc

Toàn dẫn quân tiên đánh quân Nguyên - Mông ở bên Tây Kết. Tiếp đó, quan quân giao chiến ác liệt ở Cửa Hàm Tử (Hàm Tử Quan, nay thuộc xã Hàm Tử, Khoái Châu, Hưng Yên) bên sông Hồng.

Ngày mùng 3 tháng 5, quân ta đánh bại quân giặc ở phủ Trường Yên (Ninh Bình). Ngày 20 tháng 5, Nguyễn Khoái cùng các tướng, quân dân nhà Trần quyết chiến với quân Nguyên – Mông ở Tây Kết, Hàm Tử, chém đầu Nguyên soái Toa Đô. Thừa thắng truy đuổi, quân ta bắt sống hơn 5 vạn dư đảng giặc.

Tháng 3 năm Mậu Tý (1288), quân Mông - Nguyên hội quân ở sông Bạch Đằng để đón thuyền lương của bọn Trương Văn Hô.

Nguyễn Khoái tham gia thủy chiến ở Bạch Đằng giang, được thống soái quân Trần là Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn giao nhiệm vụ chia cắt đội hình thủy quân Nguyên. Trước đó, Nguyễn Khoái cùng các tướng cho đóng cọc ở cửa sông Bạch Đằng, phủ cỏ lên trên. Nhân lúc thủy triều lên, Nguyễn Khoái cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy, giặc đuổi theo, bị nhử vào bãi cọc ngầm đã được chuẩn bị từ trước. Khi phần lớn chiến thuyền quân Mông - Nguyên bị vướng cọc, Nguyễn Khoái dẫn quân phản công, không cho đội phương rút lui. Đội quân Thánh Dực chiến đấu kiên cường, hợp lực với các đạo quân chủ lực nhà Trần phá tan đội hình quân địch, bắt sống tướng chỉ huy là Bình chương sự Áo Lỗ Xích.

Một năm sau chiến thắng Bạch Đằng, tháng 4 năm Kỷ Sửu (1289), khi vua Trần luận công ban thưởng, Nguyễn Khoái là một trong những tướng tiên phong, xông pha trận mạc, lập nhiều kỳ công, được triều đình cho vẽ hình và chép vào sách *Trung hưng thực lục*. Nguyễn Khoái được phong tước Liệt hầu, được cấp đất Khoái lộ (thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ngày nay) làm thực ấp. Đây là đặc ân của triều đình vì có rất ít người không thuộc hoàng tộc được hưởng vinh dự này.

- *Đánh giá công trạng Nguyễn Khoái:*

+ Nguyễn Khoái là một danh tướng triều Trần. Ông tham gia và góp công lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược nước ta của quân dân nhà Trần thế kỷ XIII.

+ Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi: Tướng quân Nguyễn Khoái có công được vua Trần Nhân Tông (1279 - 1293) ban đất lộ Khoái làm “thang mộc ấp” sau đổi tên Châu Khoái.

+ Tên của ông được lấy để đặt tên cho đường phố thuộc thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Bộ Quốc phòng - Trung tâm từ điển bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội 2005.

+ Đỗ Trình, *Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 4 - Hoạt động quân sự thời Trần (1226 - 1400)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2019.

+ Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc Kháng Chiến Chống Xâm Lược Nguyên Mông*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2019.

+ Nguyễn Khoái vị tướng kiệt xuất thời nhà Trần: *Cuộc thi Biên soạn truyện tranh lịch sử theo sách giáo khoa lịch sử hiện hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2009.

+ Phan Huy Lê, *Bộ chỉ huy tối cao của kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần*, Tạp chí Lịch sử Quân sự, tháng 4/2013, số 256, tr.3-10.

+ Quốc Chấn, *Những danh tướng chống ngoại xâm thời Trần*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.

+ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 151, 152.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Khoái vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.38. HOÀNG NGHĨA KIỀU

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Hoàng Nghĩa Kiều sinh năm 1540, mất năm 1587.

- *Quê quán*: Tại làng Hoàng Vân, huyện Kim Động (nay là làng Vân Nội, xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Hoàng Nghĩa Kiều là người có chí khí, giỏi võ nghệ, khi còn trai trẻ, ông mở lớp luyện võ, học trò theo học rất đông. Vì những lời gièm pha, sau ông cùng mẫu thân là Tạ Thị Liễu và 16 học trò tâm huyết lên kinh đô Thăng Long. Có người tiến cử ông với nhà Mạc, được vua Mạc Phúc Nguyên trọng dụng nhưng không theo, ông vẫn quyết vào tận Thanh Hóa để giúp vua Lê khôi phục lại cơ nghiệp cũ.

Được vua Lê yêu mến, gả công chúa Mỹ Thanh cho và giao cho ông nhiệm vụ quản lĩnh, luyện tập võ bị cho quân sĩ. Từ đó, Hoàng Nghĩa Kiều trở thành vị tướng tâm phúc của vua Lê Anh Tông. Hoàng Nghĩa Kiều được Trịnh Kiểm (khi đó được vua Lê giao quyền bính) tin dùng, thường đi theo họ Trịnh đánh dẹp, lập được nhiều chiến công, được thăng chức Thái phó. Năm Đinh Ty (1557) vâng lệnh vua đem quân vào Nghệ An dẹp quân nhà Mạc, Hoàng Nghĩa Kiều được phong giữ chức Tổng binh Đô tổng binh xứ Nghệ An. Trong thời

gian ông cai trị, nhân dân được yên ổn, không còn nạn trộm cướp hoành hành, giữ yên được vị thế triều đình nhà Lê nơi xứ Nghệ. Hoàng Nghĩa Kiều được triều đình ban cho đất đai và cho định cư ngay tại nơi lập được chiến tích. Tại đây, Hoàng Nghĩa Kiều lấy bà Phan Thị Má ở làng Dương Xá, huyện Hưng Nguyên làm á thất (vợ thứ hai) sinh ra Phú Quận công Hoàng Nghĩa Lương sau này. Năm Quang Hưng thứ 10, tức năm Đinh Hợi (1587), Hoàng Nghĩa Kiều phụng mệnh nhà vua mang quân đi đánh dẹp nhà Mạc ở Kinh Bắc. Hoàng Nghĩa Kiều chỉ huy chiến đấu dũng cảm lập nhiều chiến công nhưng do quân ít nên ông tử trận tại địa phận Bắc Hoàng (xứ Kinh Bắc).

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Hoàng Nghĩa Kiều là danh tướng thời Lê giữ chức Tổng binh Đô tổng binh xứ Nghệ An.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

+ Lê Hồng Lý, *Gia phả dòng họ Hoàng Nghĩa và những vấn đề xung quanh nó*, Thông báo Hán Nôm học 1997, tr.375-380.

+ Nguyễn Đức Long, *Một số tư liệu về tổ chức hậu phương và hậu cần nhà Lê*, Trường sĩ quan hậu cần, 1969.

+ Nguyễn Khánh Toàn, *Những nhận xét về thời kỳ lịch sử từ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn Gia Long và tiền đề phát triển của Việt Nam*, Vụ Văn học nghệ thuật.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Hoàng Nghĩa Kiều vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.39. TRẦN NGÔ LANG

- Trần Ngô Lang hay Trần Ngô Lương

- *Quê quán:* Trần Ngô Lang là người tổng Mễ Sở, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu (nay thuộc Thôn Nhạn Tháp, xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp:*

+ Trần Ngô Lang là một trong những tướng giỏi nhà Trần có công lớn trong bảo vệ đất nước dưới đời vua Trần Dụ Tông (1341-1369) ông được phong lên chức là Thái úy. Khi vua Trần Dụ Tông mất, Dương Nhật Lễ “cướp ngôi”, Cung Định vương (sau là vua Trần Nghệ Tông) sợ vạ lây, đã tránh ra trấn Đà Giang, ngầm hẹn với các em là Cung Tuyên vương Kính và Thượng

hầu Trần Nguyên Đán dấy binh. Nhật Lễ rất tin dùng Trần Ngô Lang mà không biết rằng ông là bậc Trung quân ái quốc.

+ Tháng 11 năm Canh Tuất (1370), Cung Định vương đem quân về kinh đô hỏi tội Dương Nhật Lễ, cho đóng quân ở bến Đông Bộ Đầu. Trước tình thế đó, Trần Ngô Lang đã khuyên Nhật Lễ mặc thường phục xuống thuyền đón rước vua. Vì là người trong tôn thất, vua Trần Nghệ Tông không nỡ giết, đã giáng Nhật Lễ xuống làm Hôn Đức công, giam giữ tại phường Giang Khẩu.

- *Đánh giá công trạng Trần Ngô Lang:*

+ Trần Ngô Lang là một trong những tướng giỏi nhà Trần có công lớn trong bảo vệ đất nước dưới đời vua Trần Dụ Tông (1341-1369) Trần Ngô Lang được phong lên chức là Thái úy. Vì được sủng ái nên vua thường xa giá về chơi

+ Nhân dân làng Nhạn Tháp lập đền thờ, suy tôn Trần Ngô Lang là Thành hoàng. Đền Nhạn Tháp hiện còn lưu giữ những hiện vật quý như: hoành phi, câu đối, sắc phong và tượng Thái úy Trần Ngô Lang. Đặc biệt là đôi câu đối:

*Công tại tiên triều Đông Bộ Đầu tiết liệt thanh oanh chấn phong lăng,
Danh thùy quốc sử ngã dục tôn thi trương bảo tán bình nhật tinh.*

Dịch nghĩa:

Công ở đầu triều (Trần), chiến thắng Đông Bộ Đầu chấn động khắp đất Việt,

Tên vang trong sử nước, gương tận trung báo quốc sáng rực cả trời Nam.

+ Sách *Đại Việt sử ký toàn thư tập II*, chép: “Tháng 6 (năm 1366), vua ngự thuyền nhỏ đến chơi nhà Thiếu úy Trần Ngô Lang ở hương Mễ Sở, canh ba mới về. Khi tới sông Chử Gia bị cướp mất ấn báu, gươm báu. Vua tự biết mình không sống lâu, càng thả sức chơi bời”.(Lê Văn Hưu, *Đại Việt sử ký toàn thư tập II*, Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 2003, Trang 223)

- *Các tài liệu sách báo viết về Trần Ngô Lang:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Bộ Quốc phòng - Trung tâm từ điển bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.

+ Lê Văn Ba, *Miền quê Văn Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004.

+ Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại, tập 3 - giai thoại thời Trần*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2016.

+ Quốc Chân, *Những danh tướng chống ngoại xâm thời Trần*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.

+ Thư viện tỉnh Hưng Yên, *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí*, Hưng Yên, 2011.

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trần Ngô Lang vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.40. NGUYỄN VĂN LIỆU

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Nguyễn Văn Liệu sinh năm 1919 mất năm 1950

- *Quê quán*: Tại xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời sự nghiệp Nguyễn Văn Liệu*: Tháng 7 năm 1945, Nguyễn Văn Liệu tham gia trong đoàn vũ trang biểu tình ở Sài Thị để biểu dương thanh thế, chuẩn bị cho dành chính quyền ở khu vực Khoái Châu.

Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Văn Liệu lần lượt được giao làm Trưởng thôn, Trưởng bạ, Ủy viên Tài chính, Ủy viên Mặt trận Việt Minh. Đầu năm 1948, Nguyễn Văn Liệu được giao làm Chính trị viên, Trưởng Xã đội. Cuối năm 1949, đầu năm 1950, tình hình xã Chí Minh nằm trong vùng tề, địch khủng bố gay gắt, chúng bắt bớ, tra tấn cán bộ, đảng viên, dân quân du kích và nhân dân, giết hại hàng trăm người. Trước tình hình đó, phong trào cách mạng và lực lượng vũ trang xã bị tổn thất nặng nề, cả xã chỉ còn gần chục đảng viên. Nguyễn Văn Liệu cùng nhiều đồng chí của mình kiên cường bám đất, bám dân lãnh đạo phong trào. Tháng 2 năm 1950, Nguyễn Văn Liệu được chỉ định làm Phó Bí thư – Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính xã Chí Minh. Do bị chỉ điểm, nên địch đã phát hiện ra hầm bí mật, chúng bắt được Nguyễn Văn Liệu cùng với đồng chí Cồn (cán bộ dân vận huyện). Lính Pháp dùng báng súng đánh đập dã man, tra hỏi về người cùng hầm, song cũng chỉ nhận được câu trả lời “Anh ấy là người làm thuê cuốc mướn”. Chúng bắn đồng chí Cồn chết ngay tại chỗ hòng uy hiếp tinh thần đồng chí. Biết Nguyễn Văn Liệu là cán bộ Việt Minh nên chúng dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, tra tấn, đe dọa hòng làm lung lạc ý chí người cán bộ cách mạng, nhưng thất bại. Chúng đưa Nguyễn Văn Liệu ra sân đình, trên đường đi qua cửa chùa, nơi họp chợ đông bà con làng trên, xóm dưới. Trông thấy Nguyễn Văn Liệu đầu tóc dẫm máu trộn với bùn đất, áo quần rách tả tơi, ai thấy đều thương xót. Nguyễn Văn Liệu cố giọng nói to trước đông đảo quần chúng nhân dân: “Bà con cứ ngẩng đầu lên, không sợ gì chúng”. Bị sỉ nhục, bọn địch dùng báng súng đánh và đẩy Nguyễn

Văn Liệu về sân đình. Cuộc khẩu chiến quyết liệt xảy ra, đồng chí dùng những lời nói đanh thép hùng hồn tố cáo chế độ thực dân và bè lũ tay sai bán nước. Trước khi bị địch bắn, Nguyễn Văn Liệu đã hô vang khẩu hiệu: “Hồ Chủ tịch muôn năm”.

- *Đánh giá công trạng Nguyễn Văn Liệu:*

+ Trong chiến đấu Nguyễn Văn Liệu cùng nhiều đồng chí của mình kiên cường bám đất, bám dân lãnh đạo phong trào. Khi Nguyễn Văn Liệu bị bắt thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, tra tấn, đe dọa hòng làm lung lạc ý chí người cán bộ cách mạng, nhưng thất bại. Trước khi bị địch bắn, Nguyễn Văn Liệu đã hô vang khẩu hiệu: “Hồ Chủ tịch muôn năm”.

+ Ngày 10 tháng 4 năm 2001, Nguyễn Văn Liệu được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.(theo Quyết định số 287 ngày 10 tháng 4 năm 2001.

- *Các tài liệu sách báo viết về Nguyễn Văn Liệu:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Khoái Châu, *Lịch sử Đảng bộ huyện Khoái Châu, tập 1 (1928-1975)*, Xuất bản 2004.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Đảng ủy - Ban chỉ huy quân sự huyện Khoái Châu, *Lịch sử quân sự huyện Khoái Châu (1945 - 2014)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2014.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Văn Liệu vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.41. DƯƠNG HỮU MIÊN

- Dương Hữu Miên: Bí danh Chính Tâm

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Dương Hữu Miên sinh tháng 5 năm 1912, mất ngày 02 tháng 7 năm 1954

- *Quê quán:* Tại xã Bảo Châu, huyện Tiên Lữ (nay là xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Dương Hữu Miên ở Bảo An binh ở Thái Bình, do sớm được giác ngộ cách mạng Dương Hữu Miên đã chọn theo con đường kháng chiến cứu nước. Khi tổng khởi nghĩa nổ ra, ông đã vận động các binh sĩ thuộc quyền về với cách mạng và trở thành một trong những lực lượng bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân những ngày đầu tiên.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Dương Hữu Miên được chính quyền cách mạng giao cho nhiều cương vị chỉ huy quân đội từ Đại đội trưởng đến Tiểu đoàn trưởng, Chỉ huy bộ đội Hải Dương, Tham mưu trưởng Liên quân

tiếp phòng Hải Dương. Từ năm 1946 - 1947, Dương Hữu Miên lần lượt làm Phó Chủ tịch, rồi Chủ tịch Ủy ban bảo vệ thành phố Hải Phòng; Trung đoàn phó rồi Trung đoàn Trưởng Trung đoàn 41 (sau đổi là Trung đoàn 42); Chỉ huy trưởng mặt trận Kiến An - Hải Phòng kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến liên tỉnh Hải - Kiến. Tháng 7 năm 1949, Dương Hữu Miên được giao nhiệm vụ làm Chỉ huy trưởng Mặt trận đường 5. Trong kháng chiến chống Pháp, đường 5 - con đường huyết mạch nối Hà Nội và Hải Phòng được đánh giá là mặt trận nóng bỏng nhất vùng địch hậu. Dưới sự chỉ huy của Dương Hữu Miên, nhiều trận tiến công, phục kích, đánh mìn... của quân và dân ta diễn ra ở đây đã gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất về người và của, đường số 5 đã trở thành con đường khủng khiếp với quân Pháp. Năm 1952, Trung ương Đảng ra Nghị quyết thành lập Khu Tả ngạn sông Hồng do Nguyên Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 3 Đỗ Mười làm Bí thư Khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính. Dương Hữu Miên được giao nhiệm vụ Chỉ huy phó Khu Tả ngạn. Đêm ngày 01, rạng ngày 02 tháng 7 năm 1954, trên đường đi công tác từ Việt Bắc trở về, Dương Hữu Miên gặp phục của quân Pháp và đã hy sinh tại một làng ở ven đường quốc lộ 5.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Cuộc đời chiến đấu của Dương Hữu Miên gắn liền với quá trình xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang vùng Tả ngạn sông Hồng. Đây là chiến trường ác liệt, luôn nóng bỏng trong suốt kháng chiến chống Pháp. Chính chiến trường này đã bộc lộ phẩm chất cách mạng, tài năng của một vị chỉ huy quân sự cách mạng tài ba.

+ Ngày 25 tháng 7 năm 1997, Hội khoa học lịch sử Hải Phòng, Chi hội khoa học lịch sử quân sự và Ban liên lạc đồng đội Tỉnh đội cũ Hải Dương - Hưng Yên tổ chức Lễ tưởng niệm liệt sĩ Dương Hữu Miên tại Bảo tàng Hải Phòng.

+ Nói về Dương Hữu Miên, Cố Tổng Bí thư Đỗ Mười viết *“tỏ rõ lòng trung thành tuyệt đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đồng chí là người chỉ huy có bản lĩnh, trong tình huống nào cũng bình tĩnh, sáng suốt, gan dạ và quyết tâm, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, sống chan hòa với cán bộ, chiến sĩ, có nghị lực khắc phục khó khăn cả trong công tác và sinh hoạt”* Bài viết của Tổng Bí thư Đỗ Mười *“Thư gửi các đồng chí trước công tác ở Bộ Tư lệnh Khu Tả ngạn sông Hồng”* ngày 20/6/1997, (Trích trong cuốn *“Đường 5 anh dũng quật khởi: Hồi ký của các nhân chứng lịch sử* .- Nxb Hải Phòng, 1997 .- Tr.7.).

+ *“Hình ảnh, công lao và đức độ con người Dương Hữu Miên đã để lại trong tôi nhiều tình cảm thân mến sâu sắc và cũng khắc đậm trong tâm khảm của đồng đội và quân dân Tả Ngạn”* *“Trích trong bài Nhớ tiếc liệt sĩ Dương Hữu Miên của Đại tướng Văn Tiến Dũng nguyên Bộ trưởng Bộ quốc phòng”*,

(Trích trong cuốn “*Đường 5 anh dũng quật khởi: Hồi ký của các nhân chứng lịch sử*” - Nxb Hải Phòng, 1997 - Tr.10).

+ Năm 2011, Hội đồng nhân dân thành phố Hưng Yên lấy tên ông đặt cho một tuyến đường tại xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Các tài liệu sách báo viết về Dương Hữu Miên:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Dương Hữu Miên (1912 - 1954), *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996.

+ *Đường 5 anh dũng quật khởi: Hồi ký của các nhân chứng lịch sử* (1997), Nxb Hải Phòng, Hải Phòng.

+ Hội khoa học lịch sử Hải Phòng-Ban liên lạc đồng đội Hải Dương-Hưng Yên, *Bài Nhớ liệt sĩ Dương Hữu Miên*, in trong *Đường 5 anh dũng quật khởi*, tập 4, Nxb Hải Phòng, Hải Phòng, 1998.

+ Lê Hoài Thao, *Anh Dương Hữu Miên*, <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/ky-su/anh-duong-huu-mien-477986>.

+ *Máy vấn đề lớn ở Tả Ngạn sông Hồng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1955)*, Nxb Chính trị Quốc gia.

+ Vũ Tiến Kỳ, *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Dương Hữu Miên vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.42. NGUYỄN HÒA MỤC

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Nguyễn Hòa Mục sinh năm 1917, mất năm 1946.

- *Quê quán*: Tại xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Hòa Mục là công nhân dệt. Thực hiện Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông tham gia Vệ quốc đoàn, chiến đấu tại đơn vị bộ đội Hải Dương. Ông được chỉ huy phân công canh gác cầu Phú Lương (trên trục đường số 5) - địa điểm quân Pháp quyết chiến muốn chiếm, hòng cướp cầu để mở thông tuyến giao thông huyết mạch Hà Nội - Hải Phòng. Ngày 25 tháng 12 năm 1946, địch tập trung ở phía đông cầu Phú Lương (Hải Dương), với một lực lượng lớn, xe quân sự, xe tăng, máy bay yểm trợ nhằm tiêu diệt chốt và chiếm cầu. Với tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, Nguyễn Hòa Mục lợi dụng địa hình, địa vật triệt để nhất để tiếp cận địch rồi lần lượt dùng lựu đạn chập nhiều quả, ném một lúc diệt từng chiếc một. Kết quả, ông đã đánh lui 2 xe tăng

địch. Trận đánh gây tiếng vang lớn và khích lệ đồng đội xung phong. Trong trận chiến đấu cam go không cân sức này, Nguyễn Hòa Mục đã anh dũng hy sinh.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Nguyễn Hòa Mục là điểm khởi nguồn của một địa danh anh hùng: Làng kháng chiến Tam Nông - làng kháng chiến kiêu mẫu của đồng bằng Bắc Bộ (Làng kháng chiến Tam Nông: trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo từng bị giặc Pháp cô lập. Cán bộ, lực lượng vũ trang của địa phương đã rào làng kháng chiến thành công. Tại hội nghị sơ kết chiến tranh chống Pháp ở Chiến khu Việt Bắc, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đánh giá "Tam Nông là làng kháng chiến kiêu mẫu ở đồng bằng Bắc Bộ".

+ Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và tinh thần quả cảm, sự hi sinh anh dũng vì độc lập, tự do cho Tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 2000, Nguyễn Hòa Mục được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

- *Các tài liệu sách báo viết về:*

+ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tập 9, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2022; trang 71-72.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2022.

+ Đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ, *Lịch sử đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ (1947-2020)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2020.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Hòa Mục vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.43. TỔNG MỸ

- Tổng Mỹ tên thật là Nguyễn Tuấn Liên, tự là Huyền Mỹ

- *Ngày tháng năm sinh:* Ông sinh năm Kỷ Mùi (1859), không rõ năm mất

- *Quê quán:* Tại làng Đông Mai, tổng Đại Từ, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên)

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Năm 1886, khi mới 27 tuổi, Nguyễn Tuấn Liên ra tranh chức Chánh tổng tổng Đại Từ, nhân dân kiêng tên húy của ông nên gọi ông là Tổng Mỹ, Tổng Hè là tên nôm của làng Đông Mai. Năm 1892, trước sự đàn áp khốc liệt của giặc Pháp, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy tan rã, nhiều tướng lĩnh, nghĩa quân lên Yên Thế gia nhập nghĩa quân Đề Thám. Tuy không lên Yên Thế nhưng là người có lòng yêu nước, Tổng Mỹ đã cử người dẫn đường

cho các chiến binh và tổ chức quyên góp tiền, lương thực ủng hộ nghĩa quân Đề Thám. Biết được lòng căm thù giặc Pháp và bọn tay sai của Tổng Mỹ nên cụ Đề Thám đã phái Nguyễn Văn Thiệp, Lãnh Nghiêm đến gặp ông, bàn kế hoạch xây dựng tổ chức, chuẩn bị lực lượng đánh Pháp.

Tổng Mỹ đã cùng một số người tin cậy (Nguyễn Văn Ché, Phạm Văn Cầm) từng giữ chức Hiệp quản, Suất đội trong nghĩa quân Bãi Sậy tập hợp lực lượng, sau một thời gian ngắn đã thành lập lên đội quân Trung Châu ủng hộ nghĩa đạo ở huyện Văn Lâm. Đội quân không tập trung mà tổ chức theo đơn vị thôn, xóm.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Tổng Mỹ là trí sĩ yêu nước thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

- *Các tài liệu sách báo viết về Nguyễn Tuấn Liên/ Tổng Mỹ*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam cận đại, những sử liệu mới*, tập 1, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

+ Phạm Hồng Tung, *Người anh hùng Nguyễn Thiện Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy trong hành trình lịch sử dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (490)/2017, tr. 47-52.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 5: Lịch sử Việt Nam từ năm 1802 đến năm 1858*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ Vũ Thanh Sơn, *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Tiên Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Tổng Mỹ (Nguyễn Tuấn Liên) vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.44. NGUYỄN ĐÌNH CỐ

Lãnh Nghiêm hay Đốc Nghiêm tên thật là Nguyễn Đình Cố

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Nguyễn Đình Cố sinh năm 1874, mất năm 1964

- *Quê quán:* Tại thôn Hòe Lâm, tổng Bạch Sam, huyện Mỹ Hào (nay là thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Dưới thời Nguyễn, tình hình kinh tế ngày càng sa sút, nông nghiệp suy yếu, đời sống nông dân đồng bằng phía Bắc vô cùng khó khăn khiến cho một bộ phận nông dân phải rời quê hương lên vùng Yên Thế, lập làng, tổ chức sản xuất. Thế nhưng, khi Pháp mở rộng phạm vi và thi hành chính sách bình định thì vùng đất Yên Thế cũng trở thành mục tiêu của chúng. Không cam chịu, nông dân Yên Thế đã đứng lên đấu tranh.

Khi ấy có Nguyễn Tuyển (con trai của thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy - Nguyễn Thiện Thuật) bị giặc Pháp bắt tù ở Côn Đảo, khi mãn hạn, chúng đưa về quê quản thúc. Nguyễn Đình Cốc và Nguyễn Đình tìm cách móc nối với Vũ Kỳ (lúc này đang tham gia cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo) và trốn lên vùng Yên Thế thành công.

Tại đây, thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám giao cho ông giúp việc cùng Điền Ân thảo mệnh lệnh, thư từ giao dịch. Sau các cuộc hội đàm với nhiều nhân sĩ, trí thức lúc bấy giờ như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,... ông gia nhập hội Duy Tân. Trong thời gian này, ông được Hoàng Hoa Thám đổi tên là Nghiêm và được phong chức Tham tán quân vụ ngang hàng với chức Đốc binh nên còn gọi là Đốc Nghiêm, Lãnh Nghiêm. Ông có nhiệm vụ thành lập “Trung Châu ứng nghĩa đạo” ở các huyện thuộc hai tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên để khi Hà Nội khởi nghĩa thì đem quân chi viện. Ít lâu sau, nghĩa quân được lệnh tiến quân về Hà Nội. Sau một thời gian chuẩn bị kỹ, chờ ngày khởi nghĩa, sự việc bị lộ, thực dân Pháp đã bố trí lực lượng đề phòng. Những người đứng đầu đều bị chúng bắt giam, nghĩa quân phải rút lui. Dưới sự lùng sục gắt gao của địch, ông cùng một số nghĩa quân lui về vùng Yên Thế.

Vụ khởi nghĩa ở Hà Nội không thành, thực dân Pháp dò biết Hoàng Hoa Thám là chủ mưu. Sáng ngày 30 tháng 01 năm 1909, chúng tổng lực tấn công vào đồn Phồn Xương nhưng khi mới đến cầu Cống Gò đã bị Lãnh Nghiêm chặn đánh. Trận này thực dân Pháp thất bại. Đến tháng 01 năm 1910, địch không ngừng vây bắt nghĩa quân, có nhiều tướng lĩnh xuất sắc tử trận, bị bắt hoặc cùng đường phải ra hàng. Lãnh Nghiêm buộc phải một mình chạy khỏi Yên Thế. Nhiều lần ông muốn tìm về Yên Thế nhưng bị địch chặn đường nên không về được. Đến những năm 1920, khi sự truy bắt của Pháp đã dần lơ lửng, ông trở về Hà Nội và sống bằng nghề xem tử vi ở cạnh cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn.

Năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” đánh đuổi giặc Pháp. Lãnh Nghiêm lúc ấy đã 72 tuổi, sức yếu không trực tiếp tham gia được nhưng ông đã khuyến khích con cháu gia nhập lực lượng vũ trang đánh Pháp. Sau này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng mời ông đến khu an dưỡng với các bậc tiền bối cách mạng Việt Nam, song con cháu ông xin được giữ ông lại quê hương để phụng dưỡng.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật; các tài liệu sách báo viết về Nguyễn Tuấn Liên/ Tổng Mỹ :*

+ *Lãnh Nghiêm (1874 - 1964)*,
<https://myhao.hungyen.gov.vn/portal/Pages/2023-5-10/LANH-NGHIEM-1874-1964-u2s30w.aspx>.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Không Đức Thiêm, *Khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913)*, Sở văn hoá thông tin Hà Bắc, 1984.

+ Trịnh Tiến Lưu, Nguyễn Văn Phong, *Chuyện kể dân gian về Hoàng Hoa Thám & các tướng lĩnh nghĩa quân Yên Thế*, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2011.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Lãnh Nghiêm (Nguyễn Đình Cốc) vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.45. NGUYỄN VĂN NGŨ

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Nguyễn Văn Ngũ sinh năm 1927, mất năm 1979

- *Quê quán*: Tại thôn Đàng Châu, xã Lam Sơn, huyện Kim Động, nay là phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Nguyễn Văn Ngũ sinh ra trong một gia đình nghèo, nhà đông anh em, sau khi lập gia đình, ông chuyển về sinh sống tại tiểu khu Hoàng Hanh (nay là khu phố Bãi Sậy, phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên). Nguyễn Văn Ngũ từng làm phụ xe, thợ sửa xe, rồi làm công nhân lái xe khách thuộc Công ty Vận tải hành khách, Ty Giao thông vận tải tỉnh Hải Hưng. Nguyễn Văn Ngũ lái xe an toàn, xe ô tô luôn sạch sẽ và bảo đảm an toàn. Tháng 12 năm 1968, ông Ngũ vinh dự được Bộ Giao thông vận tải trao tặng danh hiệu “Dũng sĩ Giao thông vận tải, đánh thắng giặc Mỹ”, vì đã dũng cảm, thông minh bảo vệ hàng hóa, đánh lạc hướng giặc Mỹ trong một lần vận chuyển thực hiện nhiệm vụ. Nhiều năm liền, ông Ngũ đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp. Ngày 25 tháng 6 năm 1979, ông Ngũ đã xả thân cứu người bị nạn tại phố Bần, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào (nay là phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào). Ghi nhận những cống hiến và việc làm của ông, ngày 06 tháng 11 năm 1980, Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lao động¹⁶ cho ông vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong việc cứu người, cứu tài sản của nhân dân.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật*:

+ Nguyễn Văn Ngũ, liệt sĩ, Anh hùng Lao động.

¹⁶ Theo Lệnh số 216-LCT ngày 6 tháng 11 năm 1980.

+ Trong công tác cũng như đời thường Nguyễn Văn Ngũ là một tấm gương sáng, để lại hình ảnh tốt đẹp trong lòng nhân dân. Đặc biệt là ngày 25 tháng 6 năm 1979, Nguyễn Văn Ngũ xả thân cứu người bị nạn tại phố Bàn, thị trấn Bàn Yên Nhân, huyện Mỹ Hào (nay là phố Bàn, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào).

- *Các tài liệu sách báo viết về Nguyễn Văn Ngũ:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Động, *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Động (1930-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Báo Hưng Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2017.

+ *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2022.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Văn Ngũ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.46. NGUYỄN VĂN NGŨ

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Nguyễn Văn Ngũ sinh năm 1935, mất năm 1968.

- *Quê quán:* Tại xã Ái Quốc nay là xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Thượng sĩ Nguyễn Văn Ngũ tham gia chiến dịch Khe Sanh - Đường số 9 Nam Lào. Thời kỳ đầu làm nhiệm vụ vận tải chuyển đạn dược, lương thực đến trận địa. Khi được chuyển sang chiến đấu, Nguyễn Văn Ngũ đã dũng cảm, mưu trí kiên quyết tấn công địch. Gương chiến đấu dũng cảm của Nguyễn Văn Ngũ đã cổ vũ toàn Trung đội quyết tâm chiến đấu, đánh lui 8 đợt tiến công trong ngày của địch, diệt hơn 100 tên Mỹ, đội Sài Gòn, phá hủy 8 xe tăng và xe bọc thép, hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ giữ vững trận địa. Riêng Nguyễn Văn Ngũ diệt hơn 30 tên địch và đã hy sinh oanh liệt tại trận địa. Khi hy sinh Nguyễn Văn Ngũ là Thượng sỹ, Trung đội phó Bộ binh thuộc Đại đội 7, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 52, Sư đoàn 320, Đảng viên Đảng Lao động Việt Nam. Đồng chí được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Nguyễn Văn Ngũ, liệt sĩ, Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân.

+ Khi tham gia nhiệm vụ vận tải, Nguyễn Văn Ngũ luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, vượt qua bom đạn ác liệt, chuyển đạn dược, lương thực đến

trận địa. Ông luôn gương mẫu mang vác vượt chỉ tiêu và còn động viên Trung đội vận chuyển đạt năng suất cao nhất Đại đội.

+ Khi tham gia chiến đấu Nguyễn Văn Ngữ dũng cảm, mưu trí kiên quyết tấn công địch. “Bị thương lần thứ nhất gãy cánh tay trái, bị thương lần thứ hai mù mắt nhưng không rời trận địa vẫn chỉ huy đơn vị đến hơi thở cuối cùng. Tám gương chiến đấu của ông cổ vũ trung đội chiến đấu đẩy lùi 8 đợt tiến công trong ngày của địch, diệt 100 tên Mỹ, ngụy, phá hủy 8 xe tăng và xe bọc thép, giữ vững trận địa” (Trích sách: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021)

- Các tài liệu sách báo viết về Nguyễn Văn Ngữ:

+ Tỉnh ủy Hưng Yên (2021), *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

+ Tỉnh Ủy, HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên (2012), *Anh hùng liệt sĩ tỉnh Hưng Yên*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 2* (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ, *Lịch sử đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ (1947-2020)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2020.

+ Vũ Tiến Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Văn Ngữ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.47. NGUYỄN NGỌC SÂM

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Nguyễn Ngọc Sâm sinh năm 1947, mất năm 1968.

- *Quê quán*: Tại Phú Thị, xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có giặc ngoại xâm, bố và chú bị giặc đàn áp giết hại nên ngay từ nhỏ Nguyễn Ngọc Sâm luôn nung nấu ý chí căm thù giặc. Khi lớn lên, sớm giác ngộ nghĩa vụ của người thanh niên trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, anh đã hăng hái lên đường nhập ngũ. Tháng 8 năm 1964, anh trở thành chiến sĩ công binh, được gia nhập vào hàng ngũ cách mạng, được phân công làm nhiệm vụ tháo gỡ bom mìn ở địa bàn Quân khu 4 - nơi có nhiều trọng điểm máy bay Mỹ đánh phá ác liệt nhằm ngăn cản quân dân miền Bắc chi viện cho miền Nam. Đến tháng 7 năm 1966, Nguyễn Ngọc Sâm được kết nạp vào Đảng Lao động

Việt Nam. Tháng 6 năm 1968, có hôm địch thả 22 quả bom xuống xã Hưng Phúc (huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An), thấy mấy quả chưa nổ, anh tự nguyện vào bãi bom trinh sát, sau đó hướng dẫn cho đồng đội cách phá và đã phá được 8 quả bom từ trường. Tháng 7 năm 1968, máy bay địch lại thả nhiều loại bom xuống xã Xuân Nam (huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh), anh được cấp trên giao nhiệm vụ xuống xã hướng dẫn cho dân quân phá gỡ bom đảm bảo an toàn cho nhân dân. năm 1971, Nguyễn Ngọc Sâm được điều về Đại đội 1, Trung đoàn Sông Đà và được đề bạt Đại đội phó. Trung đoàn Sông Đà có nhiệm vụ cùng một số đơn vị bạn trong binh chủng nhận lệnh tiến quân vào mở đường Trường Sơn - là con đường chiến lược nối liền hậu phương miền Bắc với chiến trường miền Nam, phục vụ cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. năm 1971, trong khi đang làm nhiệm vụ bị máy bay địch tập kích, mặc dù bị thương rất nặng nhưng Nguyễn Ngọc Sâm vẫn quan tâm, lo lắng cho các đồng chí khác. Trận này, Nguyễn Ngọc Sâm đã anh dũng hy sinh.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Nguyễn Ngọc Sâm, liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Trong quá trình hoạt động và chiến đấu, Nguyễn Ngọc Sâm là tấm gương sáng về tinh thần chiến đấu dũng cảm, quên mình vì mọi người, luôn đi đầu trong mọi hiểm nguy, gian khó.

+ Ngày 25 tháng 8 năm 1970, Nguyễn Ngọc Sâm được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

- *Các tài liệu sách báo viết về Nguyễn Ngọc Sâm:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Giang, *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Giang (1975-2020)*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 2010.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 2 (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Chu Viết Luân, *Hưng Yên - thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

+ Mai Thế Chính, *Bên những quả bom chờ nổ: Chuyện viết về Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân binh chủng công binh Nguyễn Ngọc Sâm*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Ngọc Sâm vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.48. ĐỐC SUNG/NGUYỄN VĂN SUNG

- Đốc Sung tên thật là Nguyễn Văn Sung (còn gọi là Nguyễn Đức Sung),

- Ngày, tháng, năm sinh: Nguyễn Văn Sung sinh năm 1843, mất năm 1891.

- Quê quán: Tại làng Dịch Trì, tổng Liêu Xá, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Dịch Trì, xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

- Cuộc đời sự nghiệp: Nguyễn Văn Sung học văn rất thông tuệ, học võ sớm tinh thông các môn vật, gậy, đoản đao, kiếm. Từ năm 15 tuổi đến năm 18 tuổi, vì nhà nghèo Nguyễn Văn Sung đi làm thuê tại các làng thuộc tổng Tam Á (Thuận Thành, Bắc Ninh).

Năm 1882, quân Pháp hạ thành Hà Nội lần thứ hai. Ngày 28 tháng 3 năm 1883, quân Pháp hạ thành Hưng Yên, Nguyễn Văn Sung khi đó đang ở làng Tam Á, tổng Tam Á liền tập hợp anh em trong phường gặt và anh em nghèo trong vùng sắm sửa vũ khí, tích trữ lương thực nổi dậy chống Pháp. Tháng 9 năm 1885, Nguyễn Văn Sung đã có mặt trong buổi lễ Tế cờ tại Văn chỉ Bình Dân. Nguyễn Thiện Thuật phong ông chức Đề đốc và dâng sớ về căn cứ kháng chiến ở Quảng Trị để vua Hàm Nghi ban thưởng. Vua ban cho ông Kim tiền và thanh gươm báu chuôi bằng ngà voi có tám chữ: "*Phục quốc diệt thù - Tiền trăm hậu tấu*". Nguyễn Thiện Thuật giao cho ông chiến đấu ở Nam Bắc Ninh, Bắc Hưng Yên và Bắc Hải Dương dưới quyền chỉ huy của Hồng lô Tự khanh, Tán lý quân vụ Ngô Quang Huy. Cuối năm 1885, Nguyễn Thiện Thuật điều ông về đóng quân ở Tây Nam huyện Mỹ Hào, bảo vệ căn cứ Bãi Sậy. Ông đóng quân ở làng Liêu Trung cùng Lãnh binh Lưu Ngọc Thấu xây dựng Liêu Trung thành làng chiến đấu. Nghĩa quân của ông hoạt động rất mạnh đẩy lùi được nhiều cuộc đàn áp của giặc. Đầu tháng 3 năm 1891, Đốc Sung đưa quân về hoạt động ở quê ông: tổng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, đạo Bãi Sậy. Đóng quân ở chùa Đổng Long, cạnh làng Dịch Trì thì bị Lãnh Vắn (sau khi làm phản, Pháp cho hắn làm đồn trưởng đồn Đổng Mối) và tên Kha (trước đây là thân cận của ông) đang đem đưa quân Pháp đến vây chùa. Đốc Sung khi đó đi tuần phát hiện được liền gọi loa báo cho nghĩa quân và dân biết. Bọn Pháp xả súng bắn, Đốc Sung bị thương nặng, ông bò ra khu ao 5 sào trước cửa chùa giấu thanh gươm vua Hàm Nghi ban vào bụi lau sậy rồi rút súng lục bắn tự sát.

- Đánh giá công trạng của nhân vật:

+ Nguyễn Văn Sung, là tướng lĩnh trong cuộc Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892).

+ Đốc Sung chỉ huy nhiều trận đặc biệt khi đánh trận tại huyện Cẩm Giàng, về trận này quân Pháp thú nhận như sau: "*Trong khi huyện Mỹ Hào được yên ổn thì huyện Cẩm Giàng lại bị quân cướp của Đốc Sung từ Bắc Ninh đến quấy phá luôn. Các vùng khác, trừ miền núi vẫn yên*" (Trích sách: 284 anh hùng hào kiệt của Việt Nam tập 4, trang 58) .

- Các tài liệu sách báo viết về Đốc Sung

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Vũ Thanh Sơn, *Các thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2009

+ Vũ Thanh Sơn, *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (bộ 15 quyển)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2013.

+ Vũ Thanh Sơn, *Anh hùng hào kiệt Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2018.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đốc Sung vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.49. NGUYỄN TÀI

Nguyễn Tài có tên khai sinh là Nguyễn Tài Đông, bí danh là Tư Trọng, Tư Duy, Ba Sáng

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Nguyễn Tài sinh ngày 11 tháng 12 năm 1926, mất ngày 16 tháng 02 năm 2016.

- *Quê quán*: Tại làng Xuân Cầu, tổng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Nguyễn Tài sinh ra trong gia đình cách mạng, là con thứ hai của Nhà văn Nguyễn Công Hoan, có ba người chú là Nguyễn Công Mỹ - Tổng Giám đốc Nha Bình dân học vụ, Nguyễn Công Miều (tức Lê Văn Lương) - Ủy viên Bộ Chính trị Trưởng ban Tổ chức Trung ương và Nguyễn Công Bông - nhà hoạt động cách mạng và bị đày lên Sơn La. Anh ruột ông là Nguyễn Tài Khoái hy sinh năm 1947. Nguyễn Tài không theo nghiệp văn giống cha. Ông tham gia cách mạng khá sớm, gia nhập Đoàn Thanh niên cứu quốc năm 18 tuổi, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 3 năm 1945. Tháng 9 năm 1945, ông bắt đầu chuyển sang công tác trong ngành an ninh. Khi mới 21 tuổi, ông là Trưởng ty Công an Hà Nội, rồi Giám đốc Sở Công an đặc khu Hà Nội (nay là Giám đốc Công an thành phố Hà Nội). Tháng 9 năm 1958, ông là Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị 2, mật danh KG2 (Bộ Công an). Năm 1960, ông được Bộ Công an giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy toàn diện cuộc chiến đấu chống gián điệp – biệt kích, góp phần làm thất bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đối phương. Ngày 21 tháng 3 năm 1964 ông được Trung ương cử vào miền Nam trực tiếp chiến đấu, là người cấp cao nhất trong ngành Công an từ trước đến lúc đó đi Nam.

Tại miền Nam, ông trở thành Ủy viên Ban An ninh của Trung ương cục miền Nam, trực tiếp làm Phó Trưởng ban (năm 1965), rồi Trưởng ban Ban An ninh khu Sài Gòn - Gia Định (năm 1966) (tiền thân của Công an thành phố Hồ Chí Minh ngày nay), Ủy viên, rồi Ủy viên Thường vụ Thành ủy (năm 1968) với bí danh Tư Trọng.

Ngày 23 tháng 12 năm 1970, trên đường đi dự một cuộc họp của Thường vụ Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, Nguyễn Tài bị bắt trong địa phận tỉnh Bến Tre. Sau một thời gian giam cầm, cuối cùng chúng đưa ông về nhà giam số 3 Bạch Đằng của Trung ương tình báo Chính quyền Sài Gòn.

Năm 1975, ông được Quân Giải phóng giải thoát tại nhà giam. Sau khi ra khỏi nhà tù, Nguyễn Tài quay lại làm việc ở trong ngành Công an Việt Nam kiêm Ủy viên Thường vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh, Thứ trưởng Bộ Nội vụ - phụ trách điều tra xét hỏi nhân viên tình báo Việt Nam Cộng hòa sau năm 1975. Cuối năm 1981, ông được điều sang công tác dân sự, công tác tại Ủy ban Pháp luật Nhà nước. Năm 1985-1989, ông là Tổng Cục trưởng đầu tiên của Tổng Cục Hải quan Việt Nam.

- *Đánh giá công trạng nhân vật Nguyễn Tài:*

+ Nguyễn Tài là nhà chính trị, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Nguyễn Tài - người Cộng sản kiên trung ở mọi cương vị luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, khi bị bắt kiên trung. Địch dùng mọi thủ đoạn, mua chuộc, dụ dỗ, tra tấn hết sức tàn bạo nhưng không khuất phục được chút thép cách mạng đã được tôi luyện trong Tư Trọng.

+ Cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt, người từng có thời gian hoạt động chung với Nguyễn Tài trên chiến trường miền Nam, nhận định: "Quá trình hoạt động cũng như quá trình đấu tranh kiên trung, mưu trí khi bị địch bắt trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ của đồng chí Nguyễn Tài cho thấy đồng chí thực sự xứng đáng là một anh hùng".

+ Ghi nhận những đóng góp của Nguyễn Tài Đảng, Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý như: Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, Huân chương Giải phóng hạng Nhì, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

+ Ngày 10 tháng 6 năm 2002, Nguyễn Tài được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Giang, *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Giang (1975-2020)*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2010.

+ *Công an thủ đô: Những chặng đường lịch sử (1945-1954)*, Nxb Công an nhân dân, 1990.

+ *Đồng chí Nguyễn Tài (1926 - 2016)*, <https://bocongan.gov.vn/gioi-thieu/Pages/lanh-dao-qua-cac-thoi-ky.aspx?ItemID=65>

+ Nguyễn Hùng Lĩnh, *Lực lượng chống phản động: Biên niên sự kiện (1945-1975)* (lưu hành nội), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1996.

+ Thanh Hằng, *Anh hùng Nguyễn Tài: Trí tuệ, quả cảm và tài hoa*, <https://cand.com.vn/Cong-an/Tiec-nho-nguoi-can-bo-Cong-an-tri-tue-qua-cam-va-tai-hoa-i381106/>

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Tài vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.50. NGÔ HUY TĂNG

- *Ngày tháng năm sinh:* Ngô Huy Tăng sinh năm 1911, mất năm 1933

- *Quê quán:* Tại thôn Ngọc Lập, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào (nay là phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời và sự nghiệp:* Cha mẹ mất sớm, năm 16 tuổi, Ngô Huy Tăng ra Cửa Ông, Quảng Ninh với người anh họ và xin vào làm thợ nguội tại xưởng Cơ khí Nhà sàng Cửa Ông. Ngô Huy Tăng tham gia cách mạng, phụ trách công tác tuyên truyền, vận động anh em thợ đoàn kết đứng lên đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Cuối năm 1928, Ngô Huy Tăng gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Tháng 9 năm 1929, Chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng được thành lập ở khu mỏ Cẩm Phả - Cửa Ông. Ngô Huy Tăng vinh dự là người công nhân đầu tiên ở vùng mỏ trở thành đảng viên Đảng Cộng sản khi mới bước sang tuổi 18. Ngô Huy Tăng nhận nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục, chuyển báo chí cách mạng của Đảng cho công nhân xem hoặc đọc cho họ nghe các báo: *Búa liềm, Công hội, Than*; vận động chị em công nhân Nhà sàng đấu tranh chống những hành động đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp và giám thị...; cũng có khi anh được chi bộ giao nhiệm vụ giao liên giữa Cửa Ông và Cẩm Phả. Năm 1929, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Chi bộ Đảng quyết định rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm trên cầu Cầu Trục (Poóc Tích) số 1 tại Xí nghiệp Bến cảng Cửa Ông. Chi bộ quyết định giao nhiệm vụ này cho Ngô Huy Tăng. Xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng, vinh dự và cũng là trách nhiệm của người đảng viên, bằng sự mưu trí và lòng quả cảm, ở nơi đầy nguy hiểm trong sự kiểm soát nghiêm ngặt của kẻ thù, Ngô Huy Tăng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đảng giao. Ngày 22 tháng 4 năm 1930, Ngô Huy Tăng cùng công nhân Nhà sàng Cửa Ông tham gia bãi công, đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập thợ do đồng chí Hoàng Văn Trành, Ủy viên Đặc khu ủy khu Cẩm Phả - Cửa Ông lãnh đạo. Trong cuộc

đấu tranh này, Ngô Huy Tăng được cử vào Ban lãnh đạo đấu tranh, phụ trách giao thông liên lạc giữa Đặc khu Cẩm Phả - Cửa Ông với khu Xứ ủy Bắc Kỳ. Tháng 9 năm 1930, mãn hạn tù, Ngô Huy Tăng được điều động về công tác tại Hà Nội, được chỉ định tham gia Thành ủy, phụ trách công tác dân vận.

Tháng 11 năm 1930, Ngô Huy Tăng cùng một số anh em rải truyền đơn đốt phá công cảng chào dựng lên ở Hàng Trống (Hà Nội) để phản đối tên Toàn quyền thực dân Hà Lan ở Nam Dương (Indonesia) sang Hà Nội cùng tên Toàn quyền thực dân Pháp bàn việc lập “Liên minh chống cộng” ở Thái Bình Dương. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, trên đường trở về, Ngô Huy Tăng bị thực dân Pháp bắt. Năm 1932, sau cuộc đấu tranh bãi thực lớn ở Hỏa Lò, Ngô Huy Tăng bị đày đi nhà tù Sơn La.

- *Đánh giá công trạng nhân vật :*

+ Trước mũi súng, lưỡi lê của kẻ thù tại phiên tòa Ngô Huy Tăng và các đồng chí khác đã hát Quốc tế ca hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo tòa án đế quốc! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!” làm cho thực dân Pháp khiếp sợ.

+ Cầu trục Pooc Tích số 1 cảng Cửa Ông, nơi Ngô Huy Tăng cắm lá cờ đỏ búa liềm năm xưa đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa.

+ Năm 2000, Công ty Tuyển than Cửa Ông đã xây dựng Tượng đài liệt sĩ Ngô Huy Tăng trên cảng Cửa Ông.

+ Ngày 26 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định truy tặng Bằng Tổ quốc ghi công cho liệt sĩ Ngô Huy Tăng.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hào*, Nxb Văn hoá dân tộc, 2021.

+ Thanh Dung, *Ngô Huy Tăng (1912 - 1933)*, Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hào.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Ngô Huy Tăng vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.51. HOÀNG MINH THẢO

Hoàng Minh Thảo tên khai sinh là Tạ Thái An

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Hoàng Minh Thảo sinh ngày 25 tháng 01 năm 1921, mất năm 2008.

- *Quê quán:* Tại thôn Cao, xã Bảo Khê, huyện Kim Động, nay thuộc thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Năm 13 tuổi, Hoàng Minh Thảo được cha gửi về Hà Nội học ở trường tư thục Thăng Long, nơi đào tạo ra nhiều người con ưu tú cho đất nước. Năm 1941, ông tham gia Việt Minh, rồi được cử đi học quân sự ở Liễu Châu, (Trung Quốc). Cuối năm 1944, ông tham gia gây dựng cơ sở chính trị và xây dựng lực lượng du kích ở vùng biên giới Lạng Sơn. Sau khi về nước, ngày 7 tháng 01 năm 1945, ông tham gia Ban phụ trách công tác biên giới của Tổng bộ Việt Minh, Ủy viên dự khuyết Tỉnh ủy lâm thời Lạng Sơn.

Ngày 03 tháng 3 năm 1945, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương và tham gia giành chính quyền ở Lạng Sơn. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, từ tháng 8 năm 1945 đến năm 1949, ông là phái viên của Bộ Quốc phòng ở các tỉnh duyên hải Tả ngạn sông Hồng, Khu trưởng Chiến khu 3, Phó Tư lệnh Liên khu 3.

Năm 1948, ông được phong quân hàm Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam trong đợt phong hàm đầu tiên. Từ 1949 đến 1950, ông làm Tư lệnh Liên khu 4. Sau Chiến dịch Biên giới 1950, các đại đoàn quân chính quy được thành lập. Ông được bổ nhiệm làm Đại đoàn trưởng đầu tiên của Đại đoàn 304 (1950-1954). Sau năm 1954, ông được phân công công tác đào tạo cán bộ quân sự, xây dựng Học viện Quân sự. Ông giữ chức vụ Hiệu trưởng Học viện Quân sự liên tục từ 1954 đến 1966 (nay là Học viện Lục quân Đà Lạt). Năm 1962, ông nghiên cứu ở Học viện Quốc phòng Bắc Kinh.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước Thượng tướng Hoàng Minh Thảo được cử là Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên, Chỉ huy trưởng trận đánh Buôn Mê Thuột, một đòn then chốt chiến lược mở đầu cho cuộc tổng tiến công chiến lược mùa Xuân năm 1975.

Năm 1976, ông trở về công việc nghiên cứu và giảng dạy với cương vị Viện trưởng Học viện Lục quân. Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV, ông được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1977, ông làm Viện trưởng Học viện Quân sự cấp cao (nay là Học viện Quốc phòng). Năm 1990, ông làm Viện trưởng Viện chiến lược Bộ Quốc phòng. Năm 1995, mặc dù nghỉ làm công tác quản lý, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo vẫn tham gia rất nhiều công việc như: Giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu sinh, hội thảo khoa học, viết sách, các công trình nghiên cứu về khoa học và nghệ thuật quân sự,.... Bên cạnh đó, ông còn giữ một số chức danh như: Ủy viên Hội đồng xét duyệt học hàm, học vị; Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Bách khoa toàn thư; Thượng tướng Hoàng Minh Thảo còn là tác giả của nhiều cuốn sách về lịch sử và quân

- *Đánh giá công trạng nhân vật Hoàng Minh Thảo*:

+ Hoàng Minh Thảo, Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Trên các mặt trận nóng bỏng và ác liệt trong kháng chiến chống Mỹ, tài thao lược và mưu trí sáng tạo trong nghệ thuật chỉ huy quân sự của Thượng

tướng Hoàng Minh Thảo được bộc lộ. Với phương châm “*Thắng địch bằng mưu, bằng kế, bằng thế, bằng thời*”, ông dựa vào kinh nghiệm phán đoán quy luật, hành động của địch để đưa ra thế trận, sẵn sàng đánh địch bằng phương pháp “*chiến thuật vận động tiến công kết hợp chót chặt*”, là một chiến thuật mới được sáng tạo nhằm hạn chế sức mạnh cơ động của quân Mỹ.

+ Hoàng Minh Thảo là tác giả của nhiều cuốn sách về lịch sử và quân sự như: *Tìm hiểu tổ tiên ta đánh giặc (1970 -1971)*, *Sự thất bại của sức mạnh phi nghĩa (1974)*, *Cách dùng binh (1975)*, *Mấy vấn đề nghệ thuật tác chiến chiến lược (2001)*, *Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc (2004)*...

Cụm 8 công trình nghiên cứu binh lược của Thượng tướng, Giáo sư Hoàng Minh Thảo được Nhà nước trao tặng: Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ được đánh giá là: “Đặc biệt xuất sắc có giá trị về khoa học công nghệ đã được công bố, sử dụng từ ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam), góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân, khoa học công nghệ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

+ Với những công lao, đóng góp đó, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cùng nhiều Huân chương cao quý: Huân chương Độc Lập hạng nhất, Huân chương Quân công hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhất. Thượng tướng được phong hàm Giáo sư năm 1986, Nhà giáo nhân dân năm 1988.

+ Hiện nay, tên của ông được đặt cho con đường thuộc quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Các tài liệu sách báo viết về nhân vật:

+ 100 năm Ngày sinh Thượng tướng Hoàng Minh Thảo (25/10/1921 - 25/10/2021): *Tư duy chiến lược của Thượng tướng Hoàng Minh Thảo*, <https://baohaiquanvietnam.vn/tin-tuc/100-nam-ngay-sinh-thuong-tuong-hoang-minh-thao-25101921-25102021-tu-duy-chien-luoc-cua-thuong-tuong-hoang-minh-thao>.

+ Diệm Ân, *Thượng tướng - Giáo sư Hoàng Minh Thảo*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2008.

+ *Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo - Tạ Thái An*, <https://hotakhuvucmiennam.vn/giao-su-nha-giao-nhan-dan-thuong-tuong-hoang-minh-thao-ta-thai-an-phan-2/>

+ Hoàng Minh Thảo, *Tác phẩm giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, 2006.

+ *Những đại tá hạng nhất đầu tiên: Hoàng Minh Thảo - Đại tá trẻ nhất toàn quân*, <https://thanhnien.vn/nhung-dai-ta-hang-nhat-dau-tien-hoang-minh-thao-dai-ta-tre-nhat-toan-quan-1851106945.htm>

+ *Tiểu sử đồng chí Thượng tướng Hoàng Minh Thảo*, <https://nhandan.vn/tieu-su-dong-chi-thuong-tuong-hoang-minh-thao-post590264.html>

+ Trịnh Thị Hồng, *Đôi điều về thượng tướng Hoàng Minh Thảo*, Toàn cảnh Sự kiện-Dư luận, số 177/2005, tr.23

+ Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Hoàng Minh Thảo vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.52. TRƯƠNG VĂN TÔN

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Trương Văn Tôn sinh năm 1939, mất ngày 21 tháng 02 năm 1951

- *Quê quán*: Tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp*: Chứng kiến tội ác dã man của quân Pháp mỗi khi chúng đi càn, mới 12 tuổi Trương Văn Tôn đã giấu gia đình đến gặp cán bộ xã Tri Thủy xin được tham gia hoạt động cách mạng. Trương Văn Tôn được giao nhiệm vụ liên lạc, chuyển các chỉ thị, mệnh lệnh, công văn của Ủy ban Kháng chiến và Ban Chỉ huy xã đội Tri Thủy đến cán bộ, đơn vị bộ đội, lực lượng du kích trong toàn xã. Sáng ngày 21 tháng 02 năm 1951, quân Pháp huy động lực lượng lớn đánh vào hai thôn Tri Thủy và Nhân Sơn thuộc xã Tri Thủy để tiêu diệt đơn vị bộ đội địa phương đang trú quân tại đây. Địch tiến vào xã bằng 2 hướng: Mũi hướng tây theo Quốc lộ 1 vào Nhân Sơn; mũi hướng đông theo sông Hồng qua thôn Khai Thái vào Tri Thủy. Trước khi hành quân, chúng sử dụng pháo binh bố trí ở khu vực đường 1A bắn vào xã Tri Thủy dọn đường cho lực lượng bộ binh tiến đánh. Đi đến đâu, chúng lục soát từng bờ tre, góc xóm để tìm hầm bí mật, bắt cán bộ, bộ đội, du kích. Đại đội 43 bộ đội địa phương và du kích xã Tri Thủy lợi dụng địa hình, địa thế chiến đấu rất dũng cảm, bẻ gãy các đợt tiến công của địch. Trong trận này, quân ta tiêu diệt và làm bị thương 30 tên địch trong đó có 11 tên lính Pháp, thu nhiều vũ khí, chiến lợi phẩm trang bị cho lực lượng du kích. Thất bại đau đớn, giặc Pháp tăng cường chi viện thêm quân, chủ yếu là đường sông (phía sông Hồng), cuộc chiến đấu không cân sức giữa ta và địch kéo dài hơn 4 giờ đồng hồ. Để bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ, lực lượng du kích, bộ đội địa phương nhận lệnh lui về tuyến sau hoặc xuống hầm bí mật. Được giao nhiệm vụ truyền đạt mệnh lệnh của Ban Chỉ huy tới các đơn vị, Trương Văn Tôn nhanh như sóc, không quản nguy hiểm dũng cảm lao đi dưới làn đạn giặc, đưa mệnh lệnh đến các đơn vị, tổ chiến đấu rất kịp thời. Trên đường liên lạc, đến đầu xóm Trại, thôn Tri Thủy, Trương Văn Tôn bị địch bắt. Khi bị bắt địch đã dùng các thủ đoạn từ dụ dỗ, mua chuộc đến

tra khảo dã man nhưng không khuất phục được ý chí của người chiến sĩ nhỏ tuổi. Trương Văn Tôn đã anh dũng hy sinh.

- *Đánh giá công trạng nhân vật:*

+ Trương Văn Tôn là liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Chiến sĩ nhỏ Trương Văn Tôn luôn hoàn thành xuất sắc, góp phần làm nên chiến thắng của lực lượng vũ trang địa phương.

+ Ngày 30 tháng 01 năm 2011, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đối với liệt sĩ Trương Văn Tôn.

+ Trương Văn Tôn được ghi trang trọng trên bia đá và phần mộ tượng trưng tại nghĩa trang liệt sĩ xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật Trương Văn Tôn:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Động, *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Động (1930-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 2* (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ngọc Anh, *Trương Văn Tôn - Anh hùng liệt sĩ tuổi 12 ở Kim Động*, <https://hungyentv.vn/news/287/5550/truong-van-ton-anh-hung-liet-si-tuoi-12-o-kim-dong>

+ Phạm Thị Dần, *Trương Văn Tôn - người thiếu niên du kích quả cảm*, <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/ky-su/truong-van-ton-nguoi-thieu-nien-du-kich-qua-cam-478026>

+ Quang Thái, Trần Văn Quý, *Người anh hùng bất khuất tuổi mười hai*, <https://hanoimoi.vn/nguoi-anh-hung-bat-khuat-tuoi-muoi-hai-593960.html>

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trương Văn Tôn vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.53. LÊ VĂN TÝ

- Lê Văn Tý còn có tên gọi khác là Lê Sỹ Khá

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Lê Văn Tý sinh năm 1925 không rõ năm mất

- *Quê quán:* Tại thôn Vĩnh Hậu, xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời và sự nghiệp:* Năm 20 tuổi, Lê Văn Tý theo bố và anh trai lên Hà Nội làm thuê kiếm sống, được giác ngộ, kết nạp vào Đội tự vệ chiến đấu.

Tháng 4 năm 1947, Lê Văn Tý tham gia cách mạng, trực tiếp cùng với Trung đội địa lôi, Đại đội 22, Tỉnh đội Hưng Yên chiến đấu trên khắp các địa bàn quan trọng của tỉnh.

Những năm 1947 - 1949, giặc Pháp ồ ạt chiếm đóng các huyện phía nam của tỉnh Hưng Yên. Trong lúc lực lượng của ta còn mỏng, vũ khí thô sơ, nhưng với quyết tâm cắt đứt tuyến giao thông Hà Nội - Hải Phòng trên đường 5, Lê Văn Tý đã tìm tòi, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật nhằm phát huy sức mạnh của binh khí.

Lê Văn Tý được đồng đội và nhân dân trong vùng tôn vinh là “Vua mìn đường 5”, “Hổ xám đường 5”. Qua 7 năm cầm súng đánh giặc, Lê Văn Tý đã chiến đấu trên khắp các địa bàn quan trọng của tỉnh; đánh mìn, địa lôi trên các tuyến giao thông, các chốt quan trọng cả trên đường bộ, đường sắt; tham gia đánh các bốt và phá các trận cản quan trọng ở trong và ngoài tỉnh góp phần tiêu diệt 127 tên địch, làm bị thương 49 tên, phá hủy 13 xe cam nhông, xe Jeép, 4 đầu tàu và 28 toa tàu. Riêng năm 1949, Lê Văn Tý đã trực tiếp và cùng đồng đội đánh mìn lật đổ 2 đầu tàu, 12 toa tàu, 2 xe cam nhông, 1 xe Jeép.

Trong một trận quyết chiến với kẻ thù, Lê Văn Tý bị thương và được phục viên, chuyển về công tác tại Nhà máy Cơ khí xây dựng Gia Lâm, Hà Nội (1969-1979). Tại môi trường làm việc mới, Lê Văn Tý tiếp tục phát huy phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, gương mẫu, tiên phong hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, hằng năm, đều đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ giỏi”.

- *Đánh giá công trạng nhân vật Lê Văn Tý:*

+ Lê Văn Tý, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Lê Văn Tý được đồng đội và nhân dân trong vùng tôn vinh là “Vua mìn đường 5”, “Hổ xám đường 5”.

+ Năm 1949, Lê Văn Tý được Bộ Quốc phòng trao tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

+ Ngày 21 tháng 10 năm 2014, Lê Văn Tý được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật Lê Văn Tý:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Động, *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Động (1930-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Lê Hoài Thao, *Tiếng sấm đường 5: Truyện ký*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Lê Văn Tý vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.54. TRẦN THỊ TÝ

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Trần Thị Tý sinh năm 1934 (có tài liệu ghi sinh năm 1932), mất năm 1954.

- *Quê quán:* Tại làng Thiện Phiến, xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ (nay là thôn Lam Sơn, xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời và sự nghiệp:* Trần Thị Tý đã sớm giác ngộ và tham gia cách mạng. Tháng 10 năm 1949, khi mới 15 tuổi Trần Thị Tý đã gia nhập đội du kích xã, vừa làm liên lạc cho Ban Chỉ huy Xã đội, vừa tích cực luyện tập chuẩn bị cho chiến đấu. Ngày 23 tháng 12 năm 1949, quân Pháp mở trận càn Con Quay (Diabolo) đánh chiếm phía nam Hưng Yên, chúng đổ quân chiếm thị xã, Triều Dương, Phố Xuôi, Mai Xá và La Tiến. Trong trận chiến đầu tiên, Trần Thị Tý cùng đội du kích Thiện Phiến đánh địch tại Dốc Đá diệt 13 tên địch, riêng bà diệt 3 tên. Sau đó, địch lập tề thực hiện chủ trương “tảo thanh diệt cộng” nhưng không tiêu diệt được đội du kích.

Trong trận đánh bốt chùa Bản tháng 5 năm 1952, Trần Thị Tý được giao phụ trách một tiểu đội nữ du kích đánh một mũi từ phía đông nam. Đội của Trần Thị Tý tiêu diệt được 15 tên, riêng bà diệt được 5 tên. Tháng 8 năm 1952, trong trận đánh tại chợ Triều Dương giữa ban ngày, bằng một vỏ chai thủy tinh, bà đã anh dũng diệt một tên nguy ác ôn, tạo khí thế cho chị em toàn đội nữ du kích xã bằng vũ khí thô sơ: Đòn gánh, gậy gộc, giáo mác... xông lên đánh địch giành thắng lợi.

Tại trận phối hợp với bộ đội chủ lực chống càn đầu năm 1953, chỉ trong nửa buổi sáng tổ chiến đấu của Trần Thị Tý đã tiêu diệt được 16 tên lính Lê dương, riêng Trần Thị Tý diệt được 8 tên. Anh em bộ đội chủ lực hết sức bất ngờ và khen tài bắn tỉa của Trần Thị Tý.

Ngày 17 tháng 01 năm 1954, du kích Thiện Phiến phối hợp với bộ đội chủ lực tổ chức bao vây đánh bốt Triều Dương. Để chống lại, địch điều súng cối về bốt bắn vào các vị trí của quân ta. Trước tình hình đó, một tổ moóc 60 mm của đội du kích có bộ đội yểm trợ được cấp tốc điều động, với nhiệm vụ tiêu diệt hỏa lực địch. Trong trận đánh ác liệt đó, Trần Thị Tý đã anh dũng hy sinh trong vòng tay của đồng đội tại mảnh đất quê hương. Khi đó, Trần Thị Tý mới vừa tròn 20 tuổi.

- *Đánh giá công trạng nhân vật Trần Thị Tý :*

+Trần Thị Tý là nữ du kích Hoàng Ngân, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ gương chiến đấu anh dũng, bất khuất của Trần Thị Tý được cán bộ và Nhân dân xã Thiện Phiến hết lòng khâm phục, được lịch sử quê hương ghi nhận.

+Trần Thị Tý đã trở thành nguyên mẫu của nhân vật chính (Tý) trong tác phẩm “Nhân đầu mùa” của nhà văn Xuân Tùng và Trần Thanh, hãng phim truyền hình Việt Nam đã chuyển thể tác phẩm này thành phim “Đội du kích Hoàng Ngân” để ca ngợi chiến công oanh liệt của đội du kích xã Thiện Phiến, trong đó có gương chiến đấu kiên cường của Trần Thị Tý.

+ Ngày 8 tháng 11 năm 2000, liệt sĩ Trần Thị Tý đã được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Hiện nay tên của Bà được đặt cho một tuyến phố trên địa bàn thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- *Các tài liệu sách báo viết về nhân vật Trần Thị Tý :*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 2* (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Kinh Lịch, *Nữ du kích Hoàng Ngân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1965.

+ Lê Quý Quỳnh, *Cô du kích Hoàng Ngân: Tập hồi ký kháng chiến*, tập 1, Tỉnh đội Hưng Yên, 1964.

+ Lê Thị Toàn, *Nữ du kích Hoàng Ngân*, Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trần Thị Tý vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.55. ĐỖ ĐÌNH VÂN

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Đỗ Đình Vân sinh năm 1953, mất năm 1979

- *Quê quán:* Tại xã Văn Phú, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Đồng chí nhập ngũ tháng 8 năm 1970, sau đó tham gia chiến đấu tại chiến trường Khu 5 từ tháng 4 năm 1971 đến tháng 4 năm 1975. Trong trận đánh ở Phan Rang Ninh Thuận ngày 15 tháng 4 năm 1975, đơn vị Đỗ Đình Vân đã lập chiến công lớn. Vừa hành quân tới nơi, Đỗ Đình Vân phụ trách một tổ trinh sát đi chuẩn bị trận địa. Tuy địa hình lạ, nhiệm vụ khẩn trương nhưng Đỗ Đình Vân táo bạo giả trang đi điều tra nắm tình hình địch giữa ban ngày. Nhờ quan sát được tỉ mỉ, cụ thể, Đỗ Đình Vân đã góp phần cùng trung đoàn diệt và bắt hơn 900 tên địch (trong đó có 2 tướng Quân lực Việt Nam Cộng hòa).

Năm 1979, nổ ra chiến tranh biên giới phía Bắc, Đỗ Đình Vân lại lên đường tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và đã anh dũng hy sinh tại Mặt trận Lạng Sơn ngày 01 tháng 3 năm 1979.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Đỗ Đình Vân, liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Trong kháng chiến chống Mỹ, Khu 5 là một trong những địa bàn diễn ra những trận giao tranh ác liệt giữa ta và địch. Với lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc, Đỗ Đình Vân luôn nêu cao tinh thần dũng cảm, táo bạo khi làm nhiệm vụ trinh sát nắm tình hình, góp phần tích cực cho đơn vị hạ quyết tâm chiến đấu chính xác, giành thắng lợi trong nhiều trận đánh.

+ Đỗ Đình Vân đã được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 8 bằng khen và giấy khen, 3 lần là Chiến sĩ thi đua, 5 lần là Dũng sĩ.

+ Ngày 06 tháng 11 năm 1978, Đỗ Đình Vân được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Tại phường Bản Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào có bức tượng chân dung Đỗ Đình Vân do Nhân dân dựng lên để cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau sự tôn kính, biết ơn và bài học làm người sống hết lòng vì quê hương đất nước.

- *Các tài liệu sách báo viết về Đỗ Đình Vân:*

+ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tập 5, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.

+ Anh hùng liệt sỹ Hưng Yên, Nxb Văn học, Hà Nội, 2012.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 2 (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hào*, Nxb Văn hoá dân tộc, 2021.

+ Phương Minh - Thu Yến, *Những người con ưu tú xứ Nhãn*, <https://baohungyen.vn/nhung-nguoi-con-uu-tu-xu-nhan-18335.html>

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đỗ Đình Vân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.56. TUẦN VÂN

Tuần Vân hay còn gọi là Tuần Văn

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Tuần Vân sinh năm 1841

- *Quê quán:* Tại xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Tuần Vân từng bị quan quân triều đình bắt giam tại Bắc Ninh. Năm Quý Mùi (1883), khi quân Pháp hạ thành Bắc Ninh, ông hào tù nhân phá nhà giam trốn ra ngoài. Tuần Vân trở về Cổ Bi, bàn kế hoạch phát động nhân dân khởi nghĩa đánh Pháp. Chỉ trong một thời gian ngắn, Tuần Vân đã tập hợp được trên 100 quân, dưới quyền ông còn có nhiều trợ thủ đặc lực như Tuần Lĩnh, Đốc Vận, Đội Kham, Đội Chuân, Đội Bỏ và Đốc Sung (một tướng lĩnh xuất sắc của nghĩa quân Bãi Sậy, người xã Dịch Trì, tổng Liêu Xá, huyện Đường Hào, nay là thôn Dịch Trì, xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ)¹⁷.

Ông cùng với Chánh Bầy, Đồ Hồ, Đốc Sung, Tuần Lĩnh... đến Văn chỉ Bình Dân ra mắt Đồng quân vụ Đình Gia Quế và xin gia nhập cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy. Sau khi gia nhập nghĩa quân không lâu, Tuần Vân đã đem quân tấn công đồn Ngò, đồn Chợ Mới, tiêu diệt hơn 20 tên giặc.

Ngày 11 tháng 11 năm 1888, Tuần Vân theo lệnh của tướng quân Nguyễn Thiện Thuật tập trung quân đến phục kích cánh đồng Liêu Trung, giết tên Louis Ney, bang tá Nguyễn Hữu Hào cùng 31 lính Pháp...

Trong trận đánh đồn Cầu Đuống, Lãnh Văn (người làng Đông Mai, xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm) làm phản. Tuần Vân đã bị giặc Pháp bắt và giết hại. Sau đó, Chánh Bầy (Phó tướng của Tuần Vân) và toàn bộ nghĩa quân gia nhập đội quân do Đốc Sung, Đốc Mỹ chỉ huy.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật*:

+ Tuần Vân hay còn gọi là Tuần Văn là tướng lĩnh trong cuộc Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892).

+ “Tuần Vân một tướng lĩnh xuất sắc của nghĩa quân Bãi Sậy, người xã Dịch Trì, tổng Liêu Xá, huyện Đường Hào, nay là thôn Dịch Trì, xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ”. (Trích trong cuốn sách *Các thủ lĩnh Bãi Sậy* của tác giả Vũ Thanh Sơn, do Nxb Văn hóa - Thông tin xuất bản năm trang Tr.72)

- *Các tài liệu sách báo viết về Tuần Vân*:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Phạm Hồng Tung, *Người anh hùng Nguyễn Thiện Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy trong hành trình lịch sử dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (490)/2017, tr. 47-52.

+ Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 5: Lịch sử Việt Nam từ năm 1802 đến năm 1858*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

¹⁷ Vũ Thanh Sơn, *Các thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2009, trang Tr.72.

+ Vũ Thanh Sơn, *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2009.

+ Vũ Thanh Sơn, *284 Anh hùng hào kiệt của Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2009

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Tuần Vân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.57. NGUYỄN TRỌNG XUYÊN

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Trọng Xuyên sinh năm 1926, mất năm 2012

- *Quê quán*: Tại xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Trọng Xuyên sinh ra trong một gia đình nghèo, mồ côi cha khi mới được 3 tháng tuổi. Năm 13 tuổi ông đã phải theo chú đi phu tận Cao Miên(Campuchia). Đến 15 tuổi, mẹ qua đời vì ốm yếu kéo dài không tiền thuốc thang. Năm 16 tuổi, Nguyễn Trọng Xuyên được vào làm ở một xưởng may và đã làm quen với nhóm thợ tham gia tổ chức Cộng sản. Năm 1944, Nguyễn Trọng Xuyên từ Campuchia tìm về Sài Gòn, vận động một số bạn bè cùng chí hướng xin gia nhập tổ chức Việt Minh. Năm 19 tuổi, Nguyễn Trọng Xuyên đã đảm nhận chức Trung đội phó một Chi đội, lúc cao điểm quân số lên tới 800 người với 500 khẩu súng các loại.

Trong kháng chiến chống Pháp từ tháng 8 năm 1945 đến năm 1954, Nguyễn Trọng Xuyên giữ chức vụ từ Trung đội phó đến Tiểu đoàn trưởng. Đảm nhiệm nhiều cương vị chỉ huy chiến đấu.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông tiếp tục cống hiến cho cách mạng. Năm 1960, do yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và quân đội, Nguyễn Trọng Xuyên được điều động trở lại chiến trường miền Nam để chiến đấu và chỉ huy, xây dựng lực lượng vũ trang tại Quân khu 6 giữa lúc cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn, bởi sự đàn áp, tàn bạo, dã man của quân xâm lược và tay sai. Từ tháng 12 năm 1975 đến năm 1976, Nguyễn Trọng Xuyên là Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thuận Hải, Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải. Từ tháng 3 năm 1979 đến năm 1985, Nguyễn Trọng Xuyên là Phó Tư lệnh Quân khu 3. Tháng 5 năm 1985, ông là Trưởng đoàn Quân sự Việt Nam tại Cuba. Kết thúc nhiệm kỳ công tác, đích thân Chủ tịch Phi-đen Cát-tơ-rô đã gắn tặng Nguyễn Trọng Xuyên tám Huân chương Chêghevara hạng Nhất. Tháng 4 năm 1986, Nguyễn Trọng Xuyên là Tư lệnh, Bí thư Đảng ủy Quân khu 3. Năm 1988 đến năm 1999, ông là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần. Năm 1992, ông được phong quân hàm Thượng tướng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, khóa VIII, đại biểu Quốc hội khóa VIII, khóa IX.

- *Đánh giá công trạng của Nguyễn Trọng Xuyên*:

+ Nguyễn Trọng Xuyên là Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam

+ Trên bất cứ cương vị nào là chỉ huy trong chiến trận hay đời thường, Thượng tướng Nguyễn Trọng Xuyên luôn sự tin yêu của Đảng sự kính trọng mến phục của chiến sĩ và Nhân dân.

+ Với công hiến của mình Nguyễn Trọng Xuyên đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhì, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

- *Các tài liệu sách báo viết về Nguyễn Trọng Xuyên*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kim Động, *Lịch sử Đảng bộ huyện Kim Động (1930-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

+ Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (9 tập), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.

+ Thượng tướng Nguyễn Trọng Xuyên, *Nhớ về chiến trường Khu 6 - Hồi kí*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

+ *Tóm tắt tiểu sử đồng chí Thượng tướng Nguyễn Trọng Xuyên*, <https://cand.com.vn/thoi-su/Tom-tat-tieu-su-dong-chi-Thuong-tuong-Nguyen-Trong-Xuyen-i205168/>

+ Trần Dương, *Lịch sử khu 6 (cực nam trung bộ Nam Tây nguyên) kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.

+ <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/nguyen-trong-xuyen-vi-tuong-giau-long-nhan-ai-432074>

+ *Tướng lĩnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh: giai đoạn 1945 - tháng 3/2019* (2019), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

+ *Tướng lĩnh quân đội nhân dân Việt Nam qua những trang hồi ức* (2005), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Trọng Xuyên vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

1.2.58. PHAN NGỌC YẺNG

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Phan Ngọc Yẻng sinh năm 1953, mất năm 1979

- *Quê quán*: Tại xã Việt Hòa, Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Việt - Trung 1979, đại đội Phan Ngọc Yẻng chốt giữ đồi Thâm Mô (Lạng Sơn). Từ ngày 17 đến 26 tháng 02 năm 1979, Phan Ngọc Yẻng đã cùng Đại đội trưởng chỉ huy đơn vị diệt và làm bị thương hơn 500 tên địch. Riêng Phan Ngọc Yẻng đã dùng AK, M-79 diệt hàng chục tên. Ngày 26 tháng 02 năm 1979, địch lại dùng pháo binh bắn phá dữ dội và cho bộ binh tiến công lên chốt. Sau khi diệt được một số tên địch thì hết đạn, 2 tên địch xông đến định bắt sống, Phan Ngọc Yẻng đã dũng cảm vật lộn với chúng. Được một đồng đội đến hỗ trợ, Phan Ngọc Yẻng và người chiến sĩ đã quật chết 2 tên địch. Sau đó, Phan Ngọc Yẻng

tiếp tục chiến đấu và đã anh dũng hy sinh. Khi hy sinh, đồng chí là Trung úy, chính trị viên đại đội 2, tiểu đoàn 4, trung đoàn 12, Sư đoàn 3, Quân khu 1, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Phan Ngọc Yểng, liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Phan Ngọc Yểng cùng đơn vị chiến đấu, giành giật quyết liệt với địch từng mỏm đồi, hầm hào, công sự.

+ Trong chiến đấu Phan Ngọc Yểng luôn gương mẫu đi đầu, bình tĩnh, không ngại gian. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, Phan Ngọc Yểng đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 08 Bằng khen và Giấy khen.

+ Ngày 20 tháng 12 năm 1979, Phan Ngọc Yểng được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

- *Các tài liệu sách báo viết về Phan Ngọc Yểng.*

+ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tập 6, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996.

+ 40 năm cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc Tổ quốc: Ký ức của những người lính trận, <http://vgpipe.com.vn/40-nam-cuoc-chien-dau-bao-ve-bien-gioi-phia-bac-to-quooc-ky-uc-cua-nhung-nguoi-linh-tran.html>

+ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Khoái Châu, *Lịch sử Đảng bộ huyện Khoái Châu, tập 1 (1928-1975)*, Xuất bản 2004.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 2 (từ năm 1945 đến năm 2015)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh* (2002), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.

+ Đại Dương, *Những Anh hùng Liệt sĩ trong chiến tranh biên giới phía Bắc 1979* (1), <https://kienthuc.net.vn/quan-su/nhung-anh-hung-liet-si-trong-chien-tranh-bien-gioi-1979-1-907732.html>

+ Đảng ủy - Ban chỉ huy quân sự huyện Khoái Châu, *Lịch sử quân sự huyện Khoái Châu (1945 - 2014)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2014.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Phan Ngọc Yểng vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2. Danh nhân lĩnh vực Giáo dục - khoa bảng

2.1. Khái quát về danh nhân lĩnh vực Giáo dục - khoa bảng

Trên cơ sở khảo sát tư liệu, căn cứ vào những tiêu chí đưa ra ở trên, Ban chủ nhiệm đề tài “Nghiên cứu, đề xuất bổ sung danh nhân tỉnh Hưng Yên” lựa chọn 42 nhật vật lịch sử tiêu biểu trong lĩnh vực giáo dục - khoa bảng của Hưng Yên trong chuyên đề này. Đó là người đỗ đại khoa, giữ chức vụ quan trọng trong triều đình phong kiến, được ghi nhận công trạng trong các hình thức sau: được vua ban tước vị; được nhân dân tôn thờ; được ghi danh bia đá, nhà giáo uy tín và nhà cải cách giáo dục tiêu biểu trong thời kỳ hiện đại. Tên nhân vật sắp xếp theo vần chữ cái theo nội dung bảng sau:

Bảng nhân vật giáo dục - khoa bảng

| STT | TÊN NHÂN VẬT | QUÊ QUÁN |
|-----|--------------------------------|--|
| 1. | Nguyễn Đình Bá (1695 - 1755) | Khoái Châu (thôn Bình Dân, xã Tân Dân) |
| 2. | Bùi Công Phụ (1642-?) | Khoái Châu (xã Tân Dân) |
| 3. | Nguyễn Chấn Chi (? - ?) | Ân Thi (thôn Thổ Hoàng Cả, TT Ân Thi) |
| 4. | Hoàng Công Chí (1641 - 1719) | Ân Thi (thôn Thổ Hoàng Cả, TT Ân Thi) |
| 5. | Hoàng Bình Chính (1736 - 1785) | Ân Thi (thôn Thổ Hoàng Cả, TT Ân Thi) |
| 6. | Đỗ Thế Diên (? - ?) | Yên Mỹ (thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp) |
| 7. | Trần Tú Dĩnh (1798 - 1858) | Kim Động (thôn Duyên Yên, xã Ngọc Thanh) |
| 8. | Ngô Mậu Đôn (1496 - ?) | Ân Thi (xã Tân Phúc) |
| 9. | Nguyễn Minh Dương (1522 - ?) | Văn Lâm (thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang) |
| 10. | Quản Danh Dương (1666 - 1730) | Văn Giang (thôn Hoa Cầu, xã Nghĩa Trụ) |
| 11. | Nguyễn Hằng (? - ?) | Văn Giang (thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ) |
| 12. | Nguyễn Hành (1656 - ?) | Văn Giang (thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ) |
| 13. | Trần Chu Hình (? - ?) | Văn Giang (thôn Đan Nhiễm, TT Văn Giang) |
| 14. | Dương Hoàng (1597 - 1656) | Văn Lâm (xã Lạc Đạo) |
| 15. | Đỗ Khắc Kính (1569 - ?) | Văn Giang (thôn Đan Nhiễm, TT Văn Giang) |
| 16. | Nguyễn Đức Ký (1502 - ?) | Văn Giang (thôn Đan Nhiễm, TT Văn |

| | | |
|-----|--------------------------------|--|
| | | Giang) |
| 17. | Nguyễn Lân (1906 - 2003) | Thị xã Mỹ Hào (phường Phùng Chí Kiên) |
| 18. | Đoàn Doãn Luân (1700 - 1735) | Yên Mỹ (xã Giai Phạm) |
| 19. | Trần Nghi (1584 - ?) | Văn Lâm (thôn Chu Cầu, xã Lạc Đạo) |
| 20. | Trần Ngọc Nguyên (1607 - ?) | Văn Lâm (xã Lạc Đạo) |
| 21. | Đặng Thuần Nhân (1607 - ?) | Thị xã Mỹ Hào (thôn Cẩm Sơn, xã Cẩm Xá) |
| 22. | Trần Chu Phổ (Thế kỷ XIII) | Văn Giang (thôn Đan Nhiễm, TT Văn Giang) |
| 23. | Phạm Công Phương (1642 - ?) | Yên Mỹ (thôn Liêu Xuyên, xã Nghĩa Hiệp) |
| 24. | Lương Quý (? - ?) | Ân Thi (xã Tân Phúc) |
| 25. | Trình Chí Sâm (Thế kỷ XV) | Quê gốc ở Hưng Yên |
| 26. | Bùi Lệnh Tá (1465 - ?) | Tiên Lữ (thôn Đặng Xá, xã Cương Chính) |
| 27. | Đỗ Tấn (1514 - ?) | Văn Giang (thôn Lại Ốc, xã Long Hưng) |
| 28. | Nguyễn Kinh Tế (1588 - ?) | Ân Thi (thôn Phù Vệ, xã Quang Vinh) |
| 29. | Dương Công Thụ (1696 - 1753) | Văn Lâm (xã Lạc Đạo) |
| 30. | Dương Thuần (1587 - 1667) | Văn Lâm (xã Lạc Đạo) |
| 31. | Đoàn Nguyễn Thục (1718 - 1775) | Yên Mỹ (thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long) |
| 32. | Lê Thục (1494 - ?) | Văn Giang (thôn Ngọc Bộ, xã Long Hưng) |
| 33. | Vũ Vinh Tiến (1620 - ?) | Ân Thi (thôn Phù Ứng, xã Phù Ứng) |
| 34. | Nguyễn Đình Tính (? - 1891) | Văn Giang (thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ) |
| 35. | Nguyễn Đình Tổ (1738 - ?) | Khoái Châu (thôn Bình Dân, xã Tân Dân) |
| 36. | Đỗ Tông (1504 - ?) | Văn Giang (thôn Lại Ốc, xã Long Hưng) |
| 37. | Nguyễn Nho Tông (? - ?) | Kim Động (xã Vũ Xá) |
| 38. | Nguyễn Huy Trạc (1733 - 1788) | Văn Giang (thôn Đan Nhiễm, TT Văn Giang) |
| 39. | Tô Trân (1791-?) | Văn Giang (làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ) |

| | | |
|-----|--------------------------------|---|
| 40. | Ngô Triệt (1588 - ?) | Yên Mỹ (xã Trung Hòa) |
| 41. | Nguyễn Trí Trung (1648 - 1725) | Yên Mỹ (thôn Lục Điền, xã Minh Châu) |
| 42. | Nguyễn Tuấn (1451 - ?) | Khoái Châu (thôn Đại Quan, xã Đại Hưng) |
| 43. | Nguyễn Thì Ung (1468 - ?) | Văn Giang (thôn Đa Ngưu, xã Tân Tiến) |
| 44. | Nguyễn Như Uyên (1613 - ?) | Yên Mỹ (thôn Thụy Trang, xã Trung Hưng) |

2.2. Cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân lĩnh vực Giáo dục - khoa bảng

2.2.1- ĐỖ THẾ DIÊN (THẾ KỶ XII)

- *Tên khác:* Đỗ Thế Bình

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Sống ở thế kỷ thứ XII; không rõ chính xác năm sinh, năm mất.

- *Quê quán:* Ông là người làng Cổ Liêu, huyện Đường Hào (nay là thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Đỗ Thế Diên là nhà khoa bảng, vị Trạng nguyên khai khoa cho vùng đất Hưng Yên làm quan đến chức Đại tư đồ trụ quốc.

Thân sinh ra ông là Đỗ Tiên Chính giỏi thiên văn, làm quan thanh liêm triều vua Lý Nhân Tông (1072-1127) và mẹ là bà Kiều Thị. Tương truyền, cha của Đỗ Thế Diên mất khi ông còn rất nhỏ, ông sống cùng mẹ trong cảnh mẹ góa con cô.

Thủa nhỏ mặc dù nhà nghèo không có đèn dầu để đọc sách, nhưng ông vẫn chuyên tâm kinh sử bằng cách quét và đốt cháy lá đa, lấy ánh sáng đó để học bài.

Đến khoa thi mùa Xuân, năm Trinh Phù thứ 10 (1185) đời vua Lý Cao Tông, Đỗ Thế Diên đã trúng đầu kì thi này, cùng đỗ có Đặng Nghiêm, Bùi Quốc Khái và 30 người nữa. Vì vào thời nhà Lý, chưa có học vị Trạng nguyên nhưng do ông là người đỗ đầu khoa thi nên người dân vẫn quen gọi ông là cụ Trạng. Việc Đỗ Thế Diên đỗ khoa đã trở thành mốc son trong sự nghiệp khoa cử, bởi ông không chỉ là người khai khoa cho Hưng Yên mà còn là người khai khoa cho cả nền khoa cử của xứ Đông.

Sau khi thi đỗ, Đỗ Thế Diên được triều đình cử làm quan, ông từng đảm nhận các chức như: Triều nghị Đại phu, Nhập nội thị Phu tỉnh, Quảng từ kiêm Quan phán hình viện sự, được vua ban cho Kim ngư đại (Túi gấm thêu cá vàng). Sau này, do lập nhiều công trạng, ông đã được phong đến chức Đại tư đồ, Trụ quốc.

Khi tuổi cao sức yếu, Đỗ Thế Diên được triều đình cho về nghỉ tại quê nhà. Ông đã dành tiền xây dựng chùa Báo Ân với mục đích trước báo ân vua, sau báo ân cha mẹ và người dân trong thôn đã đùm bọc ông ăn học thành tài. Việc xây dựng chùa Báo Ân đã được Đỗ Thế Diên ghi lại trên tấm bia đá dựng trước Triều Nghị cổ miếu (nay được đặt phía trước nhà thờ Trạng nguyên). Tiếc rằng bia đá ấy đến nay chữ đã mờ gần hết, chỉ còn vài dòng có thể đọc được, nhưng hoa văn lưu lại trên bia cũng đủ minh chứng cho ta thấy bia được dựng vào thời Lý.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo đã ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- *Lê Quý Đôn toàn tập* (tập II - Kiến văn tiểu lục), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 442.

- Nguyễn Thị Lâm, *Hải Dương phong vật chí*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2009.

+ *Các công trình ghi danh:*

- Sau khi mất, ông được triều đình phong làm Phúc thần, cho lập đền thờ Trạng nguyên Đỗ Thế Diên ngay trên nền nhà cũ tại thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Hằng năm, lễ hội đền thờ Trạng nguyên Đỗ Thế Diên được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng Giêng và ngày mùng 10 tháng 10 âm lịch. Đền thờ Trạng nguyên Đỗ Thế Diên nằm trong cụm di tích Đền, Chùa Thanh Xá, được xếp hạng Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh năm 2006.

- Tên của Trạng nguyên Đỗ Thế Diên được lưu danh tại Văn bia số 9 Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Đỗ Thế Diên vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.2- TRẦN CHU PHỔ (THẾ KỶ XIII)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Sống ở thế kỷ thứ XIII; không xác định được năm sinh, năm mất.

- *Quê quán:* Ông là người xã Đan Nhiễm, huyện Tế Giang (nay là thôn Đan Nhiễm, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên)

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Trần Chu Phổ là một sử gia, nhà khoa bảng, Thái học sinh thời Trần, làm quan đến chức Tư đồ, tước Phụ quốc công.

Tháng 2, năm Nhâm Thìn, niên hiệu Kiến Trung thứ 8 (1232), vua Trần Thái Tông mở khoa thi Thái học sinh. Đây là khoa thi Tiến sĩ, nhưng bấy giờ người thi đỗ khoa thi này gọi là Thái học sinh. Đến khoa Giáp Dần, Trần Duệ

Tông năm Long Khánh thứ 2 (1374) mới gọi là Tiến sĩ. Ở triều Lý, việc kén chọn nhân sĩ chưa được phân thứ tự cao thấp. Đến thời Trần mới chia thứ bậc theo tam giáp (Đệ nhất giáp, Đệ nhị giáp và Đệ tam giáp). Khoa thi này lấy đỗ 5 người, trong đó 2 người đỗ Đệ nhất giáp; 2 người đỗ Đệ nhị giáp và 1 người đỗ Đệ tam giáp. Trần Chu Phổ đỗ Đệ tam giáp. Trần Chu Phổ là anh của Trần Chu Hình (đỗ Bảng nhãn khoa thi Thái học sinh năm Bính Thìn niên hiệu Nguyên Phong 6 (1256) đời vua Trần Thái Tông).

Năm 1251, Trần Chu Phổ được bổ nhiệm làm Sử quan, giữ chức Ngự sử Trung tướng (sau đổi là Trung úy). Về sau, ông làm quan đến chức Tư đồ, tước Phụ quốc công.

Trần Chu Phổ là một sử gia thời Trần, nhiều ý kiến cho rằng ông là tác giả bộ sách *Việt Chí* (tức *Đại Việt sử lược*) và Lê Văn Hưu đã soạn lại bộ sử đó, viết thành *Đại Việt sử ký*¹⁸. Học giả Trần Văn Giáp cho rằng, Trần Chu Phổ là tác giả của *Việt sử lược*. Sử gia Liên Xô A. B. Polyakov cho rằng Trần Chu Phổ là người sửa lại một tác phẩm lịch sử trước đó là *Sử ký* của Đỗ Thiện và đổi tên sách là *Việt chí*, phần phụ lục do người thời Trần Duệ Tông thêm vào và từ đó Polyakov kết luận *Việt sử lược* có trước *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu. Sử gia Liên Xô P.V.Pozner cũng cho rằng Trần Chu Phổ hoàn thành *Việt chí* vào khoảng 1233 khi Phật giáo còn thịnh hành, còn *Đại Việt sử ký* hoàn thành vào năm 1272 khi Nho giáo đã có ảnh hưởng mạnh mẽ.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Võ Khắc Sần, *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Mỹ, tập 1 (1930 - 1977)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 2006.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Phan Huy Lê, *Lê Văn Hưu với Đại Việt sử ký toàn thư*, in trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

¹⁸ Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: Bản in Nội các quan bản. Tập 1.- H.: Khoa học xã hội, 1998, sđd tr.18.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của Trần Chu Phổ được lưu danh trên bia số 1 tại Văn miếu Bắc Ninh (Văn bia đề danh Tiến sĩ từ khoa thi năm Ất Mão (1075) đến khoa thi năm Quang Thuận (1469)).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Trần Chu Phổ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.3- TRẦN CHU HINH (THẾ KỶ XIII)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Sống ở thế kỷ thứ XIII; không xác định được năm sinh, năm mất.

- *Quê quán:* Ông là người xã Đan Nhiễm, huyện Tế Giang (nay là thôn Đan Nhiễm, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên)

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Trần Chu Hinh là nhà khoa bảng, Thái học sinh thời Trần làm quan đến chức Hàn Lâm viện Thị độc. Ông là em trai của Thái học sinh Trần Chu Phổ.

Mùa Xuân, tháng 2, năm Bính Thìn, niên hiệu Nguyên Phong năm thứ 6 (1256) đời vua Trần Thái Tông, triều đình mở khoa thi chọn hiền tài. Tại khoa thi này, triều đình ban cho Trần Quốc Lặc (người xã Uông Hạ, huyện Thanh Lâm, Hồng Châu) đỗ Kinh trạng nguyên; Trương Xán (người Hoành Sơn, huyện Bồ Chính) đỗ Trại trạng nguyên; Trần Chu Hinh đỗ Bảng nhãn; Trần Uyên (người huyện Đường Hào, Hồng Châu) đỗ Thám hoa. Đây là khoa thi đầu tiên, đặt ra danh hiệu Kinh trạng nguyên và Trại trạng nguyên. Trong sách *Việt sử cương mục tiết yếu* có ghi, “Bắt đầu phân chia Kinh, Trại. Từ Thanh Hóa trở vào là Trại, trở ra là Kinh”. Viết về sự kiện ấy, bản *Đại Nam quốc sử diễn ca* của Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái còn ghi:

Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa,

Kẻ Kinh, người Trại cũng là tài danh.

Trần Chu Hinh là người văn hay chữ tốt, uyên thâm Nho học. Sau ông giữ chức Hàn lâm viện Thị độc.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng*

Yên, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Phạm Hữu Du, *Văn hóa truyền thống làng Đan Nhiễm, Văn Giang, Hưng Yên*, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, số 4/2004, tr.32-36.

- Phạm Minh Hoàng, *Văn Giang - Vùng phù sa văn hoá*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2020.

- Sở Khoa học & Công nghệ Hưng Yên, *Tiến sĩ người Hưng Yên*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2009.

- *Đại Việt sử ký toàn thư Tập 2*, Nxb Khoa học xã hội, 1971, tr.26

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên Bia số 1 tại Văn miếu Bắc Ninh (Văn bia đề danh Tiến sĩ từ khoa thi năm Ất Mão (1075) đến khoa thi năm Quang Thuận (1469)).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Trần Chu Hinh vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.4- NGUYỄN TUẤN (1451 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Sinh năm Tân Mùi (1451); chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông là người xã Đại Quan, huyện Đông Yên (nay là thôn Đại Quan, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Tuấn là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan đến chức Binh bộ Thị Lang.

Ông đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Ất Mùi niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475) đời vua Lê Thánh Tông. Ông làm quan đến chức Binh bộ Thị lang. Ông là vị quan rất mực cương trực, thanh liêm, nhiều công việc trong triều được nhà vua trọng dụng và tham khảo ý kiến. Năm 64 tuổi, ông về quê dưỡng già và xin vua miễn binh phu các khoản cho làng Đại Quan trong 100 năm. Ông còn tu sửa điện miếu, tổ chức tế lễ bốn vị đại vương (Linh Lang đại vương, Đông Hải đại vương, Đô Thiên đại vương, Nhã Công đại vương) và

mở trường dạy học. Sau khi mất, ông được vua truy tặng chức Binh bộ Thượng thư, Trung cần Tá lý Phúc thần. Nhân dân suy tôn làm thành hoàng và xây dựng một ngôi đền lớn thờ chung với 4 vị đại vương tại đền Đại Quan.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Phạm Ngọc Trung, *Tiếp cận nền giáo dục khoa cử thời Lê Sơ*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, tháng 12/2009, số 306, tr. 3-8

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Vũ Duy Mền, *Khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông (1460 -1497)*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 5/2020, tr. 62-74.

+ *Các công trình ghi danh:*

Ông được nhân dân suy tôn làm thành hoàng làng và thờ tại đình, đền Đại Quan, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Tên của ông được lưu danh trên văn bia tại Văn miếu Bắc Ninh và Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Tuấn vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.5- NGUYỄN NHO TÔNG (THẾ KỶ XV)

- *Tên khác:* Do kiêng húy tên vua Thiệu Trị (Miên Tông) nên đọc chệch là Nguyễn Nho Tôn

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Sống ở thế kỷ thứ XV; không xác định được năm sinh, năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Vực Đường, huyện Thiên Thi, phủ Khoái Châu (nay là xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Nho Tông là nhà khoa bảng. Ông thi đỗ tiến sĩ khoa thi năm Đinh Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487), triều vua Lê Thánh Tông (1460-1497). Sau khi đỗ đạt, ông làm quan đến chức Thượng thư, từng được cử đi sứ phương Bắc.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, năm Canh Thân (1500) “Mùa xuân, tháng Giêng, ngày 25, vua sai sứ sang nhà Minh. Hình bộ Tả thị lang Nguyễn Duy Trinh, Lễ khoa Đô cấp sự trung Lê Lan Hình, Thượng bảo Thiếu khanh Nguyễn Nho Tông sang tạ ơn phúng tế; Đông các Học sĩ Lưu Hưng Hiếu, Hàn lâm viện Thị thư kiêm Tú lâm cục Tư huấn Đỗ Nhân, Thông sự ty thừa Bùi Đoan Giáo tạ ơn việc sách phong và xin ban mũ áo”.

Năm Nhâm Ngọ (1522), vua Lê Cung Hoàng lên nối ngôi, kinh tế đất nước suy thoái, triều đình rối ren, các quyền thần họ Trịnh, họ Nguyễn đều có mưu đồ riêng. Ngày 15 tháng 6 năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung đem quân vào kinh, ép vua nhường ngôi, lập ra nhà Mạc. Nguyễn Nho Tông không chịu khuất phục không ra làm quan, sau được người đời khen là người tiết nghĩa¹⁹.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Cao Xuân Dục, *Đại Nam nhất thống chí, tập 21*, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục, 1967.

- Đỗ Văn Ninh, *Văn bia Quốc tử giám Hà Nội*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Phạm Ngọc Trung, *Tiếp cận nền giáo dục khoa cử thời Lê Sơ*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, tháng 12/2009, số 306, tr. 3-8.

¹⁹ Theo sách *Lịch triều hiến chương loại chí, tập 3*/ Phan Huy Chú.- Tp.HCM: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, 2014.- tr.410.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Vũ Duy Mền, *Khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông (1460 -1497)*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 5/2020, tr. 62-74.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên Văn bia Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và bia số 3 Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Nho Tông vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.6- BÙI LỆNH TÁ (1465 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm Ất Dậu (1465); chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Đặng Xá, huyện Tiên Lữ (nay thuộc thôn Đặng Xá, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Bùi Lệnh Tá là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan đến chức Đô cấp sự trung.

Năm 35 tuổi, ông tham dự khoa thi Kỷ Mùi, niên hiệu Cảnh Thống thứ 2 (1499), triều vua Lê Hiến Tông (1497 - 1504). Trong khoa thi này, ông đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ (tức Hoàng giáp). Sau ông ra làm quan phục vụ triều Lê, đến chức Đô cấp sự trung, rồi cáo lão về quê. Không chỉ làm quan ở triều đình, ông còn là người có công lớn trong việc dạy nhân dân trong làng sống theo lệ hay, tục đẹp.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Đỗ Văn Ninh, *Văn bia Quốc tử giám Hà Nội*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Phạm Ngọc Trung, *Tiếp cận nền giáo dục khoa cử thời Lê Sơ*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, tháng 12/2009, số 306, tr. 3-8.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Vũ Duy Mền, *Khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông (1460 -1497)*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 5/2020, tr. 62-74.

+ *Các công trình ghi danh:*

Sau khi mất, ông được nhân dân tôn làm phúc thần, được thờ trong khuôn viên đình Đặng Xá²⁰, gọi là Dinh quan nghề Bùi Lệnh Tá. Dinh được xây dựng năm Thành Thái thứ 10 (1809), mặt tiền quay hướng Nam. Hàng năm, vào ngày 25 tháng 02 và ngày 15 tháng 8, chính quyền và nhân dân tổ chức lễ hội tại di tích để tưởng nhớ công lao của các vị thần.

Tên của ông được ghi danh trên Văn bia số 3 tại Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Bùi Lệnh Tá vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.7- NGUYỄN THÌ UNG (1468 - ?)

- *Tên khác:* Còn gọi là Nguyễn Thời Ung; Nguyễn Ung

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm Mậu Tý (1468); chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Đa Ngưu, huyện Tế Giang (nay thuộc thôn Đa Ngưu, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Thị Ung là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê, làm quan đến chức Thượng thư kiêm Ngự sử đài Đô ngự sử.

Năm 26 tuổi, Nguyễn Thị Ung đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Quý Sửu, niên hiệu Hồng Đức 24 (1493) đời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497). Sau ra làm quan phục vụ triều Lê. Năm Đinh Mão (1507), ông được cử giữ chức Thừa tuyên xứ Thanh Hóa. Cuối đời vua Lê Uy Mục, ông cùng Nguyễn Văn Lang tôn phò Giản Tu công Lê Oanh lên ngôi vua. Sau Lê Oanh

²⁰ Đình Đặng Xá tọa lạc tại trung tâm thôn Đặng Xá, xã Cương Chính. Đình thờ Cao Sơn Đại vương, còn có tên là Sùng Công, một nhân vật huyền thoại thời Hùng Vương thứ 18. Phối thờ tại đình là bà Bùi Thị Cảnh, một người con gái của quê hương đã dùng mưu trí để giết giặc.

lên ngôi hoàng đế (tức vua Lê Tương Dực), năm Canh Ngọ (1510), ông được phong lên chức Ngự sử đài Đô ngự sử, tước Lương Văn bá, sau thăng lên chức Phụng trực Đại phu, Thượng thư vẫn kiêm chức Ngự sử đài Đô ngự sử. Năm Tân Mùi (1511), ông làm Đốc quyền kỳ thi Hội, xem xét các sĩ nhân trong cả nước. Năm Quý Mùi (1522), vua Lê Chiêu Tông ban ông tước Lương Văn hầu.

Nguyễn Thị Ung có hai con gái, một người làm cung phi của vua Lê Cung Hoàng, một người gả cho Mạc Đăng Dung. Sau khi Mạc Đăng Dung lên ngôi ông được phong Thiếu bảo, tước Thông Quốc công.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Vũ Thu Nga, *Văn Miếu Bắc Ninh*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Bắc Ninh, Bắc Ninh 1999.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên văn bia trên Bia số 3 tại Văn miếu Bắc Ninh.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Thị Ung vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.8- TRÌNH CHÍ SÂM (THẾ KỶ XV)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sống ở thế kỷ XV; không xác định được năm sinh, năm mất.

- *Quê quán:* Ông là người phường Khúc Phở, huyện Vĩnh Xương, phủ Phụng Thiên (nay thuộc quận Ba Đình, thành phố Hà Nội); trú quán tại xã Từ

Hồ, huyện Đông Yên (nay là thôn Từ Hồ, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Trình Chí Sâm là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học dưới thời Lê, làm quan tới chức Công bộ Thượng thư, Phụng Trục đại phu, Thiếu bảo, Chương lục bộ sự kiêm Đông các Đại học sỹ, hàm Thiếu bảo, tước Từ Hồ bá. Ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Mùi niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487), đời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497). Sau ông ra làm quan. Lúc đó, triều đình rối ren (xảy ra khủng hoảng kinh tế - chính trị trầm trọng) đất nước loạn lạc, đã ảnh hưởng lớn đến tư tưởng và cách cư xử trước thời thế của ông.

Tháng 4 năm Bính Tý (tháng 5 năm 1516), ông cùng Trịnh Duy Sản, Lê Quảng Độ phò trợ Thái tử Y lên ngôi, tức vua Lê Chiêu Tông. Hai năm sau, vào tháng 9 năm Mậu Dần (tháng 10 năm 1518), khi Lê Chiêu Tông bị Trịnh Tuy, Nguyễn Sĩ làm phản, đưa Lê Do lên ngôi, Trình Chí Sâm và Nguyễn Thị Ung theo Chiêu Tông về Bảo Châu (Hà Nội). Khi Mạc Đăng Dung củng cố được thế lực trong triều (tháng 4 năm Nhâm Ngọ, 1522), Trình Chí Sâm lại cùng Nguyễn Thị Ung bỏ Chiêu Tông để theo Mạc Đăng Dung. Sau đó, cả hai người đều bị vua giam ở điện Quỳnh Văn, chưa kịp đem ra giết thì đến tháng 7 cùng năm, Mạc Đăng Dung kéo quân vào thành, thả hai người ra. Từ đây, sử cũ không ghi chép gì về ông. Các sách *Đăng khoa lục* đều chép ông “sau theo nhà Mạc”.

Tiến sĩ Trình Chí Sâm cùng các soạn giả Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh được sai soạn văn bia lăng vua Lê Hiến Tông (*Đại Việt Lam Sơn Dụ lăng bi*) vào tháng 11 năm Giáp Tý (1504) và văn bia vua Lê Túc Tông (*Đại Việt Lam Sơn Kính lăng bi*) vào tháng 3 năm Ất Sửu (1505). Hiện nay, hai tấm bia này đã được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định công nhận là bảo vật quốc gia ở tỉnh Thanh Hóa²¹.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

²¹ Bia lăng vua Lê Hiến Tông (*Đại Việt Lam Sơn Dụ lăng bi*) được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định công nhận bảo vật quốc gia năm 2017 (QĐ 2089/QĐ-TTg, ngày 25/12/2017); bia vua Lê Túc Tông (*Đại Việt Lam Sơn Kính lăng bi*) được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định công nhận bảo vật quốc gia năm 2020 (QĐ 88/QĐ-TTg, ngày 15/01/2020);

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Vũ Thu Nga, *Văn Miếu Bắc Ninh*, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Bắc Ninh, Bắc Ninh, 1999.

- Bùi Xuân Bình, *Giáo dục và khoa cử Nho học Thăng Long-Hà Nội*, Nxb Hà Nội, 2010, tr.293.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên văn bia tại Quốc Tử Giám (Hà Nội), văn bia Văn miếu Bắc Ninh và Văn miếu Xích Đằng (Hưng Yên).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Trình Chí Sâm vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.9- LÊ THỰC (1494 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1494; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Ngọc Bộ, huyện Tế Giang (nay là thôn Ngọc Bộ, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Lê Thực là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học dưới thời Mạc. Năm 36 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529), đời Mạc Thái Tổ. Đây là khoa thi đầu tiên của nhà Mạc. Thể chế giáo dục, thi cử, chức danh, học vị, học hàm nhà Mạc vẫn theo quy chế của nhà Lê. Dưới triều Mạc Việc kén chọn nhân tài bằng khoa cử vẫn được đề cao như các triều đại trước. Ông làm quan đến chức Thị lang, tước Văn Hợp bá.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1

(từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*, Tạp chí Hán Nôm, Số 6 (79)/2006, tr.51-57.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- *Giáo dục khoa cử triều Mạc và 3 Trạng nguyên người Phố Hiến*, <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc-khoa-cu-trieu-mac-va-3-trang-nguyen-nguoi-pho-hien-post562534.html>

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Hữu Tâm, *Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr. 57-65.

- Trần Thị Vinh, *Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (465)/2015, tr. 24-35.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Sử học, *Vương triều Mạc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

- Nguyễn Quang Khải, *Văn bia văn miếu Bắc Ninh*, Nxb Văn hóa dân tộc, 2000.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội, tên của ông được ghi ở văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529); tại Văn miếu Bắc Ninh, ghi ở Bia số 5 (Danh sách Tiến sĩ từ khoa Kỷ Sửu 1529 đến khoa Canh Tuất 1550).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Lê Thực vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

2.2.10- NGÔ MẬU ĐÔN (1496 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1496; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Phù Vệ, huyện Đường Hào (nay thuộc xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Ngô Mậu Đôn là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê, làm quan đến chức Thượng thư.

Dòng họ Ngô ở xã Phù Vệ (huyện Ân thi) là dòng họ có truyền thống khoa bảng, có nhiều đời đỗ đạt cao. Cha là Ngô Văn Phòng đỗ Hoàng giáp khoa thi Giáp Thìn (1484) đời Lê Thánh Tông, làm quan đến chức Thị lang. Con trai là Ngô Mậu Du đỗ Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1565) đời Mạc Mậu Hợp, làm quan đến chức Giám sát Ngự sử. Cháu tăng tôn là Ngô Văn Chính đỗ Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1637) đời Lê Thần Tông, làm quan Phụng Thiên Phủ Doãn.

Ngô Mậu Đôn đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, khi đó ông 28 tuổi. Sau ông làm quan cho nhà Mạc đến chức Thượng thư, tước hầu, về trí sỹ, sống cuộc sống an nhàn không màng danh lợi.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

-<https://ngotoc.vn/Danh-nhan-ho-Ngo/cac-nha-khoa-bang-ho-ngo-trong-thoi-dai-phong-kien-21.html>

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên bia số 9 tại Văn miếu Xích Đằng, Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Ngô Mậu Đôn vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

2.2.11- NGUYỄN CHẤN CHI (THẾ KỶ XVI)

- *Tên khác*: Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sống ở thế kỷ XVI; không xác định được năm sinh, năm mất.

- *Quê quán*: Ông là người xã Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi (nay là thôn Thổ Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Nguyễn Chấn Chi là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê sơ làm quan đến chức Thiêm đô ngự sử. Ông đậu Hoàng giáp khoa Mậu Dần, niên hiệu Quang Thiệu thứ 3 (1518), đời vua Lê Chiêu Tông (1516-1522). Ông làm quan đến chức Thiêm đô ngự sử. Khi Mạc Đăng Dung tiếm ngôi nhà Lê sơ, ông không chịu theo nhà Mạc, mà phò tá vua đi lánh nạn, rồi tuấn tiết. Về sau, nhà Lê Trung hưng tặng ông hai chữ Tiết nghĩa.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh)*:

+ Trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, sử gia Phan Huy Chú có lời án rằng: “Nhà Lê vào khoảng năm Quang Thiệu, Thống Nguyên biến cố luôn xảy ra, nghịch thần làm loạn. Lúc ấy các bậc khoa giáp thương thời cảm đời, đem mình ra sức tận trung giữ tiết, theo nhau khích lệ. Cho nên có người chết vì nạn nước ngay ở triều đình, có người gửi lòng thành ở đai áo, có người uống thuốc độc để vùi hận, có người để liều mình. Đến như ném đá vào giặc, phỉ nhổ mặt giặc, khí khái anh hùng lại càng lắm liệt, các triều đã ban biểu nêu khen; hương hồn các vị cũng được yên ổn. Còn các người khác sự tích không rõ ràng mà sử chép ra khen là tiết nghĩa thì có hơn 20 người. Đó là những người không chịu nhục với ngụy Mạc, dẫu không có sự tích rõ rệt đáng ghi chép, nhưng dẫu tên ẩn lánh giữ toàn danh tiết, nay chép vào để cho họ tên trung nghĩa ấy khỏi bị mai một, không khảo được. Còn như sự trạng tiết nghĩa của ông Lý (Trần Quán) cuối đời Lê cũng chép phụ vào đây” để ngợi ca tinh thần tuấn tiết của ông cùng một số nhân vật khác (như Đỗ Nhân, Nguyễn Nho Tông...).

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh*:

- Đỗ Văn Ninh, *Văn bia Quốc tử giám Hà Nội*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nhân vật chí,

Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ, Hồ Chí Minh, 2014.

- *Văn bia thứ tư Văn miếu Hưng Yên*,
<http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1325&Catid=563>

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện khoa học xã hội Việt Nam, *Nhà nước phong kiến Việt Nam với việc sử dụng các đại khoa học vị tiến sĩ (1075-1919)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.

- Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Thu Hà (2003), *Từ điển văn hóa giáo dục Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2003.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông hiện được lưu danh tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Chấn Chi vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên

2.2.12- NGUYỄN ĐỨC KÝ (1502 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1502; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông quê xã Đan Nhiễm, huyện Tế Giang (nay là thôn Đan Nhiễm, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Đức Ký là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Mạc làm quan đến chức Tổng binh phủ Cao Bằng, tước Đồng sơn bá.

Năm Kỷ Sửu (1529), triều đình cho mở khoa thi lớn tuyển chọn người hiền tài. Đây là khoa thi đầu tiên của nhà Mạc, thể chế giáo dục, thi cử, chức danh, học vị, học hàm nhà Mạc vẫn theo quy chế của nhà Lê. Nguyễn Đức Ký thi đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, đứng thứ hạng 16. Cùng khoa thi năm đó có người cùng huyện là Đỗ Tông, quê xã Lại Ốc²² đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ nhất danh (Trạng nguyên).

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

²² Nay là thôn Lại Ốc, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*, Tạp chí Hán Nôm, Số 6 (79)/2006, tr.51-57.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Hữu Tâm, *Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr. 57-65.

- Trần Thị Vinh, *Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (465)/2015, tr. 24-35.

- Viện Sử học, *Vương triều Mạc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

+ *Các công trình ghi danh:*

Hiện nay, tại Văn miếu Quốc Tử Giám, tên ông được ghi ở Bài ký Bia đề danh Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức 3 (1529); tại Văn miếu Bắc Ninh, tên ông được ghi ở bia số 5 (Danh sách Tiến sĩ từ khoa Kỷ Sửu (1529) đến khoa Canh Tuất (1550)).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Đức Ký vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.13- ĐỖ TÔNG (1504 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1504; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Lại Ốc, huyện Tế Giang, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc nay là thôn Lại Ốc, xã Long Hưng, huyện Văn Giang

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Đỗ Đỗ Tông là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Mạc. Năm 26 tuổi, ông đỗ Trạng nguyên khoa thi Kỷ Sửu (1529), niên hiệu Minh Đức thứ 3, triều Mạc Đăng Dung (1527-1529). Ông làm quan đến chức Hình bộ Tả thị lang, Đông các Đại học sĩ, tước Phụng Khuê hầu.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*, Tạp chí Hán Nôm, Số 6 (79)/2006, tr.51-57.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- *Giáo dục khoa cử triều Mạc và 3 Trạng nguyên người Phố Hiến*, <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc-khoa-cu-trieu-mac-va-3-trang-nguyen-nguoi-pho-hien-post562534.html>

- Minh Huệ, *Gia đình khoa bảng ở Hưng Yên - cha đỗ Hoàng giáp, con đỗ Trạng nguyên*, <https://baohungyen.vn/gia-dinh-khoa-bang-o-hung-yen-cha-do-hoang-giap-con-do-trang-nguyen-18341.html>

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Hữu Tâm, *Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr. 57-65.

- Trần Thị Vinh, *Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (465)/2015, tr. 24-35.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Sử học, *Vương triều Mạc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

+ *Các công trình ghi danh:*

Khi ông mất, dân làng Lại Ốc lập đền thờ, gọi là đền thờ Quan Trạng. Tuy nhiên, do chiến tranh, đền đã bị tàn phá. Người dân trong làng đưa hương đèn thờ Trạng nguyên Đỗ Tông về thờ tại đình Lại Ốc. Đình được khởi dựng từ sớm, trùng tu vào thời Hậu Lê và thời Nguyễn. Hằng năm, lễ hội truyền thống được tổ chức tại đình Lại Ốc vào hai dịp là ngày 15 tháng 2 và

ngày 18 tháng 8 Âm lịch. Ngày 23 tháng 12 năm 2013, đình Lại Ốc được UBND tỉnh Hưng Yên xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh.

Tên của Đỗ Tông được lưu danh trên văn bia tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và Văn miếu Bắc Ninh. Tại quê hương, tên ông được đặt cho tuyến đường thuộc thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Đỗ Tông vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.14- LƯƠNG QUÝ (THẾ KỶ XVI)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sống ở thế kỷ XVI; không xác định được năm sinh, năm mất.

- *Quê quán:* Ông là người xã Phù Vệ, huyện Đường Hào (nay là xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Lương Quý là nhà khoa bảng, tiên sĩ Nho học dưới thời Mạc làm quan đến chức Tả thị lang, tước Bá. Khi mất, ông được truy tặng tước Quận công.

Ân Thi - nơi ông sinh ra và lớn lên là vùng đất nổi tiếng với truyền thống hiếu học. Dưới chế độ khoa cử thời phong kiến, Ân Thi có hơn 30 vị đỗ đại khoa được ghi danh tại bia Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên, tiêu biểu như Nguyễn Trung Ngạn (Hoàng giáp khoa Giáp Thìn (1304)).

Tại khoa thi năm Nhâm Thìn niên hiệu Đại Chính thứ 3 (1532) đời vua Mạc Thái Tông, Lương Quý đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp). Đây là khoa thi thứ 2 của triều Mạc²³. Cùng đỗ với ông có Trạng nguyên Nguyễn Thiến, người Canh Hoạch, huyện Thanh Oai; Bảng nhãn Bùi Vịnh, người xã Định Công, huyện Thanh Đàm; Thám hoa Ngô Sơn Khoái, người xã Đình Bảng, huyện Đông Ngàn cùng 27 Đồng tiến sĩ xuất thân.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

²³ Triều Mạc (1527 - 1592) có tổng số 22 khoa thi Hội, lấy đỗ 485 tiến sĩ và 13 trạng nguyên (Theo: *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*/PGS.TS.Đình Khắc Thuân// Tạp chí Hán Nôm.- 2006.- Số 6 (79).- Tr.51 - 57).

- Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*, Tạp chí Hán Nôm, Số 6 (79)/2006, tr.51-57.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Hữu Tâm, *Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr. 57-65.

- Trần Thị Vinh, *Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (465)/2015, tr. 24-35.

- Viện Sử học, *Vương triều Mạc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên Bia thứ 9 tại Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Lương Quý vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.15- ĐỖ TẤN (1514 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1514; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Lại Ốc, huyện Tế Giang (nay thuộc thôn Lại Ốc, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Đỗ Tấn là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học dưới thời Mạc làm quan đến chức Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, tước Quận công.

Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống khoa bảng. Cha của ông là Đỗ Nhân, đỗ Hoàng giáp khoa Quý Sửu (1493) đời Lê Thánh Tông, làm quan đến chức Hộ bộ Thượng thư kiêm Đô ngự sử, Đông các Đại học sĩ, Nhập thị kinh diên. Anh trai của ông là Đỗ Tông, đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529) đời Mạc Thái Tổ, làm quan đến chức Hình bộ Tả thị lang, Đông các Đại học sĩ.

Năm Ất Mùi, niên hiệu Đại Chính năm thứ 6 (1535) đời Mạc Thái Tông, triều đình mở khoa thi tuyển chọn nhân tài. Đỗ Tấn đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân. Khi đó ông 22 tuổi.

Đỗ Tấn làm quan đến chức Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, tước Quận công. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi ông tước Trà Quận công. Sau đó, ông đi đánh giặc và tử trận, được thăng chức Thượng thư, tước Quốc công.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*, Tạp chí Hán Nôm, Số 6 (79)/2006, tr.51-57.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Hữu Tâm, *Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr. 57-65.

- Trần Thị Vinh, *Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (465)/2015, tr. 24-35.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Sử học, *Vương triều Mạc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên bia số 5 tại Văn miếu Bắc Ninh.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Đỗ Tấn vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.16- NGUYỄN MINH DƯƠNG (1522 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh năm Nhâm Ngọ (1522); chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán*: Ông người xã Nghĩa Trai, huyện Gia Lâm (nay thuộc thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Nguyễn Minh Dương là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học dưới thời Mạc làm quan đến chức Hiến sát sứ, tước Mạc Khê bá.

Ông là cháu đời thứ 3 của Nguyễn Thanh (đỗ Hoàng giáp năm 1496, làm quan đến chức Lễ bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, Nhập thị kinh diên, tước Vân Đàm bá), cháu đời thứ 4 của Nguyễn Oanh²⁴ (đỗ tiến sĩ năm 1481, làm quan đến chức Đô ngự sử).

Kế thừa truyền thống khoa bảng của gia đình, dòng họ, với ý chí tự học Nguyễn Minh Dương đã đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ Đệ tam danh (Thám hoa) khoa Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Lịch thứ 3 (1550) đời vua Mạc Tuyên Tông, năm đó ông 29 tuổi. Cùng đỗ với ông có Trạng nguyên Trần Văn Bảo, người xã Cổ Chử, huyện Giao Thủy²⁵. Khoa thi này lấy đỗ 26 người.

Nguyễn Minh Dương làm quan đến chức Hiến sát sứ, tước Mạc Khê bá. Sau này, con cháu ông có nhiều người tham gia công cuộc trung hưng nhà Lê, trong đó có con trai ông là Nguyễn Như Khuê, được phong Cương trực công thần Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Đô chỉ huy sứ ở ty Đô chỉ huy sứ thuộc vệ Cẩm y, tước Kiệt Sơn bá.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh)*:

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh*:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

²⁴ Nguyễn Oanh (? - ?): Theo “*Nguyễn tộc phả chi*” của chi họ Nguyễn ở làng Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm: Tiến sĩ Nguyễn Oanh là cháu đời thứ 12 của Trạng nguyên Nguyễn Hiền (1235 - 1256), vốn là người làng Dương A, huyện Thượng Nguyên, phủ Thiên Trường (nay là thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định). Trạng nguyên Nguyễn Hiền thông minh từ nhỏ, năm 11 tuổi nổi tiếng là thần đồng, năm 13 tuổi thi đỗ trạng nguyên. Ông là trạng nguyên nhỏ tuổi nhất trong lịch sử Việt Nam. Sau làm quan đến chức Ngự sử đài, kiêm Đông các Đại học sĩ, Công bộ Thượng thư. (nguồn: *Trang thông tin điện tử Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam*: <https://vusta.vn/>)

²⁵ Xã Cổ Chử, huyện Giao Thủy: Nay là thôn Dừa, xã Đồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định).

- Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*, Tạp chí Hán Nôm, Số 6 (79)/2006, tr.51-57.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Hữu Tâm, *Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr. 57-65.

- Trần Thị Vinh, *Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (465)/2015, tr. 24-35.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Sử học, *Vương triều Mạc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của Nguyễn Minh Dương được ghi ở văn bia đề danh tiến sĩ tại Văn miếu Bắc Ninh (bia số 5) và Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Minh Dương vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.17- NGUYỄN HẰNG (1548 - 1625)

- *Tên khác:* Ông tự là Thủ Khiêm

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1548; mất năm 1625.

- *Quê quán:* làng Xuân Cầu²⁶, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Hằg là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Mạc làm quan đến chức Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Sơn Tây đẳng sứ Thừa chính ty Tham chính, tước Thọ Kiều tử, phụng chỉ sĩ tặg Tự Khanh, tặg Thái bảo Thọ Kiều hầu.

²⁶ Làng Xuân Cầu là vùng đất hiếu học, khoa bảng, giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, là quê hương của nhiều danh nhân, nhân vật tiêu biểu như: Nguyễn Hằg, Nguyễn Tĩnh, Nguyễn Công Hoan, Tô Ngọc Vân, Tô Hiệu, Lê Văn Lương... Trong đó, Nguyễn Hằg là người khai khoa dòng họ Nguyễn và cũng chính là người đỗ tiến sĩ đầu tiên của làng Xuân Cầu.

Theo “*Phả ký một biệt chi họ Nguyễn xóm Tam Kỳ, thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hải Hưng*” in năm 1995 cho biết: Họ Nguyễn làng Xuân Cầu vốn có nguồn gốc từ xã Trai Túc²⁷ (tên Nôm là làng Giai), thuộc huyện Văn Lâm. Vào năm Ất Ty niên hiệu Hồng Đức thứ 16 (1485) đời vua Lê Thánh Tông, một cụ di cư sang làng Xuân Cầu sinh sống, chính là đời thứ nhất (Thủy tiên tổ). Đến đời thứ tư chính là Tiến sĩ Nguyễn Hằng. Ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa thi Bính Tuất, niên hiệu Đoan Thái thứ nhất (1586), đời Mạc Mậu Hợp, khi đó ông 39 tuổi. Sau ông ra làm quan phục vụ triều đình. Ông làm quan đến chức Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Sơn Tây đẳng sứ Thừa chính ty Tham chính, tước Thọ Kiều tử, phụng chỉ sĩ tặng Tự Khanh, tặng Thái bảo Thọ Kiều hầu. Ông làm quan to nhưng tính tình giản dị, sống cuộc đời thanh bạch của vị quan thanh liêm, chính trực.

Giai thoại kể lại rằng khi đỗ tiến sĩ, ông được mời vào ăn yến trong cung vua, có ông đồng khoa là Lê Thế Lộc, người làng Vòng Cót, huyện Từ Liêm (nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội) ra về đôi có ý bốn cột ông:

“*Sẻ đỗ đầu cầu đi lát sát*”

(Cầu vừa có nghĩa là qua sông vừa có nghĩa là làng Hoa Cầu của Nguyễn Hằng)

Nguyễn Hằng nhanh trí đối lại ngay rằng:

“*Chuột ngồi miệng cót vấy le te*”

(Cót vừa là cót thóc vừa là làng Cót của Lê Thế Lộc)

Trong vế đôi người nghe như thấy rõ được cả sự tài trí thông minh và tiếng cười lạc quan của ông. Sinh thời Nguyễn Hằng rất hay làm thơ Nôm. Trong đó, có một bài thơ Nôm tự vịnh tả cảnh nghèo túng của ông vẫn còn được lưu truyền cho đến ngày nay:

*Ứ hử trên đầu tóc đã hai
Nghĩ mình khó ngót chữa bằng ai
Đêm nằm nhà dột khu khu ngáy
Lắc lắc hầu không khúc khích cười
Cột thiếu màn to che tháng giá
Bếp không nồi đất nấu canh khoai
Lại nghe Chu Dịch nhời này nữa
Bĩ cực ngày rày ắt thái lai²⁸*

Và một bài khác, còn lại 4 câu:

²⁷ Xã Trai Túc: nay là thôn Trai Trúc, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

²⁸ Ý nói hết thời kỳ khó khăn ắt sẽ đến thời kỳ hưởng sung sướng.

*Ba mươi chín tuổi đậu đấng khoa
Song kiết²⁹ ai bằng song kiết ta
Đãi khách vẽ vang rau luộc, muống
Điều canh chan chứa nước chè, cà.*

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*, Tạp chí Hán Nôm, Số 6 (79)/2006, tr.51-57.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Hữu Tâm, *Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr. 57-65.

- Trần Thị Vinh, *Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (465)/2015, tr. 24-35.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Sử học, *Vương triều Mạc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

- Lê Văn Ba, *Miền quê Văn Giang*, Nxb Văn hóa dân tộc, 2004.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của Tiến sĩ Nguyễn Hằng được lưu danh trên văn bia tại Văn miếu Bắc Ninh.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Hằng vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

²⁹ Chữ *song kiết* trong câu thơ trên, có các bản dịch khác nhau là *song viết* hay *song biết*. Hiện các nhà nghiên cứu vẫn còn đang tranh luận và chưa xác định được nghĩa cụ thể và âm đọc.

2.2.18- ĐỖ KHẮC KÍNH (1569 - ?)

- *Tên khác*: Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh năm 1569; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán*: Ông là người xã Đan Nhiễm, huyện Văn Giang, nay là thôn Đan Nhiễm, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Đỗ Khắc Kính thi đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), khoa Giáp Thìn, niên hiệu Hoàng Định thứ 5, triều Lê Kính Tông (1600-1619). Ông từng được cử đi xứ sang nhà Minh, làm quan tới chức Lại bộ Hữu thị lang, tước Lễ quận công.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh)*:

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh*:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh*:

Tên của ông được lưu danh trên văn bia đề danh tiến sĩ khoa Giáp Thìn niên hiệu Hoàng Định thứ 5 (1604) tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Đỗ Khắc Kính vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.19- TRẦN NGHI (1584-?)

- *Tên khác*: Không có.

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh năm 1584; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán*: Ông là người xã Chu Cầu, huyện Gia Lâm (nay là thôn Chu Cầu, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Trần Nghi là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê.

Năm 33 tuổi ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Bính Thìn niên hiệu Hoàng Định thứ 17 (1616) đời Lê Kính Tông (1600-1619). Ông làm quan trải các chức Tham chính sứ xứ Sơn Tây, Lễ bộ Tả thị lang, được ban là Dực vận tán trị công thần, tước Thọ Xuyên hầu. Sau khi ông mất được truy tặng chức Thượng thư.

Năm Đinh Sửu (1637), ông được cử làm Phó sứ đi sang nhà Minh. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Tháng 12, sai Chánh sứ Nguyễn Duy Hiệu và Giang Văn Minh, phó sứ là bọn Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình, Thân Khuê gồm 2 sứ bộ sang tuế cống nhà Minh. Sai bọn Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch, Nguyễn Thọ Xuân, Phạm Phúc Khánh, Nguyễn Quang Nhạc lên cửa quan đợi mệnh”.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh)*:

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh*:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh*:

Tên của ông được lưu danh tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội (bia ở vị trí số B12) và Văn miếu Bắc Ninh (bia số 7).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Trần Nghi vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.20- DƯƠNG THUẦN (1587 – 1667)

- *Tên khác:* Không có.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1587; mất năm 1667.

- *Quê quán:* Ông là người xã Lạc Đạo, tổng Lạc Đạo, huyện Gia Lâm (nay là xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên)

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Dương Thuần là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê. Ông là cháu nội của Trạng nguyên Dương Phúc Tư, con của Tiến sĩ Dương Hạo, tăng tổ của Tiến sĩ Dương Lệ, cao tổ của Tiến sĩ Dương Sử và Tiến sĩ Dương Trọng Khiêm.

Ông đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 10 (1628), triều vua Lê Thần Tông (1619 -1643), khi đó ông 42 tuổi.

Ông làm quan trải các chức Giám sát ngự sử, Đô cấp sự trung, Tự khanh, Thừa chính sứ xứ Sơn Nam, sau thăng lên Hữu thị lang bộ Hộ, Tả thị lang bộ Lại, tước Nho Lâm bá.

Ông về trí sĩ, thọ 81 tuổi. Sau khi mất được truy tặng chức Thượng thư bộ Hình, tước hầu.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu trên văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628) niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 10 triều Lê Thần Tông tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Dương Thuần vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.21- NGUYỄN KINH TẾ (1588 - ?)

- *Tên khác:* Không có.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1588; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông là người xã An Khải, tổng Phù Vệ, huyện Đường Hào, trấn Hải Dương, nay là thôn An Khải, xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Kinh Tế là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan đến chức Hình bộ Hữu thị lang, tước Hào Lĩnh hầu. Ông là em trai của Nguyễn Kinh Học (sinh năm 1585, đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Sửu niên hiệu Dương Hòa thứ 3 (1637) đời Lê Thần Tông, làm quan đến chức Thừa chính sứ).

Vào năm Quý Sửu niên hiệu Hoằng Định thứ 14 (1613) đời Lê Kính Tông, triều đình mở khoa thi Hội. Bảy giờ, sĩ tử trong nước tấp nập đến kinh sư đăng tên dự thi rất đông, đến hơn 1.000 người, chọn hạng xuất sắc được 7 người. Trong đó, Nguyễn Kinh Tế đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân. Ông ra làm quan phục vụ triều đình, từng đi sứ sang nhà Minh. Làm quan đến chức Hình bộ Hữu thị lang, tước Hào Lĩnh hầu. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép: Ngày 20 tháng 3 năm Quý Dậu (1633), “bồi thần của bọn Trần Hữu Lê, Dương Trí Trạch, Nguyễn Kinh Tế, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ về đến Kinh sư vào lạy chào. Phó sứ Bùi Bình Quân chết bên Minh”. Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết thêm về đoàn sứ thần này: “Năm Đức Long thứ 2

(1630), sai Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch, Nguyễn Kinh Tế, Bùi Bình Quân, Nguyễn Nghi, Hoàng Công Phụ sang Minh dâng hai lễ cống”.

Theo “*Vũ tướng công thực lục bi*” tại Lăng Vũ Hồng Lượng, ông có người con gái tên Nguyễn Thị Ngọc Hạo lấy chồng là Tiến sĩ Vũ Vinh Tiến (còn gọi là Vũ Hồng Lượng), người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, nay là xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên - là vị quan có tài, khi mất được truy tặng Binh bộ Hữu thị lang, tước Lệ Hải bá.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của Tiến sĩ Nguyễn Kinh Tế được lưu danh trên văn bia đề danh tiến sĩ tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Kinh Tế vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.22- NGÔ TRIỆT (1588-?)

- *Tên khác:* Không có.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1588; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông là người xã Đường Hào, huyện Đường Hào (nay thuộc xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Ngô Triệt là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan đến chức Hộ bộ Tả thị lang, thăng Lại bộ Tả thị lang. Ông là cháu nội của Thám hoa Ngô Khiêm (đỗ năm 1562) và là ông nội của Tiến sĩ Ngô Hải (đỗ năm 1664).

Ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Sửu niên hiệu Dương Hòa thứ 3 (1637) đời vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Hộ bộ Tả thị lang, thăng Lại bộ Tả thị lang, sau về trí sĩ và mất tại quê nhà. Sau khi mất, ông được truy tặng chức Thượng thư, tước Quận công.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên văn bia đề danh tiến sĩ khoa Đinh Sửu niên hiệu Dương Hòa thứ 3 (1637) tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Ngô Triệt vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.23- DƯƠNG HOÀNG (1597 – 1656)

- *Tên khác:* Dương Hoàng sau đổi tên là Dương Hồ, hiệu Nhã Chính

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm Đinh Dậu 1597; mất năm Đinh Dậu 1656.

- *Quê quán*: Ông quê xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm (nay là xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Ông là nhà khoa bảng, tiến sĩ thời Lê. Ông là cháu nội Trạng nguyên Dương Phúc Tư (dòng họ Dương ở Lạc Đạo là đại danh gia vọng tộc, có truyền thống khoa bảng nổi tiếng³⁰).

Năm 41 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Sửu, niên hiệu Dương Hòa thứ 3 (1637) đời vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Công bộ Tả thị lang, tể Công bộ Thượng thư, tước Hầu.

Ông là người văn võ song toàn từng cưỡi voi đánh giặc thắng nhiều trận. Trong gia phả họ Dương (xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên) có ghi, năm Bình Thân ông cầm cờ lệnh, cưỡi voi xông vào phá tan thế giặc cứu Đào Quận Công, được thăng liền 3 chức.

Ông mất tại Đông Thành, ngày 28 tháng 5 năm Đinh Dậu (1656). Sau khi mất, ông được truy tặng chức Thượng thư và được nhà vua cấp tiền cho dân xã làm lễ an táng, mộ phần của ông hiện còn tại Gò Mả Chung (thôn Cầu, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh)*:

+ Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* của các sử thần triều Nguyễn, khi giới thiệu các nhân vật có danh tiếng để biểu dương của thời Lê Trung hưng, xã Lạc Đạo có 4 vị là Dương Hoàng, Dương Thuần, Dương Lệ và Dương Công Thụ. Các sử thần triều Nguyễn đã nhận xét về ông: “Là người học vấn rộng rãi, nổi tiếng ở trong triều ngoài nội”.

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh*:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

³⁰ Họ Dương đứng hàng thứ 12 trong số 86 dòng họ lớn trong cả nước có nhiều nhà khoa bảng, gọi là các **Dòng họ khoa bảng**. Kể cả văn, võ, họ Dương có 57 người đỗ đại khoa, gồm 2 Trạng nguyên, 15 Hoàng giáp, 5 Phó bảng và 35 Tiến sĩ xuất thân và đồng xuất thân.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên văn bia tại Văn miếu Bắc Ninh, Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên và Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Dương Hoàng vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.24- ĐẶNG THUẦN NHÂN (1607 -?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1607; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Giàng (nay là thôn Cẩm Sơn, xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Đặng Thuần Nhân là nhà khoa bảng, tiến sĩ thời Lê.

Ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn, niên hiệu Dương Hòa thứ 6 (1640) đời Lê Thành Tông (1619-1643). Khoa thi năm ấy, vua không lấy Đệ nhất giáp tiến sĩ, chỉ lấy Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) gồm 2 người và 20 người đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ.

Sau khi thi đỗ, Đặng Thuần Nhân làm quan đến chức Cấp sự trung Hộ khoa, tước nam.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên văn bia tại Văn miếu Bắc Ninh Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Đặng Thuần Nhân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.25- TRẦN NGỌC NGUYỄN (1607 - ?)

- *Tên khác:* Trần Ngọc Hậu; Dương Ngọc Nguyên

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1607; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm (nay là xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Trần Ngọc Nguyên là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê, làm quan đến chức Binh bộ Tả thị lang.

Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Canh Thìn, niên hiệu Dương Hòa thứ 6 (1640) đời vua Lê Thần Tông. Khoa thi năm ấy có 22 người đỗ, trong đó 2 người đậu Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (là Phí Văn Thuật và Trần Ngọc Nguyên), 20 người đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân.

Trần Ngọc Nguyên làm quan đến chức Binh bộ Tả thị lang. Sách “*Liệt huyện đặng khoa bị khảo*” ghi ông làm đến chức Bồi tụng, Binh bộ Tả thị lang, tước Quế Phương tử. Sau khi mất, được tặng Công bộ Thượng thư.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội, tên của ông được ghi ở Bài ký bia đề danh Tiến sĩ khoa Canh Thìn, niên hiệu Dương Hòa 6 (1640) với tên Trần Ngọc Hậu. Tại Văn miếu Bắc Ninh, tên ông được ghi ở Bia số 1 - bên trái Kim bảng lưu phương (Khoa Canh Thìn - Dương Hòa 1640). Tại Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên, tên ông được ghi ở Văn bia thứ 9 với tên là Dương Ngọc Nguyên (theo chú thích của Viện Nghiên cứu Hán Nôm thì Dương Ngọc Nguyên chính là Trần Ngọc Hậu, còn có tên là Trần Ngọc Nguyên).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Trần Ngọc Nguyên vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.26- NGUYỄN TÍNH (1611 - 1664)

- *Tên khác:* Tên húy là Phong.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1611, mất năm 1664

- *Quê quán:* Ông người làng Hoa Cầu, nay là thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Tính là Nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan đến chức Thái bảo. Ông là con út Tiến sĩ Nguyễn Hằng - người khai khoa dòng họ Nguyễn, tiến sĩ đầu tiên của làng Xuân Cầu.

Noi gương cha, tiếp nối truyền thống của gia đình, tuy nhà nghèo nhưng từ nhỏ Nguyễn Tính đã quyết tâm học hành chăm chỉ, nuôi chí lớn đỗ đạt thành tài. Năm Canh Ngọ (1630), ông đỗ Hương Cống. Năm Ất Hợi (1635), ông thi đỗ Sĩ vọng, được bổ làm quan Phủ phủ lý Nhân. Đến năm Canh Thìn, niên hiệu Dương Hòa thứ 6 (1640) triều đình mở khoa thi Hội trong cả nước. Kẻ sĩ bốn phương tụ hội tranh đua tài nghệ, có đến trên 6.000 người. Quan Hữu ty chọn được hạng trúng cách 22 người ghi tên tâu lên Hoàng thượng. Hôm sau vào Điện thí, Hoàng thượng đích thân ra bài văn sách, xét duyệt và định thứ bậc. 2

người được chọn đỗ Tiến sĩ xuất thân³¹ và 20 người đỗ Đồng tiến sĩ xuất thân. Trong đó, Nguyễn Tính đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, được bổ làm quan Giám sát Ngự sử. Năm Bính Thân (1646), ông được thăng làm Đô cấp sự trung thuộc Công khoa, sau chuyển sang Binh khoa và Lại khoa.

Đến năm Ất Mùi (1655), quân Thuận Hóa³² đóng ở Đại Nại (huyện Thạch Hà), chúa Trịnh sai Kê quận công làm Thống lĩnh, ông làm chức Cấp sự trung, làm phó đốc thị. Năm Đinh Dậu (1657), ông được thăng chức Lễ bộ Hữu thị lang và phong tước Nghĩa Quận công. Năm sau (1658), quân Thuận Hóa lại đóng ở Nam Hà³³, chúa Trịnh sai ông là Tả quốc doanh Tham thị để làm Tham tán việc quân vụ ở Nghệ An. Khi việc quân vụ đã xong, ông trở về kinh đô Thăng Long, vào Bồi tụng³⁴ phủ chúa Trịnh. Lúc bấy giờ vinh quy lầy lừng, ông và phụ thân là Tiến sĩ Nguyễn Hằng đều được phong chức Thái bảo.

Năm Quý Mão, niên hiệu Cảnh Trị thứ nhất (1663), ông bị bệnh nặng. Năm 1664, ông mất, triều đình thăng chức ông là Hộ bộ Tả thị lang, nguyên tước Quận công.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

³¹ Tức đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp). 2 người gồm: Phí Văn Thuật (1609 - ?), người xã Thượng Trung, huyện Bạch Hạc (nay thuộc xã Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) và Trần Ngọc Hậu (1607 - ?) người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm (nay là xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

³² Quân Thuận Hóa: Thời bấy giờ, nội chiến Trịnh Nguyễn đang diễn ra, quân Thuận Hóa ý chỉ chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

³³ Nam Hà: phía nam sông Gianh (thuộc tỉnh Quảng Bình).

³⁴ Bồi tụng, Tham tụng: là hai chức đứng đầu phủ chúa Trịnh, được Trịnh Tùng đặt ra năm 1600. Nhiệm vụ của chức Tham tụng, Bồi tụng là trực tiếp giúp chúa bàn định mọi việc quốc chính ở vương phủ.

- *Phả ký một biệt chi họ Nguyễn xóm Tam Kỳ, thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hải Hưng*” in năm 1995.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên văn bia tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và Văn miếu Bắc Ninh.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Tính vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.27- NGUYỄN NHƯ UYÊN (1613 - ?)

- *Tên khác:* Không có.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1613; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Thụy Trang, huyện Đường Hào, nay là thôn Thụy Trang, xã Trung Hưng, Yên Mỹ, Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Năm 28 tuổi, Nguyễn Như Uyên đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn niên hiệu Dương Hòa 6 (1640) đời Lê Thần Tông. Cùng khoa thi với Nguyễn Như Uyên có trên 6.000 người tranh đua tài nghệ, Quan hữu ty chọn được hạng trúng cách 22 người ghi tên, tâu lên hoàng thượng. Đến khi dâng quyển lên đọc, hoàng thượng xét duyệt và định thứ bậc, trong đó (02 người đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân và 20 đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân).

Nguyễn Như Uyên làm Quan đến chức Hiến sát sứ, tước tử.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Bùi Xuân Bính, *Giáo dục và khoa cử Nho học Thăng Long-Hà Nội*, Nxb.Hà Nội, 2010, tr.293.

+ *Các công trình ghi danh:*

Hiện nay, tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội, tên của ông được ghi ở văn bia đề danh tiến sĩ khoa Canh Thìn niên hiệu Dương Hòa năm thứ 6 (1640).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Như Uyên vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.28- VŨ VINH TIẾN/ VŨ HỒNG LƯỢNG (1620 – 1669)

- *Tên khác:* Tự là Vũ Hồng Lượng, thụy là Khoái Hiên.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1620; mất năm 1669.

- *Quê quán:* người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào (nay thuộc thôn Phù Ủng, xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Vũ Vinh Tiến là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê, làm quan đến chức Đốc trấn các xứ: Thái Nguyên, Lạng Sơn.

Thủa nhỏ, ông rất chăm chỉ học hành. Đến năm Kỷ Mão (1639), ông thi Hương đỗ Hương cống. Năm Dương Hòa thứ 6 (1640) đời Lê Thần Tông, ông đỗ đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn, được bổ chức Hàn lâm.

Năm 1640, ông kết duyên với bà Nguyễn Thị Ngọc Hạo ở xã An Khải (nay là thôn An Khải, xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên), con gái của Công bộ Tả thị lang Nguyễn Kinh Tế.

Vào năm Ất Dậu (1645), có công giúp vua trị yên bờ cõi, ông được thăng lên tước nam. Đến năm Tân Mão (1651), triều đình luận công, được thăng lên chức Binh khoa Cấp sự trung. Năm Bính Thân (1656), đôn đốc quân vụ, liệu địch chế thắng có công nên được thăng làm Hộ khoa Đô cấp sự trung, được ban tước tử. Một năm sau (1657), ông được cất nhắc lên chức Binh bộ Hữu thị lang vì có công vạch định sách lược trị an xã tắc. Kế tiếp những năm sau đó, ông giữ các chức: Bồi tụng (1664); Phó Đô Ngự sử trong Ngự sử đài; Thái bộc Tự Khanh (1665). Năm Mậu Thân (1668), ông nhậm chức Đốc trấn các xứ: Thái Nguyên, Lạng Sơn quản quan binh hơn 1 vạn 5 nghìn 200 quân, trấn giữ biên thù, chỉ huy phiên tướng, hàng phục chống đối, vỗ yên dân chúng, được lòng dân chúng và được địa phương tuyên dương đức giáo. Với quê hương, ông có công đức tu sửa đền thờ Phạm Ngũ Lão và đặt ra sự lệ cho làng thờ cúng.

Năm Kỷ Dậu (1669), ông mất khi còn đương chức và được truy tặng Binh bộ Hữu thị lang, tước Lệ Hải bá, xét khảo theo lệ trợ cấp tiền tuất rất hậu,

sai quan dụ tế, mộ táng tại xứ Đường Thi, thôn Trung, xã Hòe Lâm tại huyện nhà (nay là xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Bùi Xuân Bính, *Giáo dục và khoa cử Nho học Thăng Long-Hà Nội*, Nxb.Hà Nội, 2010, tr.293.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tại quê hương, để ghi nhớ công lao của ông đối với đất nước trong việc chống giặc ngoại xâm và an định xã tắc, ông được dựng lăng thờ phụng. Lăng được xây dựng năm Canh Thìn (1660) niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3 thời Lê Thần Tông, nằm trong quần thể khu di tích Phù Ủng, cách đền thờ công chúa Tĩnh Huệ khoảng 100m về hướng bắc. Lăng được làm bằng đá trên gò đất cao hướng đông trông ra sông Cửu Yên, tọa lạc trong khuôn viên có diện tích khoảng 360m². Lăng Vũ Vinh Tiến là một trong những lăng mộ Quận công sớm nhất ở nước ta, cùng với Lăng mộ Phúc Khê tướng công Nguyễn Văn Nghi (1626) và lăng Quận công Lê Thời Hiến (Thanh Hóa - năm 1676). Nhóm lăng mộ này là khởi đầu cho phong cách nghệ thuật điêu khắc lăng mộ Quận công thời Lê thế kỷ XVII đến XIX ở nước ta. Hiện nay, con cháu trong tộc vẫn giữ lệ mỗi năm vào ngày 10 tháng 2, lễ Xuân; ngày 10 tháng 8, lễ Thu tại đây.

Tên của ông được lưu danh trên văn bia tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và bia số 9 Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Vũ Vinh Tiến vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.29- HOÀNG CÔNG CHÍ (1641- 1719)

- *Tên khác:* Hoàng Công Sân, hiệu Xuân Hiên

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1641; mất năm 1719.

- *Quê quán:* Ông người xã Thổ Hoàng, nay là thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân

Thị, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Hoàng Công Chí là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan đến chức Hữu thị lang bộ Lễ, Bồi tụng, sau khi mất ông được truy tặng chức Lễ bộ Thượng thư, tước Hầu.

Hoàng Công Chí thuộc dòng dõi họ Hoàng, một dòng họ có tới 5 vị Tiến sĩ cha, con, ông, cháu đều đỗ đạt, đó là Hoàng Tuân (đỗ Hoàng giáp năm 1553), Hoàng Chân Nam (đỗ tiến sĩ năm 1571), Hoàng Công Chí (đỗ tiến sĩ năm 1670), Hoàng Công Bảo (đỗ tiến sĩ năm 1710), Hoàng Bình Chính (đỗ tiến sĩ năm 1775)...

Từ nhỏ, Hoàng Công Chí là người thông minh, chăm chỉ học hành nuôi dưỡng danh vọng làm quan để giúp đời, giúp nước. Ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Trị thứ 8 (1670) đời vua Lê Huyền Tông.

Sau khi đỗ, ông được vua trọng dụng, từng trải nhiều chức quan như Hữu thị lang bộ Lễ, Bồi tụng. Năm 1684, ông được vua Lê cử đi sứ nhà Thanh (Trung Quốc) và đã hoàn thành xuất sắc trọng trách, tặng thêm cho thanh danh nước nhà, được người Trung Quốc hết sức khen ngợi. Khi về, vua nhà Thanh ban thẻ vàng (kim bài), một lọ cắm hương bằng đá quý, tượng sư tử đá. Sau khi mất, ông được truy tặng chức Lễ bộ Thượng thư, tước hầu. Tác phẩm ông để lại là 10 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng huyện Ân Thi, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ân Thi, tập 1*, Hưng Yên, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- *Tìm hiểu các tác gia Hán Nôm Hải Hưng*, Ty Văn hóa Hải Hưng xb, 1973.

+ *Các công trình ghi danh:*

Ông được thờ tại đình thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi và lưu danh trên văn bia đề danh tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Hoàng Công Chí vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.30- LÊ HỮU DANH (1642 - 1691)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1642; mất năm 1691.

- *Quê quán:* Ông người làng Liêu Xá, huyện Đường Hào (nay thuộc xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Lê Hữu Danh là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm chức quan Hàn lâm viện Hiệu lý, làm phép Bình lệ công đồng tại Hải Dương, Gia Phúc, Vĩnh Lại, Thanh Miện.

Ông là người khai khoa dòng họ Lê Hữu và là một tấm gương ngời sáng cho con cháu trong dòng họ Lê Hữu học tập, noi theo.

Tháng 8 năm Canh Tý (1660), niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3, triều vua Lê Thần Tông (1619-1643), Lê Hữu Danh đỗ Hương Cống. Tháng 6 năm Canh Tuất (1670), vâng mệnh khảo xét tại Lý Quốc phủ, ông trúng cách khoa Sĩ vọng. Tháng 11 năm đó, dự thi Hội, ông đỗ Hoàng giáp. Sau đó Lê Hữu Danh được trao chức Hàn lâm viện Hiệu lý, làm phép Bình lệ công đồng tại Hải Dương, Gia Phúc, Vĩnh Lại, Thanh Miện.

Năm Nhâm Tý (1672), Vương thượng (tức chúa Trịnh Tạc) phụ giá vua cát quân đi đánh phương Nam, ông được trao chức Tán lý cùng Thiếu phó, Điện Quận công Trịnh Ốc giữ kinh thành. Năm Quý Sửu (1673), vì có công trong việc giữ gìn trị an ở Kinh đô, nên được thăng làm Hiến sát sứ xứ Kinh Bắc, sau bị giáng chức xuống làm Tư huấn. Năm Kỷ Mùi (1679), ông được thăng chức Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây. Sau 2 lần khảo khóa vào các năm Ất Sửu (1685) và Bính Dần (1686), ông đều ở hạng Thượng khảo, cho nên năm Kỷ Ty (1689), ông được thăng lên làm Hiến sát sứ xứ Sơn Tây.

Lê Hữu Danh là người “rộng rãi, nhân từ, không cạnh tranh với ai, người ta thường khen là Phật sống” (Phan Huy Chú). Mười người con của ông đều đỗ cao, thành đạt, trong đó có ba người đỗ tiến sĩ (Lê Hữu Hỷ, Lê Hữu Mưu, Lê Hữu Kiều).

Ngày 20 tháng 11 năm Tân Mùi (1691), Lê Hữu Danh mất tại nhiệm sở. Sau khi mất, ông được truy tặng chức Tả Thị lang, tước Văn Uyên bá.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 4: *Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Năm 1726, ông được con trai là Lê Hữu Mưu xây dựng nhà thờ tại quê nhà - làng Liêu Xá. Tại đây, hiện còn lưu giữ tấm bia đá về ông “Hoàng giáp Lê công từ đường bi ký”, dựng năm Ất Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 (1755).

Ngoài ra, tên của ông còn được lưu danh trên văn bia đề danh tiến sĩ khoa Canh Tý, niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và trên bia số 9 Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Lê Hữu Danh vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.31- BÙI CÔNG PHỤ (1642 - ?)

Bùi Công Phụ là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê, ông nổi tiếng văn thơ, được vua trọng dụng, ban chức Đô cấp sự trung, tước Nam.

Ông sinh năm 1642, người xã Bình Dân, huyện Đông Yên (nay là làng Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

Bùi Công Phụ đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa thi Bính Thìn, niên hiệu Vĩnh Trị 1 (1676) đời vua Lê Hy Tông. Ông nổi tiếng văn thơ, được vua trọng dụng, ban chức Đô cấp sự trung, tước Nam. Sinh thời, ông nổi tiếng là người thẳng thắn, không thiên vị ai, nhưng đồng thời cũng là người biết giữ hòa khí và có nhiều công đức với nhân dân. Nghiệp khoa cử dường như đã ăn sâu vào tiềm thức của kẻ sĩ huyện Đông Yên nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung. Mỗi triều đại, mỗi giai đoạn lịch sử, thời nào Hưng Yên cũng xuất

hiện những văn nhân góp sức mình xây dựng Tổ quốc, đúng như bài ký được khắc tại Văn chỉ Bình Dân.

*Khoái Châu thắng cảnh; Đông Yên nước tiếng; Anh tài nghiệp lớn
Khí lành rục rờ; Hương đàn nghi ngút; Chiếu quế ngát hương
Bút nghiên truyền đời; Sáu bộ đặng khoa; Thượng thư trọng vọng
Nho sĩ vinh quang; Làm quan nhân từ; Truyền đạo mệnh mông
Vớ trời không cùng; muôn đời không quên; Cùng mở nguồn đạo
Xã tắc thái bình; Nhân nghĩa cao dày; mãi cùng trời đất.*

Ông về hưu và mất, thọ hơn 70 tuổi.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên ông được lưu danh trên văn bia đề danh tiến sĩ tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội, Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên và bia tiến sĩ của huyện Đông Yên (hiện bia được lưu tại Văn chỉ Bình Dân thuộc địa phận xã Tân Dân, huyện Khoái Châu).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Bùi Công Phụ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.32- PHẠM CÔNG PHƯƠNG (1642 - ?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1642; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Liêu Xuyên, huyện Đường Hào, nay là thôn Liêu Xuyên, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Phạm Công Phương là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan đến chức Cấp sự trung.

Ông là con trai của Tiến sĩ Phạm Công Trứ, làm quan đến chức Tham tụng, Lại bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, Chương Lục bộ sự, hàm Thiếu Bảo, tước Yên Quận công.

Được sinh ra trong gia đình dòng dõi thi thư cho nên từ bé Phạm Công Phương đã ham mê luyện tài. Năm 39 tuổi, ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thân, niên hiệu Vĩnh Trị 5 (1680) đời vua Lê Hy Tông.

Phạm Công Phương làm quan đến chức Cấp sự trung. Sau khi mất, ông được ban tặng chức Binh khoa Đô Cấp sự trung, tước nam.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Bảo tàng tỉnh Hưng Yên, *Di tích nho học và khoa bảng tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên, 2013.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Canh Thân, niên hiệu Vĩnh Trị 5 (1680) tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Phạm Công Phương vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.33- NGUYỄN CHÍ TRUNG (1648-1725)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1648; mất năm 1725.

- *Quê quán*: Ông người xã Lục Điền, huyện Đông Yên (nay là thôn Lục Điền, xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Nguyễn Chí Trung là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan đến chức Thừa chính sứ, tước nam. Sau khi mất, ông được triều đình ban tặng chức Công bộ Tả thị lang, ban thụy Ôn Giản.

Mùa đông, tháng 11 năm Canh Tuất niên hiệu cảnh Trị thứ 8 (1670), vua Lê Huyền Tông cho mở khoa thi, cử Phó tướng, Thiếu úy Yên quận công Trịnh Thiện làm Đề điệu; Bồi tụng, Tả thị lang, Ngọc Trì tử Nguyễn Quốc Khôi làm Tri công cử; Bồi tụng, Binh bộ Hữu thị lang, Hải Sơn nam Nguyễn Danh Thực và Bồi tụng, Công bộ Hữu thị lang, Mai Lĩnh nam Lê Vinh làm Giám thí, cùng các viên Tuần xức, Khảo thí chia giữ công việc. Tại khoa thi này, các sĩ tử dự thi đông đến trên hai nghìn người. Nguyễn Chí Trung đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, xếp hạng thứ 27. Ông được phong quan và ban cho mũ áo cân đai, thiết yển, thẻ bạc. Sau ông làm quan đến chức Thừa chính sứ, tước nam. Cuối đời, ông xin trí sĩ về quê.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh)*:

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh*:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Mỹ, *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Mỹ, tập 1*, Hưng Yên, 2006.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh*:

Tên của ông được lưu danh trên văn bia tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Chí Trung vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.34- NGUYỄN HÀNH (1656 – ?)

- *Tên khác*: Thân Bình

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh năm 1656; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán*: Ông người xã Hoa Cầu, huyện Văn Giang nay là thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Nguyễn Hành là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê làm quan chức Hữu thị lang Bộ Lại, sau khi mất được ban tặng chức Công bộ Thượng thư, tước Phương Trạch bá.

Nguyễn Hành là con Tiến sĩ Thân Toàn làm quan Hiến sát xứ Sơn Nam, người làng Phương Đỗ, huyện Yên Dũng, xứ Kinh Bắc³⁵, mẹ là con gái Nghĩa Quận công Nguyễn Tính, người làng Xuân Cầu. Về sau Thân Bình được ông ngoại nhận nuôi và đổi sang họ Nguyễn, lấy tên là Nguyễn Hành. Khi Nguyễn Hành lên 8 tuổi, vâng lệnh cha về sinh sống ở quê ngoại Xuân Cầu. Ông được ông ngoại là cụ Nghĩa Quận công rất mực yêu quý, cho theo học nhiều thầy giỏi trong vùng. Vốn tư chất thông minh, lại chăm chỉ đèn sách nên từ khi 13 tuổi ông đã làm được thơ theo luật Đường bằng chữ Hán. Năm 16 tuổi, đỗ Hương cống. Năm Quý Sửu, niên hiệu Dương Đức thứ 2 (1673), triều đình mở khoa thi Sĩ vọng trong cả nước, chọn đỗ 30 người, trong đó Nguyễn Hành đỗ đầu. Sách *Lịch triều tạp kỷ* của Ngô Cao Lãng chép "mở khoa thi Sĩ vọng cho cả nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Hành 30 người, bổ nhiệm các chức trong kinh đô và ngoài các trấn", khi đó ông 19 tuổi. Sau ông được bổ làm quan Thượng bảo cục Thiếu khanh (chính lục phẩm), rồi thăng làm Tham nghị xứ Nghệ An. Đến khoa thi Mậu Thìn, niên hiệu Chính Hoà thứ 9 (1688) đời Lê Hy Tông Nguyễn Hành đỗ tiến sĩ. Một năm, ông được bổ làm Giám sát ngự sử đạo Hưng Hóa. Tháng 6 năm Quý Dậu niên hiệu Chính Hòa thứ 14 (1693), thi đỗ khoa Từ mệnh "*Thi các quan văn về môn Từ mệnh*". Khoa thi ấy 4 người đỗ trúng cách gồm: Vũ Thạnh (Hà Nội), Nguyễn Công Đồng (Hải Dương), Hà Tôn Mục (Hà Tĩnh) và Nguyễn Hành.

Tháng 4, năm Kỷ Mão, niên hiệu Chính Hòa thứ 20 (1699), triều Lê Hy Tông, triều đình cử Hà Tôn Mục và Nguyễn Hành đi kinh lý miền Tây. Bấy giờ, nhà Thanh xâm lấn vùng Bảo Lạc (Cao Bằng), châu Trấn Yên thường quấy nhiễu châu Bảo Lạc, Tuyên Quang, binh lính đóng giữ ở đó không thể chế ngự được. Triều đình cử Nguyễn Hành và Hà Tôn Mục đi dẹp giặc. Các ông gửi thư cho tướng của nhà Thanh là Sầm Trì Phượng để giải thích về lý lẽ của sự việc.

³⁵ Nay là huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Sầm Trì Phương đáp thư tỏ ý hồ thẹn, tạ lỗi và xin rút quân về. Nhân dân nơi biên giới lại được an cư như cũ. Khi trở về kinh, hai ông được vua khen là có tài trong đấu tranh ngoại giao, và cất nhắc Hà Tôn Mục lên làm Tự khanh, Nguyễn Hành làm Đô cấp sự trung.

Tháng 9, năm Nhâm Ngọ (1702), Nguyễn Hành được cử làm Chánh sứ cùng Hà Tông Mục và Nguyễn Công Đông, Nguyễn Đương Bao đi sứ nhà Thanh. Khi về Nguyễn Hành được triều đình cử giữ chức Lại Bộ Tả thị lang, tước Tử. Đến tháng 10, năm Giáp Ngọ (1714), triều đình ban thưởng cho các quan văn võ trong triều, Nguyễn Hành được phong làm Hữu thị lang Bộ Lại.

Ông mất năm nào chưa xác định rõ³⁶, sau khi mất được ban tặng chức Công bộ Thượng thư, tước Phương Trạch bá. Đối với đất nước, ông đã có những đóng góp đáng kể trong bối cảnh xã hội phong kiến rối ren thời Lê Trịnh. Ông là vị quan có tài, đồng thời là nhà ngoại giao sắc sảo, góp phần mang lại bình yên cho Tổ quốc. Đối với quê hương, theo gia phả chép ông có công đức với làng xã như: làm lại văn chỉ hàng xã, đặt khoán lệ khi hội họp và dựng bia đá. Ông bỏ ra 10 mẫu ruộng riêng để thưởng cho người sau ai đỗ tiến sĩ thì được cấy (gọi là ruộng Thương tiên).

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Mỹ, *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Mỹ, tập 1*, Hưng Yên, 2006.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên văn bia đề danh tiến sĩ tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

³⁶ Theo “*Phả ký một biệt chi họ Nguyễn xóm Tam Kỳ, thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hải Hưng*” in năm 1995 chép Nguyễn Hành thọ 69 tuổi. Như vậy, có thể tính được năm mất của ông là năm 1725.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Hành vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.35- QUẢN DANH DƯƠNG (1666 – 1730)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1666; mất năm 1730.

- *Quê quán:* Ông người xã Hoa Cầu, huyện Văn Giang nay là thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Quản Danh Dương là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê, làm quan đến chức Hàn lâm viện Thừa chỉ, sau khi mất ông được truy tặng Công bộ Tả Thị lang, tước Hoa Phái hầu.

Năm 45 tuổi, ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Thịnh 6 (1710), đời vua Lê Dụ Tông (1705-1729). Tại văn bia số 58 của Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội đã ghi ông là 1 trong 22 người đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ năm đó. Sau khi đỗ đạt ông được bổ dụng làm quan Hàn lâm viện Thừa chỉ, rồi được tin cử làm Phó sứ sang nhà Thanh cảm ơn nhân dịp nhà Thanh trả lại mỏ đồng Tụ Long³⁷ cho vua Lê chúa Trịnh (12 năm 1729) “... Chánh sứ Đinh Phụ Ích, phó sứ là bọn Đoàn Bá Dong và Quản Danh Dương sang dâng lễ tuế cống và tạ ơn vua nhà Thanh ban cho bức ngự thư, cùng việc trả lại mỏ đồng Tụ Long. Lại phụ tâu vua nhà Thanh chuẩn định nghi lễ tiếp nhận tờ chiếu chỉ, tờ sách phong và thể thức hai nước trao đổi văn thư với nhau”³⁸. Phần do đường xá xa xôi phần vì tuổi cao sức yếu, ông bị ốm và mất khi đi tới Yên Kinh. Sau khi mất ông được truy tặng Công bộ Tả Thị lang, tước Hoa Phái hầu.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Phạm Minh Hoàng, Hoàng Thị Thanh Mai, *Văn Giang vùng phù sa văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

³⁷ Tụ Long: là địa danh thuộc vùng núi phía bắc, thuộc trấn Tuyên Quang (nay thuộc tỉnh Hà Giang). Nơi đây có mỏ đồng, mỏ bạc và nhiều tài nguyên khác.

³⁸ Trích sách *Khâm Định Việt Sử thông giám cương mục*.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Thịnh 6 (1710) tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Quản Danh Dương vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.36- NGUYỄN ĐÌNH BÁ (1695 - 1755)

- *Tên khác:* Không có.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1695; mất năm 1755.

- *Quê quán:* Ông người xã Bình Dân, huyện Đông Yên (nay là thôn Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Đình Bá là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê, làm Đốc trấn Cao Bằng, có công lớn trong việc dẹp loạn, được nhân dân trong vùng lập đền thờ. Ông là cha của Tiến sĩ Nguyễn Đình Tố (đỗ tiến sĩ năm 1769, làm quan đến chức Hàn Lâm viện, tước Ngộ Khê tử).

Thuở nhỏ, Nguyễn Đình Bá là người thông minh, ham học, được mọi người trong làng khen ngợi. Sau nhiều năm dùi mài kinh sử, năm 33 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Đình Mùi niên hiệu Bảo Thái thứ 8 (1727) đời vua Lê Dụ Tông. Sau đó ông làm quan, được phong chức Thiêm đô ngự sử.

Trong thời gian làm quan, ông được cử làm Đốc đồng Lạng Sơn và có công lao to lớn trong việc tiêu trừ bọn thổ phi Yên Lộc và Toàn Cơ. Năm 1734, ông được cử làm Đốc đồng trấn Cao Bằng, chính thể rất liêm bình. Lúc ấy trong hạt giặc nổi lên bốn bề, ông được lệnh chỉ thăng tước hầu, cho làm Đốc trấn. Năm Quý Hợi (1743), giặc Hoàng Xi ở phủ Thông Hoá, xứ Thái Nguyên nổi lên, triều đình lệnh cho quan binh Đốc tướng của bản xứ cùng Tuần Quận công tiến đánh, dẹp giặc nội loạn ở Khâu Đậu.

Mùa hè tháng 5, năm 1755, quân của ông đóng tại Vy Hoa, rồi mất ở đó. Quan quân đem linh cữu ông về Cao Bằng và lập đền thờ, dân trong châu cảm đức chính nhân hoá, tâu xin lên triều đình sắc phong Đại vương, dựng

miếu Thanh Trung ở xã Kim Giáp, huyện Thạch An ở bên phải trấn sở. Các đời sau đều gia phong mỹ tự, quốc tế xuân thu, phong làm Trung đẳng thần.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* có chép về “Đền Thanh Trung của xã Kim Giáp, huyện Thạch An, thần tên là Nguyễn Đình Bá, đỗ tiến sĩ đời Lê Cảnh Hưng, làm Đốc trấn Cao Bằng, rất được lòng dân, chết ở quan. Dân địa phương cảm nhớ, lập đền thờ, triều đình nghe biết, tặng Phúc Thần”. Công lao, sự trạng của ông được triều đình sắc phong làm Thanh Trung, Hoàng Nghị, Thông Minh, Chính Trực, Khoan Dụ Đại vương.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Khoái Châu, *Lịch sử Đảng bộ huyện Khoái Châu, tập 1 (1928-1975)*, xuất bản 2004.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được lưu danh trên Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Đinh Mùi niên hiệu Bảo Thái thứ 8 (1727) tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Đình Bá vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.37- DƯƠNG CÔNG THỤ (1696 - 1753)

- *Tên khác:* Dương Công Chú, hiệu là Nhu Độn.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1696; mất năm 1753.

- *Quê quán*: Ông người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm (nay thuộc xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Dương Công Thụ là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Lê, làm quan đến chức Lại bộ Tả thị lang, sau khi mất được phong tặng chức Thượng thư, tước Quận công. Thân phụ ông là Dương Công Hiến làm quan Mậu lâm Tá lang, Tri phủ phủ Lâm Thao (Phú Thọ), mẫu thân là Lý Thị Loan người cùng quê.

Là hậu duệ đời thứ 6 của Trạng nguyên Dương Phúc Tư (người khai mở sự nghiệp văn chương khoa cử, sau này được con cháu tôn thờ là Thủy tổ của dòng họ Dương ở Lạc Đạo), Dương Công Thụ có tư chất thông minh, hiếu học từ nhỏ, ông đã đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731), niên hiệu Vĩnh Khánh đời Lê. Ông làm quan đến chức Lại bộ Tả thị lang, sau khi mất được phong tặng chức Thượng thư, tước Quận công.

Tại nhà thờ Tiến sĩ Dương Công Thụ (xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm) vẫn còn một tấm bia cổ và 20 đạo sắc phong, đây là nguồn tư liệu quý cho chúng ta hiểu thêm về cuộc đời cũng như các chức vụ mà ông đã trải qua. Nội dung bia thần đạo và các đạo sắc phong cho biết: Dương Công Thụ có tiếng tăm tốt đẹp, vang dội khắp nơi, được nhiều lần cất nhắc. Sau được thăng đến hàm Kim tử Vinh lộc Đại phu, chức Nhập thị Bồi tụng Tả Tư giảng, Lại bộ Tả Thị lang, kiêm Tư nghiệp Quốc Tử Giám, tước Đạo Phái bá, văn chương đạo đức của ông đứng hàng đầu một thời. Trong văn bia cũng nhắc tới thời kỳ ông làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám được vời vào phủ dạy Thái tử để an bang định quốc, trọng dụng hiền tài để làm cho đất nước thêm hưng thịnh. Trong nhà thờ của Tiến sĩ Dương Công Thụ có treo đôi câu đối:

*“Công tại bang gia danh tại sử;
Sinh nhi sự phó tử nhi thân.”*

Tạm dịch:

*“Công đất nước ghi tên trong sử sách;
Sống ngôi sự phó chết ngôi thân.”*

Hay:

*“Vi đế vương sự vinh dĩ túc;
Hưởng thần nhân phúc vĩnh vô cùng.”*

Tạm dịch:

*“Làm thày vua chúa vinh quang đủ;
Hưởng phúc thần nhân mãi vô cùng.”*

Tiến sĩ Nguyễn Nghiễm đã viết về Dương Công Thụ như sau: “Gặp thời thịnh trị, Ngài vụt hiện ra như cá chép vượt vũ môn, Ngài là vị thần hiển hách trang nghiêm trên biển. Ngài hiển hách linh thiêng phù hộ cho đất nước, văn thơ của bậc tiên giữa đời còn làm mọi người kinh hãi”.

Không những tài năng, Dương Công Thụ còn nổi tiếng là người nho nhã, liêm khiết, ứng xử hài hòa với người trên dưới, một lòng yêu nước thương dân. Ông mất ngày mùng 9 tháng 2 năm Quý Dậu (1753), thọ 58 tuổi, được vua ban tên thụy là Ôn Nhã.

Theo lời kể của các bậc cao niên trong làng: Sau khi Dương Công Thụ qua đời, con cháu dòng họ Dương cùng dân làng đã lập đền thờ để ghi nhớ công lao của ông. Đền được xây dựng thời Lê Trung hưng, có quy mô lớn, kiến trúc hình chữ “Tam”, vật liệu hoàn toàn bằng gỗ lim. Trải qua thời gian, đền thờ Dương Công Thụ đã thay đổi, nhiều hiện vật quý không còn nữa.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Ban Quản lý di tích và danh thắng Hưng Yên, *Lý lịch di tích đền Từ Vũ, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên, 2012.

- *Thế phả họ Dương xã Lạc Đạo, trấn Kinh Bắc, nước Đại Nam*, Số hiệu A.1000, phòng Bảo quản, Viện nghiên cứu Hán Nôm.

+ *Các công trình ghi danh:*

Ông được xây dựng đền thờ. Hiện nay, nhà thờ Dương Công Thụ (còn gọi là đền Từ Vũ) được xây dựng theo kiểu chữ “Nhất”, tường hồi bít đốc, xung quanh xây tường bao khép kín. Tại đây còn lưu giữ tấm bia đá “Thần đạo bi ký” dựng năm Cảnh Hưng thứ 20 (1759) ghi chép về công lao của Tiến sĩ Dương Công Thụ. Hằng năm, vào ngày mùng 9 tháng 2 Âm lịch, dòng họ

Dương và nhân dân trong làng tổ chức dâng hương tế lễ để tỏ lòng thành kính và giáo dục truyền thống hiếu học cho thế hệ trẻ.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Dương Công Thụ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.38- ĐOÀN DOÃN LUÂN (1700 - ?)

- *Tên khác:* Đoàn Trác Luân; hiệu là Tuyết Am, tự Đạm Như.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1700; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông quê xã Giai Phạm (sau đổi là Hiến Phạm), huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Đoàn Doãn Luân là danh sĩ đời vua Lê Dụ Tông (1705-1729), Đoàn Doãn Luân sinh năm Canh Thìn (1700), Thân phụ ông là Đoàn Doãn Nghi (1678-1729), danh sĩ đời Lê Hy Tông (1675-1705), em gái là Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Diễm (1705-1749).

Năm 19 tuổi đỗ Hoàng giáp khoa Kỷ Hợi (1719) nhưng ông không ra làm quan mà cùng em gái về quê mở trường dạy học như thân phụ ông trước kia. Tính ông trung hậu, khi lập gia đình, ông đi dạm hỏi con gái của Tiến sĩ Lê Hữu Mưu, quê làng Liêu Xá, huyện Đường Hào (nay thuộc xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Cuộc hôn nhân chưa xong, vị hôn thê của ông bị bệnh đậu mùa, rỗ mặt. Nhà gái ngại ông chê, ngỏ ý xin khước từ cuộc hôn nhân, ông khăng khăng không đổi ý, vẫn xin cưới như thường. Năm 1729, thân phụ ông mất, ông cùng gia đình chuyển về làng Vô Ngại, huyện Đường Hào (nay thuộc xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên) làm nghề dạy học. Không lâu sau, ông chẳng may mang bệnh mất, để lại người vợ và hai con (là Đoàn Doãn Y và Đoàn Lệnh Khương) cho em gái Đoàn Thị Diễm nuôi dưỡng. Sau này, con gái ông là Đoàn Lệnh Khương cũng là một trong những người tài sắc, được mệnh danh là nữ học sư thời bấy giờ.

Sinh thời, Đoàn Doãn Luân và em gái Đoàn Thị Diễm đã sớm vang danh là “kỳ phùng địch thủ” về đối đáp thơ văn. Trong sách *Đoàn Thị thực lục* (Gia phả họ Đoàn) có ghi: “Trong khi nhân hạ, anh em bà thường xướng họa..., ngâm nên thiên hay, câu đẹp, kể có hàng chục, hàng trăm... Mà đến những bài ứng đối xướng họa thì không thể lấy một vài ví dụ kể hết được...”. Có lần ông Doãn Luân ra câu đối thử tài em gái với văn sách Hán Cao Tổ, lấy nhân vật Quí (Lư Bang) lồng trong câu:

Bạch xà đương đạo, Quý bất kiếm nhi trăm chi

(Nghĩa là: Rắn trắng đón đường, ông Quý rút grom ra chém)

Bà Điềm nhanh trí dùng câu trong sử ký Ngũ Thuần, có nhân vật Vũ Đế
đáp lại:

Hoàng long phụ châu, Vũ ngưỡng thiên thiên thán viết

(Nghĩa là: Rồng vàng đội thuyền, ông Vũ nhìn trời mà than)

Một lần khác, bà Điềm đang soi gương bên cửa sổ, người anh trai Doãn
Luân trông thấy, liền đọc một vế đối:

Đối kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điếm

(Nghĩa là: Soi gương vẽ lông mày, một chấm hóa thành hai chấm. Chữ
điểm trong câu này lại trùng với tên bà Điềm, vì thế cũng có thể hiểu là: một cô
Điềm đã hóa thành hai cô Điềm).

Bà Điềm đối liền: *Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân*

(Nghĩa là: Bên ao ngắm nguyệt, một vàng chuyển ra hai vàng. Chữ Luân
chỉ vàng trắng lại trùng với tên Luân nên câu đối còn được hiểu là: một ông
Luân hóa thành hai ông Luân).

Đó là những giai thoại về tài ứng đối và thông thuộc sử tích tuyệt vời của
hai anh em ông Đoàn Doãn Luân còn lưu truyền đến ngày nay.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh
giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1
(từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng
Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn
hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Hải Vy, *Kể chuyện Đoàn Thị Điềm*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2010

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn
học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá thế, *Từ điển nhân vật lịch Việt Nam,
mục từ “Đoàn Thị Điềm” và “Đoàn Doãn Luân”*, Nxb Khoa học xã hội, Hà
Nội, 1992.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4:
Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà
Nội, 2017.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Đoàn Doãn Luân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.39- ĐOÀN NGUYỄN THỰC (1718 - 1775)

- *Tên khác:* Đoàn Duy Tĩnh

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1718; mất năm 1775.

- *Quê quán:* Quê gốc xã Đại Hạnh, huyện Văn Giang (nay là thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên), trú quán tại làng Hải Yến, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình (nay là thôn Hải An, xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Đoàn Nguyễn Thực là danh sĩ thời Lê Hiển Tông, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều. Ông là thân phụ của danh thần Đoàn Nguyễn Tuấn và nhạc phụ của đại thi hào Nguyễn Du.

Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 13 (1752) đời vua Lê Hiển Tông, cùng khoa thi với Lê Quý Đôn (người huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình),...

Năm 1768, ông làm Hiệu thư Đông các, kiêm chức Thiêm đô Ngự sử. Tính ông cương trực, khảng khái, được sĩ phu trọng vọng. Ông từng dâng khải hạch tội bạn đồng liêu là Dương Trọng Khiêm, được chúa Trịnh Sâm khen, thưởng 3 nén bạc. Ít lâu sau nhà có tang nên ông xin từ chức. Hai lần được triệu ra làm chức Thiêm đô, nhưng ông đều từ chối.

Gần 25 năm làm quan trong triều (1752 - 1775), vốn là quan văn, nhưng đã hai lần Đoàn Nguyễn Thực được cử làm tướng võ và một lần cử đi sứ. Năm 1769, ông được cử làm Thống tướng chỉ huy hàng vạn binh lính đi dẹp các cuộc nổi loạn của Hoàng Công Chất và Lê Duy Mật ở châu Mường Thanh. Năm 1771, ông được cử làm Chánh sứ cùng phó sứ Vũ Huy Đĩnh và Nguyễn Lý sang cống nhà Thanh, khi trở về được thăng Phó đô Ngự sử, tước Quỳnh Xuyên bá. Năm Cảnh Hưng thứ 34 (1773), ông được phong chức Giám quân, trực tiếp làm Đốc thị Nghệ An, vừa lo ổn định tình hình ở Nghệ An sau thiên tai mất mùa, vừa lo binh lương cho đoàn quân của tướng Hoàng Ngũ Phúc vượt sông Gianh vào Đàng Trong lấy đất Thuận Hóa. Năm Giáp Ngọ (1774), ông dâng sớ xin về quê, một năm sau thì mất. Triều đình truy tặng ông chức Đô ngự sử, thụy Cảnh Trục.

Đoàn Nguyễn Thực còn là một tác gia, có tác phẩm *Phụng sứ tập* (vừa thơ, vừa văn) chép về chuyến đi sứ đấu tranh đòi lại châu Lộc Bình (Lạng Sơn).

Sử gia Phan Huy Chú đọc và đánh giá thi tập này: "*lời thơ tao nhã, thanh tao, phóng khoáng. Tả cảnh hồn nhiên, nhẹ nhõm và siêu thoát, đáng gọi là danh gia*".

Trong số nhiều bài thơ của ông, có bài *Buổi chiều qua cửa Nam quan* như sau:

Phiên âm:

*Già lạc khách tòng thiên thượng khứ,
Ca ly nhân vọng nhật biên hồi.
Viễn sơ cao điểu nghênh trần khởi,
Cố quốc thanh phong việt tĩn lai.*

Dịch nghĩa:

Cưỡi ngựa lạc khách đi theo lối lên trời,
Hát khúc Ly câu, mong ngày về nước [về bên mặt trời].
Ngọn núi xa chim đón làn bụi bay lên,
Gió mát nước nhà vượt đèo thổi đến.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú đánh giá, "Đoàn Nguyễn Thục là người cương trực, uy phong khảng khái, khi ở trong triều giữ khí tiết" và "Ông học vấn rộng rãi, phong thể khi đó chững chạc, dọc ngang văn võ, việc gì cũng làm được. Ông tiến, lui có lẽ phải, không khuất tất để cầu cạnh. Tiết tháo cương trực".

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Thị Hòa, *Một vài nét về Đoàn Nguyễn Thục*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt 2004, tr.136-138.

- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí, tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên ông được đặt cho một tuyến đường tại thành phố Đà Nẵng. Đường Đoàn Nguyễn Thục dài 330m, rộng 5,5m, thuộc khu dân cư Hòa Thọ và khu dân cư Đông Phước, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Đoàn Nguyễn Thục vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.40- NGUYỄN HUY TRẠC (1733 - 1788)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1733; mất năm 1788.

- *Quê quán:* Ông người xã Đan Nhiễm, huyện Văn Giang, nay là thôn Đan Nhiễm, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Huy Trạc đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 30, đời Lê Hiển Tông (1740 - 1786). Ông làm quan chức Hữu thị lang Bộ Hộ. Theo sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên*: Tháng 2/1787 ông được bổ nhiệm Tham tri Chính sự.

Năm Mậu Thân (1788), niên hiệu Chiêu Thống thứ 2, triều Lê Mẫn Đế (1787 - 1788), Nguyễn Huệ đưa quân ra Bắc, Lê Mẫn Đế bỏ chạy. Tháng 6/1788, các cựu thần văn võ họp ở Ngự sử đài làm tờ biểu mời Nguyễn Huệ lên ngôi. Nguyễn Huy Trạc bị bắt dẫn đến kinh thành không chịu vào yết kiến, không chịu ký tên vào tờ biểu. Đêm hôm đó về, ông uống thuốc độc tự sát để tận trung với nhà Lê. Nguyễn Huy Trạc thọ 56 tuổi.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Quang Ngọc, *Vương triều Lê (1428 - 1527)*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 2022.

- Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 30 (1769), <http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1121&Catid=564>

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- Lê Thái Dũng, *Giai thoại về một số vị trung thần tiết nghĩa triều Lê*, Nxb Dân Trí, Hà Nội, 2018

+ *Các công trình ghi danh:*

Năm Kỷ Mùi (1859), niên hiệu Tự Đức thứ 12, triều Nguyễn Dục Tông (1847 – 1883), xét công trạng, phẩm cách Nguyễn Huy Trạc, triều đình liệt ông được thờ ở đền Cổ Lê tiết nghĩa (tiết nghĩa nhà Lê³⁹).

Tại Văn miếu Quốc Tử Giám, tên của ông được ghi ở Bài ký bia đề danh Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Cảnh Hưng 30 (1769); tại Văn miếu Bắc Ninh, được ghi ở Bia thứ 4 – bên trái Kim bảng lưu phương (Khoa Kỷ Sửu – Cảnh Hưng 1769).

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Huy Trạc vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.41- HOÀNG BÌNH CHÍNH (1736 – 1785)

- *Tên khác:* Hoàng Trọng Chính, tự là Xuân Như, hiệu là Liên Phong

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1733; mất năm 1788.

- *Quê quán:* Ông người xã Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi (nay là thôn Thổ Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Hoàng Bình Chính là nhà khoa bảng, tiến sĩ Nho học thời Hậu Lê, từng giữ nhiều chức vụ trong triều làm quan đến chức Hàn lâm viện Hiệu lý, sau khi mất ông được tặng chức Đông các Học sĩ, tước Kim Xuyên bá.

Năm 40 tuổi ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 36 (1775) đời vua Lê Hiển Tông. Sau khi thi đỗ, ông được cử làm Đốc đồng xứ Hưng Hóa. Trong hai năm nhậm chức ở đây, ông đã biên soạn sách *Hưng Hóa xứ phong thổ lục*. Đây là cuốn sách về lịch sử, địa lý, lịch sử dân tộc học đầu tiên và đầy đủ về Hưng Hóa. Mặc dù còn rất ít tài liệu

³⁹ Di tích đền Cổ Lê ở số 3, ngõ 124, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội thờ 23 vị trung thần liệt nghĩa đời Lê.

ghi chép về công lao đóng góp của ông nhưng thông qua tác phẩm *Hung Hóa xứ phong thổ lục* đã cho biết công lao, đóng góp của ông. Thế hệ sau đã hiểu thêm về con người, tài năng luôn cống hiến hết mình cho quê hương đất nước, người gọi mở đưa thế hệ sau hiểu thêm biết về nguồn gốc, lịch sử các vùng miền của Tổ quốc.

Trước năm Mậu Tuất (1778), ông cùng với Phan Huy Ôn sưu tầm sách *Giới Hiên thi tập* của Nguyễn Trung Ngạn, người cùng làng với ông và đề tựa tập thơ ấy.

Năm Quý Mão (1783), ông được bổ làm Hàn lâm viện Hiệu lý, được cử đi sứ nhà Thanh (triều Càn Long). Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết: “Năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783) (ngang với năm Càn Long thứ 48 nhà Thanh), sai Chánh sứ Hoàng Bình Chính, Phó sứ Lê Hữu Dụng và Nguyễn Đương sang cống nhà Thanh”. Năm Ất Tỵ (1785), ông về đến quê nhà thì mất. Sau khi mất ông được tặng chức Đông các Học sĩ, tước Kim Xuyên bá.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Quang Ngọc, *Vương triều Lê (1428 - 1527)*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 2022.

- *Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Ất Mùi niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 36 (1775)*, [ttp://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1119&Catid=564](http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1119&Catid=564)

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- *Tìm hiểu các tác gia Hán Nôm Hải Hưng*, Ty Văn hóa Hải Hưng xb, 1973.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của ông được ghi tại bia đề danh Tiến sĩ khoa Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 36 (1775) tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên và đình thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Hoàng Bình Chính vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.42- NGUYỄN ĐÌNH TỐ (1738 - ?)

- *Tên khác:* Nguyễn Lạc Thiện, Nguyễn Hương, tự là Thư Phủ, hiệu Phục Am

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1738; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* người xã Bình Dân, huyện Đông Yên (nay là thôn Bình Dân xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Đình Tố là nhà khoa bảng, danh sĩ thời Hậu Lê, từng giữ nhiều chức vụ trong triều làm quan đến chức Khâm sai, Đốc trấn Cao Bằng. Ông là con của Nguyễn Đình Bá (đỗ tiến sĩ năm 1727).

Năm 32 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 30 (1769) đời vua Lê Hiển Tông, làm quan đến chức Lại khoa Đô cấp sự trung, Hàn lâm viện Thị độc, Thiêm đô Ngự sử ở Ngự sử đài, Hữu Thị lang bộ Lễ, tước Ngộ Khê tử.

Đầu đời vua Lê Chiêu Tông, tháng 11 Đinh Mùi (1787), ông giữ chức Khu mật viện và được cử đi sứ nhà Thanh (Trung Quốc). Vua Thanh mến tài cho mời vào ăn yến và bệ kiến. Ông từng được cử đưa quân lên Cao Bằng xử lý việc Lưu Tiệp vây đánh Đốc đồng Nguyễn Hàn, sau làm đến chức Khâm sai, Đốc trấn Cao Bằng và mất luôn ở Cao Bằng.

Ông cũng là một nhà thơ, nhà văn, để lại nhiều tác phẩm, như: Đề tựa sách *Thiên Nam liệt khoa hội điển*, đề bạt sách *Tôn Am thi thảo*, nhuận sắc bia *Tiên hiền từ chỉ bi ký*, biên soạn *Tiến sĩ Phú (Quốc Âm thi)* và hơn 60 bài chép trong các sách *Sứ thiều ngâm lục*, *Hoàng Việt thi tuyển*, *Minh Đô thi vụng...*

Sau khi mất, ông được truy tặng chức Phó đô Đại vương.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 30 (1769), <http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1121&Catid=564>

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- *Tìm hiểu các tác gia Hán Nôm Hải Hưng*, Ty Văn hóa Hải Hưng xb, 1973.

+ *Các công trình ghi danh:*

Tên của Nguyễn Đình Tổ được lưu danh tại bia số 7 Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Đình Tổ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.43- TÔ TRÂN (1791 -?)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh năm 1791; chưa xác định được năm mất.

- *Quê quán:* Ông người xã Hoa Cầu (sau đổi là Xuân Cầu), nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Tô Trân là nhà khoa bảng, danh sĩ thời Nguyễn, từng giữ nhiều chức vụ trong triều làm quan đến chức Biên tu ở Hàn lâm viện, rồi làm việc ở Hộ tào; Thái bộc Tự khanh, sung chức Toản tu ở Quốc sử quán; Tả Tham tri bộ Lễ, sau đó lại sung ông làm Giảng quan ở Kinh diên.

Năm Ất Dậu, niên hiệu Minh Mệnh thứ 6 (1825), ông tham dự kỳ thi Hương, đỗ cử nhân. Đến khoa thi Hội năm Bính Tuất (1826), ông tham gia và đỗ tiến sĩ. Sau đó ông ra làm quan phục vụ triều đình, được bổ làm Biên tu ở

Hàn lâm viện, rồi làm việc ở Hộ tào. Năm 1833, ông được thăng làm Tuần phủ, tạm lãnh quyền coi giữ tỉnh Định Tường. Khi quân Lê Văn Khôi đến vây hãm thành, biết không thể kiềm chống được, ông đã làm bài thơ để lại rồi đi ở ẩn trong dân gian.

Khi Định Tường bị mất, ông bỏ nhiệm sở và làm một bài thơ tỏ rõ ý chí của mình với nội dung như sau:

*"Dục bãi bất năng chữ vũ dương,
Phân điền, phân thổ bất phân vương.
Gia ung hữu thất hà tu thi.
Lễ bất cầu phong chỉ dụng dương.
Đạt đắc chúng nhân suy hạnh xuất.
Thao tồn nhất thủ tự vô đương.
Ngư du thảo hạ hòa biên ổn.
Ngọc chân di xa tụy nhất đường."*

Bản dịch:

Muốn thôi, cánh liệng, chẳng cho thôi,
Xẻ đất, quyền vương chẳng xe đôi.
Không lộn, đã nhà nề nếp sẵn,
Có dê chưa hậu, lễ nghi rồi.
Nhiều người khen đạt mình may thoát,
Còn một tay thao việc khó trôi!
Cá tựa lúa êm bơi dưới cỏ,
Xe về nhà ngọc hạp đầy vui.

Bài thơ chữ Hán trên, ngoài ý từ biệt tỉnh Định Tường về quê nghỉ, tác giả đã có tài xuất sắc là dùng tám câu thơ, mỗi câu tả tự dạng một chữ, có trật tự rõ ràng, thành tám chữ *Thự lí Định Tường Tuần phủ Tô Trân* (nghĩa là tạm quyền chức Tuần phủ tỉnh Định Tường Tô Trân). Đây là một bài thơ vừa có nghệ thuật hội họa, vừa có giá trị nghệ thuật thơ.

Sau đó, ông bị cách chức, phái đi lấy công chuộc tội. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), ông được phục chức Án sát sứ Thái Nguyên. Năm 1842 ông được thăng làm Thái bộc Tự khanh, sung chức Toàn tu ở Quốc sử quán.

Năm Mậu Thân (1848), vua Tự Đức thăng ông làm Tả Tham tri bộ Lễ, sau đó lại sung ông làm Giảng quan ở Kinh diên.

Khi quân Pháp xâm lược Việt Nam vào năm 1858, ông thuộc phái chủ chiến cùng với Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Tư Giản, Phan Hữu Nghị, Trần Văn Vi, Lê Hiến Hữu, Vũ Phạm Khải...

Tô Trân đã tham gia biên soạn cuốn *Đại Nam thực lục*, phần Chính biên, gồm: Kỷ thứ nhất (đời Gia Long), Kỷ thứ hai (đời Minh Mệnh), Kỷ thứ ba (đời Thiệu Trị); dưới quyền của Tổng tài Quốc sử quán là Phan Thanh Giản. Ngoài ra ông còn lo việc biên soạn bộ *Minh Mạng chính yếu*.

Đến tuổi 70, ông xin cáo lão về quê. Vua Tự Đức phê chuẩn ban cho vàng, lụa.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Dương Thị Cẩm, *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075-1919)*, Sở Văn hóa - Thông tin Hưng Yên, Hưng Yên, 1999.

- Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.

- Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, mục từ: “Tô Trân”, Nxb Khoa học và xã hội, Hà Nội, 1992.

- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, truyện “Tô Trân”, Nxb Văn học, Hà Nội, 2004.

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Tô Trân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

2.2.44- NGUYỄN LÂN (1906 - 2003)

- *Tên khác:* Bút danh Từ Ngọc.

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh ngày 14 tháng 6 năm 1906; mất ngày 07 tháng 8 năm 2003.

- *Quê quán:* quê làng Ngọc Lập, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào (nay là Tổ dân phố Ngọc Lập, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Lân là nhà văn, nhà giáo, nhà khoa học.

Nguyễn Lân sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, hiếu học. Cha mẹ ông sinh tới 17 người con, ông là con út trong nhà. Từ nhỏ ông rất thông minh và luôn có một ý chí, nỗ lực vươn lên vượt qua mọi khó khăn. Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, ông đã là một học sinh xuất sắc. Ông học ở Trường Bưởi (lúc đó là Trường Cao đẳng Tiểu học Bảo hộ - Collège du Protectorat, sau đổi thành Trường Trung học – Lycée, sau này là trường Chu Văn An Hà Nội). Năm 1927, ông thi vào trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương với số điểm cao và nhận được học bổng, đến năm 1932 tốt nghiệp thủ khoa của trường. Sau đó, ông về dạy học tại hai trường tư thục Hồng Bàng (Hải Phòng) và Thăng Long (Hà Nội). Từ năm 1935 đến năm 1946 ông ở Huế dạy học tại trường Quốc học Huế, trường Đồng Khánh và trường Bách Công. Ngoài dạy học, viết văn, ông còn tham gia hoạt động xã hội. Ông là một trong những người sáng lập Hội truyền bá chữ Quốc ngữ ở Trung Kỳ.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, ông giữ chức Trưởng ty Giáo dục tỉnh Thừa Thiên và Hội trưởng Hội văn hóa cứu quốc Trung Bộ. Năm 1946, ông được điều ra Hà Nội và dạy Ban chuyên khoa Trường Chu Văn An Hà Nội. Kháng chiến bùng nổ, ông đưa gia đình lên Việt Bắc và được cử làm Giám đốc giáo dục Liên khu 10, gồm 6 tỉnh: Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên (nay là Vĩnh Phúc), Tuyên Quang, Lào Cai, Hà Giang. Khi giữ chức vụ này, ông đã bỏ dụng các Trưởng ty giáo dục (nay là Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo) và cùng lo toan để đưa nền giáo dục dần vào nền nếp. Ông tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến, tăng gia sản xuất, lấy tiền giúp quỹ thương binh, dạy các lớp bình dân học vụ, thăm hỏi bộ đội. Năm 1951, ông lại được điều sang dạy tại Trường Sư phạm trung cấp, Trường Hoa ngữ, Trường Sư phạm cao cấp khu học xá Trung ương ở Nam Ninh (Trung Quốc) cho đến năm 1956 về nước. Sau đó, ông trở về giảng dạy và làm Chủ nhiệm khoa Tâm lý giáo dục của trường Đại học Sư phạm Hà Nội cho đến khi nghỉ hưu (1971).

Ông là người có công trong việc xây dựng bộ môn và khoa tâm lý học, giáo dục học của hệ thống các trường sư phạm ở Việt Nam. Trong thời gian làm chủ nhiệm khoa, ông đã biên soạn nhiều đầu sách có giá trị về mặt chuyên môn như: *Ngữ pháp Việt Nam* (1956), *Lịch sử Giáo dục học thế giới* (1958), *Người thầy giáo dục xã hội chủ nghĩa* (1960), *Giáo trình Giáo dục học* (1961, viết chung), *Công tác chủ nhiệm lớp* (1962)...

Ngoài ra, ông còn là nhà từ điển học. Từ khi nghỉ hưu cho đến khi qua đời, ông đã dành trọn thời gian cho việc biên soạn từ điển và nghiên cứu nhằm gìn giữ, phát triển tiếng Việt. Các cuốn từ điển nổi tiếng do ông và các nhà nghiên cứu khác biên soạn như: *Từ điển tiếng Việt* (1969, tái bản năm 1977, 1991); *Từ điển Pháp - Việt* (in tại Paris năm 1981, tái bản năm 1986); *Từ điển*

từ và ngữ Hán – Việt (1969); *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* (1989, tái bản năm 1993); *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Pháp – Việt* (1993)...

Không chỉ nghiên cứu, giảng dạy, Nguyễn Lân còn sáng tác văn học. Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, với bút danh Từ Ngọc, ông cho ra đời cuốn tiểu thuyết đầu tay *Cậu bé nhà quê* (1925) và sau này là: *Khói hương* (1935); *Ngược dòng* (1936); *Hai ngã* (1936) cùng nhiều truyện ngắn khác như: *Ai khôn nạn*; *Tiếng vang*; *ngoài khơi*... Các tác phẩm của ông đề cao những giá trị nhân văn, bênh vực cho những số phận nghèo khó, bất hạnh, góp phần cổ vũ cho những tư tưởng mới tích cực trên văn đàn đương thời.

Với sự nghiệp đồ sộ và những cống hiến to lớn đối với nền giáo dục Việt Nam, Nguyễn Lân đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất (1962), Huân Chương Độc lập hạng Nhì (1991), phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân (1988), Giải thưởng Nhà nước về khoa học công nghệ cho *Cụm công trình về giáo dục học và từ điển Tiếng Việt* (2000) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Gia đình Nhà giáo Nhân dân Nguyễn Lân là gia đình tiêu biểu về truyền thống hiếu học. Ông có 8 người con đều là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ và những nhà khoa học xuất sắc, nổi tiếng của đất nước.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Minh Vương, *Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Nguyễn Lân, vinh quang nghề thầy*, <https://tuyensinh.hueic.edu.vn/tu-hao-hueic/giao-su-nha-giao-nhan-dan-nguyen-lan-ving-quang-nghe-thay/>

- GS.NGND. Nguyễn Lân (1906 - 2003), <https://myhao.hungyen.gov.vn/portal/Pages/2023-5-30/GS-NGND-NGUYEN-LAN-1906--2003-t1cmmf.aspx>.

- *Huyền thoại gia đình khoa bảng của cố Giáo sư Nguyễn Lân*, <https://chuyenchothue.com/tin-tuc/46-huyen-toai-gia-dinh-khoa-bang-cua-co-giao-su-nguyen-lan>

- Nguyễn Đình Chú, *Nhà giáo nhân dân Nguyễn Lân vẻ đẹp một nhân cách lớn*, Đại học Sư phạm Hà Nội - Một nửa thế kỷ: Kỷ niệm 50 ngày thành lập trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1951-2001), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2001.

- *Vinh quang nghề thầy*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.

- Nguyễn Ngọc Thanh. *Những thầy giáo nổi tiếng trong lịch sử*, Nxb. Văn nghệ, TP.HCM, 2017.

- Hàm Châu. Trí thức tinh hoa Việt Nam đương đại: Một số chân dung, Nxb. Trẻ, TP.HCM, 2014.

+ *Các công trình ghi danh:*

Hiện nay, tại phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân (Hà Nội) và phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào (Hưng Yên) có con đường mang tên Nhà giáo Nhân dân Nguyễn Lân.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề tài đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Lân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3. Danh nhân lĩnh vực Văn hóa - nghệ thuật

3.1. Khái quát về danh nhân Văn hóa – Nghệ thuật

Trên cơ sở khảo sát tư liệu, căn cứ sử liệu và dự thảo tiêu chí và phân loại danh nhân lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật. Ban Chủ nhiệm và nhóm nghiên cứu đã lựa chọn 19 nhân vật thuộc lĩnh vực văn hóa, văn học - nghệ thuật.

* **Về lĩnh vực văn học:** có 08 nhân vật

* **Về lĩnh vực âm nhạc có:** 05 nhân vật

* **Về lĩnh vực mỹ thuật có:** 04 nhân vật

* **Về lĩnh vực kiến trúc:** 02 nhân vật

Cụ thể thông qua số liệu bảng sau:

Bảng nhân vật về lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật

| STT | TÊN NHÂN VẬT | LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG | QUÊ QUÁN |
|------------|------------------------------------|---------------------------|---|
| 1. | Sái Át (? - ?) | Âm nhạc | Văn Giang |
| 2. | Vương Sư Bá/Trọng Khuông (? - ?) | Văn học | Khoái Châu |
| 3. | Nguyễn Vĩnh Bảo (1936 - 1967) | Âm nhạc | Ân Thi (xã Đào Dương) |
| 4. | Phan Mạnh Danh (1866- 1942) | Văn học | Ân Thi (xã Phù Ủng) |
| 5. | Tạ Mỹ Duật (1910- 2010) | Kiến trúc | Khoái Châu (xã Đồng Tiến) |
| 6. | Xuân Giao (1932 - 2014) | Âm nhạc | Văn Lâm (thị trấn Như Quỳnh) |
| 7. | Quách Thị Hồ (1909 - 2001) | Âm nhạc | Văn Giang (xã Long Hưng) |
| 8. | Đoàn Như Khuê (1883 - 1957) | Văn học | Tiên Lữ (xã Hải Triều) |
| 9. | Lê Quốc Lộc (1918 - 1987) | Mỹ thuật | Khoái Châu |
| 10. | Đoàn Văn Minh (1908 - 1973) | Kiến trúc | Hưng Yên |
| 11. | Dương Hương Minh (1919 - 2007) | Mỹ thuật | Thị xã Mỹ Hào (phường Xuân Dục) |
| 12. | Lương Xuân Nhị (1914 - 2006) | Mỹ thuật | Thị xã Mỹ Hào |
| 13. | Tương Phố/Đỗ Thị Đàm (1896 - 1973) | Văn học | Khoái Châu (xã Liên Nghĩa) |
| 14. | Bùi Công Phụ (1642 - ?) | Văn học | Khoái Châu (xã Tân Dân) |
| 15. | Dương Thị Xuân Quý 1941 - 1969) | Văn học | Văn Giang (xã Mễ Sở) |
| 16. | Đào Văn Sớ (Thế kỷ X) | Âm nhạc | Đằng Châu, nay thuộc thành phố Hưng Yên |
| 17. | Trần Đình Thọ (1919 - 2011) | Mỹ thuật | Ân Thi (xã Phù Ủng) |
| 18. | Trần Huyền Trân (1913 - 1989) | Văn học | Kim Động (xã Nhân La) |
| 19. | Đào Vũ/ Đào Văn Đạt (1927 - 2006) | Văn học | Ân Thi (xã Quảng Lãng) |

3.2. Cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật

3.2.1- ĐÀO VĂN SÓ (Thế kỷ X)

- *Tên khác*: Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sống ở thế kỷ X; chưa xác định được năm sinh, năm mất.

- *Quê quán*: Ông sinh tại Đằng Châu (hay còn gọi là Châu Đằng - tên gọi vùng đất Hưng Yên thời Tiền Lê (980-1009). Nay nay thuộc thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên)⁴⁰.

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Đào Văn Sớ từ nhỏ đã biết múa hát. Ông có biệt tài ai múa hát như thế nào ông cũng có thể bắt chước y hệt. Hàng năm, xuân thu nhị kỳ, ông cùng các bạn diễn lại truyện của những người hào phú đã mất, được nhân dân tán thưởng. Dân gian thường gọi là diễn “trò nhại”, biểu diễn ở các sân đình, sân chùa - đây là một trong những hình thức sơ khai của sân khấu chèo.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, nghệ thuật chèo bắt nguồn từ trò nhại (trong diễn xướng dân gian) và múa hát dân gian, hình thành sơ khai từ cuối thế kỷ X (thời Đinh). Đến thế kỷ XV, vua Lê Thánh Tông không cho diễn trong cung đình, từ đây, chèo trở về với người hăm mộ ban đầu là nông dân. Kịch bản chèo là chuyện Nôm. Chính vì thế đến thế kỷ XVIII, chèo đã phát triển rộng khắp ở vùng nông thôn Việt Nam. Đỉnh cao là cuối thế kỷ XIX, chèo đã phát triển mạnh thường được diễn ở sân đình nôm chèo còn gọi là chèo sân đình. Những vở chèo nổi tiếng như: *Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, Kim Nham...* Thông qua những tích truyện, cốt truyện đó, chèo phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội, phê phán hủ tục các làng quê Việt Nam làm cho tính xã hội của chèo ngày một đậm nét.

Chèo sân đình đã hình thành và phát triển ở vùng đất Đằng Châu (Phố Hiến) suốt hơn 10 thế kỷ. Trải qua nhiều biến động thăng trầm, song hát chèo vẫn tồn tại và phát triển cho đến nay. Đây là vùng đất nghệ thuật chèo nảy sinh và ông tổ nghề Đào Văn Sớ người khai mở hệ chèo, tạo tiền đề cho loại hình nghệ thuật dân gian này phát triển.

Ông có nhiều học trò theo nghề hát chèo, được nhiều gánh hát chèo đời sau tôn là một trong hai “Nhị vị ông làng” (tức hai vị tổ chèo: Đào Văn Sớ ở Hưng Yên và Đặng Hồng Lân ở Thái Bình).

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh)*:

⁴⁰Theo sách *Hý phường phá lục* của Lương Thế Vinh

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- *Đất Chèo - Hưng Yên*, <http://doingoaihungyen.vn/2897n/dat-cheo--hung-yen.html>.

- Hà Văn Cầu, *Lịch sử nghệ thuật chèo*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2012.

- Trần Đình Ngôn, *Con đường phát triển của chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2014.

- Trần Đình Ngôn, *Chiếng Chèo Đông*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2010.

- Tuấn Giang, *Nguồn gốc ca nhạc tuồng chèo cải lương*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2010.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đào Văn Sớ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.2- SÁI ẤT (Thế kỷ XI)

- *Tên khác*: Sái Ất còn có tên là Phan Ất, Vi Ất, Sai Ất

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Chưa xác định được năm sinh, năm mất. Theo tài liệu ghi chép cho biết ông sống vào triều Lý Nhân Tông (1072-1127).

- *Quê quán*: Người huyện Tế Giang (nay là huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Trong sách *Hý phường phả lục* cho biết, Từ Đạo Hạnh và Sái Ất là tổ sư của ngành chèo: “Sái Ất người Tế Giang thông minh mẫn tuệ, có tài ứng khẩu khôi hài. Nhà chèo, có hiếu, làm nghề bán vui độ nhật nuôi mẹ già, được nhân dân sủng ái, thường cấp tiền gạo cho. Khi tuổi già, có hơn trăm học trò theo học và thờ làm tiên sư...”. Theo cuốn *Lĩnh Nam chích quái*, “Từ Đạo Hạnh lúc trẻ bè bạn với nho giả Mãi Sinh, đạo sỹ Lê Toàn Nghĩa và con hát Phan Ất (tức Sái Ất), đêm thì mài miết đọc sách, ngày thì thổi sáo, đánh cầu, vui sự chơi bời”. Trong cuốn *Lịch sử nghệ thuật chèo* của Hà Văn Cầu, có ghi, “Điểm tên các hậu tổ được thờ ở các phường, gánh, chúng tôi thấy có bảy vị được thờ ở tất cả các phường. Đó là: Phạm Thị Trân, Đào Văn Sớ, Đặng Hồng Lân, Từ Đạo Hạnh, Đào Hoa, Sai Ất, Chính Vĩnh Càn... Một vài phường còn thờ thêm: Đông Phương Sóc, Lý Nguyên Cát, Tôn Chung, Tôn Nhạc, Thập Nhị Công Nghệ... Trong đó, Sái Ất là người Tế Giang (ngay là huyện Văn Giang) có tài ứng khẩu khôi hài, bạn đồng tuế của Từ Đạo Hạnh. Ông chuyên về làm trò vui, được rộng rãi dân hạt sủng ái, thường cấp tiền gạo cho. Có thể coi ông là ông tổ của mọi chú Hề chèo sau này.”

Trong cuốn *Về nghệ thuật chèo*, tác giả Trần Văn Ngữ cho biết: Những hình thái văn hoá nghệ thuật thành văn cũng như dân gian thời ấy khả dĩ xem là những yếu tố cấu thành chèo: Đã có nghệ nhân hát múa (Phạm Thị Chân), nghệ nhân làm trò nhại (Đào Văn Sớ) từ thời Đinh; đã tổ chức giáo phường và định tên gọi đào, kép, hề ghi vào văn bản nhà nước từ thời Lý với nhà sư Từ Đạo Hạnh, sáng tác giáo trống, Sái Át làm trò cười; thời Trần đã có những trí thức làm nghệ thuật nổi tiếng như (Tiến sĩ) Dư Nhuận Chi giỏi soạn bài hát, Thiên chương học sỹ Nguyễn Sỹ Cố giỏi nhạc, giỏi đàn, rất có tài khôi hài... Đã có số tiết mục hát múa, trò diễn thể hiện một tích truyện đơn giản (Trang Vương và 6 người con), một loại người ở mức khái quát nhất định (các vai trình nghề: Thầy Đồ, Thầy Đạo... cả những Thằng Ngô, con Bọm, Nhiều Lập, Nhiều Oanh...). Nói đến chèo thuyền bản là nói đến sự tích có 4 nhân vật do 3 người đóng vai. Nó đã có tích hản hoi, tuy còn ở dạng truyện huyền thoại nhưng mang ý nghĩa quan thiết đến đời sống con người.

Sái Át bạn với Từ Đạo Hạnh (?-1117) - vị quốc sư triều Lý, chứng tỏ ông là người am tường Nho - Phật - Lão. Phải là người tài giỏi, có học vấn uyên thâm, có tài ca hát nên học trò theo học mới đông. Sái Át được tôn là ông tổ nghề hát chèo.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ *Các tài liệu sách, báo ghi danh:*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- *Đất Chèo - Hưng Yên*, <http://doingoaihungyen.vn/2897n/dat-cheo--hung-yen.html>.

- Hà Văn Cầu, *Lịch sử nghệ thuật chèo*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2012.

- Trần Đình Ngôn, *Con đường phát triển của chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2014.

- Trần Đình Ngôn, *Chiếng Chèo Đông*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2010.

- Tuấn Giang, *Nguồn gốc ca nhạc tuồng chèo cải lương*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2010.

- Trần Việt Ngữ, *Về nghệ thuật chèo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015

- Trần Thế Pháp biên soạn; Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San dịch, *Lĩnh Nam chích quái*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2016.

- Nguyễn Thông dịch, *Việt sử thông giám cương mục khảo lược*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2009

- Phạm Minh Hoàng, Hoàng Thị Thanh Mai, *Văn Giang - Vùng phù sa văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2020

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Sái Ất vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.3- VƯƠNG SƯ BÁ (Thế kỷ XV)

- *Tên khác*: Tự là Trọng Khuông, hiệu Nham Khê

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sống vào khoảng nửa sau thế kỉ XV. Chưa xác định được năm sinh, năm mất.

- *Quê quán*: Ông người huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu (nay thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Lê Quý Đôn trong sách *Đại Việt thông sử* có ghi rằng: "Trong khoảng năm Diên Ninh (1454 - 1459) đời vua Lê Nhân Tông đến năm Quang Thuận (1460 - 1469) đời vua Lê Thánh Tông, Vương Sư Bá làm quan tới Tri phủ". Ghi chép này có phần phù hợp với những dòng viết của Phan Huy Chú trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí*.

Trong sách *Đại Việt sử kí toàn thư*, Ngô Sĩ Liên chép việc triều đình lấy ông làm Giáo thụ ở Quốc tử giám vào tháng 12 năm Nhâm Thìn (1472). Theo sách *Toàn Việt thi lục* (của Lê Quý Đôn) và *Hoàng Việt thi tuyển* (của Bùi Huy Bích), Vương Sư Bá "ham thích đạo Phật, tính tình dễ dãi, vui vẻ, vui giận ít khi hiện ra nét mặt".

Tác phẩm của Vương Sư Bá có *Nham Khê thi tập* (Tập thơ Nham Khê) gồm 8 quyển. Sách này đã thất truyền từ lâu, một số bài thơ hiện còn chép rải rác trong một số thi tuyển.

Thơ ông dồi dào cảm xúc, có tình điệu thâm trầm, kín đáo, phản ánh sinh hoạt hiện thực và hướng vào sự khám phá lẽ màu nhiệm của tạo vật, cõi u ẩn của lòng người. Có thể xem thơ của ông mở đầu cho phong cách thơ triết lí, một lối thơ phát triển ở các thế kỷ sau.

Một số bài thơ tiêu biểu của nhà thơ Vương Sư Bá:

Bài "Ngày xuân":

*Liễu ty đình viện ngọc âm âm,
Liêm mạc đê thủy thụ yển thâm.
Nhàn ý lan can cùng vật hoá,
Khước ư hình sắc kiến thiên tâm.*

Dịch nghĩa:

Tơ liễu rợp sân, bóng trưa im,

Rèm màn buông thấp, én ngủ kỹ.
Rồi dựa lan can, suy cùng lẽ sinh hóa của vật.
Ở hình sắc, thấy được lòng người.

Bài "Đêm thu":

*Tử lan thanh lộ thấp la duy,
Diêm lãnh ngân giang dạ lậu trì.
Tà nguyệt nhất ngân liêm bán quyển,
Lưu huỳnh số điểm độ phương trì.*

Dịch nghĩa:

Giọt sương cung tiên ướt màn là,
Ngọn đèn mờ tỏ canh đã muộn.
Một ngân trăng tà, mảnh nửa cuốn,
Vài điểm đom đóm bay qua ao.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Bùi Duy Tân, mục từ “Vương Sư Bá” trong *Từ điển Văn học*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004.

- Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978

- Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu chủ biên, *Từ điển văn học: Bộ mới*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004

- *Lịch triều hiến chương loại chí, tập 3*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Vương Sư Bá vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.4- PHAN MẠNH DANH (1866 - 1942)

- *Tên khác*: Tự là Mạnh Trung, hiệu Thế Vọng

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh năm 1866. Mất năm 1942

- *Quê quán*: Ông quê gốc là người làng Phù Ứng (nay thuộc xã Phù Ứng) huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Phan Mạnh Danh là nhà thơ, nhà giáo, dịch giả. Ông là con trưởng Thị độc Phan Trác Hoạt, cháu Hoàng giáp Phan Trứ - vị quan Tuần Phủ ở tỉnh Khánh Hòa.

Phan Mạnh Danh nổi tiếng thơ văn, giỏi võ nghệ, được các sĩ phu khen ngợi là bậc danh sĩ tài hoa trên đất Nguyệt Hồ. Năm 17 tuổi, Phan Mạnh Danh thi Hương, đỗ tam trường. Năm 23 tuổi, ông lấy vợ là con một gia đình Nho học trong làng rồi ra sống ở tỉnh lỵ Hưng Yên. Năm 1916, sau khi nghỉ hưu ông về Nam Định sống đến khi qua đời năm 1942.

Trong hoạt động nghệ thuật, Phan Mạnh Danh để lại một số tác phẩm như: *Mấy bức tiên hoa*, *Bút hoa thi thảo*, *Xuân mộng*, *Phù Giang thi tập*, *Phù Giang văn tập*, *Cổ thi trích dịch* và hai tác phẩm dịch *Đa tình hận*, *Tình sử*.

Năm 20 tuổi (1885), Phan Mạnh Danh cho đời tập thơ *Nôm*, song thất lục bát “*Mấy bức tiên hoa*”. Đây là tác phẩm được giới phê bình đánh giá là áng nghệ thuật của “*bậc cao Nôm*”.

Tháng ba năm Mậu Tuất (1898), Tuần phủ Hưng Yên là Phạm Văn Toán khởi xướng cuộc thi thơ “*Nguyệt hồ bát vịnh*” (Tám bài vịnh hồ Bán Nguyệt) đã thu hút nhiều danh sĩ tham gia. Kết quả, Phan Mạnh Danh đạt giải Nhất với tám bài thơ luật Đường tập cổ, hiện còn năm bài in trong tập “*Bút hoa thi thảo*”. Ông còn là tác giả của nhiều bức tranh thủy mặc được bạn bè yêu thích như “*Hải thảo*” (cỏ biển), *Mẫu đơn Giang Nam*...

Năm 1905, Tổng đốc Hưng Yên Lê Hoan mở cuộc thi thơ “*Đề Thanh Tâm Tài Nhân lục*” (vịnh Thanh Tâm tài nhân tập). Ban chấm thi gồm những danh sĩ nổi tiếng, trong đó có Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến, Giải nguyên Dương Lâm. Phan Mạnh Danh đã làm 1 bài tựa, 21 bài thơ chữ Hán, 21 bài thơ Nôm. Tuy không giành giải nhưng bài thi của ông rất được khen ngợi.

Năm 1908, Phan Mạnh Danh về làm giáo viên Trường Đệ nhất cấp của tỉnh Hưng Yên, từ đây ông chuyên tâm với nghề giáo và viết sách.

Năm 1909-1910, ông soạn “*Việt Nam danh nhân diễn ca*” (diễn ca danh nhân Việt Nam), “*Vật lý học*” bằng chữ Nôm, “*Vạn vật học*”, “*Ngũ đại châu địa dư*” bằng chữ Hán...

Năm 1916, sau khi nghỉ hưu, ông về Nam Định sống cùng con trai trưởng Phan Thế Roanh, bắt đầu nghiên cứu sách thuốc, trị bệnh cứu người, sau vài năm đã trở thành một lương y có tiếng.

Năm 1917, ông sáng tác vở “*Tuồng Hoa tiên*”, câu văn điệu hát đều rất công phu và tỏ rõ tài năng của một thi gia sành về âm nhạc.

Ông cũng là một trong những người tiên phong trên phương diện dịch thuật.

Năm 1919, ông dịch “Đa tình hận” (mối hận của người đa tình) của Từ Châm Á.

Năm 1920, ông dịch “Tình Sử” (Trang tình sử) của Long Tử Do.

Năm 1935-1940, ông tuyển dịch thơ văn cổ Trung Hoa tập hợp thành “Cổ thi trích dịch”.

Năm 1941, ông cùng con, cháu khởi thảo sưu tầm, dịch, biên soạn cuốn “Điền cổ” nhưng đành bỏ dở vì trở bệnh.

Năm 1942, Phan Mạnh Danh mất tại Nam Định, hưởng thọ 76 tuổi.

Suốt cuộc đời cầm bút, Phan Mạnh Danh viết nhiều, văn phẩm của ông đủ các thể loại, song hầu hết chỉ lặng lẽ lưu truyền trong trường học, trong văn giới chứ chưa xuất bản. Nhà thơ chỉ được chứng kiến tác phẩm duy nhất ra mắt công chúng là cuốn “Bút hoa”. Sau ngày ông mất, con trai cả là Giáo sư Phan Thế Roanh đã sưu tập, biên soạn, xuất bản tập thơ “Bút hoa thi thảo” gồm 60 bài liên cú. Tập thơ ra đời vào lúc thơ mới chiếm ưu thế nhưng vẫn được nhiều người đón đọc.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Phan Mạnh Danh, *Cổ thi trích dịch*, Nxb Thanh Hoa thư xã, Hà Nội, 1953.

- Phan Mạnh Danh, *Thi văn tập trích lục*, Nxb Nguyễn Trung Khác, Nam Định, 1942.

- Phan Mạnh Danh, *Bút hoa thi thảo*, Nxb Nam Định, 1942.

- Phan Mạnh Danh, *Bút hoa thơ tập cổ*, Nxb Trí đức thư xã, Hà Nội, 1953

- Phan Thế Roanh (sao lục), *Phan Mạnh Danh thi văn tập (Lời chú giải của thi sĩ Tôn Thất Lương)*, Nxb Thanh Hoa thư xã, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Phan Mạnh Danh vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.5- ĐOÀN NHƯ KHUÊ (1883-1957)

- *Tên khác*: Tụ Quý Huyền, hiệu Hải Nam
- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh năm 1883. Mất: 1957
- *Quê quán*: Tại làng Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.
- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Đoàn Như Khuê là nhà báo, nhà thơ Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

Thuở nhỏ ông theo học chữ Hán, thi Hương đỗ nhị trường. Sau ông bỏ học chữ Hán, tự học quốc ngữ, ra Hà Nội viết sách, dịch sách và viết bài cho tờ *Nam Phong tạp chí*, *Đông Dương tạp chí*...

Thơ Đoàn Như Khuê u trầm, tĩnh lặng diễn tả được tâm thức u hoài của một kiếp nhân sinh vốn mang nhiều hệ lụy. Các tác phẩm chính của ông: *Một tấm lòng* (thơ, Hà Nội 1917), *Cảo thơm* (thơ, Hà Nội 1924), *Luận ngữ cách ngôn* (sách Luận ngữ trích dịch ra văn vần dùng làm sách giáo khoa, Hà Nội 1927), *Minh đạo gia huấn* (dịch ra văn vần dùng làm sách giáo khoa), *Giương đại gia đình* (kí tên Nam Thăng Dã, tiểu thuyết lịch sử cận đại, làm thể văn vần lục bát, cùng soạn với Dã Nhân Đào Văn Bình và Trần Nhật Thăng, 1953)...

Bài thơ *Giời thu nhớ nhà* (trong tập thơ *Một tấm lòng*) đã diễn tả:

*Đỉnh núi bơ vơ đàn nhạn lạc,
Trường đông lớp đớp hạt mưa mau.
Năm canh một ngọn đèn xanh ngắt,
Thêm giọt mình cho trận gió lau.*

Câu thơ trong bài *Chơi Việt Trì nhớ bạn cũ* (trong tập thơ *Một tấm lòng*) phản ánh:

*Nước chảy, chảy theo đôi giọt lệ,
Nhà xa, xa cách mấy ngàn dâu.
Sông Thương sực nhớ đêm mưa gió.
Kẻ ngược người xuôi một chuyến tàu.*

Cái giọng nã nùng trên này đôi khi lại đổi giọng chán nản cõi đời và muốn thoát khỏi phạm tục:

*...Trần gian mơ tưởng cảnh Bồng Tiên,
Phỏng cũng như đây nước một miền.
Thuyền nếu cứ đi, người chẳng lại,
Đời sau thêm một chuyện Đào Nguyên.*

(*Thuyền chơi Tây Hồ*)

Một tấm lòng, tập thơ đầu và cũng là tập thơ cuối cùng của ông vì trong khoảng 24 năm ông không xuất bản thêm tập thơ nào nữa. Trong tập thơ có đủ

các lối thơ văn, như: lối phong dao, lối cổ văn, lối cổ phong bảy chữ, lối tứ lục, lối thơ bảy chữ, lối thơ bốn câu, lối hát ả đào, lối hát xẩm... cứ mỗi lối chiếm một mục trong tập thơ. Tập thơ là một quyển có đầy những bài thù ứng, tác giả hết “ghi chép đám cưới to” (đám cưới một cậu tú lệnh lang là một nhà cự phú), lại “thay lời bạn khóc vợ”, “thay lời bạn làm văn tế bố vợ”, rồi hết “mừng bạn mới cưới vợ”, rồi hết “mừng bạn mới cưới vợ đồ tú tài”, lại mừng một ông hưu quan”, “mừng bà tiết phụ”, “mừng một vị đại thần”...

Cảo thơm của Đoàn Như Khuê cũng là những áng văn thơ của tiền nhân mà hương thơm còn lưu truyền hậu thế. Tập thơ này là một tập hợp thi văn hợp tuyển, trích lục từ thơ của vua Lê Thánh Tông đến thơ của Trần Tế Xương, cả những bài phú, bài ca, văn tế, câu đối của những nhà thơ có tiếng như Nguyễn Khuyến, Dương Khuê.

Sau năm 1945, ông tham gia ban Cổ học Hội Văn hoá kháng chiến Liên khu 3. Khi Hiệp định Genève 1954 được ký kết, hoà bình được tái lập, ông về định cư ở Hà Nội và vẫn sống bằng nghề dịch thuật và văn triết cổ Trung Quốc cho đến khi mất.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, quyển 3, Nxb Quốc học tùng thư, 1965.

- Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989.

- Vũ Tiến Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- *Từ điển bách khoa Việt Nam (bộ 4 tập)* (2007), Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu*, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đoàn Như Khuê vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.6- TƯƠNG PHỐ (1896 - 1973)

- *Tên khác*: Bà tên thật là Đỗ Thị Đàm

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Năm 1896. Mất: Ngày 08/11/1973

- *Quê quán*: Bà sinh tại đồn Đầm, tỉnh Bắc Giang; nguyên quán xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Vừa lớn lên, bà ra Hà Nội học ở Trường nữ Hộ sinh, sau bỏ dở để theo học Trường nữ Sư phạm Hà Nội.

Năm 1915, khi đang là sinh viên, bà kết hôn với ông Thái Văn Du, sinh viên trường y. Một năm sau, bà sinh con trai là Thái Văn Châu, chồng bà khi ấy đã là Y sĩ Đông Dương đi du học tại Pháp ba năm, sau đó ông bị bệnh phổi, trở về Huế vào khoảng cuối năm 1919, mất vào mùa thu năm 1920. Trong nỗi buồn đơn lẻ, nhớ thương chồng, người góa phụ trẻ đã viết lên thiên tình sử nức tiếng mang tên *Giọt lệ thu*, tác phẩm được đăng báo năm 1928. Nội dung tác phẩm là câu chuyện tình duyên ngắn ngủi đầy nước mắt được viết bằng văn xuôi, xen lẫn những đoạn thơ lục bát và song thất lục bát đã làm xao động tâm hồn bao người.

Đầu năm 1930, nữ thi sĩ Pháp Jeanne Duclos-Salesses đã dịch *Giọt lệ thu* sang tiếng Pháp đăng trên báo Le Moniteur d'Indochina. Nhà danh cầm người Pháp De Gironcourt đọc được bài thơ này đã viết bản nhạc *Khúc ca trên mộ*. Năm 1940, khi sang Việt Nam, ông đã tìm đến Phúc Yên (Vĩnh Phúc) để thăm bà Trương Phổ và tặng bà bản nhạc này.

Sau *Giọt lệ thu*, bà viết tiếp hai tác phẩm thơ *Tái tiểu sầu ngâm* (1930), *Khúc thu hận* (1931) và một số bài văn bà viết trong những năm 1928 - 1930 được tập hợp trong tác phẩm *Mưa gió sông Thương* (1960), *Trúc Mai...* Dường như, cả sự nghiệp của bà chỉ xoay quanh nỗi niềm thương nhớ người chồng xấu số, cũng là để khóc thương chính thân phận mình. Đặc biệt, tuy chỉ viết về nỗi lòng riêng nhưng thơ Trương Phổ cũng có nhiều thành công, nhất là những bài lục bát và song thất lục bát. Khi viết tập sách *Nét bút giai nhân*, nhà thơ Quách Tấn đã xếp nữ sĩ Trương Phổ ngồi chung chiếu thơ với Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan, Ngọc Hân công chúa... Ông cho rằng trong hai tác phẩm *Giọt lệ thu* và *Mưa gió sông Thương* có nhiều câu tuyệt tác có thể đặt cạnh hai tác phẩm *Chinh phụ ngâm*, *Ai tư văn* mà không thấy thẹn.

Có thể nói, văn, thơ Trương Phổ là tiếng nói lãng mạn, yếu ớt của một bộ phận trí thức tiểu tư sản trong thời kỳ chưa nhận rõ đường đi cho cuộc đời mình. Thơ của bà cũng góp phần vào cuộc đấu tranh nữ quyền, là tiếng nói đòi được hạnh phúc, ca ngợi tình yêu son sắt, thủy chung...

Năm 1925, nữ sĩ Trương Phó tái giá với Tuần phủ Phạm Khắc Khánh ở Phúc Yên (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc).

Sau năm 1945, nữ sĩ Trương Phó vào định cư ở Nha Trang, sống một mình trong ngôi nhà nhỏ trên đường Trịnh Phong, lấy thơ văn làm bầu bạn. Năm 1969, khi tuổi đã cao, bà rời Nha Trang lên sống ở Đà Lạt rồi mất vào ngày 08/11/1973, thọ 77 tuổi. Bà được an táng tại một đồi thông bên đường Mimosa, thuộc dãy Langbiang, thành phố Đà Lạt. - *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

-- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- *Hợp tuyển văn học hiện đại Hưng Yên*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2008.

- Trần Đình Hựu, *Tản Đà - Nguyễn Nhược Pháp - Trương Phó: Tuyển chọn và trích dẫn những bài phê bình - bình luận văn học của các nhà văn và các nhà nghiên cứu Việt Nam*, Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1997.

- *Từ điển Văn học (bộ mới)*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004.

- Trương Phó, *Giọt lệ thu: Tập thơ*, Ngày mai, 1952.

- Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại (trọn bộ)*, Nxb Sống Mới, Sài Gòn, 1959.

- Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1997

- Vũ Tiên Kỳ chủ biên, Dương Thị Cẩm, *Từ điển văn hóa Hưng Yên*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2018

+ *Các công trình ghi danh:*

Hiện nay, ở thành phố cao nguyên Đà Lạt có một đường phố mang tên nữ sĩ Trương Phó.

- *Nhận xét, đánh giá: (Đánh giá của Ban chủ nhiệm từ kết quả nghiên cứu về danh nhân):*

Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trương Phó vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.7- ĐOÀN VĂN MINH (1908-1973)

- *Tên khác:* Không có

- Ngày, tháng, năm sinh: Ông sinh ngày 8/01/1908. Mất: Năm 1973.

- Quê quán: tại Hưng Yên.

- Cuộc đời, sự nghiệp:

Đoàn Văn Minh là kiến trúc sư, có nhiều đóng góp trong lĩnh vực kiến trúc của Việt Nam. Năm 26 tuổi tốt nghiệp kiến trúc sư ở Khoa Kiến trúc-Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (khóa 1930-1935). Ông bắt đầu làm việc ở Sở Hoá xa, rồi Nha Công chính Đông Dương.

Tháng 4 năm 1948, ông dự Hội nghị thành lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam - tiền thân của Hội Kiến trúc sư Việt Nam ngày nay) tại Thản Sơn (Việt Bắc). Sau Hội nghị ông được giao nhiệm vụ về công tác tại Phòng Kiến trúc Liên khu IV. Ông cùng với kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Chân nghiên cứu thiết kế làng Cú Đông (Thanh Hoá), quy hoạch thị xã Thanh Hoá và thị xã Hoà Bình. Những công trình thiết kế trong giai đoạn này tuy quy mô nhỏ, vật liệu tạm thời bằng tre, gỗ song đã góp phần xây dựng vùng tự do ngày càng vững mạnh.

Năm 1950, Đoàn Văn Minh nhận nhiệm vụ mới ở Vụ Kiến trúc thuộc Bộ Giao thông – Công chính.

Năm 1951, ông là chuyên viên Ban nghiên cứu Kế hoạch và Kỹ thuật, Bộ Giao thông – Công chính.

Những năm 1953, 1954, ông tham gia làm cầu đường phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ. sau đó ông phụ trách Phòng thiết kế Kiến trúc ở Tổng cục Đường sắt, thiết kế nhiều nhà ga trên miền Bắc nước ta.

Giữa thập niên 50, ông chuyển sang phụ trách Tổ thiết kế 3, Cục thiết kế Dân dụng, Bộ Thủy lợi – Kiến trúc (sau đổi tên là Viện thiết kế Kiến trúc, Bộ Kiến trúc). Ngót 10 năm làm công tác sáng tác ở một cơ quan thiết kế kiến trúc lớn, kiến trúc sư Đoàn Văn Minh đã để lại một di sản đồ sộ, như công trình Trụ sở Tổng cục Thống kê, trụ sở Trường Đại học Thủy Lợi, trụ sở Tổng cục Lâm nghiệp. Tuy những công trình trên còn những khiếm khuyết, nhất là về công năng, song cốt lõi có ý nghĩa lớn nhất vẫn là thành công và cũng là kinh nghiệm, là tiền đề để phát triển nền nghệ thuật kiến trúc hôm nay.

Từ năm 1965 đến năm 1968, Đoàn Văn Minh rời cơ quan thiết kế để chuyển hẳn về Lớp đào tạo kiến trúc sư tham gia công tác giảng dạy. Ông là Tổ trưởng Bộ môn Kiến trúc Dân dụng.

Ngày 17 tháng 9 năm 1969, Lớp đào tạo Kiến trúc sư nâng cấp thành Trường đại học Kiến trúc Hà Nội, Đoàn Văn Minh đảm nhận trọng trách Chủ nhiệm khoa Kiến trúc. Dù tuổi cao, sức khỏe cũng yếu đi, nhưng ông vẫn tận tụy, gương mẫu, hết lòng vì sự nghiệp đào tạo thế hệ kiến trúc sư tương lai.

Ông đã thắp sáng lên ngọn lửa niềm tin và trí tuệ trong thế hệ sinh viên kiến trúc thời chống Mỹ ở Miền Bắc nước ta.

Năm 1972 ông về nghỉ hưu. Một năm sau đó thì ông qua đời tại Hà Nội, hưởng thọ 65 tuổi.

Đoàn Văn Minh không chỉ là một kiến trúc sư tài năng, mà ông còn là một nhà sư phạm kiệt xuất, người thầy giáo tận tụy, gương mẫu, đầy tinh thần trách nhiệm, một nhân cách lớn cho các thế hệ kiến trúc sư noi theo.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Năm 2001, Kiến trúc sư Đoàn Văn Minh vinh dự được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật, đợt I cho cụm tác phẩm mà ông thiết kế: Trường Đại học Thủy Lợi và trụ sở Tổng cục Thống kê ở Hà Nội.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Đặng Thái Hoàng, *Các bài nghiên cứu lý luận phê bình dịch thuật kiến trúc*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2002.

- Đoàn Đức Thành, *Guong mặt Kiến trúc sư Việt Nam - Kiến trúc sư Đoàn Văn Minh*, <https://kienviet.net/2021/08/19/guong-mat-kts-viet-nam-kts-doan-van-minh/>.

- Đoàn Đức Thành, *Những tác phẩm tiêu biểu của kiến trúc sư Trường Mỹ thuật Đông Dương*, Tạp chí Kiến Trúc, số 146, 6-2007.

- Lê Minh Sơn, *Vai trò của thế hệ kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên trong việc tạo lập nền tảng lý thuyết kiến trúc Quốc gia*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, 8/2020.

- Ngô Huy Quỳnh, *Lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.

- Ngô Huy Quỳnh, *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2020.

Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đoàn Văn Minh vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.8- QUÁCH THỊ HỒ (1909 - 2001)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Bà sinh ngày 11/6/1909. Mất ngày 04/01/2001.

- *Quê quán:* Tại làng Ngọc Bộ, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Quách Thị Hồ là nghệ nhân hát ca trù, được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. Mẹ bà là một ca nương có tiếng, từng đạt giải Á nguyên trong cuộc thi hát ca trù tổ chức tại Hà Nội vào những năm đầu thế kỷ XX. Từ khi 6 tuổi bà đã theo mẹ và các dì đi hát. 8 tuổi bà đã nổi tiếng hát hay trong giáo phường, 10 tuổi được giáo phường giao cho hát chính, 12 tuổi đi hát các nơi hội hè, đình đám, 15 tuổi đã nổi tiếng hát hay ở kinh thành Thăng Long. Giọng ca của bà được đánh giá có một không hai, đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật hát ca trù.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Quách Thị Hồ hát ca trù ở Vĩnh Yên, Phú Thọ, Thái Nguyên, góp phần động viên quân dân địa phương tích cực sản xuất, chiến đấu.

Năm 1954, bà trở về Hà Nội tham gia văn nghệ quần chúng ở các khu phố và cộng tác với Đài Tiếng nói Việt Nam và Hà Nội, đảm nhiệm các tiết mục ngâm thơ và ca trù. Sau đó, nghệ thuật ca trù bị coi là tàn dư của chế độ phong kiến cũ nên những đào kép đều từ bỏ nghề.

Năm 1976, Giáo sư Trần Văn Khê từ Pháp trở về Hà Nội và tìm gặp lại các nghệ nhân ca trù. Ông đã ghi âm tiếng hát của bà, đem đi giới thiệu với Liên hoan âm nhạc thế giới tổ chức tại Iran. Bài ca trù *Xuân rông chấp cánh* do bà thể hiện đã đoạt giải Nhất cuộc thi.

Năm 1978, trong Liên hoan âm nhạc truyền thống quốc tế tổ chức tại Mông Cổ, Hội đồng Âm nhạc Quốc tế của UNESCO, Viện nghiên cứu Quốc tế về âm nhạc đã trao tặng Bằng danh dự "Gìn giữ một di sản nghệ thuật truyền thống quý báu của Việt Nam, một vốn quý của nhân loại" cho nghệ nhân Quách Thị Hồ.

Năm 1983, băng ghi âm tiếng hát của bà được xếp hạng Nhất tại Liên hoan Quốc tế âm nhạc truyền thống tổ chức tại Bình Nhưỡng (Triều Tiên). Năm 1984, bà tham gia bộ phim tư liệu *Nghệ thuật ca trù* của đạo diễn Ngô Đăng Tuất và hội ngộ cùng các nghệ nhân khác như: Nguyễn Thị Phúc, Nguyễn Thị Hào, Chu Văn Du... Bà trở thành nghệ nhân ca trù tiêu biểu của Việt Nam. Giọng hát của bà được Giáo sư Trần Văn Khê đánh giá là chất giọng "tuyệt diệu vô song".

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Năm 1988, bà được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. Năm 1999, bà được Nhà nước đề cử vào danh sách những phụ nữ huyền thoại thế giới, bởi bà đã góp phần gìn giữ một di sản nghệ thuật truyền thống độc đáo của Việt Nam, một vốn quý cho nhân loại.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Vũ Khang (2007), “*Nghệ sĩ nhân dân Quách Thị Hồ*”, Báo Hưng Yên, Số Xuân, tr.12, 15.

- Lê Hồng Bảo Anh (2019), “*Nghệ sĩ nhân dân Quách Thị Hồ (1909 - 2001)*”, Tạp chí Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hưng Yên, Số 73, Tr. 40

- Nguyễn Xuân Diện, *Quách Thị Hồ: Sênh phách giọng sâu gửi bóng mây*, Tạp chí Sân khấu, số 3/2005. - tr.34-35.

- Nguyễn Đức Thắng, *Ca trù đất Hà Thành*, Nxb Văn hoá dân tộc, 2021.

- Lê Thị Bạch Vân, *Đào nương và nghệ thuật hát trong ca trù*, Nxb Hà Nội, 2019.

- Nguyễn Xuân Diện, *Lịch sử và nghệ thuật ca trù*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2012.

- *Tiểu sử nghệ sĩ nhân dân ca trù Quách Thị Hồ*, Hội ca trù Thăng Long.

- Mai Hồng, *NSND Quách Thị Hồ - người hát ca trù bậc nhất của thế kỷ XX*, <https://baochinhphu.vn/nsnd-quach-thi-ho-nguoi-hat-ca-tru-bac-nhat-cua-the-ky-xx-10258124.htm>

- Lâm Từ, *Hưng Yên địa linh nhân kiệt*, Nxb Văn hóa thông tin, 2013

- Lý Khắc Cung, *Kinh thành em có nhớ*, Nxb Thanh niên, 2004

- *Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu*, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Quách Thị Hồ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.9- TẠ MỸ DUẬT (1910 - 1989)

- *Tên khác*: Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh ngày 07/12/1910. Mất ngày 18/01/1989

- *Quê quán*: Tại xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Tạ Mỹ Duật là kiến trúc sư, có nhiều đóng góp trong lĩnh vực kiến trúc của Việt Nam.

Năm 1937, ông tốt nghiệp Trường Mỹ thuật Đông Dương khóa VIII (1932 - 1937), sau đó ông mở Văn phòng Kiến trúc ở phố Nguyễn Du (Hà Nội). Tạ Mỹ Duật thuộc thế hệ kiến trúc sư đầu tiên ở nước ta. Ngay từ những năm 1937 - 1945, nhiều biệt thự kiểu châu Âu hay kiểu Á Đông do Tạ Mỹ Duật tìm tòi, thiết kế đã được xây dựng ở nhiều nơi như Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Thanh Hóa, Vinh,... Đặc biệt, một số công trình đã xây dựng ở Hà Nội vào năm 1938, được nhiều người ưa thích, đánh giá cao như biệt thự số 67 phố

Nguyễn Du và 28 Hàng Chuối (mang phong cách hiện đại); biệt thự số 25 đường Hùng Vương (cộng tác với Kiến trúc sư Pháp Cerutti); biệt thự 27 phố Nguyễn Đình Chiểu (kiểu phong cách Kiến trúc Đông Dương); biệt thự số 28 Hàng Chuối (xây dựng năm 1940) và tòa nhà Bưu điện Bờ Hồ. Thời gian này, ông tham gia các kỳ thi sáng tác kiến trúc và đoạt nhiều giải thưởng, phương án của ông đã đoạt Giải Nhất, Giải Nhì trong nhiều cuộc thi toàn quốc và Đông Dương: Giải Nhất cuộc thi Trung tâm Thể dục Thể thao Cần Thơ và Trung tâm Thông tin và Báo chí Huế; giải Nhì phương án chùa Quán Sứ và phương án thiết kế công trình Đông Dương học xá...

Tạ Mỹ Duật tham gia cách mạng từ những ngày đầu diễn ra cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, ông rời Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, làm Chủ tịch Ủy ban Công chính Nha Công chính Bắc Bộ; Ủy viên Tài chính Tổng hội viên chức cứu quốc. Trong thời gian ở Việt Bắc, ông thiết kế và thi công khu Giao tế Trung ương.

Từ ngày từ 24 đến 27/4/1948, tại Thản Sơn (Việt Bắc) diễn ra Hội nghị thành lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam. Ông là một trong 8 kiến trúc sư sáng lập và dự Hội nghị thành lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam (tiên thân của Hội Kiến trúc sư Việt Nam ngày nay). Hội nghị này đã bầu ông làm Ủy viên Ban Chấp hành khóa I. Sau đó, tại Hội nghị thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành khóa I. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng. Năm 1950 - 1951, ông làm Chuyên viên Vụ Kiến trúc, Ban Nghiên cứu kế hoạch và kỹ thuật - Bộ Giao thông công chính. Từ năm 1962 - 1975, ông làm Cục phó Cục Xây dựng Hà Nội, Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội khóa III; Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa II, IV, V, VI.

Sau khi nghỉ hưu, với lòng yêu nghề, Tạ Mỹ Duật vẫn tham gia thiết kế, xây dựng quy hoạch, vẽ mỹ thuật, nghiên cứu lý luận phê bình kiến trúc... Ông dành nhiều thời gian thiết kế các mẫu nhà ở, công trình công cộng ở nông thôn. Năm 1979, tại nhà số 4 Tràng Thi (Hà Nội), ông mở cuộc triển lãm *Mẫu nhà ở ít tầng* dành cho nông thôn đồng bằng, trung du và miền núi phía bắc. Cuộc triển lãm là thành quả nghiên cứu của ông thời kỳ đi kháng chiến trong chiến khu Việt Bắc, điều đó chứng tỏ ông vẫn luôn quan tâm, trăn trở đến cuộc sống của tầng lớp nhân dân nghèo từ nông thôn đến thành thị. Tháng 8/1985, tại số nhà 25, phố Đinh Tiên Hoàng (Hà Nội), ông mở triển lãm *Kiến trúc và hội họa* được giới kiến trúc, mỹ thuật đánh giá cao. Ngoài ra, ông còn có bộ sưu tập 80 bài báo về kiến trúc và quy hoạch đô thị viết từ năm 1948 đến năm 1984.

Sự nghiệp của Tạ Mỹ Duật khá toàn diện, không chỉ thành công ở lĩnh vực thiết kế kiến trúc, phê bình lý luận... ông còn để lại 40 bức tranh sơn dầu

khô lớn về phong cảnh Việt Nam và các nước nơi ông từng đến. Tranh của ông được trưng bày, lưu giữ tại Hà Lan, Thụy Điển, Pháp, một số nước Châu Phi ...

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Những đóng góp của ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

+ Hiện nay, tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng có con đường mang tên ông.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Đặng Thái Hoàng, *Các bài nghiên cứu lý luận phê bình dịch thuật kiến trúc*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2002.

- Đoàn Đức Thành, *Guong mặt Kiến trúc sư Việt Nam - Kiến trúc sư Đoàn Văn Minh*, <https://kienviet.net/2021/08/19/guong-mat-kts-viet-nam-kts-doan-van-minh/>.

- Đoàn Đức Thành, *Những tác phẩm tiêu biểu của kiến trúc sư Trường Mỹ thuật Đông Dương*, Tạp chí Kiến Trúc, số 146, 6-2007.

- Đoàn Đức Thành, *100 năm ngày sinh KTS Tạ Mỹ Duật (1910-2010)*, <https://www.tapchikientruc.com.vn/tin-tuc/tin-hoi-kts-viet-nam/100-nam-ngay-sinh-kts-ta-my-duat-1910-2010.html>

- Lê Minh Sơn, *Vai trò của thế hệ kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên trong việc tạo lập nền tảng lý thuyết kiến trúc Quốc gia*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, 8/2020.

- Ngô Huy Quỳnh, *Lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.

- Ngô Huy Quỳnh, *Tim hiểu lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2020.

- Nguyễn Cao Luyện, *Bàn về vấn đề dân tộc và hiện đại trong kiến trúc Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 1994.

- Phạm Xuân Nguyên, *Người trăm năm của đất nghìn năm*, <https://thethaovanhoa.vn/nguoi-tram-nam-cua-dat-nghin-nam-20101207093204202.htm>

- Tạ Mỹ Duật, *Dấu ấn thời gian*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2010.

- Vũ Tiến Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- Nguyễn Quang Thắng, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học và xã hội, Hà Nội, 1992

Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Tạ Mỹ Duật vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.10- HỌC PHI (1913 - 2014)

- *Tên khác:* Ông tên thật là Chu Văn Tập

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh ngày 18/02/1913. Mất ngày 6/5/2014

- *Quê quán:* Tại làng Tam Nông, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Học Phi là nhà văn, nhà viết kịch Việt Nam. Được thừa hưởng truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình, nên mới 13 tuổi, ông đã tham gia phong trào yêu nước của Việt Nam Quốc dân Đảng, sau đó chuyển sang Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đầu năm 1934, ông bị địch bắt và giam ở nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội. Trong nhà tù ông được các tù chính trị tổ chức học tập chính trị và văn hóa.

Năm 1936, ông được thả và được bố trí tham gia tại một số tờ báo cách mạng hoạt động công khai để chỉ đạo, hướng dẫn dư luận, động viên quần chúng đoàn kết chống giặc ngoại xâm.

Năm 1939, mặt trận bình dân ở Pháp tan rã, chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ trên toàn cầu. Tại Việt Nam, nhiều tổ chức, nhiều chiến sĩ cách mạng bị bắt giam vào các trại tập trung. Ông bị giặc quản thúc và bị đưa về “An trí” tại Hưng Yên. Tại đây, ông được tham gia vào Ban Cán sự tỉnh Đảng bộ và chỉ đạo cơ quan truyền thông của tỉnh ra báo “Bãi Sậy” một tháng 2 kỳ. Trong thời gian này, Trung ương lại điều động và giao trách nhiệm cho ông cùng đồng chí Vũ Quốc Uy đứng ra thành lập Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam.

Cách mạng tháng Tám thành công, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban lâm thời cách mạng tỉnh Hưng Yên. Sau đó, ông được điều động lên Hà Nội làm Đồng lý văn phòng Bộ Thông tin Tuyên truyền do Trần Huy Liệu làm Bộ trưởng. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông được điều động về phụ trách Hội Văn hóa Khu I2 (sau là Liên khu 3).

Năm 1949, ông được điều lên công tác ở Ban Tuyên huấn Trung ương. Năm 1952, khi thành lập Đoàn văn công nhân dân Trung ương ở Chiến khu Việt Bắc, ông được bổ nhiệm là chính trị viên của Đoàn. Sau khi hòa bình lập lại, Đoàn văn công chia thành các bộ môn như: tuồng, chèo, kịch nói, cải

lượng... Ông được phụ trách đội Kịch và được bổ nhiệm làm Giám đốc Nhà hát Kịch Việt Nam.

Năm 1957, tại Đại hội Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam lần thứ nhất, ông được bầu là Tổng thư ký Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam cho đến lúc nghỉ hưu.

Về sự nghiệp sáng tác Văn học nghệ thuật: Ông bắt đầu viết văn từ năm 1936, sau khi ở nhà tù đế quốc ra với tác phẩm đầu tay là cuốn tiểu thuyết *Hai làn sóng ngược* (sau đổi tên là *Xung đột*) được đăng trên các báo *Tiếng trẻ* (1936), *Tiểu thuyết thứ Năm* (1937), *Đông Dương tạp chí* (1938). Ngoài ra có hai tập truyện dài đã in thành sách: *Dòng đời* (1941), *Yêu và thù* (1942). Truyện ngắn của ông còn đăng rải rác trên các tờ *Đông Dương tạp chí*, *Trung Bắc chủ nhật*, *Tương lai*.

Năm 1943, ông bắt đầu chuyển sang viết kịch. vở kịch đầu tay là *Đào Nương* viết về người ca nữ Đào Thị Huệ. Kịch bản ra đời đã nhanh chóng được các nữ sinh chép lời, phân vai, tập luyện. Nhưng sau đó, đã bị tên đốc học người Pháp khám xét, tịch thu kịch bản đem đi đốt và đuổi học các nữ sinh.

Đầu năm 1945, ông viết vở *Cà sa giết giặc* để tuyên truyền tinh thần yêu nước cho các nhà sư. Nhưng mới được một màn thì phải bỏ dở để lao vào công cuộc tổng khởi nghĩa toàn quốc. Mùa hè năm 1946, khi trở lại làm công tác Phật giáo, ông lại tranh thủ viết thêm để hoàn tất kịch bản. Nhân ngày Quốc khánh 2/9, vở diễn ra mắt khán giả tại sân khấu Nhà hát Lớn Hà Nội. Tiếp sau đó, ông đã sáng tác hàng loạt các vở kịch hay và có ý nghĩa như: *Bát khuát*, *Đêm trừ tịch*, *Một trận công đồn*, *Chiếc gùi đạn*, *Cô hàng rau...*

Trong những tác phẩm của Học Phi, hai vở *Chị Hòa* và *Một đảng viên* là thành công hơn cả. Vở kịch dài *Chị Hòa* (1955) được viết trong những ngày cao trào của công cuộc cải cách ruộng đất. Tác phẩm đã làm rõ ý nghĩa nhân đạo của sự nghiệp phản phong, đồng thời khẳng định một nguyện vọng lịch sử: đến với cách mạng người nông dân có thể đổi đời, phá bỏ được xiềng gông phong kiến và trở thành con người tự do. *Một đảng viên* (1960) là vở kịch dài viết công phu. Với vở này, lần đầu tiên trên sân khấu kịch nói Việt Nam, hình tượng người chiến sĩ cộng sản giữ vai trò nhân vật trung tâm.

Tuy viết khá nhiều truyện ngắn và tiểu thuyết, nhưng Học Phi chủ yếu là nhà viết kịch. Với lối dựng kịch chân phương, chặt chẽ, ông là một trong những cây bút có nhiều đóng góp cho nền kịch nói Việt Nam hiện đại, đặc biệt về đề tài cách mạng.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Ông đã được Nhà nước Việt Nam tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I (1996).

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- *Học Phi: Một cuộc đời - một nhân cách lớn*, <https://dangcongsan.vn/van-hoc-nghe-thuat/hoc-phi-mot-cuoc-doi--mot-nhan-cach-lon-245421.html>

- *Kỷ yếu Nhà văn Việt Nam hiện đại*, Hội Nhà văn Việt Nam.

- Lê Huy Quang, *Nhà văn, nhà viết kịch Học Phi: Người nói hai đầu thế kỷ...* <https://suckhoedoisong.vn/nha-van-nha-viet-kich-hoc-phi-nguoi-noi-hai-dau-the-ky-169156187.htm>

- *Nhà văn, nhà viết kịch Học Phi: Cánh chim không mỏi*, <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/nha-van-nha-viet-kich-hoc-phi-can-chim-khong-moi-63758>

- Phạm Kim Thanh, *Nhà văn Học Phi*, <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/68835/nha-van-hoc-phi.html>

- *4 điều làm nên tên tuổi kịch Học Phi*, Sân khấu, Hà Nội, 2014

- *Tuyển tập Học Phi*, Nxb. Sân khấu, Hà Nội, 2012.

- Đỗ Đức Hiếu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, *Từ điển văn học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004.

- Trần Mạnh Thường, *Từ điển tác gia văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2003

- Lê Văn Ba, *Nhà văn Việt Nam trong nhà tù quân xâm lược*, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2015

- *Nhà văn hiện đại Hải Hưng*. Tập 2, Hội văn học nghệ thuật Hải Hưng xb, Hải Hưng, 1996.

Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Học Phi vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.11- TRẦN HUYỀN TRÂN (1913 - 1989)

- *Tên khác:* Ông tên thật là Trần Đình Kim, còn có bút danh Trần Kim, Đỗ Quyên

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ngày 13/9/1913. Mất ngày 22/4/1989

- *Quê quán:* Ông quê gốc tại thôn Giang, xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Trần Huyền Trân là nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động sân khấu.

Trần Huyền Trân xuất thân trong một gia đình nghèo, hoàn cảnh éo le, mồ côi cha từ sớm. Ông học trung học đến năm thứ hai phải bỏ học, đi làm kiếm sống và nuôi em. Tuổi trẻ của ông đã trải qua nhiều nghề: làm thợ nguội, làm nghề chiếu phim, làm gia sư dạy học tư, làm báo, viết văn, lập đoàn kịch... Việc gì kiếm tiền được, ông đều gắng sức làm. Tuổi thơ cay đắng vất vả kiếm kế mưu sinh đã để lại nhiều dấu ấn đậm nét trong sáng tác của ông sau này.

Năm 1930, lúc ông bước vào tuổi mười tám, đôi mươi, ông bắt đầu làm thơ, viết báo và viết văn. Ngay từ khi phong trào Thơ mới vừa ra đời, ông đã có bài đăng trên báo *Phụ nữ thời đàm*. Lúc bấy giờ ông dùng bút danh Cô Vân Anh, Lê Dân. Thơ ông còn được tiếp tục đăng trên các báo *Bắc Hà*, *Ngọ báo*, *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Ích hữu*, *Tao đàn tạp chí*, *Phổ thông bán nguyệt san*.

Trong khoảng thời gian từ năm 1933 đến năm 1939, ông là một trong những thành viên thành lập Đoàn kịch Hà Nội. Từ năm 1942, được giác ngộ cách mạng, ông đã tham gia hoạt động bí mật trong Phong trào Việt Minh. Tham gia Hội Văn hóa Cứu quốc. Trong thời gian tiền khởi nghĩa, Trần Huyền Trân sáng tác thơ ca nhằm tuyên truyền vận động quần chúng chống phát xít Nhật cứu nước, lấy bút danh là Đỗ Quyên, đăng trên báo chí cách mạng bí mật như các tờ *Cứu quốc*, *Cờ Giải phóng*. Thành lập Đoàn kịch Tháng Tám, viết và diễn các vở kịch yêu nước kháng Nhật.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông chủ yếu hoạt động ở ngành sân khấu, lần lượt phụ trách Đoàn kịch Tháng Tám, tham gia Đoàn Sân khấu Việt Nam.

Bên cạnh sự nghiệp sân khấu, Trần Huyền Trân còn là nhà văn, nhà thơ. Sách *Nhà văn Việt Nam hiện đại* có viết: “Trần Huyền Trân là một trong ba nhà thơ thuộc “Hội tam anh” cùng với Thâm Tâm và Nguyễn Bính. Nhưng ông chỉ dành cho thơ chỉ khoảng bảy tám năm (1939-1946). Từ năm 1945 trở đi, sự nghiệp chính của ông gắn liền với lĩnh vực sân khấu nhiều hơn”. Trong bài “*Kỷ niệm nhỏ về Trần Huyền Trân*” đăng trên báo *Văn nghệ* số 22 (02/6/2001), Hoàng Công Khanh viết: “... Dù làm thơ hay viết văn xuôi, Trần Huyền Trân rất kỹ trong cách dựng ý, chọn chữ, tìm vần. Làm xong, ít khi anh đăng báo ngay, thường chữa đi chữa lại vài ba chục lần. Lần nào cũng vậy, tuy đã đánh vật với bài thơ nhiều đêm, nhưng anh vẫn chưa ưng ý...”.

Tác phẩm chính: *Sau ánh sáng* (tiểu thuyết, 1940), *Bóng người trên gác binh* (tiểu thuyết, 1940), *Tám lòng người kỹ nữ* (tiểu thuyết, 1941), *Người ngàn thu cũ* (tiểu thuyết, 1942), *Quan Âm Thị Kính* (chính lý chèo cổ), *Tú Uyên - Giáng Kiều* (chính lý chèo cổ), *Vân đại* (chính lý chèo cổ), *Rau tần* (thơ, 1986)...

Sau ngày hòa bình lập lại năm 1954, ông làm việc ở Ban Sân khấu - Vụ Nghệ thuật. Năm 1957, ông là Ủy viên Thường vụ Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam và Hội Văn nghệ Hà Nội, Phó Trưởng đoàn Văn công Nhân dân Trung ương, chỉ đạo nghệ thuật Đoàn chèo Lạc Việt, Đoàn chèo Hà Nội.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Với những đóng góp, cống hiến trong sự nghiệp các mạng và văn học nghệ thuật, ông được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Trần Huyền Trân (2007), *Chèo cổ*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.

- La Nguyễn Hữu Sơn, *Trần Huyền Trân thi sĩ nghiêm túc qua từng lời thơ* (Kỷ niệm 90 năm Phong trào Thơ mới, 1932-2022), <https://vanvn.vn/tran-huyen-tran-thi-si-nghiem-tuc-qua-tung-loi-tho/>

- Lưu Khánh Thơ, *Trần Huyền Trân - “nhà thơ vẩy bút làm mưa gió”*, <https://daibieunhandan.vn/van-hoa/Tran-Huyen-Tran--nha-tho-vay-but-lam-mua-gio-i174947/>

- Nguyễn Sĩ Đại, *Đóng góp của Trần Huyền Trân cho thơ lục bát*, <https://nhandan.vn/dong-gop-cua-tran-huyen-tran-cho-tho-luc-bat-post183828.html>

- *Trần Huyền Trân (1913 - 1989)*, <https://baotangvanhoc.vn/giai-thuong-nha-nuoc/dot-2-giai-thuong-nha-nuoc/tran-huyen-tran-1913-1989/>

- Vũ Quân Phương, *Trần Huyền Trân: Vào tuổi trăm năm*, <https://nguoihanoi.com.vn/tran-huyen-tran-va-oi-tram-nam-11901.html>

- Trần Huyền Trân, *Chèo cổ*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2007

- Nguyễn Đăng Mạnh, *Từ điển tác giả tác phẩm văn học Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004

- *Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu*, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trần Huyền Trân vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.12- LƯƠNG XUÂN NHỊ (1914 - 2006)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh ngày 10/4/1914. Mất ngày 25/5/2006

- *Quê quán:* Ông quê gốc tại xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Sinh trưởng trong một gia đình có cửa hàng bán bột màu và các dụng cụ mỹ thuật, từ nhỏ, Lương Xuân Nhị đã say mê tập vẽ và sớm bộc lộ năng khiếu hội họa. Những hình vẽ ban đầu về cảnh vật thân thuộc của cuộc sống gia đình, phố xá và bè bạn đã giúp Lương Xuân Nhị thi đỗ thủ khoa Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khoá 7 (1932 – 1937). Trong thời gian là sinh viên tại ngôi trường này, Lương Xuân Nhị đã dành các giải Bạc (1935), vàng (1936) và ngoại hạng – Giải thưởng danh dự (1937) tại các cuộc triển lãm của hội Khuyến khích Kỹ thuật và công nghệ Đông Dương (SADEAL). Toàn bộ tranh lụa sáng tác vào năm 1937 của ông đã được chọn tham dự Đấu xảo Paris cùng năm

Năm 1938, sau khi ra trường, Lương Xuân Nhị sống tự do bằng hội họa và nghề ảnh, đồng thời hoạt động như một diễn viên điện ảnh tài tử, nhằm tìm con đường tự do sáng tạo cho riêng mình và tự tôn giá trị văn hoá dân tộc. Một số họa sĩ trẻ cùng chí hướng đã tự đứng ra thành lập riêng nhóm FARTA (nhóm nghệ sĩ An Nam) vào năm 1939. Nhóm FARTA gồm các họa sĩ, như Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Tường An... đã tổ chức hai cuộc triển lãm tranh vào khoảng thời gian năm 1938 – 1942, gây tiếng vang lớn trong giới mỹ thuật. Năm 1938 tác phẩm *Quán nước bên đường* (tranh lụa) của ông được Viện Bảo tàng World Headquarters New York sưu tầm. Năm 1943, ông cùng hai họa sĩ Nam Sơn và Nguyễn Văn Ty thực hiện chuyến giao lưu văn hoá và sáng tác tại Nhật Bản. Nhân dịp này, ông đã vẽ khá nhiều tác phẩm về thiếu nữ, phong cảnh xứ Phù Tang, được đánh giá cao về bút pháp, sắc màu, bố cục...

Lương Xuân Nhị là một trong số các họa sĩ tài danh để lại nhiều dấu ấn của những khoá đầu Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Bên cạnh các họa sĩ Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Sáng..., có thể nói, Lương Xuân Nhị là họa sĩ hàng đầu thành công về đề tài vẽ chân dung phái đẹp từ trước Cách mạng tháng Tám.

Cách mạng tháng Tám thành công, trong hai năm 1945 – 1946, ông được đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch lâm thời khu phố Cửa Nam, Hà Nội; Giảng viên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam năm 1946; Trong kháng chiến chống Pháp ông làm Chủ tịch Hội Văn hoá kháng chiến tỉnh Hưng Yên (1947 – 1948); Tổng thư ký Chi hội Văn nghệ Liên khu III (1949 – 1951). Sau ngày hoà bình lập lại ở miền Bắc ông là giảng viên Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam (1956 – 1978). Ủy viên Ban chấp hành, Trưởng ban kiểm tra Hội Mỹ thuật Việt Nam khoá II (1983 – 1989).

Họa sĩ Lương Xuân Nhị là nhà giáo có nhiều công lao trong sự nghiệp đào tạo mỹ thuật ở Việt Nam, đồng thời là một họa sĩ sáng tác nhiều tác phẩm lụa, sơn dầu về phong cảnh, con người lao động, thiếu nữ, với lối thể hiện mềm mại, tinh tế, màu sắc tươi tắn đậm đà phong cách phương Đông. Những tranh

địch vận của ông sáng tác trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ có giá trị cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật.

Tác phẩm của họa sĩ Lương Xuân Nhị đã được tặng Giải thưởng tại Triển lãm Mỹ thuật Thủ đô: Giải Nhất năm 1968, Giải B năm 1983 và Giải Nhì năm 1992; Giải thưởng mỹ thuật hội viên cao tuổi của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1996 và năm 1998.

Lương Xuân Nhị còn là tác giả cuốn sách *Giải phẫu tạo hình* (Nxb Văn hoá, 1978). Cuốn sách là tài liệu học tập chính của môn giải phẫu tạo hình trong các trường nghệ thuật, như: Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Đại học Mỹ thuật Công nghiệp và các trường cao đẳng nghệ thuật trên toàn quốc

Trong quá trình công tác ông đã được phong hàm Phó Giáo sư; Danh hiệu Nhà giáo Nhân dân; được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huy chương Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam; Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam; Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục Việt Nam; Huy chương Vì thế hệ trẻ; Huy chương Chiến sĩ Văn hoá; Huy chương Vì sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân.

Năm 2001 Họa sĩ Lương Xuân Nhị đã được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt I cho các tác phẩm: *Đồi cọ - Sơn dầu - 73 x 50cm* (1957); *Bên bờ giếng - Sơn dầu - 73 x 100cm* (1958); *Chợ hoa đào - Lụa - 92 x 73cm* (1985); Bộ tranh địch vận thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- *Lương Xuân Nhị - Tiểu Sử Cuộc Đời, Sự Nghiệp & Tác Phẩm*, <https://www.kieltacongthuat.com/luong-xuan-nhi-tieu-su-cuoc-doi-su-nghiep-tac-pham/>

- Lương Xuân Nhị, *Giải phẫu tạo hình*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 1999.

- Phan Cẩm Thượng, *Lương Xuân Nhị: Các tác phẩm hội họa và đồ họa*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2003.

- Tô Ngọc Vân, *Tranh cổ động Việt Nam (1945-2000)*, Cục Văn hoá Thông tin cơ sở, 2001.

- Trần Minh Tuấn, *Họa sĩ Lương Xuân Nhị cánh chim đầu đàn của trường Mỹ thuật Đông Dương*, Toàn cảnh sự kiện - dư luận, số 184/2005, tr.40-41.

- Ban Thường vụ Thị uỷ Mỹ Hào, *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hào*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2022

- *Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2008.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Hoạ sĩ Lương Xuân Nhị vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.13- LÊ QUỐC LỘC (1918-1987)

- *Tên khác*: Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh ngày 20/10/1918. Mất: Ngày 08/5/1987

- *Quê quán*: Ông quê tại thôn Tiêu Quan, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Ông là một trong những hoạ sĩ đầu tiên của nền Mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Rất nhiều những giải thưởng, huân chương được trao tặng trong cuộc đời sáng tác nghệ thuật của ông đã chứng minh phần nào tài năng đặc biệt ấy. Bên cạnh đó, bằng tâm hồn sâu sắc của một nghệ sĩ, ông luôn thổi được nét truyền thống văn hoá cũng như hơi thở thời đại trong từng tác phẩm của mình.

Hoạ sĩ Lê Quốc Lộc tốt nghiệp khoa Sơn mài, Trường Mỹ thuật Đông Dương khoá 1937-1942, là Hội viên ngành Hội hoạ, Hội Mỹ thuật Việt Nam từ 1957. Ông tham gia hoạt động Việt Minh từ trước Cách mạng tháng Tám, sau cách mạng làm việc tại Sở Tuyên truyền Bắc Bộ (1945-1946). Năm 1947, Lê Quốc Lộc đi kháng chiến, cùng các hoạ sĩ Phan Thông, Lương Xuân Nhị về Liên khu III. Ông phụ trách ngành Hoạ, vẽ hàng ngàn tranh tuyên truyền địch vận, vẽ tranh khắc gỗ: “Cầu Ghẽ phá hoại”, “Hà Đông tiêu thổ”(1948). Tham gia “Triển lãm Mỹ thuật Liên khu 3 (1948) với bộ tranh khắc gỗ (10 bức). Năm 1951, hoạ sĩ ra Việt Bắc, tham dự “Triển lãm Mỹ thuật Việt Bắc” hai tác phẩm: “Đóng thuế nông nghiệp” và “Tất cả cho tiền tuyến” (hiện 2 tác phẩm được lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

Hòa bình miền Bắc, từ năm 1955 đến 1959, Lê Quốc Lộc làm việc tại xưởng hoạ Hội Văn nghệ Việt Nam (65 Nguyễn Thái Học, Hà Nội). Năm 1959 giảng dạy và là Phó Hiệu trưởng Trường Trung cấp Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội” (hiện giờ là trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội). Năm 1968, chuyển sang làm việc tại Hội Mỹ thuật Việt Nam đến năm 1978. Ông là hội viên ngành Hội hoạ Hội Mỹ thuật Việt Nam từ năm 1957, được bầu vào Ban Chấp hành. Là Ủy viên Thường vụ Hội Mỹ thuật Việt Nam khoá I (1968-1983); Ủy viên Hội đồng Nghệ thuật chuyên ngành Trang trí khoá II (1983-1989). Từ

năm 1966, ông còn là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam nhiệm kỳ I.

Sau khi tốt nghiệp Khoa Sơn mài ông lập xưởng vẽ riêng tại số 42 phố Lò Đúc để thực hiện ước mơ sáng tác của mình. Và từ đây, ông đã cho ra đời rất nhiều tác phẩm sơn mài, trong đó bức “*Chiều về*” (năm 1943) dự triển lãm “Duy nhất” được giải Đặc biệt.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, họa sĩ phụ trách ngành họa ở Liên khu III, vẽ hàng nghìn tranh cổ động, tuyên truyền và tham gia mở lớp hội họa ngắn hạn tại vùng tự do và vùng địch hậu. Nơi dừng chân đầu tiên là khu III với những cảnh đổ nát tiêu điều đã được ông ghi lại qua tranh khắc gỗ “*Sơn Tây tiêu thổ, Hà Đông tiêu thổ*”. Cảnh núi rừng trùng trùng điệp điệp, đoàn quân đi dài vô tận qua tác phẩm khắc gỗ “*Hành quân*” ghi dấu những chiến dịch sôi nổi.

Hòa bình lập lại, trở về Hà Nội, ông được phân công phụ trách phần sáng tác và đào tạo tại xưởng họa Hội Văn nghệ Việt Nam. Thời kỳ này, ông dành nhiều tâm huyết cho việc tìm tòi sáng tạo tranh sơn mài cả về chất liệu, kỹ thuật, nội dung và đã có nhiều tác phẩm đạt giải thưởng cao tại các triển lãm mỹ thuật toàn quốc: Năm 1955, giải Nhất với tác phẩm “*Ánh sáng đến*”; năm 1958, giải Nhì với 2 tác phẩm “*Đón Giao thừa*” và “*Qua bản cũ*”; năm 1960, giải Nhất với tác phẩm “*Giữ lấy hòa bình*”; giải thưởng Triển lãm Nghệ thuật Thủ công Cộng hòa Dân chủ Đức; năm 1961, tác phẩm “*Chuyến lúa về thôn*”- vẽ về con sông Kim Ngưu chảy quanh thôn Tiêu Quan (thuộc xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên) được giải Nhất Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc; giải Nhất năm 1978 và giải Nhì năm 1974.

Các tác phẩm của họa sĩ phần lớn nói về người lao động, nhân vật trong tranh của tác giả là lớp người nghèo thành thị, nông thôn, ngư dân, bối cảnh là ngõ xóm, nhà tranh vách nứa, đồng quê, biển cả...là những nơi ông đã từng đi qua, từng chung sống và hoạt động trong kháng chiến cũng như từ ngày hòa bình lập lại ở thủ đô đến nay. Phong cách nghệ thuật của ông gần thực nhưng lãng mạn và phóng khoáng. Ở đâu ông cũng bám sát đời sống, yêu mến thiên nhiên với một quan sát tinh tế của con mắt nghệ sĩ bậc thầy.

Theo Họa sĩ Nguyễn Văn Chiến thì: “Lê Quốc Lộc tuy đi sau các họa sĩ đàn anh tìm tòi mở đường cho sơn mài, nhưng những sáng tác đã đưa ông vào “Thời kỳ rực rỡ của hội họa sơn mài Việt Nam - giai đoạn 1938 - 1944”.

Là họa sỹ, bên cạnh công việc sáng tác tranh sơn mài, ông còn sáng tác các mẫu mã về thủ công mỹ nghệ, làm gốm, vẽ thảm, sáng tác đồ mây tre, đồ gỗ...để thường xuyên có các sản phẩm mới đưa vào sản xuất tại các làng nghề

thủ công thời bấy giờ. Nhiều tác phẩm tranh, đồ gốm của ông đã được giải thưởng trong nước và quốc tế. Họa sĩ còn là nhà hoạt động xã hội trên lĩnh vực văn học nghệ thuật. Tại các cuộc họp, hội thảo chuyên đề về Mỹ thuật đời sống - Mỹ thuật sản xuất, làm đẹp cho thủ đô, Hội chợ triển lãm Kinh tế - Khoa học Kỹ thuật nhà nước, Hội hoa xuân thủ đô... Ông đều được mời đến đọc tham luận hay phát biểu ý kiến. Ngoài ra, ông còn viết báo bày tỏ quan niệm xây dựng một nền mỹ nghệ dân tộc, giữ gìn và bảo vệ nghệ thuật sơn mài truyền thống, tuyên truyền và giới thiệu đóng góp của các nghệ nhân...

Không những vậy, trong hơn 10 năm làm Phó Hiệu trưởng Trường Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội, có thể nói Lê Quốc Lộc cùng các họa sĩ Nguyễn Khang, Nguyễn Văn Y, Ngô Tôn Đệ... là những người đầu tiên đóng góp xây dựng nền móng và đào tạo được đội ngũ các họa sĩ Mỹ thuật Công nghiệp của Việt Nam những năm cuối thế kỷ 20 đến nay. Đồng thời đi kèm đó, ông đã cùng Hiệu trưởng Nguyễn Văn Y nối kết quan hệ hợp tác đào tạo với trường Đại học Mỹ thuật Công nghệ Halle Burg Giebichenstein - trong những dự án đào tạo theo hướng BAUHAUS của CHDC Đức lúc bấy giờ để trong thời gian từ năm 1984 đến năm 1986, hai trường đã có văn bản hợp tác đào tạo ý nghĩa - cử các giảng viên của trường Halle sang Hà Nội giảng dạy.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Trong suốt quá trình công tác, ông đã được Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam tặng thưởng: Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Huân chương kháng chiến chống Mĩ cứu nước hạng Nhất; Huy chương Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam; Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam. Họa sĩ còn được nhiều giải thưởng “Triển lãm Mỹ thuật” trong nước và quốc tế: Huy chương bạc tham dự Triển lãm do SADEAL (1936) tác phẩm “Chợ bên sông Hồng”; giải Nhì triển lãm Hội họa năm 1951 tác phẩm “Tất cả cho tiền tuyến”; các giải Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc: Giải Nhất năm 1957 tác phẩm “Ánh sáng đến”, giải Nhì năm 1958 tác phẩm “Qua bản cũ”; giải Nhất năm 1962 tác phẩm “Giữ lấy hòa bình”. Các giải thưởng “Triển lãm Mỹ thuật Thủ công CHDC Đức”; giải Nhất năm 1978 và giải Nhì năm 1974.

+ Với những công lao đóng góp xây dựng một nền mỹ thuật Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc và những công hiến xây dựng đội ngũ những người làm công tác mỹ thuật ứng dụng, năm 2000 họa sĩ Lê Quốc Lộc được nhà nước truy tặng *Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt II* cho các tác phẩm: *Qua bản cũ* - Sơn mài - 93x 131cm (1957); *Ánh sáng đến* - Sơn mài (1957); *Tiêu thổ kháng chiến* - Sơn mài - 86x180cm (1958); *Giữ lấy hòa bình*-Sơn mài-70x120cm (1962); *Từ trong bóng tối* - Sơn mài - 121x121cm (1982).

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Anh Phương, *Lê Quốc Lộc – Người hoà quyện nét truyền thống và hiện đại vào tranh sơn mài*, <https://designs.vn/le-quoc-loc-nguoi-hoa-quyen-net-truyen-thong-va-hien-dai-va-tranh-son-mai/>

- *Họa sĩ Lê Quốc Lộc - Báu vật quốc gia*, <https://arttimes.vn/my-thuat-dong-duong/hoa-si-le-quoc-loc-bau-vat-quoc-gia-c71a28534.html>.

- *Họa sĩ Lê Quốc Lộc - Người đưa truyền thống văn hóa vào tác phẩm của mình*, <https://mythuatbui.edu.vn/le-quoc-loc-hoa-si-dua-truyen-thong-van-hoa-va-o-tac-pham/>.

- *Họa Sĩ Lê Quốc Lộc*, <https://nguoinoitieng.tv/nghe-nghiep/hoa-si/le-quoc-loc/a92h>

Họa sĩ Lê Quốc Lộc: Phân thân giữa mỹ thuật và mỹ nghệ, <https://ct.qdnd.vn/chuyen-de/phan-than-giua-my-thuat-va-my-nghe-522956>.

- Lâm Quang Thùy Nhiên, *Họa sĩ kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2022.

- Lê Trí Dũng, *Kỷ niệm về một bức tranh của cha tôi* (Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của họa sĩ Lê Quốc Lộc (20/10/1918 - 20/10/2018), <https://tapchimythuat.vn/tin-my-thuat/ky-niem-ve-mot-buc-tranh-cua-cha-toi/>

- Lâm Quang Thùy Nhiên, *Họa sĩ kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2022.

- *Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam : Được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. - H. : Mỹ thuật, 2008. - 150tr.; 30cm*

- Nguyễn Lương Tiểu Bạch, *Mỹ thuật Việt Nam hiện đại* Nxb Hà Nội, 2005.

- *Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu*, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Lê Quốc Lộc vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.14- DƯƠNG HƯỚNG MINH (1919 - 2008)

- *Tên khác*: Ông tên thật là Nguyễn Văn Tiếp

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh ngày 06/02/1919. Mất năm 2008

- *Quê quán*: Tại xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Năm 1936, Nguyễn Văn Tiếp được vào học lớp dự bị Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Năm 1938, ông thi đỗ vào khóa 12, Khoa Hội họa của trường. Tuy nhiên, học được ba năm thì ông bỏ, bắt đầu hoạt động nghệ thuật

tự do. Tháng 12 năm 1944, nhờ sự ủng hộ và giúp đỡ của một số anh em trong Tổng hội sinh viên, Nguyễn Văn Tiếp tổ chức một cuộc triển lãm cá nhân tại Nhà hát lớn Hải Phòng⁴¹. Ông là một trong những họa sĩ thuộc thế hệ đặt những viên gạch đầu tiên cho nền hội họa Việt Nam hiện đại.

Với truyền thống yêu nước của gia đình, quê hương và lòng quả cảm của một chàng trai đầy nhiệt huyết, khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 bùng nổ, Nguyễn Văn Tiếp đổi tên Dương Hương Minh với ý nguyện trở thành "người hướng tới ánh sáng". Ông đã nhanh chóng trở thành một chiến sĩ biệt động nội thành quả cảm của Đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Tháng 12 năm 1954, sau khi hoàn thành nhiệm vụ chủ công bảo vệ khu tập kết Đông Tháp Mười, ông đã cùng đơn vị tinh nhuệ đặc biệt trực thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông chuyên quân tập kết ra Bắc trên chuyến tàu cuối cùng của Ba Lan.

Năm 1955, Dương Hương Minh được Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam điều từ đơn vị đặc công về Hà Nội, tham gia tổ chức xây dựng triển lãm quân đội phố Bích Câu.

Từ năm 1956 đến năm 1959, Dương Hương Minh lần lượt công tác tại Báo Quân đội nhân dân, Phòng Văn nghệ quân đội và Bảo tàng quân đội. Hội viên sáng lập Hội Mỹ thuật Việt Nam.

Năm 1960, Dương Hương Minh chuyển sang Bộ Văn hóa. Từ đó đến năm 1982, ông làm giảng viên Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Việt Nam, cán bộ nghiên cứu Viện Mỹ thuật, Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật (nay là Báo Văn hóa). Trong thời gian này, ông đã có một tập bản thảo dưới dạng nhật ký tư liệu khoa học tương đối hoàn chỉnh về mỹ thuật ứng dụng và nhất là về tạo dáng công nghiệp và là tác giả của một số tham luận hội nghị về vấn đề này. Bên cạnh đó, trên lĩnh vực báo chí, ông cũng có nhiều bài viết xuất sắc về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ (đăng trên Tạp chí Cộng sản và Báo Nhân dân). Một thời kỳ dài, Dương Hương Minh được xem như một trong những "người lính gác về tư tưởng" của Đảng trong lĩnh vực mỹ thuật.

Về sự nghiệp mỹ thuật của họa sĩ Dương Hương Minh, giới nghiên cứu chia làm ba thời kỳ:

Thứ nhất, là thời kỳ "huyền thoại - trữ tình", chủ yếu Dương Hương Minh dùng kỹ thuật sơn mài cổ điển đồng nhất (laque unie) truyền thống và kỹ thuật sơn dầu của phương Tây thể hiện rất thành công một số tác phẩm với "một vẻ ngớ ngẩn hay và một cách đặt màu lạ"⁴². Nhưng cũng thời kỳ này, bên cạnh những tác phẩm mang tính lãng mạn như: *Vườn mộng, Trăng - Gió -*

⁴¹ Những tác phẩm trưng bày tại triển lãm về sau bị mất trong một trận càn của quân Pháp ở vùng Côn Sơn (1947)

⁴² Nguyễn Đỗ Cung, Tạp chí *Ngày nay*, ngày 23-12-1939.

Bướm - Hoa... thì ông đã có nhiều tác phẩm theo bút pháp nghệ thuật động với nội dung hiện thực phê phán, đó là rất nhiều ký họa và các tranh sơn dầu: *Đẩy đống củi của Ga Hàng Cỏ mà đi, Công nhân đi tìm trong sương mù, Xếp hàng chờ gạo và chết đói...*

Điều đáng tiếc là những bức tranh hiện thực ở thời kỳ "tiền chiến" của họa sĩ Dương Hương Minh cùng với cả một kho tranh của ông cất giấu tại một địa điểm trên núi Côn Sơn đã bị mất trong một cuộc càn quét lớn của quân Pháp năm 1947...

Thứ hai, là thời kỳ "hiện thực nghiêm ngặt" theo xu hướng xã hội chủ nghĩa, với kỹ thuật sơn mài sáng (laque claire), Dương Hương Minh có những tác phẩm tiêu biểu, như: *Chèn pháo, Kéo pháo ở Điện Biên Phủ, Trường Sơn, Mùa xuân trên Bản Quặng, Phá bờ cũ làm bờ mới...* Trong đó, tác phẩm *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ* (sơn mài, 1957) là tác phẩm điển hình, đỉnh cao trong thời kỳ này của Dương Hương Minh. Sau hơn 10 năm "gác bút để cầm súng", qua tác phẩm sơn mài *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ*, nghệ thuật hiện thực của Dương Hương Minh tạo ra được một dấu ấn quan trọng trong việc tiếp thu và thể hiện hoàn toàn thích hợp những tư tưởng và phương pháp sáng tác của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa đương thời. Bức tranh *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ* của Dương Hương Minh là một trong những tác phẩm thành công xuất sắc trong thời kỳ 10 năm đỉnh cao của hội họa sơn mài hiện thực Việt Nam (1954 - 1964). Không chỉ bởi tính chất tuyên ngôn và tính chính luận cao cả của chủ đề mà còn bởi tính sử thi chiến đấu oai hùng và sâu lắng, là hiện thân của mục tiêu kiên định, ý chí đấu tranh, sức mạnh đoàn kết, khí phách và chính nghĩa Việt Nam. *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ* đã được Giải thưởng Mỹ thuật toàn quốc năm 1958, dự Triển lãm Mỹ thuật các nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở thủ đô Moskva, Liên Xô, năm 1959, sau đó đưa triển lãm lần lượt ở 8 nước Đông Âu trong hai năm 1959-1960.

Cũng trong năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho Hội Mỹ thuật Việt Nam và Bộ Ngoại thương phối hợp hoàn thành một bức tranh thêu chuyển thể từ tác phẩm *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ* để Người làm quà tặng Chủ tịch Mao Trạch Đông khi Bác sang thăm Trung Quốc. Đồng thời, *Kéo pháo ở Điện Biên Phủ* được Bộ Quốc phòng yêu cầu dựng để Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Bộ Quốc phòng và toàn dân đem chúc thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp sinh nhật của Người (19/5/1959). Bức tranh này đã được Bác đưa đến lễ khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng vào ngày 05/9/1960, để chào mừng và tặng Đại hội. Tiếp đến được chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi Sài Gòn và miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Thứ ba, là thời kỳ phong cách hiện thực "mở rộng", Dương Hương Minh

sáng tạo những tác phẩm với kỹ thuật sơn mài hỗn hợp.

Là người giản dị, ngay thẳng, thuần phác, bản lĩnh, dũng cảm, giàu ước mơ, niềm tin và khát vọng cống hiến, lại được hun đúc trong ngọn lửa truyền thống yêu nước của quê hương và gia đình, con đường sớm đến với chủ nghĩa hiện thực của Dương Hường Minh âu cũng là một điều tự nhiên và dễ hiểu. Và chính điều đó đã làm nên giá trị chủ yếu cho nghệ thuật của ông. Trong nền nghệ thuật hiện thực, đặc biệt là hiện thực cách mạng - kháng chiến Việt Nam thế kỷ XX, mặc nhiên Dương Hường Minh có một vị trí riêng biệt.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Năm 2010, nhân dịp Đại lễ kỉ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Hội Mỹ thuật Việt Nam, Trung tâm UNESCO phát triển văn hóa và thể thao cùng gia đình họa sĩ đã tổ chức một cuộc triển lãm có tính chất hồi cố các tác phẩm của Dương Hường Minh. Cuộc triển lãm đã cho công chúng hiểu rõ hơn về một họa sĩ cựu chiến binh lão thành nổi tiếng, cùng một sự nghiệp hội họa không kém phần độc đáo của ông.

+ Năm 2012, họa sĩ Dương Hường Minh được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- *Dương Hường Minh - hiện thực cuộc đời hiện thực nghệ thuật*, <https://tapchimythuat.vn/giai-thuong-nha-nuoc/duong-huong-minh-hien-thuc-cuoc-doi-hien-thuc-nghe-thuat/>

- Họa sĩ Dương Hường Minh (1919-2008), <http://artexchange.com.vn/news/hoa-si-duo-ng-huong-minh-1919-2008>

- Phan Ái, *Lịch sử nhiếp ảnh báo chí Việt Nam*, Nxb Sân khấu, 2020.

- Trương Nguyên Tuệ, *Một nghĩa quân nam kỳ khởi nghĩa Một cán bộ quân đội ưu tú*, <https://thanhuytphcm.vn/tin-tap-chi/so-tay-xay-dung-dang-11-2016/mot-nghia-quan-nam-ky-khoi-nghiamot-can-bo-quan-doi-uu-tu-1481615108>

- *70 năm Mỹ thuật Việt Nam (1945 - 2015)*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2017

- Đào Quang Minh, Nguyễn Xuân Vũ, Nguyễn Quốc Khánh... biên soạn, *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hòa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2022

- Quang Việt, *Từ điển họa sĩ Việt Nam = Encyclopedia of Vietnamese Painters*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2008

- Đặng Thị Bích Ngân chủ biên, *Từ điển mỹ thuật phổ thông*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2012

- *Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu*, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Dương Hường Minh vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.5- TRẦN ĐÌNH THỌ (1919-2011)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh ngày 02/10/1919. Mất năm 2011

- *Quê quán:* Tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Trần Đình Thọ là họa sĩ, Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Ông tốt nghiệp khóa XIII của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1939 - 1944); Hội viên ngành hội họa Hội Mỹ thuật Việt Nam từ 1957. Trần Đình Thọ là một trong những họa sĩ đã đi theo cách mạng từ những giờ phút đầu tiên. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông tham gia tích cực các hoạt động của Hội Văn hóa Cứu quốc, vẽ tranh cho Tạp chí Tiên phong (cơ quan ngôn luận của Hội Văn hóa Cứu quốc), báo Cờ Giải Phóng, sau đó là tuần báo Sự thật và Nhà xuất bản Sự thật (1945 -1947); Họa sĩ báo Cứu quốc Trung ương (1946-1953); Họa sĩ của Quốc doanh Chiếu bóng và Nhiếp ảnh Trung ương (1953-1955); Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (1955-1966); Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam nay là Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội (1966-1984).

Đồng thời, ông kiêm Viện phó Viện Nghiên cứu nghệ thuật, Tổng Biên tập tạp chí Nghiên cứu nghệ thuật (1969-1979); kiêm quyền Viện trưởng Viện Mỹ thuật Mỹ nghệ, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam (1969-1972); Hội viên sáng lập, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam khóa I (1957-1983) và khóa II (1983-1989); Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Dân gian khóa I; kiêm Tổng Biên tập tạp chí Mỹ thuật - Hội Mỹ thuật Việt Nam (1983-1984); Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Mỹ thuật; Đại biểu Quốc hội khóa V (1975-1976) và khóa VI (1976-1981).

Trong quá trình công tác, năm 1980, họa sĩ Trần Đình Thọ được phong chức danh Giáo sư; năm 1988, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân. Ông đã được tặng các giải thưởng danh giá và cao quý như: Huân chương Độc lập hạng ba; Huân chương Kháng chiến hạng nhì; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất; Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng; Huy chương chiến sĩ văn hóa (Bộ Văn hóa - Thông tin); Huy chương vì sự nghiệp giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo); Huy chương vì sự nghiệp văn học nghệ thuật (Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam); Huy chương vì sự nghiệp văn nghệ dân gian Việt Nam (Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam); Huy chương vì sự nghiệp mỹ thuật Việt Nam (Hội Mỹ thuật Việt Nam).

Các tác phẩm của họa sĩ Trần Đình Thọ đã được tặng giải thưởng tại Triển lãm Mỹ thuật Duy nhất năm 1943; Giải nhì Triển lãm 10 năm Đồ họa

toàn quốc (1975 - 1985); Giải thưởng triển lãm “Salon Unique” năm 1943; Giải Khuyến khích Triển lãm về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng năm 1994; Giải thưởng họa sĩ cao tuổi của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1996 và năm 1998; có tranh lưu giữ tại các bảo tàng mỹ thuật Việt Nam, Nga, Tiệp Khắc. Đặc biệt, năm 2001, được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt I cho các tác phẩm: *Tre - Sơn mài* (1957); *Ra đồng - Sơn mài* (1961); *Nhà sàn Bác Hồ - Sơn dầu* (1971); *Hành quân đêm - Sơn mài* (1974); *Cây ở miền núi - Sơn mài* (1993); *Kéo pháo Điện Biên - Sơn mài* (1994).

Là một trong số họa sĩ tiêu biểu của dòng hiện thực xã hội chủ nghĩa, nghệ thuật ông kết hợp một cách kín đáo tính tự sự trữ tình và tính trang trí tượng trưng. Ông không chỉ có khả năng phát hiện ở đề tài (lao động, chiến đấu, sinh hoạt, phong cảnh) những yếu tố có đủ điều kiện biểu hiện chất thơ nhẹ nhàng, sâu lắng - mà còn nổi bật bởi sự nhạy bén trong chọn ưu tiên chất liệu cho từng thể loại - đề tài. Trần Đình Thọ đã sử dụng và thành công với nhiều chất liệu: thuốc nước, lụa, sơn mài, sơn dầu, khắc gỗ, đặc biệt thành công với sơn mài và khắc gỗ.

Tranh sơn mài của ông được sáng tác công phu và hoàn chỉnh theo phong cách truyền thống, phản ánh những hoạt động sản xuất, chiến đấu và phong cảnh quê hương. Nhiều tranh của ông đạt được chất lượng nghệ thuật cao và được công chúng rộng rãi biết đến. Thành công hơn cả của ông là về đề tài phong cảnh, nông thôn. Nhiều tác phẩm của ông đã được lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Liên Xô (cũ), Tiệp Khắc (cũ), Bảo tàng Phương Đông, Bảo tàng Nghệ thuật Bratislava (Cộng hoà Séc) và trong nhiều sưu tập tư nhân ở Pháp, Italia, Nhật Bản, Ba Lan, Đức...

Có thể nói, suốt thời gian dài 30 năm (kể từ thời gian là Phó Hiệu trưởng), họa sĩ Trần Đình Thọ giữ trọng trách công tác đào tạo mỹ thuật cho đất nước, nhiều nghệ sĩ tạo hình nổi tiếng của thế hệ thứ hai và thế hệ thứ ba của mỹ thuật hiện đại Việt Nam đã trưởng thành. Các học trò, các đồng nghiệp của ông đều kính trọng, ngưỡng mộ ông như một người thầy mẫu mực, một người lãnh đạo, quản lý chuẩn xác và sáng tạo đồng thời lại là người trong sạch liêm khiết, rất hiền hoà, sống có tình cảm.

Nhạc sĩ Xuân Oanh đã viết những dòng hồi ức lúc còn sống về những ngày cùng phụ trách phần trang trí báo Cứu Quốc với họa sĩ Trần Đình Thọ: “Năm đó mình vào loại trẻ nhất ở tòa soạn, làm mọi việc được phân công: in ấn, chuyển báo, viết bài và vẽ minh họa, hồi đó làm gì có máy ảnh mình cùng

anh Trần Đình Thọ thay nhau vẽ minh họa cho báo. Mỗi lần báo in ra cả cơ quan vui như đón đứa con vừa ra đời”.

Trong cuốn *Trần Đình Thọ - Các tác phẩm hội họa và đồ họa*, Vũ Giáng Hương đã nhận xét: Ông chuyên sáng tác bằng chất liệu sơn mài, nghệ thuật sơn mài trong tranh của họa sĩ rất điêu luyện, đạt được sự trong trẻo và sâu lắng của chất sơn ta. Ngoài chất liệu sơn mài, ông còn sáng tác tranh khắc gỗ, tranh sơn dầu và màu nước. Tác phẩm của ông tả thực một cuộc sống chân thật với phong thái điềm đạm, một cách nhìn trân trọng với phong cảnh đất nước và con người Việt Nam.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Anh Ngọc, *Trần Đình Thọ họa sĩ tiêu biểu của dòng hiện thực xã hội chủ nghĩa*, <http://vanhocnghethuathatinh.org.vn/tran-dinh-tho-hoa-si-tieu-bieu-cua-dong-hien-thuc-xa-hoi-chu-nghia-1606440878.html>

- *Các tác phẩm của họa sĩ Trần Đình Thọ*, <http://thuvienmythuat.vn:81/handle/DHMT/486>

- *Từ điển Họa sĩ Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2008.

- Quang Việt, *Từ điển họa sĩ Việt Nam = Encyclopedia of Vietnamese Painters*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, 2008

- *Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam: Được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2008

- Trần Đình Thọ, *Các tác phẩm hội họa và đồ họa*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2004

- Nguyễn Lương Tiêu Bạch chủ biên, Bùi Như Hương, Phạm Trung, *Mỹ thuật Việt Nam hiện đại*, Nxb Hà Nội, 2005

- *Hội họa sơn mài Việt Nam = Vietnamese Lacquer Painting*, Nxb Mỹ Thuật, Hà Nội, 2006

- *Tạp chí mỹ thuật Việt Nam*, đăng ngày 11/10/2019: <http://tapchimythuat.vn/my-thuat-hien-dai-viet-nam/giao-su-hoa-si-nha-giao-nhan-dan-tran-dinh-tho/>

- *Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam* đăng ngày 14/10/2016: <https://meddom.org/hoa-si-gsngnd-tran-dinh-tho-7-nam-lam-nha-in-bao-cuu-quoc-wfgh/>

- *Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu*, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Trần Đình Thọ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.16- ĐÀO VŨ

- *Tên khác*: Bút danh Cao Như Thông (tên khai sinh là Đào Văn Đạt, còn có tên khác là Đào Ngọc Thư)

- *Ngày, tháng, năm sinh*: Ông sinh ngày 17/10/1927. Mất ngày 08/01/2006

- *Quê quán*: Tại làng Lưu Xá⁴³, huyện Kim Động. Nay là nay là thôn Lưu Xá, xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời, sự nghiệp*:

Đào Vũ là nhà văn, một trong những hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam.

Thuở nhỏ, ông học tiểu học ở quê, lúc học ở huyện Ân Thi, có năm sang học ở huyện Khoái Châu, có năm lại lên học ở thị xã Hưng Yên. Sau đó, ông lên Hà Nội học tiếp trung học. Học hết bậc trung học, dở dang chuyên khoa Toán, ông bỏ học đi kháng chiến. Gia đình ông vốn là một cơ sở cách mạng bí mật nên ngay từ khi còn nhỏ ông đã sớm tham gia hoạt động cách mạng. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông tham gia giành chính quyền ở địa phương, làm Chủ tịch xã rồi làm cán bộ tuyên huấn tỉnh, sau chuyển lên Trung ương Đoàn Thanh niên làm Đội trưởng thanh niên xung phong; tham gia bộ đội biên phòng, đồng thời làm công tác dân vận thuộc tiểu ban vận động Hoa kiều (Hoa vận). Ông được kết nạp vào Đảng, bắt đầu hoạt động văn học nghệ thuật. Trong thời gian chống Pháp, công việc chủ yếu của ông là làm báo. Vào cuối cuộc kháng chiến, ông chuyển hẳn sang chuyên nghiệp về công tác văn nghệ.

Sau hòa bình lập lại, ông được cử sang Trung Quốc học, tốt nghiệp ngành văn ở Học viện Văn nghệ Trung Nam. Sau một thời gian công tác, ông được cử sang Liên Xô (cũ) học tập và tốt nghiệp ở Học viện Hàn lâm Khoa học xã hội Mátxcova.

Đào Vũ rất tâm huyết với nghề văn. Ông vào nghề văn từ rất sớm. Lúc còn đi học, ông vừa làm công tác bí mật vừa viết những bài báo và kịch. Sau giải phóng, ông chuyên viết văn. Ông là cán bộ kỳ cựu của Báo Văn nghệ, từ một biên tập viên, Phó Tổng Biên tập, rồi đến quyền Tổng Biên tập. Ông tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa III, Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam khóa IV.

Sự nghiệp hoạt động văn học của nhà văn Đào Vũ gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và cuộc đời hoạt động cách mạng của ông. Thời kỳ đầu, chủ yếu ông viết báo, kịch ngắn, dịch và viết phê bình phục vụ trực tiếp cho nhu cầu của đời

⁴³ Quê gốc của ông vốn ở một làng thuộc Bãi Giữa sông Hồng (nay thuộc địa phận của xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên).

sống cách mạng, kháng chiến. Sau hòa bình lập lại, ông đi sâu vào đề tài nông thôn. Tiểu thuyết “*Cái sân gạch*” (1959), “*Vụ lúa chiêm*” (1961) - phản ánh những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân miền Bắc trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, tác phẩm đã khẳng định con đường sáng tác và đánh dấu sự thành công ban đầu của ông. Bộ sách này được chọn in trong sách giáo khoa trung học phổ thông (thế kỷ XX).

Đề tài về biên giới, ông tập trung viết về biên giới Việt - Trung, bộ tiểu thuyết 3 tập: “*Lưu lạc*”, “*Hoa lửa*” (1973) và “*Dải lụa*” (1974) là tác phẩm đặc sắc của ông trong giai đoạn này.

Trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, Nhà văn Đào Vũ đã thâm nhập tuyến lửa Khu IV và đường Trường Sơn, ông tập trung chủ yếu viết về đề tài chiến tranh. Các tác phẩm tiêu biểu: “*Người cửa sông*” (1966); “*Xóm nhà thờ*” (1967); “*Đội quân nhỏ làng Dương*” (1967); “*Con đường mòn ấy*” (1971); “*Y Len*” (1982).

Ngoài ra, Nhà văn Đào Vũ cũng rất quan tâm tới thiếu nhi. Ông có một số tác phẩm tiêu biểu: “*Danh dự chúng em*” (1961); “*Trăng rơi xuống giếng*” (1961); “*Đội cầu gian truân*”; “*Con ma tóc xanh*” (1995)...

Những năm cuối đời, ông áp ủ và trăn trở nhiều với tập tiểu thuyết “*Sông Hồng nước đỏ*” viết về quê hương Hưng Yên của ông trong kháng chiến chống Pháp mà nhân vật chính là nữ Anh hùng Công an nhân dân Bùi Thị Cúc. Tiếc rằng tập sách chưa kịp hoàn thành thì ông đã vội đi xa. Nhưng chỉ với những trang đã viết cũng đủ thấy hết tấm lòng của ông đối với con người và mảnh đất quê hương, thấy hết sự tâm huyết của ông đối với văn chương nghệ thuật.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Đào Vũ là một Nhà văn tiêu biểu đóng góp nhiều cho nền văn học nước nhà trên nhiều lĩnh vực: Truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản sân khấu, văn học cho thiếu nhi... Đặc biệt, ở lĩnh vực nào ông cũng có những tác phẩm đặc sắc. Ông đạt nhiều giải thưởng: Giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam; giải thưởng của Bộ Nông nghiệp, Bộ Giao thông vận tải; giải thưởng Hợp tác với Thụy Điển cho thiếu nhi; giải thưởng của tỉnh Hưng Yên. Năm 2001, ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Trần Mạnh Thường (2003), *Từ điển tác gia văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

- Vũ Tiến Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- Đào Quang Lâm (2015), “Nhà văn Đào Vũ”, Báo Hưng Yên, Ngày 04 tháng 12, Tr.3.

- Nguyễn Văn Bông, *Đào Vũ tác giả - tác phẩm: Phê bình-tiểu luận*, Nxb Hội Nhà văn, 1998.

- *Bác Hồ đặt tên cho con gái nhà văn Đào Vũ*, <https://bqllang.gov.vn/tin-tuc/tin-tong-hop/1484-bac-h-d-t-ten-cho-con-gai-nha-van-dao-vu.html>

- *Nhà văn Đào Vũ (1927-2005)*, <https://baotangvanhoc.vn/giai-thuong-nha-nuoc/dot-1-giai-thuong-nha-nuoc/nha-van-dao-vu-1927-2005/>

- *Tiểu sử tự thuật của nhà văn Đào Vũ*, <https://nhandan.vn/tieu-su-tu-thuat-cua-nha-van-dao-vu-post435702.html>

- *Nhận xét, đánh giá: Từ kết quả nghiên cứu*, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Đào Vũ vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.17- XUÂN GIAO (1932-2014)

- *Tên khác:* Tên đầy đủ là Trương Xuân Giao

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ông sinh ngày 02/01/1932. Mất ngày 21/8/2014

- *Quê quán:* Ông quê gốc ở thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, trưởng thành ở đất Kiến An, Hải Phòng.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Xuân Giao là nhạc sĩ. Năm 1950, lúc 18 tuổi, ông tham gia bộ đội, thời gian đầu đóng quân tại Chiến khu Việt Bắc. Sau đó được cử đi học tại Trường Lục quân Trung Bộ.

Trong quân đội, ông tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ yêu cầu công tác chính trị của lực lượng vũ trang. Thấy Xuân Giao có khả năng văn nghệ, khoảng năm 1952, cấp trên điều về công tác ở Đoàn Văn công Quân đội. Ở đây, Xuân Giao tham gia ca hát, đánh đàn, đóng kịch, nhảy múa, viết bài hát, làm thơ, viết kịch bản...

Năm 1960, ông chuyển về Nhà xuất bản Âm nhạc làm cán bộ biên tập. Những năm này, ông năng nổ đi thực tế trên khắp các tuyến đường giao thông bom đạn ác liệt để viết về những chiến sĩ giao thông dũng cảm. Ông đã đến hầm lò, đồng ruộng, nhà máy, đến với các địa phương để viết về những vùng đất, những con người đã góp phần vào cuộc chiến tranh vĩ đại của dân tộc.

Xuân Giao trưởng thành và lớn lên cùng với cuộc trường chinh của dân tộc nên trái tim nghệ sĩ trong ông dường như gắn liền với mọi niềm vui và cả những nỗi đau trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại. Những ca khúc của ông được đánh giá đã khai thác triệt để nhưng có chọn lọc từ chất liệu dân ca để tạo nên những tác phẩm phong phú, được mọi người yêu mến và gây ấn tượng sâu

sắc. VD: *Chào Sông Mã anh hùng* (1964), *Giữ biển trời Quảng Bình – Vĩnh Linh* (1965), *Cô gái mở đường* (1966), *Ta kéo pháo vào trận địa* (1968), *Tiếng hát mùa xuân* (1970), *Mừng đón anh về* (1972), *Hát về thành phố tương lai* (1973), ... Đặc biệt là một số bài hát thiếu nhi của ông cũng có ấn tượng mạnh mẽ: *Múa cho mẹ xem* (1966), *Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ* (1969), *Cháu yêu bà* (1975), *Vườn Bác vào thu* (1980),...

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp* (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):

+ Nhạc sĩ Xuân Giao đã được nhiều Giải thưởng âm nhạc của Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Bộ Nội thương, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Đài Phát thanh – Truyền hình Việt Nam, Bộ Điện – Than, Bộ Giáo dục, Bộ Lâm nghiệp, Ủy ban Thiếu niên – Nhi đồng, UNESCO và Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

+ Bên cạnh đó, ông còn được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, Huân chương Lao động hạng Nhì, đặc biệt là Giải thưởng Nhà nước về Văn học – Nghệ thuật đợt I năm 2001, với cụm tác phẩm: *Cô gái mở đường*, *Chào sông Mã anh hùng*, *Giữ biển trời Quảng Bình – Vĩnh Linh*, *Đất mở anh hùng*, *Em mơ gặp Bác Hồ*.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh

- Văn Tuynh (2016), “*Nhạc sĩ Xuân Giao*”, Báo Hưng Yên, Ngày 12 tháng 8, Tr.3.

- *Câu chuyện âm nhạc: Tuổi trẻ sẵn sàng “Đi tới những chân trời”*, <https://hanoimoi.vn/cau-chuyen-am-nhac-tuoi-tre-san-sang-di-toi-nhung-chan-troi-7037.html>

- *Chào sông Mã anh hùng – bài ca đi cùng năm tháng*, <http://svhttdl.thanhhoa.gov.vn/van-hoa/chao-song-ma-anh-hung-%E2%80%93-bai-ca-di-cung-nam-thang-1004640>

- Nguyễn Đình San, *Xuân Giao và những tháng ngày biệt vắng nhà*, <https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/Xuan-Giao-va-nhung-thang-ngay-bien-biet-vang-nha-i593112/>

- Nhạc sĩ Trương Quang Lục, *Nhạc sĩ Xuân Giao và những ca khúc để đời*, <https://www.sggp.org.vn/nhac-si-xuan-giao-va-nhung-ca-khuc-de-doi-post10089.html>.

- Lê Yên, Nguyễn Thiện Tơ, Nguyễn Xuân Khoát...; *Sưu tầm, tuyển chọn, Hoàng Dương chủ trì, Ca khúc Hà Nội thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Hà Nội, 2010

- Văn Tuynh, *Giương mặt nhạc sĩ Hưng Yên*, Hội Văn học nghệ thuật Hưng Yên xb, Hưng Yên, 2000

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nhạc sĩ Xuân Giao vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.18- NGUYỄN VĨNH BẢO (1936 – 1967)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Ngày 31/5/1936. *Mất:* Ngày 04/06/1967

- *Quê quán:* Ông quê tại xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Nguyễn Vĩnh Bảo là liệt sĩ, Nhạc sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ông tham gia cách mạng từ tháng 2 năm 1947 và là thành viên nhỏ tuổi nhất ở “Đoàn thiếu nhi nghệ thuật”.

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng, cha Vĩnh Bảo là nhà giáo, liệt sĩ Nguyễn Văn Cảnh, sau cách mạng tháng Tám là Phó Giám đốc Nha Thẻ dục Trung ương, tham gia hàng ngũ tự vệ Thủ đô những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đã anh dũng hy sinh tại Hà Nội khi đó Vĩnh Bảo mười tuổi. Mẹ ông vượt lên nỗi đau mất chồng, thay chồng nuôi 7 con thơ dại.

Noi gương người cha đã chiến đấu và hy sinh vì Tổ quốc khi mới hơn 10 tuổi, Nguyễn Vĩnh Bảo đã cùng anh trai là Vĩnh Long và Vĩnh Cát tham gia đoàn nhạc kịch thiếu nhi tuyên truyền kháng chiến do nhạc sĩ Lưu Hữu Phước phụ trách, sau đổi tên thành Đoàn thiếu nhi nghệ thuật, hoạt động tại các tỉnh Việt Bắc từ đầu năm 1947 đến cuối năm 1952.

Người chiến sĩ nhỏ tuổi ấy rất say mê sáng tác và bộc lộ tài năng âm nhạc rất sớm. Mới gần 12 tuổi, ông đã sáng tác hàng loạt ca khúc như: "Cô gà mái mơ", "Xuân rừng xanh", "Em về Thủ đô"... phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam và được thiếu nhi nhiều tỉnh thuộc chiến khu Việt Bắc yêu thích. Nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Bảo được kết nạp vào Đoàn Thanh niên cứu quốc, tháng 10 năm 1956 đồng chí được đi dự Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ 2. Sau hòa bình, Vĩnh Bảo học Trường Âm nhạc Việt Nam và tiếp tục được biết đến rộng rãi qua bài hát dí dỏm “Nhấn cô mấy điều”. Với âm hưởng dân ca, ngôn ngữ hài hước, “Nhấn cô mấy điều” của Vĩnh Bảo nhanh chóng được người trẻ bấy giờ yêu thích: “Này trông kia một cô xinh xinh/ Mắt tươi sáng đang nhìn chúng mình...” Năm 1960, đồng chí được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam. Sau khi tốt nghiệp Trường Âm nhạc Việt Nam, từ năm 1961 tới năm 1964, Vĩnh Bảo được chọn đi tu nghiệp tại Nhạc viện Kiếp (Liên Xô). Năm 1964, đồng chí trở về công tác tại Vụ Âm nhạc và Múa (nay là Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Về nước khi cả nước bước vào giai đoạn quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Nhạc sĩ Vĩnh Bảo gác lại việc tiếp tục đi tu nghiệp ở Nhạc viện Kiếp (Liên Xô), xung phong đi B vào chiến trường miền Nam.

Cuối năm 1965, khi đang công tác tại Vụ Âm nhạc và Múa, ông tình nguyện xin vào chiến trường miền Nam hoạt động. Ngày 03 tháng 02 năm 1966, ông nhận công tác ở Hội Văn nghệ Giải phóng miền Nam Việt Nam, được phân công dạy âm nhạc cho các cán bộ, diễn viên Đoàn Văn công giải phóng và sáng tác âm nhạc. Ngày 03 tháng 12 năm 1966 đồng chí được điều đến công tác tại vùng Củ Chi – Bến Cát, nơi diễn ra bom đạn ác liệt, thời gian 3 tháng. Ngoài việc biểu diễn phục vụ đồng bào, chiến sĩ, đồng chí còn sưu tầm dân ca, sáng tác âm nhạc... Ngày 04 tháng 06 năm 1967, sau khi hoàn thành đợt công tác dài ngày tại Củ Chi, trên đường trở về căn cứ nhận nhiệm vụ, Nguyễn Vĩnh Bảo đã hy sinh tại bến Nha Thước ở thượng nguồn sông Sài Gòn.

Hy sinh anh dũng ở độ tuổi 31, Nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Bảo đã để lại cho đời 41 tác phẩm âm nhạc, trong đó có 26 tác phẩm thanh nhạc, 15 tác phẩm khí nhạc. Đặc biệt, quá trình học tại Liên Xô, ông đã sáng tác 6 ca khúc và 14 khí nhạc, viết cho độc tấu, song tấu, tam tấu violon - cello - piano, nhiều bản đã được các nghệ sĩ Thái Thị Liên, Đặng Thái Sơn biểu diễn...

Theo đánh giá của giới chuyên môn, đặc điểm chủ đạo trong sáng tác của Nguyễn Vĩnh Bảo là sự gắn bó, hòa quyện giữa chất âm nhạc dân gian Việt Nam và âm nhạc cổ điển. Trong số các tác phẩm khí nhạc của Vĩnh Bảo, bản Capriccio viết cho đàn piano được nhiều người yêu thích nhất. Capriccio là khúc tùy hứng dài hơi, liền mạch, thể hiện một năng lực sáng tạo lớn, giàu cảm xúc. Đây là tác phẩm màu sắc tình cảm đa dạng, phong phú, cuốn hút từ đầu tới cuối. Capriccio được coi là một tác phẩm mẫu mực, luôn có mặt trong giáo trình của Nhạc viện Hà Nội. Với tác phẩm này, Nhạc sĩ Doãn Nho đánh giá Vĩnh Bảo là “Nhạc sĩ Việt Nam đầu tiên viết một bản khí nhạc lớn và hay đến thế.”

Từ lúc tự đặt cho mình bút danh độc đáo, đầy khí phách - Nguyễn Hy Sinh, khi mới 11 tuổi, tới việc kiên quyết xin đến “Củ Chi đất thép” giữa lúc cuộc chiến dữ dội nhất, đương thời và hậu thế dễ dàng nhận ra Vĩnh Bảo sớm thể hiện ý thức xả thân vì nước và trọn cuộc đời tuy ngắn ngủi nhưng tỏa sáng của người nhạc sĩ anh hùng đều hướng tới lý tưởng cao đẹp ấy.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Với những cống hiến và thành tích xuất sắc, Nguyễn Vĩnh Bảo đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba và nhiều phần

thường cao quý khác. Đặc biệt, ngày 23/7/2014, Nguyễn Vĩnh Bảo được Nhà nước Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 2* (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (9 tập), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.

- Đảng bộ Quân sự huyện Ân Thi, *Lịch sử Đảng bộ quân sự huyện Ân Thi (1947-2020)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2020.

- *Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội Nhân dân, 2021.

- *Tạp chí Văn hóa phát triển/ Nguyễn Văn Trường.- ngày 16 tháng 7 năm 2021.*

- *Hội Nhạc sĩ Việt Nam/ Nguyễn Đăng Dương.- ngày 12 tháng 9 năm 2013.*

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Nguyễn Vĩnh Bảo vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

3.2.19- DƯƠNG THỊ XUÂN QUÝ (1941 - 1969)

- *Tên khác:* Không có

- *Ngày, tháng, năm sinh:* Bà sinh ngày 19/4/1941. Mất: Ngày 08/3/1969.

- *Quê quán:* Tại làng Phú Thị, xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời, sự nghiệp:*

Sinh ra và lớn lên trong môi trường văn hóa, Dương Thị Xuân Quý từ bé đã bộc lộ năng khiếu và say mê văn chương từ nhỏ. Ngay khi mới 7 tuổi, lúc đang sống với gia đình tại Thái Nguyên thuộc chiến khu Việt Bắc, Dương Thị Xuân Quý đã có thói quen ghi nhật ký. Sau ngày giải phóng Thủ đô, chị về Hà Nội học Trường phổ thông cấp 2 Trưng Vương. Tốt nghiệp phổ thông, chị vào học Trường trung cấp Kỹ thuật mỏ Quảng Ninh. Tuy nhiên, do năng khiếu văn chương, chị được giới thiệu theo học một khóa báo chí do Ban Tuyên huấn

Trung ương mở. Sau khi tốt nghiệp khóa học, chị được cử về làm phóng viên Báo Phụ nữ Việt Nam từ năm 1961 đến năm 1968. Trong thời gian này, chị theo học thêm tại lớp ban đêm chương trình Ngữ văn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Khi Mỹ ném bom miền Bắc, Dương Thị Xuân Quý là cây bút nhiệt tình, luôn có mặt ở những nơi khó khăn, ác liệt nhất. Năm 1965, chị viết đơn tình nguyện xin được vào chiến trường miền Nam chiến đấu. Tháng 2 năm 1966, chị lập gia đình. Tháng 12 năm đó, chị sinh con gái đầu lòng và cũng là duy nhất đặt tên là Bùi Dương Hương Ly (sau này được chị lấy làm bút danh của mình). Tháng 4 năm 1968, chị lên đường vượt Trường Sơn vào miền Nam, khi con gái mới 16 tháng tuổi. Lúc ấy, chồng chị - nhà thơ Bùi Minh Quốc - đã có mặt ở chiến trường từ một năm trước đó. Tháng 7 năm 1968, chị vào đến chiến trường, nhận nhiệm vụ phóng viên Tạp chí Văn nghệ Giải phóng Trung Trung bộ (Khu 5). Qua những chuyến đi thực tế, chất liệu báo chí đã được chuyển hóa thành chất liệu văn chương ở chị như một lẽ tự nhiên. Tập truyện ngắn đầu tay *Chỗ đứng* của chị xuất bản năm 1968 mang ý nghĩa tuyên ngôn cho lẽ sống, tâm thế của cả một thế hệ trong những năm tháng chiến đấu ác liệt và gian khổ. Tác phẩm thứ 2, truyện ký mang tên *Hoa rừng* ra mắt không lâu (1970) khi chị vào Liên khu V, đánh dấu bước tiến vững vàng về văn nghiệp của chị.

Đêm 08/3/1969, Dương Thị Xuân Quý đã anh dũng hy sinh tại thôn Thi Thại, xã Xuyên Tân (nay là Duy Thành), huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam trong một trận càn quét ác liệt của giặc.

Hy sinh khi tuổi đời còn quá trẻ với bao ý tưởng ấp ủ còn tạm gác lại để hoàn thành nhiệm vụ của người phóng viên chiến trường, ngoài truyện ngắn đầu tay *Về làng* (1960), Dương Thị Xuân Quý còn 3 tác phẩm văn học gồm: *Chỗ đứng* (1968), *Hoa rừng* (1970), *Nhật ký Trường Sơn*.

Dương Thị Xuân Quý là một cây bút nữ khá tinh tế. Các tác phẩm của chị tập trung ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam, đó là phẩm chất cần cù lao động, dũng cảm chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc. Dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào họ vẫn vươn lên đấu tranh giành quyền bình đẳng thật sự cho bản thân, tự khẳng định bản lĩnh và phẩm chất cao đẹp của mình, ngay cả những giây phút ác liệt nơi chiến trường. Dù chưa thực hiện trọn vẹn hoài bão sáng tác của mình, Dương Thị Xuân Quý đã góp phần vào việc xây dựng hình tượng người phụ nữ Việt Nam mới trong lịch sử văn học nước ta.

- *Đánh giá về công trạng, sự nghiệp (Sách báo, tài liệu, công trình đánh giá, ghi danh):*

+ Năm 2007, nhà văn, nhà báo, liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học - nghệ thuật.

+ Các sách, báo khác đã ghi danh:

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Giang, *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Giang (1975-2020)*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2010.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 1 (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên*, tập 2 (từ năm 1945 đến năm 2015), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1-2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- Bùi Minh Quốc, *Dương Thị Xuân Quý - nhật ký - tác phẩm*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2007.

- *Dương Thị Xuân Quý, nữ phóng viên chiến trường quả cảm*, <https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/duong-thi-xuan-quy-nu-phong-vien-chien-truong-qua-cam-25457-101.html>

- Dương Thị Xuân Quý, *Nhật ký chiến trường: Những trang nhật ký cuối cùng của Nhà văn liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý*, Nxb Văn hoá Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2019.

- *Hợp tuyển văn học Hưng Yên hiện đại*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2008.

- Hữu Thịnh, *Dương Thị Xuân Quý - Tấm gương về nhân cách nhà văn và người phụ nữ Việt Nam*, <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/duong-thi-xuan-quy--tam-guong-ve-nhan-cach-nha-van-va-nguoi-phu-nu-viet-nam-521007.html>.

- *Nhà văn Dương Thị Xuân Quý (1941 - 1969)*, <https://baotangvanhoc.vn/giai-thuong-nha-nuoc/dot-2-giai-thuong-nha-nuoc/nha-van-duong-thi-xuan-quy-1941-1969/>

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Dương Thị Xuân Quý vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

4. Danh nhân lĩnh vực Khoa học - kỹ thuật

4.1. Khái quát về danh nhân lĩnh vực khoa học - kỹ thuật

Căn cứ vào tiêu chí trên, sau khi rà soát 127 nhân vật được đề xuất bổ sung danh nhân Hưng Yên, có 04/125 nhân vật thuộc lĩnh vực khoa học - kỹ thuật cụ thể thông qua số liệu bảng sau:

Bảng nhân vật về lĩnh vực khoa học - kỹ thuật

| STT | Tên nhân vật | Quê quán |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------|
| 1. | Dương Trọng Bái (1924 - 2011) | Văn Giang (xã Mỹ Sở) |
| 2. | Vũ Văn Cẩn (1915 - 1982) | Thị xã Mỹ Hào (phường Bạch Sam) |
| 3. | Tạ Mỹ Duật (1910 - 2010) | Khoái Châu (xã Đồng Tiến) |
| 4. | Ngô Huy Quỳnh (1920 - 2003) | Thị xã Mỹ Hào (phường Phùng Chí Kiên) |

Khác với các ngành: văn hóa, văn học, nghệ thuật, nền khoa học kỹ thuật của nước ta chỉ thực sự hình thành và phát triển từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, cùng với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thực tế cho thấy, các nhà khoa học hàng đầu của Việt Nam như Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng... đã phát huy được cao nhất sức sáng tạo của mình khi theo tiếng gọi của Đảng và Bác Hồ, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Những nhân vật thuộc lĩnh vực khoa học - kỹ thuật được đề xuất bổ sung danh nhân Hưng Yên kể trên cũng vậy. Họ đều là những con người yêu nước, có những công lao và cống hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

4.2. Cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân lĩnh vực Khoa học – Kỹ thuật

4.2.1. DƯƠNG TRỌNG BÁI

- *Ngày tháng năm sinh:* Dương Trọng Bái sinh ngày 24 tháng 8 năm 1924, mất ngày 18 tháng 3 năm 2011

- *Quê quán:* Tại làng Phú Thị, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời sự nghiệp:* Dương Trọng Bái là con trai liệt sĩ, Giáo sư Dương Quảng Hàm; cháu nội của Dương Trọng Phổ, người tham gia phong trào Đông Kinh nghĩa thực bị Pháp đày ra Côn Đảo; là cháu của Đốc học Hà Nội, Dương Duy Thanh. Anh trai ông là bác sĩ Dương Bá Bành, một bác sĩ phẫu thuật giỏi tại Pháp. Em gái ông là Giáo sư Lê Thi (tức Dương Thị Thoa), Viện trưởng Viện Triết học, người kéo lá cờ đỏ sao vàng trên Quảng trường Ba Đình ngày 02 tháng 9 năm 1945.

Năm 1948, ông cùng một số cán bộ đầu tiên xung phong dạy học ở Trường Trung học Kháng chiến Đào Dã. Từ năm 1955 đến năm 1956, ông là cán bộ giảng dạy, Chủ nhiệm Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Từ năm 1966 đến 1975, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo đầu tiên xây dựng Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, đảm nhận nhiệm vụ Phó Hiệu trưởng

rời Hiệu trưởng nhà trường. Từ 1976 đến 1980, ông là Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội.

Trong hoạt động giáo dục, Dương Trọng Bái chú trọng bồi dưỡng giáo viên, nhất là phương pháp giảng dạy bộ môn. Theo ông, "vật lý là môn học thực nghiệm nên thực hành có tầm quan trọng đặc biệt". Năm 1980, ông được Nhà nước phong hàm Giáo sư.

Từ năm 1981, Giáo sư Dương Trọng Bái chủ trì việc thi học sinh giỏi quốc gia môn vật lý; tuyển chọn, bồi dưỡng đội tuyển thi quốc tế. Ông đã 8 lần dẫn đoàn học sinh giỏi quốc gia môn vật lý đi thi quốc tế, góp phần quan trọng vào thành tích chung của đoàn Việt Nam. Từ năm 1992 trở đi, ông nghỉ hưu nhưng được Bộ Giáo dục và Đào tạo mời làm Chủ tịch Hội đồng bộ môn vật lý phổ thông của Bộ

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Dương Trọng Bái, Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Nhà vật lý, Anh hùng Lao động.

+ Với tư cách nhà khoa học vật lý, Dương Trọng Bái là một trong ba người (cùng với Nguyễn Đình Tứ và Hoàng Phương) Việt Nam đầu tiên sang nghiên cứu vật lý hạt nhân ở Viện Đupna (Liên Xô). Tại đây, ông nghiên cứu đề tài *Năng lượng phổ hạt nhân*. Khi về nước, ông xây dựng *Bảng đơn vị đo lường hợp pháp* đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1964), tham gia xây dựng bộ *Thuật ngữ tiếng Việt* môn vật lý; biên soạn bộ sách giáo khoa vật lý cấp phổ thông trung học, bộ sách sử dụng từ năm 1955 đến 1989.

+ Giáo sư Dương Trọng Bái được Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Anh hùng Lao động năm 2000

- *Các tài liệu sách báo viết về Dương Trọng Bái:*

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

+ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử tỉnh Hưng Yên, tập 1* (từ khởi thủy đến năm 1945), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

+ *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002

+ *GS Dương Trọng Bái: Dạy đạo làm người*, <https://nongnghiep.vn/gs-duong-trong-bai-day-dao-lam-nguoi-d240648.html>

+ Lê Văn Ba, *Miền quê Văn Giang*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004.

+ Phạm Đức Hạnh, *Dương Trọng Bái - Con người và sự nghiệp giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006.

+ Phạm Minh Hoàng và Hoàng Thị Thanh Mai (2020), *Văn Giang - Vùng phù sa văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Dương Trọng Bái vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

4.2.2. VŨ VĂN CẢN

- *Ngày tháng năm sinh*: Vũ Văn Cản năm 1915, mất 1982

- *Quê quán*: Tại xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào (nay là phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Năm 1936, ông học tại Trường Đại học Y Dược Hà Nội, tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa về mắt vào năm 1943. Năm 1941, ông là cộng tác viên báo Thanh Nghị của nhóm Vũ Đình Hoè, Vũ Văn Hiền, Phan Anh... thành viên Tân Việt Nam hội. Năm 1942, ông giác ngộ và tích cực hoạt động trong Tổng hội sinh viên. Cuối năm 1944, thực dân Pháp tập trung ông cùng một số bác sĩ vào Quân đội Pháp, được 3 tháng thì đảo chính Nhật - Pháp nổ ra.

Ngày 09 tháng 3 năm 1945, quân Pháp buộc ông chạy sang Trung Quốc, ông trốn được chạy về Hà Nội, tiếp tục hoạt động trong Tổng hội sinh viên. Năm 1946, ông nhập ngũ, được phân công làm Cục trưởng Cục Quân y. Năm 1947, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1950, được thăng quân hàm Đại tá.

Từ năm 1964 đến năm 1970, ông là Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần kiêm Cục trưởng cục Quân y. Năm 1969, ông làm Thứ trưởng Bộ Y tế. Từ năm 1971 đến năm 1974 ông Quyền Bộ Trưởng Bộ Y tế. Từ năm 1975 đến năm 1982, ông là Bộ trưởng Bộ Y tế. Ông còn là đại biểu Quốc hội các khóa IV, V, VI, VII.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật*:

+ Vũ Văn Cản là nhà hoạt động chính trị, Bộ trưởng Bộ Y tế, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Vũ Văn Cản là người có công xây dựng nền y học quân sự cách mạng với 2 nhiệm vụ cơ bản: Bảo vệ sức khỏe quân đội và cứu chữa, điều trị cho thương binh, bệnh binh.

+ Với những đóng góp cho ngành y tế, ông được tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng Nhất; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời

kỳ kháng chiến chống Pháp (được truy tặng năm 2014)⁴⁴; Huân chương Quân công hạng Nhì; Huân chương Chiến công hạng Nhất; Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba. Giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ và nhiều phần thưởng khác.

+ Hiện nay, tên của ông được đặt cho tuyến đường thuộc quận Hà Đông của Thủ đô Hà Nội; quận Ngũ Hành Sơn, thuộc thành phố Đà Nẵng và thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.

- Các tài liệu sách báo viết về Vũ Văn Cẩn

+ Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hòa (2022), *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hòa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội

+ Báo Gia đình & Xã hội ngày 09 tháng 10 năm 2015

+ Báo Sức khỏe và đời sống ngày 31 tháng 12 năm 2014

+ Bộ Quốc phòng - Trung tâm từ điển bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 2005, tr.1188.

+ *Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh cố Bộ trưởng Bộ Y tế Vũ Văn Cẩn*, <https://dangcongsan.vn/y-te/ky-niem-100-nam-ngay-sinh-co-bo-truong-bo-y-te-vu-van-can-326361.html>.

+ Nguyễn Thị Kim Tiến, *BS. Vũ Văn Cẩn, một sự nghiệp vì sức khỏe bộ đội và nhân dân*, <https://suckhoedoisong.vn/bs-vu-van-can-mot-su-nghiep-vi-suc-khoe-bo-doi-va-nhan-dan-169106274.htm>.

+ *Những đại tá hạng nhất đầu tiên: Bác sĩ Vũ Văn Cẩn - anh cả quân y*, <https://thuvienbinhphuoc.org.vn/News/NewDetail/nhung-dai-ta-hang-nhat-dau-tien-bac-si-vu-van-can-anh-ca-quan-y>

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

4.2.3. TẠ MỸ DUẬT

- *Ngày tháng năm sinh*: Tạ Mỹ Duật sinh ngày 07 tháng 12 năm 1910

- *Quê quán*: Tại xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Năm 1937, ông tốt nghiệp Trường Mỹ thuật Đông Dương khóa VIII (1932 - 1937). Tạ Mỹ Duật tham gia cách mạng từ những ngày đầu diễn ra cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, ông rời Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, làm Chủ tịch Ủy ban Công chính Nha Công chính Bắc Bộ; Ủy viên Tài chính Tổng hội

⁴⁴ Quyết định số 2689/QĐ-CTN ngày 21/10/2014 của Chủ tịch nước ký truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

viên chức cứu quốc. Trong thời gian ở Việt Bắc, ông thiết kế và thi công khu Giao tế Trung ương.

Từ ngày từ 24 đến 27 tháng 4 năm 1948, tại Thản Sơn (Việt Bắc) diễn ra Hội nghị thành lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam. Ông là một trong 8 kiến trúc sư sáng lập và dự Hội nghị thành lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam (tiền thân của Hội Kiến trúc sư Việt Nam ngày nay).

Ông làm Ủy viên Ban Chấp hành khóa I. Sau đó, tại Hội nghị thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành khóa I. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng. Năm 1950 - 1951, ông làm Chuyên viên Vụ Kiến trúc, Ban Nghiên cứu kế hoạch và kỹ thuật - Bộ Giao thông công chính. Từ năm 1962 - 1975, ông làm Cục phó Cục Xây dựng Hà Nội, Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội khóa III; Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa II, IV, V, VI.

Ông làm Ủy viên Ban Chấp hành khóa I. Sau đó, tại Hội nghị thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành khóa I. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng. Năm 1950 - 1951, ông làm Chuyên viên Vụ Kiến trúc, Ban Nghiên cứu kế hoạch và kỹ thuật - Bộ Giao thông công chính. Từ năm 1962 - 1975, ông làm Cục phó Cục Xây dựng Hà Nội, Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội khóa III; Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa II, IV, V, VI.

Sau khi nghỉ hưu, với lòng yêu nghề, Tạ Mỹ Duật vẫn tham gia thiết kế, xây dựng quy hoạch, vẽ mỹ thuật, nghiên cứu lý luận phê bình kiến trúc... Ông dành nhiều thời gian thiết kế các mẫu nhà ở, công trình công cộng ở nông thôn. Năm 1979, tại nhà số 4 Tràng Thi (Hà Nội), ông mở cuộc triển lãm *Mẫu nhà ở ít tầng* dành cho nông thôn đồng bằng, trung du và miền núi phía bắc. Cuộc triển lãm là thành quả nghiên cứu của ông thời kỳ đi kháng chiến trong chiến khu Việt Bắc, điều đó chứng tỏ ông vẫn luôn quan tâm, trăn trở đến cuộc sống của tầng lớp nhân dân nghèo từ nông thôn đến thành thị. Tháng 8 năm 1985, tại số nhà 25, phố Đinh Tiên Hoàng (Hà Nội), ông mở triển lãm *Kiến trúc và hội họa* được giới kiến trúc, mỹ thuật đánh giá cao. Ngoài ra, ông còn có bộ sưu tập 80 bài báo về kiến trúc và quy hoạch đô thị viết từ năm 1948 đến năm 1984

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Tạ Mỹ Duật là kiến trúc sư, có nhiều đóng góp trong lĩnh vực kiến trúc của Việt Nam.

+ Tạ Mỹ Duật không chỉ thành công về thiết kế, kiến trúc, phê bình lý luận.... ông còn để lại 40 bức tranh sơn dầu khổ lớn về phong cảnh Việt Nam

và các nước nơi ông từng đến. Tranh của ông được trưng bày, lưu giữ tại Hà Lan, Thụy Điển, Pháp, một số nước Châu Phi ...

+ Các tác phẩm của Tạ Mỹ Duật được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

+ Tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng có con đường mang tên Tạ Mỹ Duật.

- *Các tài liệu sách báo viết về Tạ Mỹ Duật:*

+ Đặng Thái Hoàng, *Các bài nghiên cứu lý luận phê bình dịch thuật kiến trúc*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2002.

+ Đoàn Đức Thành, *Guong mặt Kiến trúc sư Việt Nam - Kiến trúc sư Đoàn Văn Minh*, <https://kienviet.net/2021/08/19/guong-mat-kts-viet-nam-kts-doan-van-minh/>.

+ Đoàn Đức Thành, *Những tác phẩm tiêu biểu của kiến trúc sư Trường Mỹ thuật Đông Dương*, Tạp chí Kiến Trúc, số 146, 6-2007.

+ Đoàn Đức Thành, *100 năm ngày sinh KTS Tạ Mỹ Duật (1910-2010)*, <https://www.tapchikientruc.com.vn/tin-tuc/tin-hoi-kts-viet-nam/100-nam-ngay-sinh-kts-ta-my-duat-1910-2010.html>

+ Lê Minh Sơn, *Vai trò của thế hệ kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên trong việc tạo lập nền tảng lý thuyết kiến trúc Quốc gia*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, 8/2020.

+ Ngô Huy Quỳnh, *Lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998.

+ Ngô Huy Quỳnh, *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2020.

+ Nguyễn Cao Luyện, *Bàn về vấn đề dân tộc và hiện đại trong kiến trúc Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 1994.

+ Nguyễn Quang Thắng và Nguyễn Bá Thế (1997), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

+ Phạm Xuân Nguyên, *Người trăm năm của đất nghìn năm*, <https://thethaovanhoa.vn/nguoi-tram-nam-cua-dat-nghin-nam-20101207093204202.htm>

+ Tạ Mỹ Dương (2010), *Tạ Mỹ Duật - Dấu ấn thời gian*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá:* Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Tạ Mỹ Duật vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

4.2.4. NGÔ HUY QUỲNH

- *Ngày tháng năm sinh*: Ngô Huy Quỳnh sinh ngày 15 tháng 5 năm 1920, mất ngày 30 tháng 5 năm 2003

- *Quê quán*: Tại phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

- *Cuộc đời sự nghiệp*: Năm 1938, sau khi tốt nghiệp trung học, ông thi đỗ vào Khoa Kiến trúc, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, một trường nổi tiếng thời bấy giờ ở Hà Nội. Năm 1941, ông tham gia viết bài trên Báo Sinh viên, phê phán quan điểm nghệ thuật tư sản của một số văn nghệ sĩ đương thời và bày tỏ quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh, vì nền văn hóa dân tộc, cổ động sinh viên trí thức trở về với bản sắc truyền thống.

Năm 1943, sau khi tốt nghiệp, trở thành kiến trúc sư, ông chính thức tham gia Việt Minh và được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn hóa cứu quốc - một tổ chức nghề nghiệp chính trị do Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập và lãnh đạo.

Ngày 01 tháng 9 năm 1945, Ngô Huy Quỳnh vinh dự được giao trực tiếp thiết kế và thi công Lễ đài Độc lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Tháng 10 năm 1945, Ngô Huy Quỳnh được kết nạp vào Đảng Cộng sản.

Năm 1947, Ngô Huy Quỳnh cùng với các kiến trúc sư như: Nguyễn Cao Luyện, Trần Hữu Tiềm, Hoàng Như Tiếp thành lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam, tiền thân của Hội Kiến trúc sư Việt Nam ngày nay.

Năm 1951, ông được cử đi nghiên cứu Quy hoạch thị thôn (đô thị - nông thôn) tại Liên Xô.

Năm 1955, ông về nước và làm việc tại Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng), trực tiếp chủ trì lập đồ án quy hoạch Thủ đô Hà Nội với sự giúp đỡ của chuyên gia Liên Xô. Tiểu khu nhà ở Kim Liên do ông thiết kế, lần đầu được xây dựng tại Thủ đô, đây là mốc khởi đầu trong lĩnh vực thiết kế và xây dựng nhà ở của ngành xây dựng Việt Nam.

Năm 1961, Ngô Huy Quỳnh được cử làm Trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam sang giúp Lào quy hoạch, thiết kế và chỉ đạo xây dựng thành phố Viên Chăn, Khang Khay. Sau khi về nước, ông tiếp tục đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong ngành kiến trúc và xây dựng như: Ủy viên Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Quy hoạch đô thị, nông thôn, Cố vấn Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản nhà nước. Ông còn là Ủy viên Thường vụ, Bí thư Đảng đoàn Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Tổng Biên tập Tạp chí Kiến trúc và tham gia giảng dạy tại các trường: Đại học Bách Khoa, Đại học Kiến trúc, Đại học Xây dựng. Ngô Huy Quỳnh cũng đã tham gia chỉ đạo thiết kế nhiều công trình lớn tiêu biểu như quy hoạch Khu trung tâm Hà Nội, Trụ sở Quốc hội và có

nhiều công trình nghiên cứu về lý luận kiến trúc như: Tính dân tộc trong kiến trúc, thiết kế và quản lý đô thị nông thôn...

Năm 1984, ông được Nhà nước phong hàm Giáo sư. Bộ sách “Lịch sử Kiến trúc Việt Nam” của ông được giới khoa học, kiến trúc đánh giá cao, được trao giải thưởng Nhà nước về khoa học nghệ thuật.

- *Đánh giá công trạng của nhân vật:*

+ Ngô Huy Quỳnh là kiến trúc sư, người đặt nền móng cho ngành kiến trúc Việt Nam tiền thân của Hội Kiến trúc sư Việt Nam ngày nay.

+ Ngô Huy Quỳnh là một trong số ít các tác giả đi sâu nghiên cứu về lịch sử kiến trúc Việt Nam, ông đã cho xuất bản nhiều tác phẩm về lý luận kiến trúc Việt Nam, đặc biệt là tác phẩm “Lịch sử kiến trúc Việt Nam” được giới khoa học xã hội và kiến trúc đánh giá cao, là cuốn sách gối đầu giường của sinh viên các trường kiến trúc. Bộ sách “Lịch sử Kiến trúc Việt Nam” của ông được giới khoa học, kiến trúc đánh giá cao, được trao giải thưởng Nhà nước về khoa học nghệ thuật.

- *Các tài liệu sách báo viết về Ngô Huy Quỳnh:*

+ Đoàn Đức Thành, *Guồng mặt Kiến trúc sư Việt Nam - Kiến trúc sư Đoàn Văn Minh*, <https://kienviet.net/2021/08/19/guong-mat-kts-viet-nam-kts-doan-van-minh/>.

+ Đoàn Đức Thành, *Những tác phẩm tiêu biểu của kiến trúc sư Trường Mỹ thuật Đông Dương*, Tạp chí Kiến Trúc, số 146, 6-2007.

+ Hà Thành, *Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Giáo sư - Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh*, <https://kienviet.net/2011/09/01/kiem-truc-su-ngo-huy-quynh/>

+ Huệ Viên, *Ngô Huy Quỳnh - người nghệ sĩ đa tài* (Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh (1920-2020).

+ <https://tapchimythuat.vn/tac-gia-tac-pham/ngo-huy-quynh-nguoi-nghe-si-da-tai/>.

+ *Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh, người đặt nền móng kiến trúc Việt Nam*, <https://baotuyenquang.com.vn/>

+ Lê Minh Sơn, *Vai trò của thế hệ kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên trong việc tạo lập nền tảng lý thuyết kiến trúc Quốc gia*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, 8/2020.

+ Ngô Huy Quỳnh, *Lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998.

+ Ngô Huy Quỳnh, *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2020.

+ Tôn Đại, *Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh*,
<https://kienviet.net/2011/09/01/kiem-truc-su-ngo-huy-quynh/>

+ Vũ Tiến Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- *Nhận xét, đánh giá*: Từ kết quả nghiên cứu, Ban Chủ nhiệm đề xuất bổ sung nhân vật Ngô Huy Quỳnh vào danh sách Danh nhân tỉnh Hưng Yên.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hung Yên là tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, là mảnh đất trù phú, có truyền thống văn hiến lâu đời. Trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, vùng đất Hung Yên đã xuất hiện rất nhiều những nhân vật anh hùng hào kiệt, có đóng góp quan trọng đối với đất nước trên mọi lĩnh vực: vị quan tài giỏi, hết lòng vì nước vì dân (Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Công Trứ, Lê Hữu Kiều, Lê Đình Kiên); nhà lãnh đạo, cách mạng tài ba (Tô Hiệu, Nguyễn Văn Linh, Lê Văn Lương), nhà ngoại giao đa tài (Đào Công Soạn)... Đó là các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước có những cống hiến đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH; về quân sự có (Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Hoa Thám...); về văn hóa - nghệ thuật văn thơ, trước tác (Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Công Trứ, Đoàn Thị Điểm, Đoàn Lệnh Khương, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng), nghệ thuật (Nguyễn Đình Nghi, Tô Ngọc Vân, Dương Bích Liên, Mai Văn Chung, Vũ Thị Định)...; về khoa học có Nguyễn Công Tiễn, Phạm Huy Thông... Tên tuổi và công lao của họ đã và đang làm vẻ vang truyền thống yêu nước, hiếu học của dân tộc, làm phong phú nền văn hóa nước nhà, làm rạng danh quê hương xứ Nhãn.

1.1. Kết quả đạt được

Đề tài “Nghiên cứu đề xuất bổ sung danh nhân Hung Yên” là công trình có ý nghĩa quan trọng nhằm làm nổi bật thành tích, công trạng của những người con ưu tú của quê hương đối với dân tộc, Tổ quốc và Nhân dân.

- Về công tác khảo sát:

Ban Chủ nhiệm đề tài đã tổ chức sưu tầm, nghiên cứu tài liệu tại liệu tại cơ quan lưu trữ; các gia đình dòng họ của nhân vật; các di tích lịch sử trong và ngoài tỉnh; các cơ quan, tổ chức đoàn thể,... Với gần 200 trang là chế bản chữ Hán Nôm, phiên âm, dịch nghĩa, chú thích tài liệu Hán Nôm sang Tiếng Việt bi ký về một số nhân vật; 5.000 trang tài liệu là sách, báo, tạp chí các loại.

- Về các nhân vật lịch sử đề xuất danh nhân theo lĩnh vực:

Từ nguồn tài liệu thu thập, Ban Chủ nhiệm cùng nhóm nghiên cứu phân loại chia 125 nhân vật theo 04 nhóm

- Nhân vật về lĩnh vực: Chính trị - Quân sự có 58/125 nhân vật
- Nhân vật về lĩnh vực: Giáo dục – Khoa bảng có 43/125;
- Nhân vật về lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật có 19/125;
- Nhân vật về lĩnh vực: Khoa học – Kỹ thuật có 04/125.

Nghiên cứu, biên soạn, bổ sung danh nhân Hưng Yên là việc làm thiết thực và có ý nghĩa chính trị cao, góp phần tôn vinh, nhớ ơn những công lao đóng góp của thế hệ đi trước, đồng thời giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng cho thế hệ trẻ Hưng Yên nói riêng, cả nước nói chung. Đồng thời giáo dục truyền thống yêu quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ, tri ân những đóng góp của thế hệ đi trước, qua đó nâng cao tinh thần, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống của vùng đất Hưng Yên. Qua đó có phương hướng và giải pháp bảo vệ, phát huy, làm cơ sở để đẩy mạnh xây dựng văn hóa, con người Hưng Yên đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

1.2. Hạn chế và gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo

- Về tư liệu khảo sát: Ban Chủ nhiệm đã nghiên cứu, khảo sát tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của các nhân vật nhưng còn gặp một số khó khăn.

+ Do kinh phí để dịch thuật hạn chế vì vậy Ban Chủ nhiệm chỉ chọn chế bản và dịch một số văn bia Tiên sĩ và một số gia phả, thần tích, thần sắc của làng xã nơi nhân vật sinh sống hoặc liên quan. Vì vậy chưa dịch được đầy đủ các nhân vật đề nghị nghiên cứu.

+ Một số địa danh hành chính hiện giờ không còn mà chỉ được di ngôn, truyền miệng do vậy nguồn tài liệu này không chính thống khó làm tài liệu tham khảo khi nghiên cứu sưu tầm viết về công trạng của nhân vật.

+ Một số nhân vật đã so sánh đối chiếu tìm tư liệu xong không xác định được chính xác năm sinh năm mất do vậy vẫn phải để trống phần này mà chỉ nêu được công trạng của nhân vật.

+ Công tác sưu tầm hình ảnh về chính nhân vật nghiên cứu rất khó khăn mặc dù Ban Chủ nhiệm đã hết sức nỗ lực xong không được đầy đủ hình ảnh về tất cả các nhân vật được đề cập nghiên cứu trong đề tài.

- Về các nhân vật lịch sử tiêu biểu đề xuất danh nhân theo 04 lĩnh vực lĩnh vực:

+ Về Chính trị - Quân sự có 58/125 nhân vật (Chính trị: 18 nhân vật; Quân sự: 40 nhân vật).

+ Về Giáo dục - Khoa bảng có 44/125 nhân vật.

+ Về Văn hóa - Nghệ thuật có 19/ 125 nhân vật.

+ Về Khoa học Kỹ thuật có 04/125 nhân vật.

- Nhân vật cần tiếp tục nghiên cứu, hội thảo bổ sung thêm các nguồn tư liệu và nhận xét đánh giá của các giới chuyên môn nhân vật: Đỗ Anh Vũ và Lê Lựu.

2. Kiến nghị

Để kế thừa và phát huy kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

- Đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên cho bổ sung danh sách danh nhân Hưng Yên; đồng thời cho tái bản, có bổ sung cuốn sách “Danh nhân Hưng Yên”.

- Kết quả đề tài cung cấp nguồn tư liệu phong phú, tin cậy về lịch sử mảnh đất và con người Hưng Yên. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền cơ sở có phương hướng phát huy, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá những nhân vật tiêu biểu của địa phương, phục dựng những di sản cổ xưa, góp phần khai thác phát triển du lịch của tỉnh.

- Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan, ban ngành của tỉnh tổ chức các dự án, chương trình, cuộc thi,... tìm hiểu về lịch sử, về danh nhân của tỉnh. Qua đó, nhằm tôn vinh danh nhân và tuyên truyền quảng bá hình ảnh vùng đất Hưng Yên tới bạn bè trong nước và quốc tế.

- Cuốn sách “Danh nhân Hưng Yên” được bổ sung, tái bản sẽ là tư liệu quý giúp các nhà khoa học, các thầy cô giáo, các em học sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu. Vì vậy, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến tới hệ thống các trường học trên địa bàn tỉnh.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 **Một số hình ảnh tại Hội thảo về** **“Tiêu chí danh nhân và phân loại danh nhân tỉnh Hưng Yên”** **tổ chức ngày 11/10/2022**



Ông Đào Văn Quyến - Giám đốc Thư viện tỉnh, Chủ nhiệm Đề tài báo cáo đề dẫn và tóm tắt Dự thảo tiêu chí, phân loại danh nhân Hưng Yên



Ông Phạm Văn Nghệ - Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát biểu tại Hội thảo



Tiến sĩ Vũ Dương Thúy Nga - Nguyên Vụ trưởng Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phát biểu tại Hội thảo



Bà Hoàng Thị Thanh Mai - Phó Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật Hưng Yên phát biểu tại Hội thảo



Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ phát biểu tại Hội thảo



Tiến sĩ Lê Quang Chấn - Phó Viện trưởng Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam phát biểu tại Hội thảo

Phụ lục 2

Một số hình ảnh tại Hội thảo về “Kết quả nghiên cứu về các nhân vật lịch sử tiêu biểu đề xuất bổ sung danh nhân Hưng Yên” tổ chức ngày 30/3/2023



Tiến sĩ Ngô Hoàng Nam - Viện Sử học,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phát biểu tại Hội thảo



Thạc sĩ Dương Thị Cẩm - Nguyên Giám đốc Thư viện tỉnh Hưng Yên
phát biểu tại Hội thảo



Nhà nghiên cứu Tăng Bá Hoành - Chủ tịch Hội Sử học tỉnh Hải Dương phát biểu tại Hội thảo



Tiến sĩ Lê Quang Chấn - Phó Viện trưởng Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phát biểu tại Hội thảo

Phụ lục 3

Ảnh tư liệu về các nhân vật đề xuất bổ sung danh nhân tỉnh Hưng Yên



*Đình thôn Thổ Hoàng, TT Ân Thi
nơi thờ Thành hoàng Bùi Công Hộ*



*Đình thôn Thổ Hoàng, TT Ân Thi
nơi thờ Thành hoàng Bùi Công Hộ*



*Nơi an táng của cụ Bùi Công Hộ
tại gò đất xứ Đường Bùi (thôn Thổ Hoàng, TT Ân Thi)*



Đình Đặng Xá (Tiên Lữ), nơi phối thờ Tiến sĩ Bùi Lệnh Tá



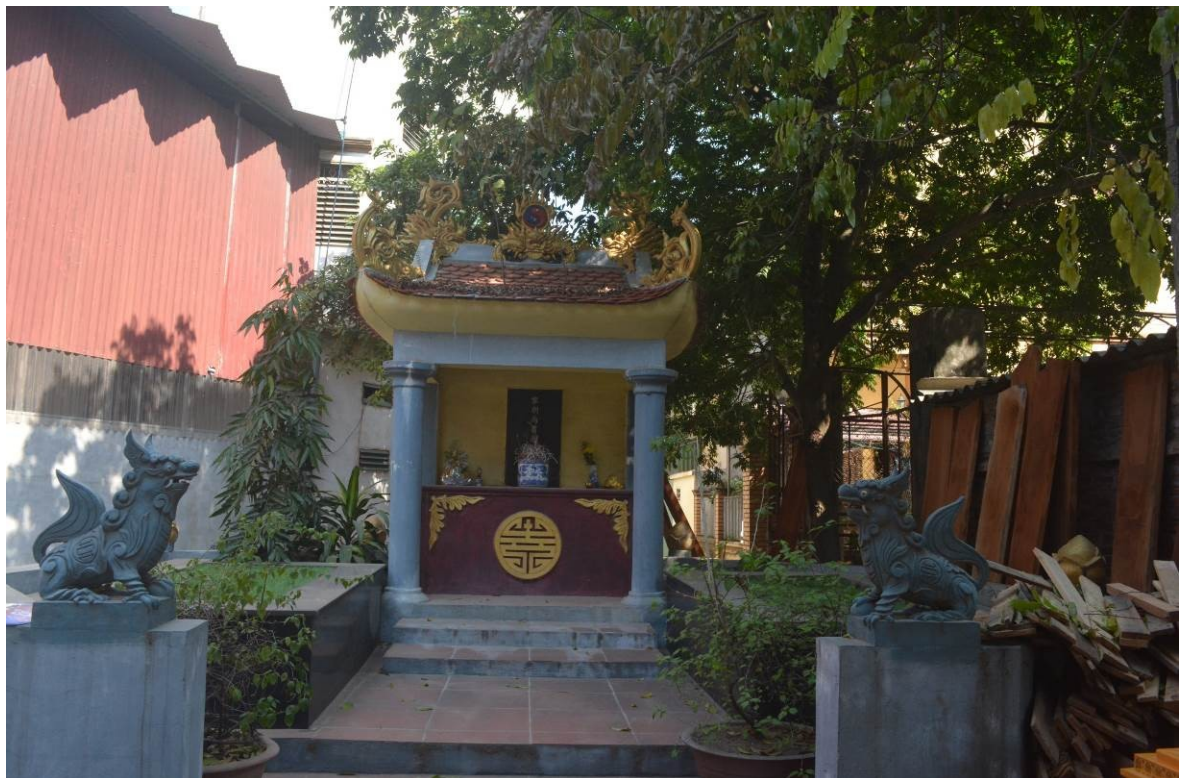
*Ban thờ Tiến sĩ Bùi Lệnh Tá
tại đình Đặng Xá, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ*



*Ban thờ Tiến sĩ Bùi Lệnh Tá
tại đình Đặng Xá, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ*



Nhà thờ Tiến sĩ Dương Công Thụ tại xã Lạc Đạo, Văn Lâm



Mộ phàn Tiến sĩ Dương Công Thụ tại xã Lạc Đạo, Văn Lâm



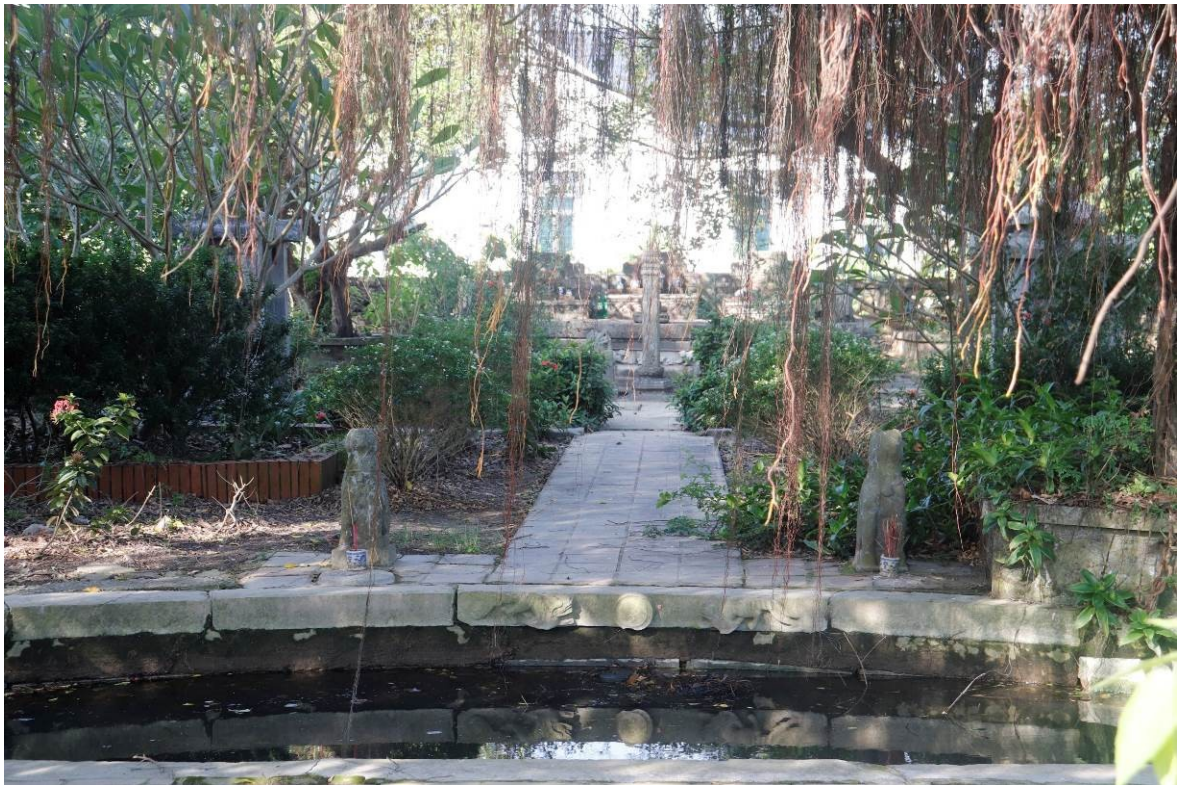
*Đình Đại Tập, xã Đại Tập, huyện Khoái Châu
nơi phối thờ Lãnh binh Dương Văn Diễn*



*Ban thờ Lãnh binh Dương Văn Diễn
tại đình Đại Tập, xã Đại Tập, huyện Khoái Châu*



Lăng mộ Quận công Vũ Vinh Tiến tại xã Phù Ủng, Ân Thi



Lăng mộ Quận công Vũ Vinh Tiến tại xã Phù Ủng, Ân Thi



1640

*Quận công Vũ Vinh Tiến được lưu danh
tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội*



*Lăng mộ cụ Đỗ Anh Vũ
tại xã Đông Tiến, huyện Khoái Châu*



*Ban thờ cụ Đỗ Anh Vũ tại Lăng mộ
thuộc xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu*



*Văn bia tại đền An Lạc (Đồng Tiến, Khoái Châu)
nơi thờ Đỗ Anh Vũ*



*Nhà thờ Đỗ Thế Diên
tại thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ*



*Ban thờ Đỗ Thế Diên
tại thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ*



*Văn bia tại nhà thờ Đổ Thế Diên
tại thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ*



Phòng thờ tại nhà riêng của Thượng tướng Hoàng Minh Thảo



*Con đường mang tên Thượng tướng Hoàng Minh Thảo
tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội*



Nhà thờ dòng họ Lê Hữu tại xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ



*Văn bia Hoàng giáp Lê Hữu Danh
tại nhà thờ dòng họ Lê Hữu, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ*



Nhà thờ dòng họ Lê Hữu tại xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ



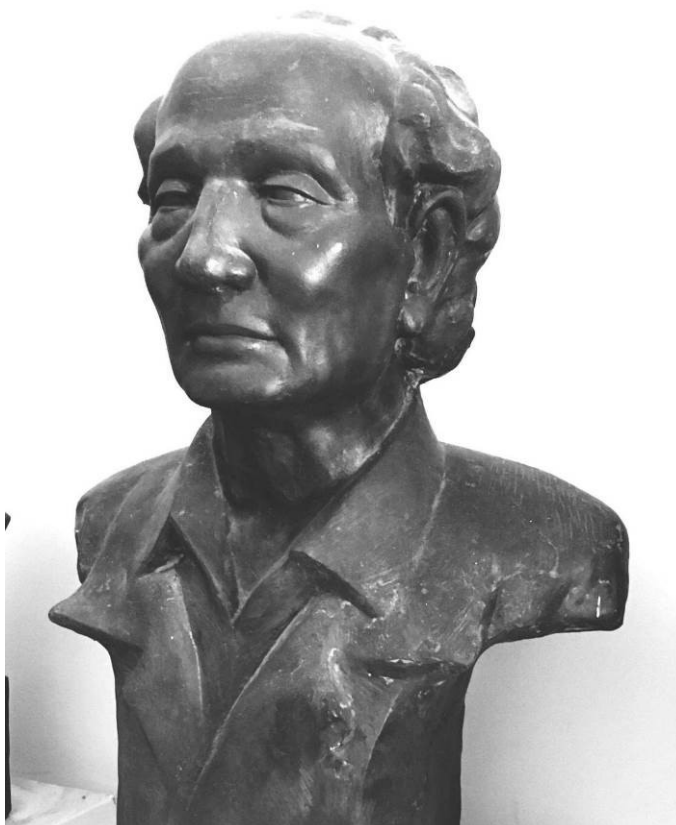
*Bia tưởng niệm liệt sỹ, anh hùng Lê Hữu Dương
tại xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ*



*Bằng khen truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Lê Hữu Dương
ngày 28/4/2000*



Giải thưởng Hồ Chí Minh của họa sỹ Lê Quốc Lộc năm 2000



Bức tượng tạc bằng đồng về họa sỹ Lê Quốc Lộc do Hội Mỹ thuật Việt Nam đúc tặng



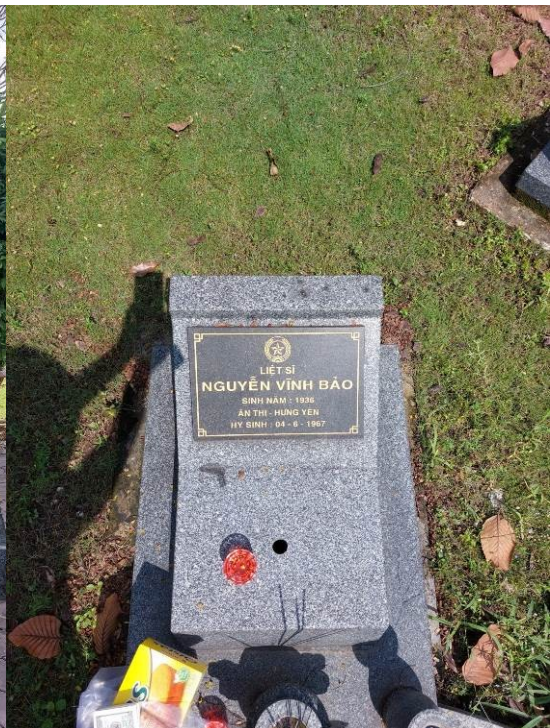
*Đền Cổ Lê (quận Tây Hồ, Hà Nội)
nơi phối thờ Tiến sĩ Nguyễn Huy Trạc*



*Ngai thờ và bài vị Tiến sĩ Nguyễn Huy Trạc
tại đền Cổ Lê (quận Tây Hồ, Hà Nội)*



*Đền thờ và ngai thờ Quách Đại Dong
tại làng Ông Đình, xã Ông Đình, huyện Khoái Châu*



Phần mộ của liệt sĩ, nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Bảo tại Nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



*Đồng chí Lê Giản – Nguyên Giám đốc Nha công an TW
Nguyên Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*



*Cổng nhà thờ họ Trần tại xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm
(Tiến sĩ Trần Ngọc Nguyên được thờ tại đây)*



*Nhà thờ họ Trần tại xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm
(Tiến sĩ Trần Ngọc Nguyên được thờ tại đây)*



*Nhà thờ họ Đặng thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm
(Đặng Duy Thiệu và Đặng Văn Khải được thờ tại đây)*



Kiến trúc sư Tạ Mỹ Duật (1910-1989)



*KTS Tạ Mỹ Dương – con trai của KTS Tạ Mỹ Duật
tặng sách cho Thư viện tỉnh tại nhà riêng ở Quận 7, TP Hồ Chí Minh*



*Phòng làm việc, kỷ vật của KTS Tạ Mỹ Duật
tại căn nhà số 12, đường Nguyễn Chế Nghĩa, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội*



Họa sĩ Lương Xuân Nhị cùng con trai và con dâu



Tiến sĩ Nguyễn Tuấn được thờ tại đình Đại Quan, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu



*Đền Đại Quan, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu
nơi thờ Tiến sĩ Nguyễn Tuấn*



*Ban thờ Tiên sĩ Nguyễn Tuấn
tại đền Đại Quan, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu*



*Tên của đồng chí Tô Quyền được đặt cho một con đường
tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên*



Tên của đồng chí Tô Quyền được đặt cho một trường mầm non tại xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên



Đình Bến tại xã Phụng Công, huyện Văn Giang nơi thờ cụ Lã Đường/Lữ Đường



*Tượng Lã phu nhân và Lã công
tại đình Bền, xã Phụng Công, huyện Văn Giang*



*Đình Lại Ốc, xã Long Hưng, huyện Văn Giang
nơi thờ Thành hoàng Đỗ Tông*



*Đình Lại Ốc, xã Long Hưng, huyện Văn Giang
nơi thờ Thành hoàng Đỗ Tông*



*Ngai thờ Thành hoàng Đỗ Tông
tại đình Lại Ốc, xã Long Hưng, huyện Văn Giang*



*Con đường mang tên Đỗ Tông
tại thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên*



*Đình Nhạn Tháp, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang
nơi thờ cụ Trần Ngô Lang*



*Đình Nhạn Tháp, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang
nơi thờ cụ Trần Ngô Lang*



*Tượng thờ cụ Trần Ngô Lang
tại Đình Nhạn Tháp, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang*



*Trường THCS mang tên Dương Bá Trạc
tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*



*Trường THCS mang tên Dương Bá Trạc
tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*



*Tượng đài liệt sỹ Ngô Huy Tăng
tại thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh*



*Trường THCS mang tên Nguyễn Quốc Ân
tại đường Bạch Đằng, phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên*



*Con đường mang tên Nguyễn Quốc Ân
tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên*



*Lăng mộ Đại Tư đồ Nguyễn Bá Khanh
tọa lạc ở cánh đồng thôn Hạ, xã An Vỹ, huyện Khoái Châu*



*Mộ phần của cụ Phạm Văn Thụ
tại phường Bạch Sơn, thị xã Mỹ Hòa*



*Toàn cảnh lăng mộ của cụ Phạm Văn Thụ
tại phường Bạch Sơn, thị xã Mỹ Hòa*



Phòng thờ và ảnh chân dung cụ Trần Vỹ



*Con phố mang tên cụ Trần Vỹ
tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*



Photo Lê Thanh Nghị

Phan Đình Phùng - Mỹ Hòa - Hưng Yên

Cây đề - nơi vóng gác tiền tiêu của nghĩa quân Bãi Sậy trên quê hương Lãnh Giang tại xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hòa



*Đền thờ cụ Vũ Đình Trác
tại thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động*



*Lăng mộ cụ Vũ Đình Trác
tại thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động*



*Con đường mang tên Vũ Văn Cản
tại thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên*



*Con đường mang tên Đỗ Thế Diên
tại thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên*



*Con đường mang tên Lê Quang Hòa
tại thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên*



*Con đường mang tên Lê Quý Quỳnh
tại thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên*



*Con đường mang tên Nguyễn Lân
tại thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên*



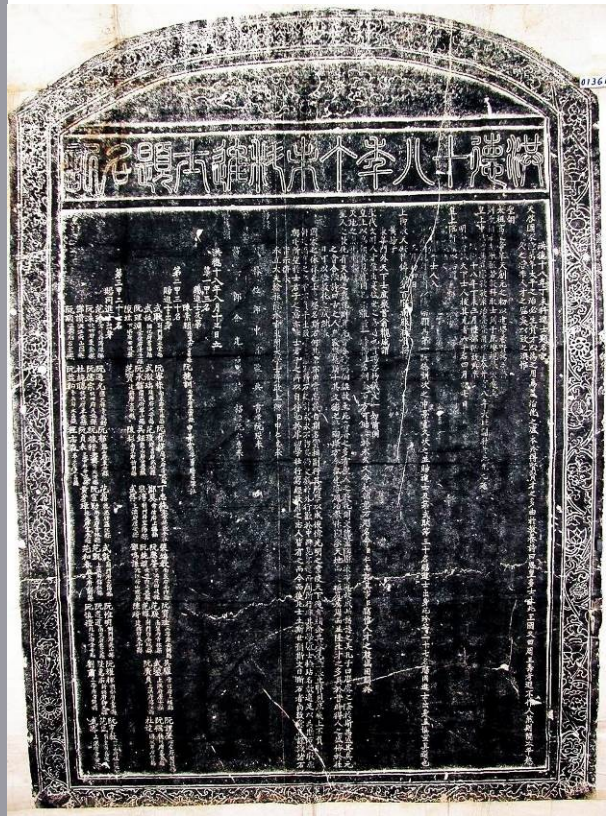
*Con đường mang tên Dương Hữu Miên
tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên*



*Con đường mang tên Trần Thị Tý
tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên*



1487



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Nguyễn Nho Tông và Trình Chí Sâm
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội*



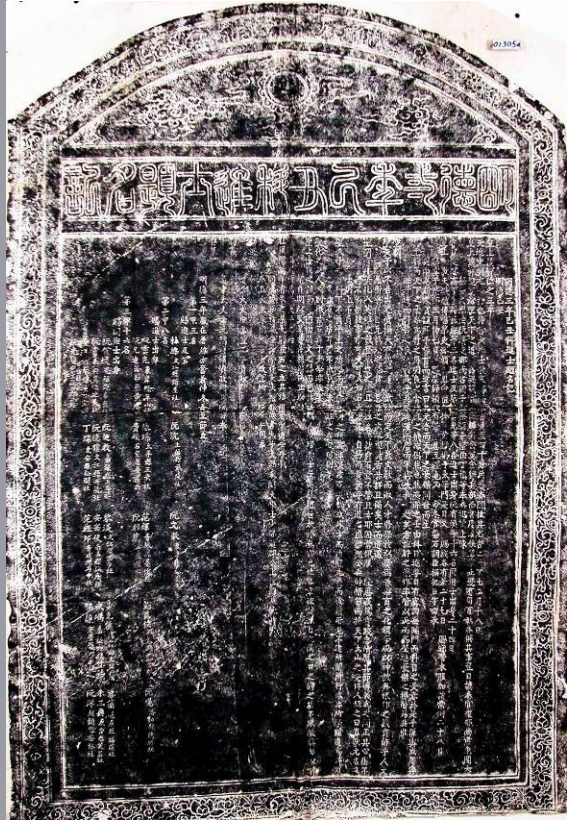
1518



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Nguyễn Chấn Chi
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội*



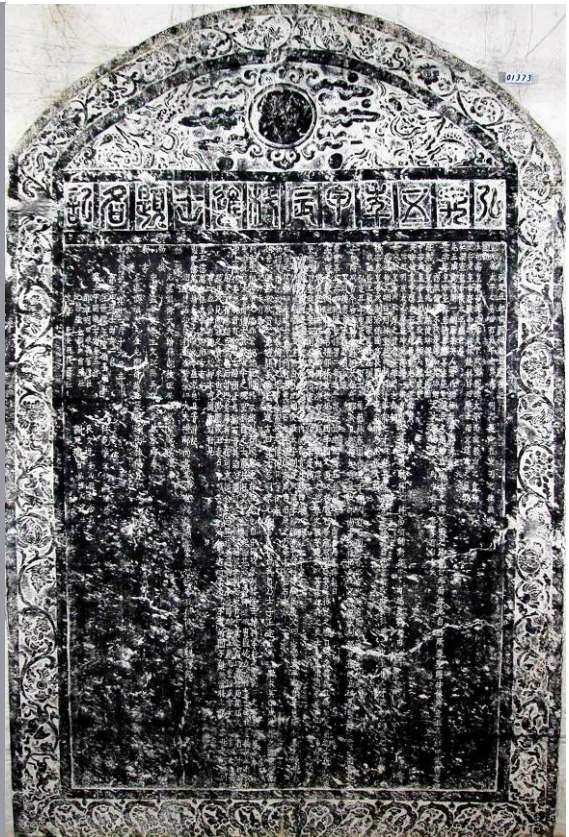
1529



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Đỗ Tông, Lê Thực và Nguyễn Đức Kỳ
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội*



1604



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Đỗ Khắc Kinh
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội*



1616



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Trần Nghi
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội*



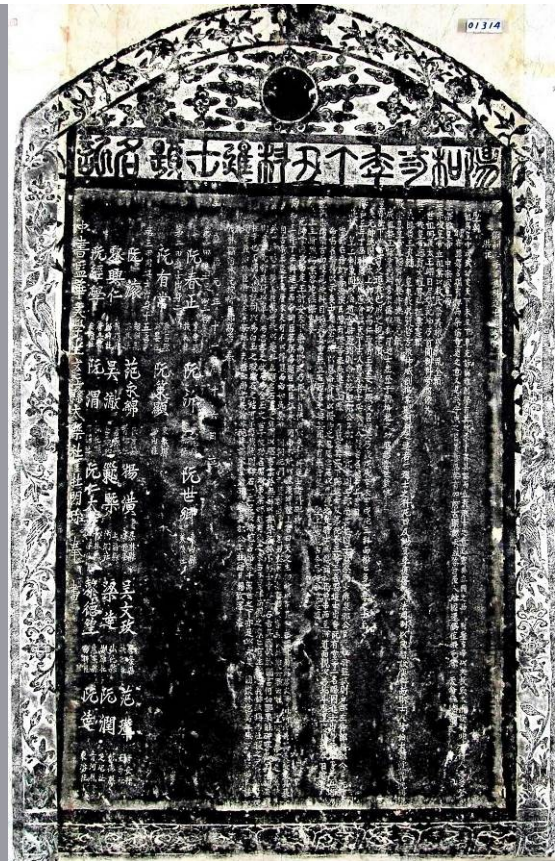
1628



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Dương Thuần
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội*



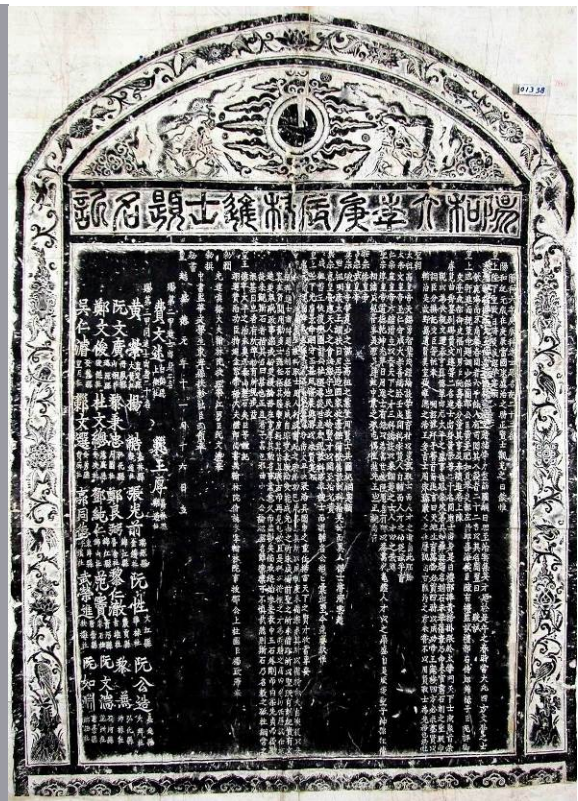
1637



Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Dương Hoàng và Ngô Triệt tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội



1640



Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Đặng Thuần Nhân, Trần Ngọc Nguyên và Vũ Vinh Tiên tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội



1670



Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Hoàng Công Chí và Nguyễn Trí Trung tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội



1680



Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Phạm Công Phương tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội



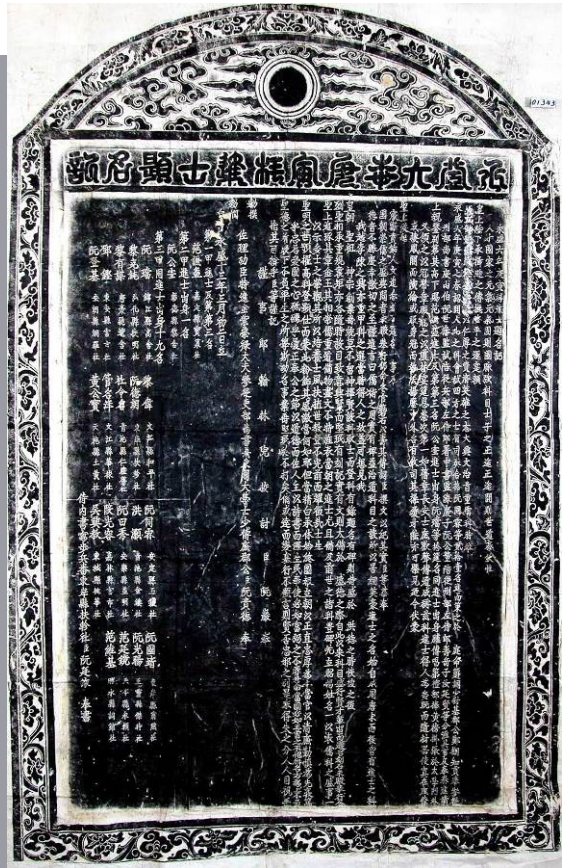
1688



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Nguyễn Hành
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội*



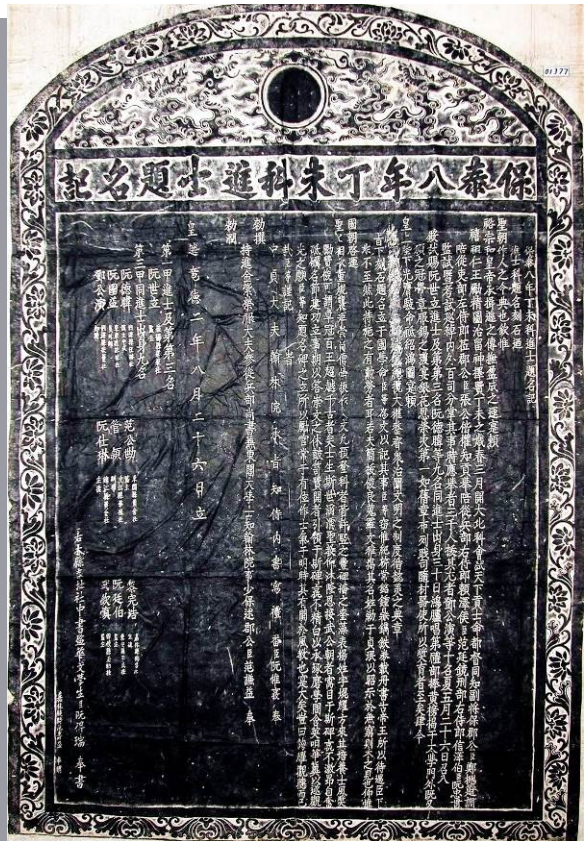
1710



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Quán Danh Dương
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội*



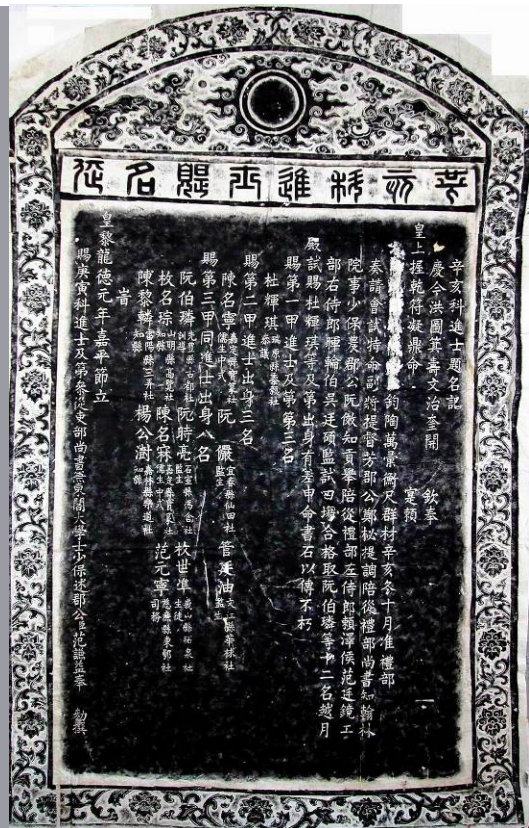
1727



Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Nguyễn Đình Bá
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội



1731



Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Dương Công Thụ
tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội



1769



Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Nguyễn Đình Tổ tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội



1775



Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Hoàng Bình Chính tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Đỗ Tấn và Nguyễn Minh Dương
tại văn bia số 5, Văn miếu Bắc Ninh*



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Nguyễn Hằng
tại văn bia số 6, Văn miếu Bắc Ninh*



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Nguyễn Ung
tại văn bia số 3, Văn miếu Bắc Ninh*



*Văn bia ghi danh nhà khoa bảng Trần Chu Hình và Trần Chu Phổ
tại văn bia số 1, Văn miếu Bắc Ninh*



Ban thờ tổ tại nhà thờ họ Hoàng thôn Vân Nội, xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu.



*Nhà thờ bà Hoàng Thị Loan, thôn Vân Nội, xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu.
Thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh, là đời thứ 20 dòng họ Hoàng Nghĩa.*



Đền An Lạc, xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, nơi thờ Thành hoàng Đỗ Anh Vũ



*Văn bia ghi danh Tiên sĩ Nguyễn Đình Tổ
tại Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên (tại Bia số 7)*



Văn chỉ Bình Dân thuộc xã Tân Dân, huyện Khoái Châu



Văn chỉ Bình Dân, xã Bình Dân, huyện Khoái Châu – nơi diễn ra lễ tế cờ và là đại bản doanh của Cuộc khởi Nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I- LOẠI HÌNH TÀI LIỆU SÁCH

1. 70 năm Mỹ thuật Việt Nam 1945 – 2015 (2017), Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (bộ 9 tập) (1995), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
3. Ban Quản lý Di tích tỉnh Hưng Yên (2017), *Di tích lăng đá tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên.
4. Ban Thường vụ tỉnh ủy Hưng Yên (2002), *Bác Hồ với Hưng Yên - Hưng Yên với Bác Hồ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Thường vụ Thị ủy Mỹ Hào (2022), *Danh nhân và nhân vật tiêu biểu Mỹ Hào*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Bảo An (2018), *Kể chuyện trạng nguyên Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
7. Bảo tàng Hải Dương (1997), *Mộ Trạch - làng tiến sĩ = Mo Trach – village, the home of renowned scholars*, Hải Dương.
8. Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2008), *Di tích lịch sử - văn hóa Hưng Yên*, Hưng Yên.
9. Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2012), *Văn bia thành phố Hưng Yên*.
10. Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2013), *Di tích Nho học và Khoa bảng tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên.
11. Bảo tàng tỉnh Hưng Yên (2019), *Thần tích tỉnh Hưng Yên (bộ 9 tập)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
12. BCH Đảng bộ huyện Ân Thi (2008), *Lịch sử Đảng bộ huyện Ân Thi*, Hưng Yên.
13. BCH Đảng bộ huyện Mỹ Hào (2004), *Lịch sử Đảng bộ huyện Mỹ Hào tập 1 (1930 - 1954)*, Hưng Yên.
14. BCH Đảng bộ huyện Yên Mỹ (2008), *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Mỹ*, Hưng Yên.
15. BCH Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2004), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 2, (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. BCH Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (2018), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, tập 1 (1929 - 1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

17. BCH Đảng bộ xã Phùng Chí Kiên (2016), *Lịch sử Đảng bộ xã Phùng Chí Kiên (1930 - 2015)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
18. Bộ Quốc phòng - Trung tâm từ điển bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội 2005.
19. Bộ Quốc phòng- Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng - Kinh tế, *Lịch sử quân giới Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1990
20. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* (9 tập), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013
21. Bùi Duy Tân, *mục từ “Vương Sư Bá” trong Từ điển Văn học*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004
22. Bùi Minh Quốc, *Dương Thị Xuân Quý - nhật ký - tác phẩm*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2007
23. Bùi Xuân Đính (2010), *Giáo dục và khoa cử nho học Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.
24. *Ca khúc Hà Nội thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI* (2010), Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
25. Cao Xuân Dục (2001), *Quốc triều khoa bảng lục*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
26. Cao Xuân Dục (1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
27. Cao Xuân Dục (2011), *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
28. *Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh* (2002), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
29. Chu Viêt Luân, *Hưng Yên - thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005
30. *Chuyện kể về phong trào nữ du kích Hoàng Ngân* (2003), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
31. Chương Thâu, *Dương Bá Trạc - con người và thơ văn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2004

32. Diệu Ân, *Thượng tướng - Giáo sư Hoàng Minh Thảo*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2008
33. Dương Hữu Miên (1912 - 1954), *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996
34. Dương Thị Xuân Quý (2015), *Chỗ đứng; Hoa rừng; Nhật ký chiến trường và thơ*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
35. *Đại Nam thực lục chính biên* (1974), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
36. *Đại Nam thực lục chính biên Đế lục kỷ Phụ biên* (2012), Nxb. Văn hóa – Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
37. *Đại Việt sử ký toàn thư: Bản in Nội các quan bản* (2011), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. *Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2* (1971), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. *Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2* (2003), Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội.
40. Đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ, *Lịch sử đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ (1947-2020)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2020
41. Đảng bộ Quân sự huyện Ân Thi, *Lịch sử Đảng bộ quân sự huyện Ân Thi (1947-2020)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2020
42. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự huyện Mỹ Hào (2015), *Lịch sử quân sự huyện Mỹ Hào (1945 - 2015)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
43. Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên (2002), *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
44. Đảng ủy - Ban chỉ huy quân sự huyện Khoái Châu, *Lịch sử quân sự huyện Khoái Châu (1945 - 2014)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2014
45. Đặng Thái Hoàng, *Các bài nghiên cứu lý luận phê bình dịch thuật kiến trúc*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2002
46. Đặng Thị Bích Ngân (2012), *Từ điển mỹ thuật phổ thông: Sách có 432 mục từ*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
47. Đặng Văn Bài (1997), *Về vấn đề lưu niệm danh nhân cách mạng: Kỳ yếu Hội thảo khoa học - thực tiễn về các hình thức lưu niệm danh nhân cách mạng*, Hà Nội.

48. Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục Nho học và thi cử ở Đông Kinh dưới thời Mạc*, Tạp chí Hán Nôm, Số 6 (79)/2006, tr.51-57
49. Đinh Văn Niêm (2014), *Thi cử học vị học hàm dưới các triều đại phong kiến Việt Nam*, Tái bản có sửa chữa, bổ sung, Nxb. Lao động, Hà Nội.
50. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu (2004), *Từ điển văn học: Bộ mới*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
51. Đỗ Văn Ninh (1999), *Quốc Tử Giám và trí tuệ Việt*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
52. Đỗ Văn Ninh, *Văn bia Quốc tử giám Hà Nội*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000
53. Đỗ Trình, *Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 4 - Hoạt động quân sự thời Trần (1226 - 1400)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2019
54. *Đường 5 anh dũng quật khởi: Hồi ký của các nhân chứng lịch sử* (1997), Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng.
55. *Giai thoại Hán Nôm* (2000), Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
56. *Giai thoại lịch sử Việt Nam: Từ tập 1 đến tập 7* (2012), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP.HCM.
57. Hà Quang Năng (2018), *Từ điển tiếng Việt: Dành cho học sinh*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
58. Hà Văn Cầu (2011), *Lịch sử nghệ thuật chèo*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
59. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc Kháng Chiến Chống Xâm Lược Nguyên Mông*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2019.
60. Hàm Châu (2014), *Trí thức tinh hoa Việt Nam đương đại: Một số chân dung*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
61. Hoàng Minh Thảo (2001), *Mấy vấn đề về nghệ thuật tác chiến, chiến lược*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
62. Hoàng Minh Thảo, *Tác phẩm giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, 2006
63. Hoàng Phê (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
64. Hồ Sĩ Vịnh (2007), *Tiêu chí danh nhân văn hoá Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

65. *Hội họa sơn mài Việt Nam = Vietnamese Lacquer Painting* (2006), Nxb. Mỹ Thuật, Hà Nội.
66. Hội khoa học lịch sử Hải Phòng-Ban liên lạc đồng đội Hải Dương-Hung Yên, *Bài Nhớ liệt sĩ Dương Hữu Miên*, in trong Đường 5 anh dũng quật khởi, tập 4, Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng, 1998.
67. Hội văn học nghệ thuật Hải Hưng (1996), *Nhà văn hiện đại Hải Hưng, Tập 2*.
68. *Hợp tuyển văn học Hưng Yên hiện đại*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2008
69. Huỳnh Công Bá (2016), *Lịch sử Việt Nam cổ trung đại*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
70. Không Đức Thiêm (2016), *Hoàng Hoa Thám : (1836 - 1913)*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
71. Không Đức Thiêm, *Khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913)*, Sở văn hoá thông tin Hà Bắc, 1984
72. Lâm Hải Ngọc (2003), *Những năm tháng chống Mỹ cứu nước và xây dựng Chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội.
73. Lâm Từ và Đào Đức Cơ (2013), *Hưng Yên địa linh nhân kiệt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
74. Lê Giản (2000), *Những ngày sóng gió*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
75. Lê Hoài Thao, *Tiếng sấm đường 5: Truyện ký*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011
76. *Lê Quý Đôn toàn tập* (tập II - Kiến văn tiểu lục), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 442.
77. Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978
78. Lê Thị Bạch Vân, *Đào nương và nghệ thuật hát trong ca trù*, Nxb. Hà Nội, 2019
79. Lê Trung Hoa, *Họ và tên người Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005
80. Lê Văn Siêu, *Việt Nam văn minh sử cương*, Nxb, Thanh niên, Hà Nội, 2004.
81. Lê Văn Ba (2004), *Miền quê Văn Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

82. Lê Văn Ba (2015), *Nhà văn Việt Nam trong nhà tù quân xâm lược*, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội.
83. Lê Xuân Tê (2009), *Văn hóa dân gian làng Xuân Cầu*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
84. Lê Xuân Tê (2018), *Văn học dân gian Đường Hào*, Tập 1, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
85. *Lịch sử bộ đội sông lược huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1947 -1972)* (2009), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
86. *Lịch sử tỉnh Hưng Yên (2020), Tập 1: Từ khởi thủy đến năm 1945*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
87. *Lịch sử tỉnh Hưng Yên (2020), Tập 2: 1945 - 2020*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
88. *Lịch sử Việt Nam (2013)*: Trọn bộ 10 tập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
89. Lương Xuân Nhị (2003), *Các tác phẩm hội họa và đồ họa*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
90. Lý Khắc Cung (2004), *Kinh thành em có nhớ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
91. Mai Thế Chính (1979), *Bên những quả bom chờ nổ: Chuyện viết về Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân binh chủng công binh Nguyễn Ngọc Sâm*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
92. *Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam: Được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (2008)*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
93. Ngô Đức Thọ (2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
94. Ngô Đức Thọ (2010), *Văn bia tiến sĩ Văn Miếu Quốc Tử Giám - Thăng Long*, Nxb. Hà Nội.
95. Ngô Huy Quỳnh (1998), *Lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
96. Ngô Huy Quỳnh, *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 2020

97. Ngô Thị Sĩ, *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2011.
98. Nguyễn Danh Phiệt, *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.37
99. Nguyễn Đăng Mạnh (2004), *Từ điển tác giả tác phẩm văn học Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
100. Nguyễn Đình Nhơn và Đức Vượng (1987), *Những người cộng sản*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
101. Nguyễn Đình Chú, *Nhà giáo nhân dân Nguyễn Lân vẻ đẹp một nhân cách lớn*, Đại học Sư phạm Hà Nội - Một nửa thế kỷ: Kỷ niệm 50 ngày thành lập trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1951-2001), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2001.
102. Nguyễn Đức Thắng, *Ca trù đất Hà Thành*, Nxb Văn hoá dân tộc, 2021
103. Nguyễn Khắc Hào và Nguyễn Đình Nhã (2014), *Phố Hiến*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
104. Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại, tập 3 - giai thoại thời Trần*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2016
105. Nguyễn Khoái vị tướng kiệt xuất thời nhà Trần: *Cuộc thi Biên soạn truyện tranh lịch sử theo sách giáo khoa lịch sử hiện hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2009.
106. Nguyễn Lương Tiểu Bạch (2005), *Mỹ thuật Việt Nam hiện đại*, Nxb. Hà Nội.
107. Nguyễn Mạnh Hùng (2015), *Tướng lĩnh Việt Nam thế kỷ XX qua lời kể của người thân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
108. Nguyễn Ngọc Hiền (2005), *Nữ sĩ Việt Nam : Tiểu sử và giai thoại cổ - cận đại*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
109. Nguyễn Ngọc Nam, *Bình dân học vụ*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2022
110. Nguyễn Ngọc Thanh (2017), *Những thầy giáo nổi tiếng trong lịch sử*, Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
111. Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam cận đại, những sử liệu mới, tập 1*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995

112. Nguyễn Quang Khải (2000), *Văn bia văn miếu Bắc Ninh*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
113. Nguyễn Quang Thắng và Nguyễn Bá Thế (1997), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
114. Nguyễn Sông Lam (2010), *Các tướng lĩnh Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh phong tướng*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
115. Nguyễn Thị Lâm, *Hải Dương phong vật chí*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2009.
116. Nguyễn Thúy Nga (2019), *Võ cử và người đồ võ khoa ở nước ta*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
117. Nguyễn Văn Chiên và Trịnh Tất Đạt (2010), *Từ điển bách khoa đất nước, con người Việt Nam = Encyclopedia of Việt Nam: Country and people*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
118. Nguyễn Văn Ngọc, *Điệp viên nhảy dù thành Giám đốc công an Trung bộ*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1988
119. Nguyễn Văn Thịnh (2010), *Văn bia thời Lý*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
120. Phạm Đức Hạnh, *Dương Trọng Bái - Con người và sự nghiệp giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006
121. Phạm Minh Hoàng và Hoàng Thị Thanh Mai (2020), *Văn Giang - Vùng phù sa văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
122. Phạm Ngọc Trung, *Tiếp cận nền giáo dục khoa cử thời Lê Sơ*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, tháng 12/2009, số 306, tr. 3-8.
123. Phạm Quang Đầu, Đức Nhuận, Mai Huyền, *Giấu trong hạt lúa: Tập ký, thơ, nhạc kỷ niệm 55 năm Ngành Quân giới Việt Nam (15/9/1945 - 15/9/2000)*, Nxb QĐND, Hà Nội, 2000
124. Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, quyển 3, Nxb Quốc học tùng thư, 1965
125. Phan Cẩm Thượng, *Lương Xuân Nhị: Các tác phẩm hội họa và đồ họa*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 2003
126. Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí, tập 3*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
127. Phan Huy Chú (2014), *Lịch triều hiến chương loại chí, trọn bộ 4 tập*/ Phan Huy Chú. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

128. Phan Huy Lê, *Lê Văn Hưu với Đại Việt sử ký toàn thư*, in trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
129. Phan Mạnh Danh, *Cổ thi trích dịch*, Nxb Thanh Hoa thư xã, Hà Nội, 1953
130. Phan Mạnh Danh, *Thi văn tập trích lục*, Nxb Nguyễn Trung Khác, Nam Định, 1942
131. Phan Mạnh Danh, *Bút hoa thi thảo*, Nxb Nam Định, 1942
132. Phan Mạnh Danh, *Bút hoa thơ tập cổ*, Nxb Trí đức thư xã, Hà Nội, 1953
133. Phan Thế Roanh (sao lục), *Phan Mạnh Danh thi văn tập (Lời chú giải của thi sĩ Tôn Thất Lương)*, Nxb Thanh Hoa thư xã, Hà Nội
134. Quang Việt (2008), *Từ điển họa sĩ Việt Nam = Encyclopedia of Vietnamese painters*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
135. Quốc Chấn, *Những danh tướng chống ngoại xâm thời Trần*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003
136. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022). *Đại Nam thực lục* (bộ 6 tập), Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
137. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
138. Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
139. Sông Lam (2016), *Làng khoa bảng và danh nhân làng khoa bảng Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
140. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hưng Yên (2018), *Hưng Yên di tích lịch sử văn hóa*, Hưng Yên.
141. Tạ Mỹ Dương (2010), *Tạ Mỹ Duật - Dấu ấn thời gian*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
142. *Tiến sĩ người Hưng Yên, tập 1* (2009), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
143. Tỉnh ủy Hưng Yên (2021), *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
144. Tỉnh Ủy, HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên (2012), *Anh hùng liệt sĩ tỉnh Hưng Yên*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
145. *Tuyển tập Học Phi* (2013), Nxb. Sân khấu, Hà Nội.

146. *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam* (1996), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
147. *Từ điển bách khoa Việt Nam (bộ 4 tập)* (2007), Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
148. *Từ điển các nhân vật lịch sử Việt Nam* (1992), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
149. *Từ điển Tiếng Việt* (1994), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
150. *Tướng lĩnh Hưng Yên thời đại Hồ Chí Minh: giai đoạn 1945 - tháng 3/2019* (2019), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
151. *Tướng lĩnh quân đội nhân dân Việt Nam qua những trang hồi ức* (2005), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
152. Ty Văn hóa Hải Hưng (1973), *Tìm hiểu các tác gia Hán Nôm Hải Hưng: (Giới thiệu tiểu sử, sự nghiệp, tác phẩm các tác gia Hán Nôm Hải Hưng từ thế kỷ XIII đến năm 1945)*.
153. Thư viện tỉnh Hưng Yên (1999), *Các nhà khoa bảng Hưng Yên (1075 - 1919)*, Hưng Yên
154. Thư viện tỉnh Hưng Yên (2011), *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí*, Hưng Yên.
155. Thư viện tỉnh Hưng Yên (2012), *Tuyển tập địa chí Hưng Yên*, Hưng Yên.
156. *Thượng tướng, Giáo sư Hoàng Minh Thảo tác phẩm giải thưởng Hồ Chí Minh* (2006), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
157. Trần Đình Hựu, *Tản Đà - Nguyễn Nhược Pháp - Tương Phố: Tuyển chọn và trích dẫn những bài phê bình - bình luận văn học của các nhà văn và các nhà nghiên cứu Việt Nam*, Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1997
158. Trần Đình Ngôn, *Con đường phát triển của chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2014.
159. Trần Đình Ngôn, *Chiếng Chèo Đông*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2010.
160. Trần Đình Thọ (2004), *Trần Đình Thọ - Các tác phẩm hội họa và đồ họa*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
161. Trần Đỗ Thành (C.b), Vũ Ngọc Linh, *Lịch sử ngành kỹ thuật quân khu 3 trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954*, Nxb QĐND, Hà Nội, 1999

162. Trần Hồng Đức (2018), *Các vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
163. Trần Huyền Trân (2007), *Chèo cổ*, Nxb. Sân khấu, Hà Nội.
164. Trần Mạnh Thường (2003), *Từ điển tác gia văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
165. Trần Thế Pháp (2016), *Lĩnh Nam chích quái*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
166. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 151, 152.
167. Trần Việt Ngữ (2015), *Về nghệ thuật chèo*, Quyển 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
168. Trương Khánh Châu (C.b), *Đặc trưng công nghệ vũ khí trang bị kỹ thuật các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng*, Nxb QĐND, Hà Nội, 1994
169. Tuấn Giang, *Nguồn gốc ca nhạc tuồng chèo cải lương*, Nxb Sân khấu, Hà Nội, 2010.
170. Trương Phổ, *Giọt lệ thu: Tập thơ*, Ngày mai, 1952
171. Văn Tuyền (2000), *Gương mặt nhạc sĩ Hưng Yên*, Hội Văn học nghệ thuật Hưng Yên xb, Hưng Yên
172. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 1: Từ khởi thủy đến thế kỷ X*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.
173. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.
174. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 3: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017
175. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 4: Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.
176. Viện Sử học, *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1987.

177. Viện khoa học xã hội Việt Nam, *Nhà nước phong kiến Việt Nam với việc sử dụng các đại khoa học vị tiến sĩ (1075-1919)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011

178. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 9: Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017

179. *Việt sử thông giám cương mục (bộ 20 tập)*, Nxb. Sử học, Hà Nội.

180. *Việt sử thông giám cương mục khảo lược (2009)*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

181. Võ Nguyên Giáp (1977), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

182. Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000

183. Vũ Duy Mền, *Khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông (1460 -1497)*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 5/2020, tr. 62-74

184. Vũ Khiêu (2004), *Danh nhân Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.

185. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Thu Hà (2003), *Từ điển văn hóa giáo dục Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2003

186. Vũ Ngọc Phan (2005), *Nhà văn hiện đại*, Tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội.

187. Vũ Ngọc Phan (2008), *Vũ Ngọc Phan tuyển tập (bộ 4 tập)*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

188. Vũ Tiến Kỳ (2000), *Từ điển Văn hóa Hưng Yên*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

189. Vũ Tiến Kỳ (2008), *Truyện cổ dân gian Hưng Yên*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội.

190. Vũ Thanh Sơn (2001), *Tướng lĩnh Bãi Sậy*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

191. Vũ Thanh Sơn (2009), *284 anh hùng hào kiệt của Việt Nam (bộ 5 tập)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

192. Vũ Thanh Sơn (2009), *Các thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

193. Vũ Thanh Sơn (2009), *Khởi nghĩa Bãi Sậy*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

194. Vũ Thanh Sơn (2013), *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (bộ 15 quyển)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

195. Vũ Thanh Sơn (2018), *Anh hùng hào kiệt Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

196. Xuân Thiêm và Đào Quang Lâm (2007), *Kim Động xưa và nay*, Ban Thường vụ Huyện ủy Kim Động xb., Hưng Yên.

197. Xuân Thiêm và Đào Quang Lâm (2008), *Kim Động vùng văn hóa dân gian đặc sắc*, Hội Văn học - Nghệ thuật Hưng Yên xb., Hưng Yên.

II- LOẠI HÌNH TÀI LIỆU BÁO, TẠP CHÍ, BÁO ĐIỆN TỬ

198. *100 năm Ngày sinh Thượng tướng Hoàng Minh Thảo (25/10/1921 - 25/10/2021): Tư duy chiến lược của Thượng tướng Hoàng Minh Thảo*, <https://baohaiquanvietnam.vn/tin-tuc/100-nam-ngay-sinh-thuong-tuong-hoang-minh-thao-25101921-25102021-tu-duy-chien-luoc-cua-thuong-tuong-hoang-minh-thao>

199. Anh Ngọc, *Trần Đình Thọ họa sĩ tiêu biểu của dòng hiện thực xã hội chủ nghĩa*, <http://vanhocnghethuathatinh.org.vn/tran-dinh-tho-hoa-si-tieu-bieu-cua-dong-hien-thuc-xa-hoi-chu-nghia-1606440878.html>

200. Anh Phương, *Lê Quốc Lộc – Người hoà quyện nét truyền thống và hiện đại vào tranh sơn mài*, <https://designs.vn/le-quoc-loc-nguoi-hoa-quyen-net-truyen-thong-va-hien-dai-vao-tranh-son-mai/>

201. Báo điện tử Công an nhân dân: <https://cand.com.vn/>

202. Báo điện tử Đảng Cộng sản VN: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>

203. Báo điện tử Hà Nội mới: <https://hanoimoi.com.vn/>

204. Báo điện tử Lao động: <https://laodong.vn/>

205. Báo điện tử Quân đội nhân dân cuối tuần: <https://ct.qdnd.vn/>

206. Báo điện tử Quân đội nhân dân: <https://www.qdnd.vn/>

207. Báo Gia đình & Xã hội : <https://giadinh.suckhoedoisong.vn/>

208. Báo Hưng Yên điện tử: <https://baohungyen.vn/>

209. Báo Hưng Yên.

210. Báo Sức khỏe và đời sống: <https://suckhoedoisong.vn/>
211. Bùi Quang Thanh (2005), “*Truyền thống tôn vinh danh nhân của người Việt và vấn đề văn hóa đặt tên trong xã hội đương đại*”, Tạp chí Di sản Văn hóa, Số 2 (11).
212. Các tác phẩm của họa sĩ Trần Đình Thọ, <http://thuvienmythuat.vn:81/handle/DHMT/486>
213. *Chân dung 10 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội qua các thời kỳ*, <https://laodong.vn/thoi-su/chan-dung-10-chu-tich-ubnd-tp-ha-noi-qua-cac-thoi-ky-1071312.ldo>
214. *Cố Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Trần Vĩ được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh*, <https://dangcongsan.vn/phap-luat/co-chu-tich-ubnd-thanh-pho-ha-noi-tran-vi-duoc-tang-thuong-huan-chuong-ho-chi-minh-118517.html>
215. Cổng thông tin điện tử Ban Tuyên giáo Hưng Yên: <https://tuyengiaohungyen.vn>
216. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an: <https://bocongan.gov.vn/>
217. Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế: <https://moh.gov.vn/>
218. Cổng thông tin điện tử huyện Khoái Châu: <https://khoaichau.hungyen.gov.vn/>
219. Cổng thông tin điện tử huyện Văn Giang: <https://vangiang.hungyen.gov.vn/>
220. Cổng thông tin điện tử Hội Nhạc sĩ Việt Nam: <https://www.hoinhacsi.vn/>
221. Cổng thông tin điện tử Viện Nghiên cứu Hán Nôm: <http://www.hannom.org.vn/>
222. *Dương Hương Minh - hiện thực cuộc đời hiện thực nghệ thuật*, <https://tapchimythuat.vn/giai-thuong-nha-nuoc/duong-huong-minh-hien-thuc-cuoc-doi-hien-thuc-nghe-thuat/>
223. *Dương Thị Xuân Quý, nữ phóng viên chiến trường quả cảm*, <https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/duong-thi-xuan-quy-nu-phong-vien-chien-truong-qua-cam-25457-101.html>
224. Đại Dương (2017), “*Những anh hùng liệt sĩ trong chiến tranh biên giới 1979*”, < <https://kienthuc.net.vn/>>, Ngày 28 tháng 7.
225. Đào Quang Lâm (2015), “*Một vị tướng trí tuệ, thao lược*”, Báo Hưng Yên, Ngày 27 tháng 3, Tr.3
226. Đào Quang Lâm (2015), “*Nhà văn Đào Vũ*”, Báo Hưng Yên, Ngày 04 tháng 12, Tr.3.

227. *Đất Chèo - Hưng Yên*, <http://doingoaihungyen.vn/2897n/dat-cheo--hung-yen.html>.
228. Đoàn Đức Thành, *Guong mặt Kiến trúc sư Việt Nam - Kiến trúc sư Đoàn Văn Minh*, <https://kienviet.net/2021/08/19/guong-mat-kts-viet-nam-kts-doan-van-minh/>
229. Đoàn Đức Thành, *Những tác phẩm tiêu biểu của kiến trúc sư Trường Mỹ thuật Đông Dương*, Tạp chí Kiến Trúc, số 146, 6-2007
230. Đoàn Đức Thành, *100 năm ngày sinh KTS Tạ Mỹ Duật (1910-2010)*, <https://www.tapchikientruc.com.vn/tin-tuc/tin-hoi-kts-viet-nam/100-nam-ngay-sinh-kts-ta-my-duat-1910-2010.html>
231. Đỗ Bang (2012), “*Tiêu chí danh nhân và nhận diện về danh nhân Quảng Bình*”, Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình, Số 4, Tr.19-22, 74
232. Đỗ Thị Minh Thúy (2011), “*Tôn vinh danh nhân trong văn hoá phương Đông và phương Tây*”, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, Số 324, Tr.7-9,14
233. Đỗ Văn Phú, *Người chỉ huy của 6 tập thể anh hùng*, <https://cand.com.vn/guong-sang/Nguoi-chi-huy-cua-6-tap-the-anh-hung-i379352/>
234. *Đồng chí Nguyễn Tài (1926 - 2016)*, <https://bocongan.gov.vn/gioi-thieu/Pages/lanh-dao-qua-cac-thoi-ky.aspx?ItemID=65>
235. *Giáo dục khoa cử triều Mạc và 3 Trạng nguyên người Phố Hiến*, <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc-khoa-cu-trieu-mac-va-3-trang-nguyen-nguoi-pho-hien-post562534.html>.
236. *Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo - Tạ Thái An*, <https://hotakhuvucmiennam.vn/giao-su-nha-giao-nhan-dan-thuong-tuong-hoang-minh-thao-ta-thai-an-phan-2>
237. *Guong hy sinh dũng cảm của Anh hùng Đỗ Sĩ Họa*, <https://uongbi.gov.vn/guong-hy-sinh-dung-cam-cua-anh-hung-do-si-hoa-p13n35471.html>
238. Hà Thành, *Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Giáo sư - Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh*, <https://kienviet.net/2011/09/01/kiem-truc-su-ngo-huy-quynh/>
239. *Học Phi: Một cuộc đời - một nhân cách lớn*, <https://dangcongsan.vn/van-hoc-nghe-thuat/hoc-phi-mot-cuoc-doi--mot-nhan-cach-lon-245421.html>

240. *Họa sĩ Lê Quốc Lộc - Báu vật quốc gia*, <https://arttimes.vn/my-thuat-dong-duong/hoa-si-le-quoc-loc-bau-vat-quoc-gia-c71a28534.html>

241. *Họa sĩ Lê Quốc Lộc - Người đưa truyền thống văn hóa vào tác phẩm của mình*, <https://mythuatbui.edu.vn/le-quoc-loc-hoa-si-dua-truyen-thong-van-hoa-vao-tac-pham/>

242. *Họa sĩ Lê Quốc Lộc: Phân thân giữa mỹ thuật và mỹ nghệ*, <https://ct.qdnd.vn/chuyen-de/phan-than-giua-my-thuat-va-my-nghe-522956>

243. Hồ Bá Thuận (1997), “*Một giờ viết Hòa thượng Thích Thanh Từ*”, Báo Hưng Yên, Ngày 26 tháng 2, Tr.2.

244. Hồ Sĩ Vịnh (2008), “*Danh nhân văn hoá dân tộc và toàn cầu hoá*”, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Số 283, Tr.4-7.

245. Hồ Sĩ Vịnh (2008), “*Danh nhân văn hóa nhận biết và suy tôn*”, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Số 6 (288), Tr.3-8.

246. Hồng Sơn, *Liệt nữ Trần Thị Khang*, <http://sknc.qdnd.vn/nhan-vat/liet-nu-tran-thi-khang-500370>

247. Huệ Viên, *Ngô Huy Quỳnh - người nghệ sĩ đa tài* (Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh (1920-2020)), <https://tapchimythuat.vn/tac-gia-tac-pham/ngo-huy-quynh-nguoi-nghe-si-da-tai>

248. Hữu Thịnh, *Dương Thị Xuân Quý - Tấm gương về nhân cách nhà văn và người phụ nữ Việt Nam*, <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/duong-thi-xuan-quy--tam-guong-ve-nhan-cach-nha-van-va-nguoi-phu-nu-viet-nam-521007.html>

249. *Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh, người đặt nền móng kiến trúc Việt Nam*, <https://baotuyenquang.com.vn/>

250. Kinh Lịch, *Nữ du kích Hoàng Ngân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1965

251. *Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh cố Bộ trưởng Bộ Y tế Vũ Văn Can*, <https://dangcongsan.vn/y-te/ky-niem-100-nam-ngay-sinh-co-bo-truong-bo-y-te-vu-van-can-326361.html>

252. Lạc Thành (2022), “*Nhà văn Lê Lưu: Gã nhà quê “Chân đất, mắt toét” đầu đầu tìm chốn bình yên*”, Báo Đời sống và Pháp luật, Ngày 14 tháng 11, Tr.20.

253. *Lãnh Nghiêm (1874 - 1964)*, <https://myhao.hungyen.gov.vn/portal/Pages/2023-5-10/LANH-NGHIEM-1874-1964-u2s30w.aspx>
254. Lê Gia Lộc (2013), “*Đoàn Nguyễn Thục dọc ngang văn võ*”, <<https://www.baodanang.vn>>, Ngày 11 tháng 5.
255. Lê Hải Triều (2019), “*Những vị Tướng Tây Nguyên: Thượng tướng Hoàng Minh Thảo - Vị tướng mưu kế thế trận*”, Báo Đại đoàn kết, Ngày 25 tháng 4, Tr.10.
256. Lê Hoài Thao, *Anh Dương Hữu Miên*, <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/ky-su/anh-duong-huu-mien-477986>
257. Lê Hồng Bảo Anh (2019), “*Nghệ sĩ nhân dân Quách Thị Hồ (1909 - 2001)*”, Tạp chí Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hưng Yên, Số 73, Tr. 40
258. Lê Hồng Lý (1997), “*Gia phả dòng họ Hoàng Nghĩa và những vấn đề xung quanh nó*”, Thông báo Hán Nôm học, Tr.375-380.
259. Lê Hồng Thiện (2022), “*Bí thư Tỉnh ủy Lê Quý Quỳnh*”, Báo Người cao tuổi, Ngày 01 tháng 01, Tr.9.
260. Lê Hồng Thiện, *Chân dung người của một thời: cố Bí thư Tỉnh ủy Lê Quý Quỳnh*, <http://nguoi-lambaohungyen.vn/news/ban-co-biet/chan-dung-nguoi-cua-mot-thoi-co-bi-thu-tinh-uy-le-quy-quynh-3977.html>
261. Lê Huy Quang (2018), “*Nhà văn, nhà viết kịch Học Phi – người đã đi về miền xa thăm*”, Tạp chí Sân khấu, Số 9+10, Tr.46-47.
262. Lê Minh Sơn, *Vai trò của thế hệ kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên trong việc tạo lập nền tảng lý thuyết kiến trúc Quốc gia*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, 8/2020
263. Lê Quý Quỳnh, *Cố du kích Hoàng Ngân: Tập hồi ký kháng chiến*, tập 1, Tỉnh đội Hưng Yên, 1964
264. Lê Thị Toàn, *Nữ du kích Hoàng Ngân*, Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996
265. Lê Trí Dũng, *Kỷ niệm về một bức tranh của cha tôi (Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của họa sĩ Lê Quốc Lộc (20/10/1918 - 20/10/2018))*, <https://tapchimythuat.vn/tin-my-thuat/ky-niem-ve-mot-buc-tranh-cua-cha-toi>

266. Lương Xuân Nhị - *Tiểu Sử Cuộc Đời, Sự Nghiệp & Tác Phẩm*, <https://www.kiettacnghethuat.com/luong-xuan-nhi-tieu-su-cuoc-doi-su-nghiep-tac-pham/>

267. Lưu Khánh Thơ, *Trần Huyền Trân - “nhà thơ vẫy bút làm mưa gió”*, <https://daibieunhandan.vn/van-hoa/Tran-Huyen-Tran--nha-tho-vay-but-lam-mua-gio-i174947/>

268. Mai Hồng, *NSND Quách Thị Hồ - người hát ca trù bậc nhất của thế kỷ XX*, <https://baochinhphu.vn/nsnd-quach-thi-ho-nguoi-hat-ca-tru-bac-nhat-cua-the-ky-xx-10258124.htm>

269. Mai Hương (2022), “Nhà văn Lê Lưu: “Đã gục cùng ngòi bút xuống cánh đồng Khoái Châu””, Báo Lao động, Ngày 11 tháng 11, Tr.6.

270. Minh Tiến (1972), “*Vương Đình Cung ra trận*”, Báo Quân đội nhân dân, Ngày 23 tháng 03, Tr.3.

271. Minh Tuệ (2014), “*Có một “Pa-ven” trong ký ức đồng đội*”, Báo Quân đội nhân dân, Số 19285, Ngày 14 tháng 12

272. Ngọc Anh, *Trương Văn Tôn - Anh hùng liệt sĩ tuổi 12 ở Kim Động*, <https://hungyentv.vn/news/287/5550/truong-van-ton-anh-hung-liet-si-tuoi-12-o-kim-dong>

273. Nguyễn Công Mỹ, <http://www.thuvienhaiphong.org.vn/tin-tuc/nguyen-cong-my>

274. Nguyễn Đình Nguyễn (2002), “*Danh nhân với văn hóa đô thị*”, Tạp chí Xưa & Nay, Số 116, Tr.23.

275. Nguyễn Đình San, *Xuân Giao và những tháng ngày biền biệt vắng nhà*, <https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/Xuan-Giao-va-nhung-thang-ngay-bien-biet-vang-nha-i593112/>

276. Nguyễn Hữu Sơn, *Trần Huyền Trân thi sĩ nghiêm túc qua từng lời thơ* (Kỷ niệm 90 năm Phong trào Thơ mới, 1932-2022), <https://vanvn.vn/tran-huyen-tran-thi-si-nghiem-tuc-qua-tung-loi-tho/>

277. Nguyễn Hữu Tâm, *Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (107)/2016, tr. 57-65.

278. Nguyễn Huy Hiệu, *Trung tướng Nguyễn Hòa - tấm gương mẫu mực, trung thực và liêm khiết*,

<https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/ky-su/trung-tuong-nguyen-hoa-tam-guong-mau-muc-trung-thuc-va-liem-khiết-453848>.

279. Nguyễn Thị Kim Tiên, BS. *Vũ Văn Cận, một sự nghiệp vì sức khỏe bộ đội và nhân dân*, <https://suckhoedoisong.vn/bs-vu-van-can-mot-su-nghiep-vi-suc-khoe-bo-doi-va-nhan-dan-169106274.htm>

280. Nguyễn Sĩ Đại, *Đóng góp của Trần Huyền Trân cho thơ lục bát*, <https://nhandan.vn/dong-gop-cua-tran-huyen-tran-cho-tho-luc-bat-post183828.html>

281. Nguyễn Tiến Thư (2008), “*Những hình thức tôn vinh danh nhân văn hóa*”, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Số 6 (288), Tr.9-14. Nguyễn Tiến Thư (2011), “*Danh nhân một di sản văn hoá dân tộc*”, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Số 322, Tr.3-7 Nguyễn Tiến Thư (2011), “*Truyền thống tôn vinh danh nhân ở Việt Nam*”, Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật, Số 326 (Tháng 8), Tr.7-11.

282. Nguyễn Văn Đức (1996), “*Nhà báo, nhà văn Dương Thị Xuân Quý (1941 - 1969)*”, Tạp chí Văn hóa Thể thao Hải Hưng, Số 3, Tr.20.

283. Nguyễn Xuân Diện, *Quách Thị Hồ: sinh phách giọng sầu gửi bóng mây*, Tạp chí Sân khấu, số 3/2005. - tr.34-35

284. *Người Việt Nam không biết quỳ gối, chúng mày tới đây, chúng mày sẽ chết*, <https://tamnhin.trithuccuocsong.vn/nguoi-viet-nam-khong-biet-quy-goi-chung-may-toi-day-chung-may-se-chet-105812.html>

285. *Nhà hoạt động chính trị Trần Đình Hoan (Cựu sinh viên khoa Toán - Tin)*, <http://alumni.hnue.edu.vn/70-n%C4%83m/Ch%C3%A2n-dung-C%E1%BB%B1u-ng%C6%B0%E1%BB%9Di-h%E1%BB%8Dc/p/nha-hoat-dong-chinh-tri-tran-dinh-hoan-cuu-sinh-vien-khoa-toan---tin-8877>

286. *Nhà văn Dương Thị Xuân Quý (1941 - 1969)*, <https://baotangvanhoc.vn/giai-thuong-nha-nuoc/dot-2-giai-thuong-nha-nuoc/nha-van-duong-thi-xuan-quy-1941-1969/>

287. *Nhà văn Đào Vũ (1927-2005)*, <https://baotangvanhoc.vn/giai-thuong-nha-nuoc/dot-1-giai-thuong-nha-nuoc/nha-van-dao-vu-1927-2005/>

288. *Nhà văn, nhà viết kịch Học Phi: Cánh chim không mỏi*, <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/nha-van-nha-viet-kich-hoc-phi-canh-chim-khong-moi-63758>

289. *Những đại tá hạng nhất đầu tiên: Bác sĩ Vũ Văn Cận - anh cả quân y*, <https://thuvienbinhphuoc.org.vn/News/NewDetail/nhung-dai-ta-hang-nhat-dau-tien-bac-si-vu-van-can-anh-ca-quan-y>.

290. Nhạc sĩ Trương Quang Lục, *Nhạc sĩ Xuân Giao và những ca khúc để đời*, <https://www.sggp.org.vn/nhac-si-xuan-giao-va-nhung-ca-khuc-de-doi-post10089.html>

291. Phạm Hoa (2019), “*Giương hy sinh dũng cảm của anh hùng Đỗ Sĩ Họa*”, < <https://baoquangninh.vn>>, Ngày 17 tháng 2.

292. Phạm Hồng Tung, *Người anh hùng Nguyễn Thiện Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy trong hành trình lịch sử dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2 (490)/2017, tr. 47-52

293. Phạm Hữu Du, *Văn hóa truyền thống làng Đan Nhiễm, Văn Giang, Hưng Yên*, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, số 4/2004, tr.32-36

294. Phạm Kim Thanh, *Dương Bá Trạc (1884-1944), lòng son trả nợ giang sơn*, <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/68489/duong-ba-trac-1884-1944-long-son-tra-no-giang-son.html>

295. Phạm Kim Thanh, *Nhà văn Học Phi*, <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/68835/nha-van-hoc-phi.html>

296. Phạm Minh Đức (2018), “*Họ Đoàn và làng Hải An với Nguyễn Du/Phạm Minh Đức*”, < <https://www.baothaibinh.com.vn>>, Ngày 15 tháng 8.

297. Phạm Thị Dần, *Trương Văn Tôn - người thiếu niên du kích quả cảm*, <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/ky-su/truong-van-ton-nguoi-thieu-nien-du-kich-qua-cam-478026>

298. Phạm Thị Tuyên, *Lịch sử Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Hưng Yên (1925 - 2002)*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2006

299. Phan Huy Lê, *Bộ chỉ huy tối cao của kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần*, Tạp chí Lịch sử Quân sự, tháng 4/2013, số 256, tr.3-10.

300. Phương Minh - Thu Yến, *Những người con ưu tú xứ Nhãn*, <https://baohungyen.vn/nhung-nguoi-con-uu-tu-xu-nhan-18335.html>

301. Quang Thái, Trần Văn Quý, *Người anh hùng bất khuất tuổi mười hai*, <https://hanoimoi.vn/nguoi-anh-hung-bat-khuat-tuoi-muoi-hai-593960.html>

302. Quốc Việt, *Cái chết của tổng giám đốc bình dân học vụ*, <https://tuoitre.vn/cai-chet-cua-tong-giam-doc-binh-dan-hoc-vu-959700.htm>

303. Tạp chí điện tử Viettimes: <https://viettimes.vn/>

304. Tạp chí Mỹ thuật Việt Nam: <http://tapchimythuat.vn/>

- 305.** Tạp chí Văn hóa và phát triển: <https://www.vanhoavaphattrien.vn/>
- 306.** Tiến Hòa (1992), “*Sống mãi Nguyễn Quốc Ân, người học sinh yêu nước*”, Tạp chí Văn hóa thể thao, Số đặc biệt: Hội thảo khoa học Phổ Hiến
- 307.** *Tiểu sử đồng chí Thượng tướng Hoàng Minh Thảo*, <https://nhandan.vn/tieu-su-dong-chi-thuong-tuong-hoang-minh-thao-post590264.html>
- 308.** *Tiểu sử Trương lão Hòa thượng Thích Thanh Tứ*, <https://nhandan.vn/tieu-su-truong-lao-hoa-thuong-thich-thanh-tu-post563632.html>
- 309.** *Tiểu sử nghệ sĩ nhân dân ca trù Quách Thị Hồ*, Hội ca trù Thăng Long,
- 310.** *Tiểu sử tự thuật của nhà văn Đào Vũ*, <https://nhandan.vn/tieu-su-tu-thuat-cua-nha-van-dao-vu-post435702.html>.
- 311.** *Tìm hiểu về những phụ nữ Việt Nam nổi tiếng*, http://phunutinh.thaibinh.gov.vn/Tin-Tuc/goc-thu-gian/1351_Tim-hieu-ve-nhung-phu-nu-Viet-Nam-noi-tieng.
- 312.** Thanh Anh (2022), “*Đồng chí Chủ tịch UBND huyện thăm, chúc tết, tặng quà người có công ở thôn xã An Viên*”, <<https://tienlu.hungyen.gov.vn>>, Ngày 20 tháng 01.
- 313.** Thanh Hằng, *An hùng Nguyễn Tài: Trí tuệ, quả cảm và tài hoa*, <https://cand.com.vn/Cong-an/Tiec-nho-nguoi-can-bo-Cong-an-tri-tue-qua-cam-va-tai-hoa-i381106/>
- 314.** Thu Thủy, *Tiếp bước Anh hùng Nguyễn Quốc Ân*, <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/chinh-sach/tiep-buoc-an-hung-nguyen-quoc-an-473451>
- 315.** Thùy Linh (2019), “*Tri ân thân nhân liệt sĩ hy sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới*”, <<https://www.bienphong.com.vn>>, Ngày 15 tháng 2.
- 316.** Thượng tướng Nguyễn Trọng Xuyên, *Nhớ về chiến trường Khu 6 - Hồi kí*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004
- 317.** Trang Khanh (2015), “*Một vài suy nghĩ về việc tôn vinh danh nhân Quảng Bình qua công tác bảo tồn và phát huy di tích lịch sử - văn hóa*”, Tạp chí Di sản Văn hóa, Số 3 (52), Tr. 46-50.

318. Trang thông tin điện tử họ Dương Việt Nam:
<http://hoduongvietnam.com.vn>

319. Trang thông tin điện tử Thư viện khoa học tổng hợp thành phố Hải Phòng: <http://www.thuvienhaiphong.org.vn>

320. *Trao huân chương cho các đồng chí nguyên là lãnh đạo thành phố Hà Nội*, <https://hanoimoi.vn/trao-huan-chuong-cho-cac-dong-chi-nguyen-la-lanh-dao-thanh-pho-ha-noi-301657.html>

321. *Trần Đình Hoan*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/ban-bi-thu/khoa-ix/tran-dinh-hoan-456>

322. Trần Đình Nghĩa (2014), “4 điều làm nên tên tuổi kịch Học Phi”, Tạp chí Sân khấu, tháng 5, tr.18,19

323. Trần Minh Giang (2012), “Nguyên Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Lê Giản một con người đầy nhiệt huyết cách mạng”, Báo Công lý, Ngày 13 tháng 4.

324. Trần Minh Tuấn, *Hoạ sĩ Lương Xuân Nhị cánh chim đầu đàn của trường Mỹ thuật Đông Dương*, Toàn cảnh sự kiện - dư luận, số 184/2005, tr.40-41.

325. Trần Thị Vinh, *Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 (465)/2015, tr. 24-35.

326. Trịnh Tiên Lưu, Nguyễn Văn Phong, *Chuyện kể dân gian về Hoàng Hoa Thám & các tướng lĩnh nghĩa quân Yên Thế*, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2011

327. Trịnh Thị Hồng, *Đôi điều về thượng tướng Hoàng Minh Thảo*, Toàn cảnh Sự kiện-Dư luận, số 177/2005, tr.23.

328. *Tóm tắt tiểu sử đồng chí Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp*, <https://www.sggp.org.vn/tin-buon-post285592.html>.

329. *Tóm tắt tiểu sử đồng chí Thượng tướng Nguyễn Trọng Xuyên*, <https://cand.com.vn/thoi-su/Tom-tat-tieu-su-dong-chi-Thuong-tuong-Nguyen-Trong-Xuyen-i205168/>

330. Tô Quyết Tiến, *Kỷ niệm 48 năm chiến thắng Đèo Nhông (ngày mừng 5 tết Ất Tỵ 1965): nhớ người anh hùng quê Hưng Yên Bùi Xuân Bình*,

<http://hungyen.dcs.vn/ky-niem-48-nam-chien-thang-deo-nhong-ngay-mung-5-tet-at-ty-1965-nho-nguoi-anh-hung-que-hung-yen-bui-xuan-binh-c2326.html>

331. Văn Tuynh (2016), “*Nhạc sỹ Xuân Giao*”, Báo Hưng Yên, Ngày 12 tháng 8, Tr.3.

332. Vũ Đình Hòe (2012), “*Nguyễn Công Mỹ - Tư lệnh chiến dịch diệt giặc dốt*”, Tạp chí Xưa và Nay, Số 418, Tr.16-18.

333. Vũ Khang (2007), “*Nghệ sỹ nhân dân Quách Thị Hồ*”, Báo Hưng Yên, Số Xuân, tr.12, 15.

334. Vũ Ngọc Khánh, tiểu mục “*Phạm Văn Thụ*” in trong *Gương mặt văn hóa Việt Nam qua nhiều thế kỷ*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2012, tr. 296

335. Vũ Thanh Sơn (2001), “*Hưng Yên - Bãi Sậy - Nguyễn Thiện Thuật*”, Tạp chí Văn hóa Hưng Yên, Số 11 (tháng 10), Tr.20-23

336. Yên Anh (2022), “*Nhà văn Lê Lưu đi về “Thời xa vắng”*”, Báo Người lao động, Ngày 10 tháng 11, Tr.8.

III- LOẠI HÌNH TÀI LIỆU VIẾT TAY, ĐÁNH MÁY, GIA PHẢ...

337. Ban Quản lý Di tích tỉnh Hưng Yên, *Lý lịch di tích Đền Từ Vũ xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm.*

338. Ban Quản lý Di tích tỉnh Hưng Yên, *Lý lịch di tích nhà lưu niệm lực lượng nữ du kích Hoàng Ngân Hưng Yên và liệt sỹ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Vũ Thị Kính (Trần Thị Khang).*

339. Ban Quản lý Di tích tỉnh Hưng Yên, *Lý lịch Di tích Nhà thờ Tổ họ Đặng và Phái Đình hầu Đặng Duy Thiệu.*

340. Gia phả họ Dương, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm.

341. Gia phả họ Nguyễn làng Xuân Đào, xã Xuân Dục, thị xã Mỹ Hào.

342. Hoàng Nghĩa Lược (1996), *Gia phả họ Hoàng ở Vân Nội - Hoàng Vân: Dòng cụ Hoàng Thế Giai.*

343. Hoàng Thị Ngọc, *Phạm Văn Thụ - Một tác gia Hán Nôm cuối TK XIX- đầu TK XX*, Thông báo Hán Nôm học 2006, tr.513-520

344. La Fronnes de Hưng Yên; A de Miribel, (Lịch sử chiếm đóng Hưng Yên).

345. *Phạm Văn Thụ (1866 - 1930)*, <https://myhao.hungyen.gov.vn/portal/Pages/2023-5-17/PHAM-VAN-THU-1866--1930-4libr4.aspx>

346. *Pháp lệnh số 16-LCT/HĐNN7* ngày 04/6/1985 của Hội đồng Nhà nước quy định Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước.

347. Quyết định số 2689/QĐ-CTN ngày 21/10/ 2014 của Chủ tịch nước ký truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

348. Quyết định số 38/1999/QĐ-TTg ngày 06/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về đối tượng và tiêu chuẩn danh hiệu Anh hùng Lao động và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ đổi mới.

349. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hưng Yên (2016), *Ngân hàng dữ liệu phục vụ đặt tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Hưng Yên*.

350. *Tư liệu Hán – Nôm về Trạng nguyên Dương Phúc Tư*,

351. Thư viện KHTH Hải Hưng (2003), *Đồng Khánh ngự lãm địa dư chí lược Hưng Yên tỉnh*, Hải Hưng.

352. Thư viện tỉnh Hưng Yên (1997), *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí*, Hưng Yên.

353. Trần Văn Hiếu (2012), *Sưu tầm và khảo sát Võ Cử, Võ Tướng Hưng Yên xưa (trước 1919)*, Đề tài khoa học, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xb.

354. Văn bia đề danh Tiến sĩ tại Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội các khoa thi: Đinh Mùi (1487); Mậu Dần (1518); Kỷ Sửu (1529); Giáp Thìn (1604); Bính Thìn (1616); Mậu Thìn (1628); Đinh Sửu (1637); Canh Thìn (1640); Canh Tuất (1670); Canh Thân (1680); Mậu Thìn (1688); Canh Dần (1710); Đinh Mùi (1727); Ất Mùi (1775).

355. Văn bia đề danh Tiến sĩ tại Văn miếu Bắc Ninh: Bia số 1; Bia số 3; Bia số 4; Bia số 5; Bia số 6; Bia số 7; Bia số 8; Bia số 9; Bia số 10; Bia số 11.

356. Văn bia đề danh Tiến sĩ tại Văn miếu Xích Đằng Hưng Yên: Bia thứ hai; Bia thứ ba; Bia thứ tư; Bia thứ sáu; Bia thứ bảy; Bia thứ tám; Bia thứ chín.

357. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Thế phả họ Dương xã Lạc Đạo, trấn Kinh Bắc, nước Đại Nam*.